

# VIÊN GIÁC



SỐ - NR. TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

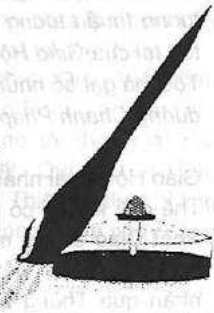
**119**

*Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnamflüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland*

PL. 2544 ■ NĂM THỨ 22 ■ THÁNG 8 ■ JAHRGANG 22. ■ OKTOBER 2000 ■ AUSGABE IN VIETNAMESSISCHE & DEUTSCH



# thư tòa soạn



**N**gày 12 tháng 9 năm 2000 là ngày đánh dấu sự cộng thông giữa các cộng đồng Tôn Giáo Thế Giới có mặt tại Expo Hannover. Đây là một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của cộng đồng và kết đoàn cũng như của sự cảm thông và hiểu biết.

Năm Tôn Giáo lớn, gọi là Tôn Giáo của Thế Giới được liệt kê theo sự tồn tại của năm tháng như sau: Ấn Độ Giáo với gần 5.000 năm phát triển tại Ấn Độ và có hơn 800 triệu tín đồ. Kế đến là Phật Giáo, đã tồn tại và phát triển cho đến ngày hôm nay là 2.544 năm lịch sử và có hơn 600 triệu tín đồ. Kế đến là Do Thái Giáo cũng như Thiên Chúa Giáo có niên đại tồn tại là 2.000 năm và hơn một tỷ tín đồ và cuối cùng là Hồi Giáo với 1.700 năm lịch sử và số tín đồ cũng không nhỏ, phát triển tại Trung Đông và một phần lớn tại Á Châu.

Đĩ nhiên còn rất nhiều giáo phái khác nữa đã đường và sẽ phát triển song hành với các tôn giáo này; nhưng tựu chung vẫn từ 5 Tôn Giáo lớn bên trên mà biến thể ra, nhằm diễn dịch giáo lý của mỗi tôn giáo mình theo sự hiểu biết của từng chi phái một.

Các giáo phái của Phật Giáo như Nam Tông, Bắc Tông, Nhật Bản và Kim Cang Thừa thì cầu nguyện tại chùa Bhutan, nằm trong khu Expo. Các giáo phái của Thiên Chúa và Tin Lành cũng thế. Kế đến là Ấn Độ Giáo, Do Thái Giáo và Hồi Giáo họ cũng cầu nguyện lần lượt tại các đền thờ của họ tại Hannover và đứng vào lúc 17 giờ 30 chiều ngày 12 tháng 9 năm 2000 thì mọi Tôn Giáo đã vân tập tại Plaza để cử hành một nghi thức chung cho phụng sự hòa bình của nhân loại.

Mỗi một Tôn Giáo có một lễ nhạc đặc biệt, đã nói lên được tấm lòng hiến dâng đức tin của mình cho các vị giáo chủ cũng như thể hiện tình Bác Ái đối với mọi người và mọi loài. Đây là một hình ảnh đẹp nhất, mà có lẽ suốt 20 thế kỷ qua tại nước Đức này chưa có. Đây cũng là kết quả của việc nối vòng tay lớn giữa các Tôn Giáo với nhau và chia xẻ trách nhiệm với quốc gia Đức này cũng như các nước tham dự Expo, mà Tôn Giáo và Đạo Đức là những gì quan trọng nhất cần phải thể hiện cho con người của thời đại hôm nay.

Ngày 15 tháng 9 năm 2000, Thế Vận Hội lần thứ 27 đã được khai mạc tại Sydney, thành phố thương mại vào bậc nhất của Úc Đại Lợi. Gồm có 199 quốc gia tham dự. Ngoại trừ nước Cuba. Đây là lần đầu tiên Úc Châu tổ chức kể từ năm 1906 khi Thế Vận Hội bắt đầu khai diễn tại Hy Lạp và ngọn lửa thiêng ấy vẫn tiếp tục cháy, cháy mãi ở khắp các lục địa trên quả địa cầu này.

Ở vào thời điểm bán khai, con người còn ăn lông ở lỗ thì những sự kiện này chắc chắn rằng không thể xảy ra. Kế đến là chế độ thuộc địa đã được ngự trị cả mấy trăm năm tại Châu Á, Châu Phi và Châu Mỹ trong những thế kỷ thứ 16 đến 19; nhưng rồi những chế độ này cũng phải nhường bước cho văn minh và tiến bộ của loài người ngự trị, để rồi thế chiến thứ nhất và thế chiến thứ hai phát sanh. Các chủ nghĩa Tự Bản và Cộng Sản có cơ hội để thử lửa với nhau. Nhưng ở vào giai đoạn cuối thế kỷ thứ 20 thì chủ nghĩa Cộng Sản không còn thể đứng trên quốc tế nữa. Đầu thế kỷ thứ 21 này là một thế kỷ của thể thao, thể dục và thể kỷ của cảm thông cũng như của kinh tế toàn cầu.

Nhìn vào sự tiến bộ của khoa học, ai ai cũng hài lòng với những kỹ thuật tân tiến vượt bậc của thế giới ngày nay. Nhưng hơn 110.000 người tham dự Thế Vận Hội và cả 3,8 tỷ người trên hành tinh này đang dán mắt vào những hình ảnh trên truyền hình không ai là không tán thưởng tinh thần thống nhất của Đại Hàn, qua hình ảnh Nam Bắc đã đi chung dưới một ngọn cờ màu trắng và hiện lên nước Đại Hàn màu xanh. Cả vận động trường đều vỗ tay hoan nghênh nhiệt liệt. Không biết đây là ý kiến của ai đã chỉ đạo việc này; nhưng có lẽ không thể thiếu ý kiến của các nhà lãnh đạo Nam Bắc Hàn và sự đồng thuận của Ban Tổ Chức Thế Vận Hội.

Đây là một sự kiện, một bài học đáng giá hơn cả trăm vạn lượng vàng mà thế giới cần phải học, đặc biệt nhất là người Việt Nam của chúng ta trong hiện tại.

Sự kiện khác của Thế Vận Hội được đập vào mắt khán giả là Đài Loan vẫn được tham dự với tên là Chinese Taipei, giống như một Tiểu Bang Tự Do nằm trong lục địa Trung Quốc, như Hồng Kông và Macao trước đây, không có cờ của Đài Loan đi kèm. Đây là một hình ảnh đẹp mà thế giới phải nhìn nhận. Chưa biết trong tương lai Trung Quốc sẽ thống nhất quốc gia mình như thế nào; nhưng ít ra Ban Tổ Chức Thế Vận Hội đã chứng minh về sức mạnh thể thao không biên giới của mình là cho cả 2 quốc gia tham dự, chú không như Expo tại Hannover chỉ có Trung Quốc, mà Đài Loan lại vắng mặt.

Thế giới đã tiến bộ như thế, còn người Việt Nam chúng ta thì sao? Ở quốc nội thì tham nhùng, sát hại lẫn nhau. Chế độ giáo dục kém hiệu năng. Sự hiểu biết của con người bị đóng khung và chỉ một chiều. Trong khi đó các Cộng đồng người Việt tỵ nạn ở hải ngoại lại cũng bị phân hóa, không chấp nhận và tha thứ cho nhau, nếu kẻ khác bị lỗi lầm. Ngay cả vấn đề tôn giáo cũng vậy. Ước gì những con tim khối óc vĩ đại của người Việt ở trong và ngoài nước ấy cùng kết hợp lại với nhau thì 78 triệu người dân Việt hạnh phúc biết là dưỡng bao! Mong lắm thay.

Gương thống nhất của nước Đức và Đại Hàn trong hiện tại và để mai này người Đài Loan cũng như Trung Hoa Cộng Sản và Cuba cũng như Hoa Kỳ sẽ là một bài học xứng đáng cho những người Việt Nam ly hương tỵ nạn như chúng ta.

● Ban Biên Tập Báo Viên Giác

# GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT VIỆN TĂNG THỐNG

Phật lịch 2544

Số: 05/VTT/XLTV

## GIÁO CHỈ

**gửi chư Tăng Ni, Phật Tử nhân dịp Đại Hội Khoáng Đại kỳ II -  
GHPGVNTNHN tại Hoa Kỳ - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo**

Kính gửi Chư vị Tôn túc Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni cùng toàn thể Phật Tử Việt Nam ở Hải ngoại.

### NAM MÔ BỐN SỨ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Thưa Quý Liệt vị,

Nhân danh Viện Tăng Thống và Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, tôi ngỏ lời hân hoan chào đón Đại Hội Khoáng Đại kỳ II của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo, tổ chức vào các ngày 3, 4, 5 và 6 tháng 8 năm Canh Thìn (tức 31.8 và 1, 2, 3 tháng 9 dương lịch 2000) tại chùa Cổ Lâm ở thành phố Seattle, bang Washington, Hoa Kỳ. Cầu chúc Đại Hội thành công viên mãn, Bi Trí vẹn toàn, Phật sự tăng huy.

Tôi mong mọi rằng ý lực và hành hoạt của Đại Hội Khoáng Đại kỳ II thể hiện trọn vẹn lời di huấn của Cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu. Lời di huấn ấy vốn là nền tảng cho sự hợp nhất của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Hải ngoại, mà cũng là bước ngoặt chuyển hóa cho tiền đồ Phật Giáo Việt Nam ở quốc nội. Nhờ đức hạnh cao quý, đạo lý uyên thâm, pháp thân hùng vĩ của Ngài mà bao nhiêu quyền lực của thế gian phải chùn bước, không thể tận diệt Giáo Hội dân lập như họ mong ước. Vẫn biết chết là kết thúc một chu kỳ, nhưng sự viên tịch của Ngài đầu năm Nhâm Thân (1992) lại mở ra sức sống mới, ngày càng huy hoàng cho Giáo Hội chúng ta.

Xin Đại Hội hãy thành tâm đọc lại và thâm nhập hai văn kiện lịch sử Ngài viết tại Tổ đình Linh Mục ở Huế: bức Tâm Thư ngày 10 tháng 9 năm 1991 và Thông điệp ngày 31 tháng 10 năm 1991. Lời Tâm Thư của Ngài còn vẳng văng đâu đây:

*"Lịch sử truyền bá Phật Giáo Việt Nam cũng như thế giới, có lúc rất bi thảm đầy tủi nhục, nhưng có lúc vẻ vang cũng đáng tự hào. Lúc bi thảm là lúc bản thể của Tăng bị lu mờ, nội bộ của Tăng bị phân hóa và thành phần của Tăng có nhiều quan điểm dị biệt, giới hạnh suy kém và hiểu biết đạo lý một cách cục bộ và phiến diện. Trái lại, lúc vẻ vang là lúc nội bộ chúng Tăng hòa hiệp, biết gạt bỏ những quyền lợi riêng tư, những ngã chấp tâm thường để tiến xa trên con đường tịnh hạnh, lấy giác ngộ giải thoát làm cứu cánh, lấy bản nguyện độ sanh làm sự nghiệp (...). Tôi thiết tha kêu gọi quý vị hãy phát huy hơn nữa bản thể của Tăng Già mà đoàn*

*kết hòa hiệp, hãy cùng nhau thể hiện tinh thần tướng kính tướng thuận tướng giáo tướng sám như luật dạy. Hãy vì sự tồn tại của Giáo Hội, vì sự quang vinh của Đạo Pháp và Dân Tộc mà gạt bỏ những quan điểm dị biệt để cùng nhau hoàng dương Chánh Pháp".*

Giáo Hội, Ngài nhắc nhở ở đây là Giáo Hội nào ?

Thế giới không có hai mặt trời, thì nước Việt với 2000 năm Phật Giáo chỉ có một Giáo Hội Dân Lập duy nhất, là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Điều này Ngài xác nhận qua Thông điệp ngày 31.10.1991: *"Mặc dù trải bao biến cố dồn dập của đất nước trong những năm tháng đã qua, nhưng tôi và Quý Vị trong Hội Đồng Lưỡng Viện của Giáo Hội vẫn giữ đúng truyền thống của Phật Giáo Việt Nam, trước sau như một. Sự chịu đựng kiên trì ấy, phải chăng đã làm sáng tỏ thêm đặc tính nổi bật của Phật Giáo Việt Nam là luôn luôn gắn liền với vận mệnh Dân Tộc".* Đây chính là tiền đề của Thông điệp kêu gọi chủ Tôn đức Tăng Ni và Phật tử Việt Nam ở hải ngoại tiến tới việc *"thành lập một Giáo Hội hợp nhất, lấy tên là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Hải Ngoại (...)* căn bản dựa vào Hiến Chương của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất đã ban hành năm 1964".

Sau khi toàn thể Đại Hội thâm nhập tinh thần di huấn của Cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu, làm nền tảng sinh hoạt cho bốn ngày Đại Hội và trong việc vạch kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ mới, xin Đại Hội lưu tâm đến hai đề nghị của tôi sau đây:

Thứ nhất, nhân danh Viện Tăng Thống và Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương, tôi xin phó thác quý Liệt vị, nhân Đại Hội Khoáng Đại kỳ II trang nghiêm và trọng thể này, suy tôn Cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu lên ngôi vị Đức Đệ Tam Tăng Thống, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Đây là ước nguyện của Hội Đồng Lưỡng Viện nơi quê nhà ôm ấp từ 23 năm qua, mà do chướng duyên và nghịch cảnh, Giáo Hội không thể nào thực hiện. Sau Đại Hội VII đầu năm 1977, hàng giáo phẩm kẻ bị giết, người bị bắt bỏ tù đầy, quản thúc. Qua năm 1979, Đức Đệ Nhị Tăng Thống Thích Giác Nhiên viên tịch, Hội Đồng Lưỡng Viện cung thỉnh Cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu, Chánh Thủ Kỳ, kiêm nhiệm chức Xử Lý Viện Tăng Thống. Nhưng Giáo Hội chẳng còn có cơ hội và tự do tổ chức Đại Hội để suy cử Ngài kế thừa chức Đệ Tam Tăng Thống.

Nay xin phó thác Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo, thay mặt Giáo Hội nơi quê nhà, trọng thể suy tôn Ngài để chúng ta cùng tỏ lòng kính ngưỡng và noi gương bậc Cao Tăng kỳ vĩ của Phật Giáo Việt Nam.

Thứ hai, xã hội nước ta ngày càng suy đồi vì dù thủ tệ nạn, nhân tâm ly tán, dân tình thống khổ, đạo lý suy vong, pháp nạn chưa thể giải trừ. Bối cảnh đen tối ấy là mối đe dọa suy tàn cho Chánh Pháp và Dân Tộc. Bậc Trưởng Tử của Như Lai là người hữu tâm không thể xem thường, ngoài mặt làm ngó. Ở hải ngoại, quý Liệt vị được sống tại các nước văn minh, dân chủ, tự do. Nhưng không phải là không có vấn đề. Không gian ly cách giữa các châu, cộng với biết bao chủ trương ly gián, mê hoặc, làm phân hóa các đoàn thể và xói mòn Tăng thể lực hòa.

Do đó, để hóa duyên các nghịch cảnh, cần có một Tăng đoàn hòa hiệp, một Giáo thể hợp nhất để hoàng dương Đạo

Phật Việt sang phương Tây, và vận động lương tri nhân loại  
hộ thuẫn cho việc phục hồi quyền sinh hoạt tôn giáo của  
Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Việt Nam.

Tám năm qua, kể từ ngày Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam  
Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ - Văn Phòng II Viện Hóa  
Đạo được thiết lập theo Quyết Định do tôi thay mặt Hội  
Đồng Lương Viện ký ngày 10.12.1992, Quý Liệt vị Giáo  
phẩm cao cấp, trung cấp, các vị Cử sĩ Thiện tri thức, Tăng  
Ni và Phật tử các giới đã xiển dương Chánh Pháp ngày càng  
rực rỡ và hoàn thành những công tác vận động quốc tế to  
lớn, hiệu quả, làm vang xa tiếng nói chính nghĩa của Giáo  
Hội và nhân dân thầm lặng trong nước.

Tuy nhiên, các công tác này còn phải nhân tăng gấp bội,  
thích nghi với xu thế tiến bộ và hòa bình của thế giới cũng  
như tác động vào các biến chuyển dồn dập của tình hình.

Vì vậy, tôi tán thán công đức và sự cảm thông của Quý Liệt  
vị khi đã chấp hành lời đề nghị của tôi lưu nhiệm các Hội  
Đồng Lãnh Đạo tại hải ngoại trong kỳ Đại Hội Khoáng Đại I  
năm 1996. Tình hình khó khăn hiện tại khiến chúng ta phải  
tiếp tục cầu nhờ những người có khả năng và giỏi việc. Do  
đó, một lần nữa, tôi thỉnh cầu Đại Hội Khoáng Đại kỳ II lưu  
nhiệm toàn ban lãnh đạo các Hội Đồng Đại Diện, Hội Đồng  
Giám Luật, Hội Đồng Giám Sát và Hội Đồng Điều Hành.

Tuy nhiên, rút bài học từ kinh nghiệm; do sự cần thiết phải  
đối diện hoặc giải quyết cụ thể và hiệu quả trên nhiều lãnh  
vực; do một số vị không đủ thời gian cộng tác thường xuyên  
với Giáo Hội vì phải cang đáng Phật sự địa phương; hoặc có  
những trường hợp hoạt động vượt khỏi đường hướng, qui tắc  
của Giáo Hội; lời đề nghị lưu nhiệm của tôi cần kết hợp thêm  
việc bổ sung nhân sự để đáp ứng với kế hoạch và tình hình  
trong nhiệm kỳ sắp đến. Thêm nữa, xu thế của thế giới vào  
thế kỷ XXI của Tây lịch lấy nhân quyền làm tiêu đích bảo vệ  
con người. Nhiều đại học mở khoa nhân quyền, nhiều chính  
phủ tại các nước dân chủ tiên tiến có Bộ Nhân Quyền. Giáo  
Hội ta rất nên chú trọng phương diện này để bắt kịp trào lưu  
của thế kỷ, đồng lúc gia tăng hiệu quả cuộc vận động quốc  
tế cho các quyền căn bản mà người dân trong nước chưa  
có. Nếu khả thể, Đại Hội nên thiết lập một Vụ Nhân Quyền  
để phát huy giáo lý tôn trọng và bảo vệ Con Người mà Đức  
Phật đã tuyên dương từ 2544 năm trước, trước xa các Tuyên  
Ngôn Nhân Quyền của phương Tây.

Phần tôi, nay tuổi đã cao, ngày càng sức yếu, lại thêm bệnh  
hoạn, bị cô lập nơi chốn lưu đầy. Nhưng chí nguyện phục vụ  
Đạo Pháp và Dân Tộc của tôi vẫn như như bất động. Tôi  
nguyện noi gương Đức Phật, chú Bồ Tát, chú lịch đại Tổ Sư,  
đem từng hơi thở và thân tôi trang trải cho đạo Phật trường  
tồn trên đất nước này. Nguyện ước của tôi thành tựu hay  
không, cũng tùy thuộc rất nhiều vào sự tiếp tay, tiếp lòng  
của Quý Liệt vị Giáo Phẩm cao cấp, trung cấp, các vị Cử sĩ  
Thiện tri thức, Tăng Ni và Phật tử các giới ở hải ngoại.

Nguyện cầu hồng ân chú Phật, chú Bồ Tát, chú Thánh Tăng  
hộ trì cho Đại Hội thành công viên mãn như một hiến cúng  
Đức Thế Tôn và phục vụ chí thành cho quần sinh an lạc,  
hạnh phúc.

Nghĩa Hành, ngày 21 tháng 7 năm Canh Thìn  
nhằm 20 tháng 8 Tây lịch 2000  
Xử Lý Thường Vụ Viện Tăng Thống

Tỳ kheo Thích Huyền Quang  
Ký tên

## GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT VIỆN HÓA ĐẠO

Phật lịch 2544

Số 09/VHĐ/VT

# ĐẠO TỬ

chào mừng Đại Hội Khoáng Đại kỳ II GHPGVNTNHN tại Hoa Kỳ  
- Văn Phòng II Viện Hóa Đạo

Kính bạch Chủ Tôn Trưởng Lão,  
Kính bạch chủ Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni,  
Thưa toàn thể quý vị Cử sĩ thiện tri thức, Nam và Nữ Phật Tử,

Thay mặt Hội Đồng Lương Viện, nhân danh Viện Hóa Đạo,  
tôi kính lời hân hoan chào mừng Đại Hội Khoáng Đại kỳ II  
của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại  
Hoa Kỳ - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo. Khai hội thường niên  
từ 8 năm qua, nay Khoáng Đại kỳ II, chứng tỏ cuộc hoằng  
dương Chánh Pháp và vận động giải trừ pháp nạn tại hải  
ngoại là những bước tiến vững chắc, thành công, đáp ứng sự  
chờ mong và hy vọng của Phật giáo đồ trong nước.

Hai mươi thế kỷ qua, có nhiều lần các Đại Tăng nước ta  
sang Thiên Trúc hay Trung Quốc cầu học, tham cứu hoặc  
truyền pháp. Nhưng chưa bao giờ có một Giáo đoàn hùng  
hậu, một lực lượng Phật tử lớn lao hiện diện trong 70 quốc  
gia ở khắp năm châu như ngày nay. Hẳn nhiên do hoàn  
cảnh thế sự bất ngờ đẩy tới, thế mà lại hóa thành tăng  
thượng duyên cho cuộc hoằng pháp lợi sinh, đồng lúc giống  
lên trên thế giới tiếng trống chiêng oai hùng của nền Phật  
giáo Việt khởi phát từ Luy Lâu.

Kể từ các đoàn truyền giáo của Vua A Dục ở thế kỷ thứ ba  
trước Tây lịch gửi sang phương Tây đến Hy Lạp, Phi Châu,  
và tỏa khắp vùng Nam Á cùng Đông Nam Á Châu, nay  
Tăng đoàn Phật Giáo Việt Nam đang kế thừa cuộc hoằng  
pháp vô tiền khoáng hậu ấy. Thật là một trọng trách hy hữu  
và cao cả.

Thưa quý Liệt vị,

Có thể vì sống trong cuộc, quý Liệt vị ít ngờ tới vai trò lịch sử  
trọng đại đang gánh vác và cứu mang nơi hải ngoại. Phật  
lịch 2535, tức Tây lịch 1991, huông ứng Tâm Thư và Thông  
Diệp thống nhất của Cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn  
Hậu, Xử Lý Viện Tăng Thống, quý Liệt vị đã ghi vào một  
điểm son vào lịch sử Phật giáo nước nhà, trong việc hợp  
nhất thành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất ở hải  
ngoại. Đây là điều vinh hạnh và vinh dự của chủ Liệt vị. Phật  
lịch 2536, tức Tây lịch 1992, tuân hành Quyết Định của Hội  
Đồng Lương Viện trong nước, qua Giáo Chỉ của Đại Lão  
Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Giáo Hội Phật Giáo Việt  
Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ - Văn Phòng II Viện  
Hóa Đạo được thiết lập. Đây là điều vinh hạnh và vinh dự  
của chủ Liệt vị. Rồi Phật Đản 2543, tức Tây lịch 1999, do  
chủng duyên và nghịch cảnh trong nước, chờ đợi suốt 22  
năm ròng Giáo Hội không thể tổ chức Đại Hội VIII, Hội Đồng  
Lương Viện đã phó thác nhiệm vụ thiêng liêng này cho Văn  
Phòng II Viện Hóa Đạo thực hiện. Năm nay, một lần nữa,  
Viện Tăng Thống và Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương lại

phó thác cho Đại Hội Khoáng Đại kỳ II truy tôn Đức Đệ Tam Tăng Thống Thích Đôn Hậu. Đây là điều vinh hạnh và vinh dự của chư Liệt vị trước nỗi chờ mong tha thiết và bi hùng của Giáo Hội và hàng chục triệu Phật giáo đồ quốc nội.

Ba lần vinh hạnh và vinh dự tạo nên bối cảnh trùng hứng cho tiền đồ Phật Giáo Việt Nam mà chư Liệt vị đang kề vai phụ gánh với Giáo Hội nơi quê nhà.

Đại Hội Khoáng Đại kỳ II, do đó, phải là bước ngoặt chuyển hóa mới, nhằm chấn chỉnh và kiện toàn cơ sở hải ngoại để phát huy truyền thống văn minh Dân Tộc và Đạo Phật Việt Nam. Kính xin chư Liệt vị chớ quên điều trọng yếu, là trong sinh hoạt, cư xử, tâm lý, từ cá nhân đến tập thể, cũng như những gì Đại Hội Khoáng Đại kỳ II thể hiện qua quyết định, sẽ được ghi vào trang sử bi hùng của Phật Giáo Việt Nam trong mai hậu. Trăm năm sau, Tăng đoàn hậu bối và con cháu đệ tử của chúng ta sẽ nhìn vào đây như tấm gương trong sáng của các bậc Thầy Tổ đi trước. Cho nên nhất cử nhất động, chúng ta không thể khinh suất.

Tôi nhớ lời căn dặn hoàng pháp ở thời nghịch chuồng của Cố Đại Lão Hòa Thượng Đệ Tam Tăng Thống Thích Đôn Hậu. Ngài đã thổ lộ năm điểm chính yếu như sau với chư lãnh đạo Viện Hóa Đạo tại Sài Gòn vào năm 1976, sau 8 năm Ngài xa cách Giáo Hội :

Thứ nhất, cấp lãnh đạo phải củng cố bồ đề tâm; bồ đề tâm không củng cố thì không thể lãnh đạo ai được.

Thứ hai, phải giữ gìn giới hạnh trang nghiêm; giới hạnh không trang nghiêm thì tự mình không được lợi ích, mà có nói cũng chẳng ai nghe.

Thứ ba, việc xiển dương Chánh Pháp, gặp thời thì giảng diễn trước hàng vạn người, hàng ngàn người, hàng trăm người; không gặp thời thì chúng ta giảng cho 5 người, cho 10 người; nhiều lần, nhiều chỗ, hóa ra đồng đức.

Thứ tư, phải tìm người thừa kế là Tăng bảo ở tương lai; Phật dạy: Phật bảo, Pháp bảo nhờ Tăng bảo hoàng dương; thiếu Tăng bảo tức thiếu Phật và Pháp bảo.

Thứ năm, phải cố tâm thực hành pháp môn mình đã chọn cho tới chỗ kỳ cùng; không thể nay tham thiên, mai niệm Phật, mốt Mật tông... loay hoay chẳng đưa tới kết quả gì cho việc trên cầu trí giác dưới cứu chúng sinh.

Năm điểm trên đây là bức cấm nang hoàng pháp ở thời nghịch chuồng. Hai mươi bốn năm qua, Hội Đồng Luồng Viện trong nước thi thiết áp dụng lời chỉ dạy của Ngài. Nhờ thế, Giáo Hội còn đứng vững trước phong ba nghịch cảnh cho tới ngày hôm nay. Tôi tin tưởng rằng ở hải ngoại chư Liệt vị cũng không ngừng để thực hiện bức cấm nang ấy. Nếu chưa hoàn tất, thì xin lấy Đại Hội Khoáng Đại kỳ II này mà lập chí tiến thủ theo lời chỉ dạy của Đức Đệ Tam Tăng Thống, cùng hòa hợp với bước đi của Hội Đồng Luồng Viện trong nước.

Tôi tán thán công đức của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo đã hoàn mãn Đại Hội VIII năm ngoái, tạo ra cuộc chuyển hóa hồi sinh cho Phật giáo đồ trong nước. Các cơ sở hạ tầng trong nhiều tỉnh thành, quận huyện, thị xã trên toàn quốc đang dần dà tái hoạt động. Đặc biệt, là sau 45 năm tan tác và điêu linh vì áp bức và tranh chấp, Phật giáo đồ miền Bắc cũng khởi sự phục hồi cơ sở như thời đất nước chưa bị chia cắt. Nay đang liên hệ sinh hoạt với Viện Hóa Đạo. Tuy nhiên, sự thống hợp trong thực tế, chưa được nền pháp lý của nhà đứng quyền công nhận. Trở ngại còn nhiều, khó khăn chưa hết. Những hoạn nạn càng lớn, thì quyết tâm cấp cứu càng cao, bóng tối càng thâm u thì Chánh Pháp càng rực rỡ.

Bởi thế, vai trò của Giáo Hội ở hải ngoại trong những ngày tháng tới rất quan trọng. Một Tăng đoàn hòa hợp là nền tảng

vững mạnh cho Giáo Hội. Gặp dù thuận duyên thì "đa đa ích thiện". Duyên lành chưa kết thì áp dụng "quí hồ tinh". Xin Đại Hội Khoáng Đại kỳ II hết sức quan tâm đến vấn đề nhân sự. Nói đến nhân sự là nói đến khả năng và tài đức, nói đến sự tuân hành đường lối của Hội Đồng Luồng Viện. Có như vậy mới đứng được đầu sóng để chèo chống trước phong ba bão táp, để gió chiều nào che chiều ấy, chủ không là gió chiều nào theo chiều đó. Làm sao cho Tiếng Nói của Chánh Pháp và Dân Tộc phát huy chí nguyện của tông tổ, thu nhiếp được cảm tình và hậu thuẫn của thế giới. Một Tiếng Nói đại biểu cho tuyệt đại quần chúng thâm lặng không tiếng nói, thay vì xu phụ theo các luận điệu tử kỳ, mị dân nhất thời.

Thưa quý Liệt vị,

Với lời lẽ và mong ước chỉ thành trình bày trên đây, tôi trân trọng thỉnh cầu Đại Hội thâm cứu để tuân hành nghiêm chỉnh các điều Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Xử Lý Thường Vụ Viện Tăng Thống, ban hành qua Giáo Chỉ gửi tới Đại Hội hôm nay, mà tôi đã được đọc trước khi gửi đi. Nhìn rõ hiện tình, tôi không thấy con đường nào khác để phục vụ Dân Tộc và Đạo Pháp trước hoàn cảnh còn bức thiết hôm nay.

Ba thế kỷ vừa qua, cuộc khủng hoảng văn hóa và chính trị trên đất nước ta còn hằn vết tuổi. Nhưng sự thịnh suy của thế cuộc không làm cản bước người con Phật. Đạo Phật đứng ngoài lẽ thịnh suy, đứng trên cơn thăng trầm của lịch sử, để dẫn dắt quần sinh về nơi an lạc và giải thoát. Nền văn hóa hòa bình, tôn trọng và bảo vệ con người của Phật Giáo, rạng rỡ từ trung tâm Luy Lâu vào thế kỷ thứ II sau Tây lịch, qua thời lập quốc Đinh, Lê và thời vàng son Lý, Trần, còn khắc ghi trên bia ký, cột kinh, làm nên một đặc thù văn hiến của "Kim thạch di văn" cho nước ta. Rồi từ đầu thế kỷ XX vừa chấm dứt, sự có mặt và dẫn thân của người Phật Tử Việt Nam trong hành động xiển dương Chánh Pháp, bảo tồn văn hóa và độc lập dân tộc, đã chuyển hóa nền "Kim thạch di văn" kia thành "Nhân dung di văn", một nền văn hóa cứu người và giải phóng con người khỏi mọi ràng buộc của nô lệ, vô minh và khổ đau.

Với trọng trách truyền thừa lớn lao và cụ thể như thế, Đại Hội Khoáng Đại kỳ II cần kết thúc nhanh chóng giai đoạn chấn chỉnh và kiện toàn cơ sở, để đảm trách hai vai trò lịch sử; Ngoại tuyên Chánh Pháp, nội tranh Nhân Quyền. Kể từ giây phút Đại Hội Khoáng Đại kỳ II được khai mạc, kính xin chư Liệt vị tâm niệm rằng: Ngôi Chùa Cổ Lâm không chỉ là nơi khai diễn Đại Hội, mà là chốn Pháp tòa nơi hàng triệu con mắt của Phật tử trong nước tin cậy nhìn sang và trông chờ; những lời chư Liệt vị phát biểu, những cử chỉ, tâm ý và dự án chư Liệt vị sắp sửa công khai sẽ được lịch sử ghi chép và đánh giá.

Khi Đạo tử này được tuyên đọc trước Đại Hội, thì cũng là lúc nơi quê nhà tôi vận tưởng nguyện cầu cho Đại Hội thành công viên mãn, để chúng ta cùng bước lên Con Đường Sáng mà Đức Thế Tôn đã vạch từ gần ba nghìn năm trước.

Kính chúc Chư Tôn Trưởng Lão, chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni, giới đức tiến tu, phước trí trang nghiêm, viên thành đạo quả; toàn thể quý Cư sĩ Phật tử bồ đề tâm kiên cố để đảm lãnh vai trò Hộ Pháp và Hộ Quốc.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Thanh Minh Thiên Viện, Phật lịch 2544  
Sài Gòn ngày 25 tháng 8 năm 2000  
Viện Trưởng Viện Hóa Đạo

Sa môn THÍCH QUẢNG ĐỘ  
Ấn ký

VIÊN GIÁC 119 THÁNG 10 NĂM 2000

# GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT VIỆN HÓA ĐẠO

Phật lịch 2544  
Ngày 15 tháng 8 năm 2000

## TÂM THƯ

Nam Mô Từ phụ Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn đức Hòa Thượng  
Chú Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni  
Quý vị Cư sĩ và toàn thể Phật tử tham dự Đại Hội.

Kính thưa quý Liệt vị,  
Dù cách xa nửa vòng trái đất, Giáo Hội quê nhà, tiếp nhận một tin mừng: Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất / Hải Ngoại (GHPGVNTN/HN) sẽ mở Đại Hội Khoáng Đại kỳ II trong các ngày 31 tháng 8 và mùng 1, 2, 3 tháng 9 năm 2000 tại Hoa Kỳ - một đất nước có nền dân chủ, tự do, tiến bộ mà toàn thể nhân loại ngưỡng vọng.

Hôm nay, ngày khai mạc Đại Hội Khoáng Đại kỳ II GHPGVNTN/HN, quý vị, từ các tiểu bang của Hiệp Chúng Quốc và các lục địa xa xôi, từ Châu Á, Châu Âu, Châu Úc... quy tụ về Seattle, tham dự Đại Hội trong sự Hòa Hợp, đoàn kết những người con Phật, cùng chung lo việc lớn: phụng sự chính pháp - dân tộc và nhân loại chúng sinh.

Chúng ta hãy sống với sự cảm thông và tình thương yêu chân thật.

Sự hòa hợp, đoàn kết là một sức mạnh vô thượng, sẽ làm được tất cả, vượt thắng tất cả, và nhất định giải trừ được pháp nạn, phục hưng được Giáo Hội. Tuy nhiên, có những sự việc mà ta đặc biệt phải lưu tâm. Kinh nghiệm cho biết, trên 37 năm qua (1963-2000), Giáo Hội ta, vì thiếu nhất quán trong đường lối lãnh đạo, nên đã để cho đạo Phật Việt Nam bị rơi vào tình trạng phân hóa, suy thoái như hiện nay. Có thiện chí là một điều hay, nhưng nếu thiếu vắng trí tuệ chỉ đạo, thì đó là một tai họa lớn mà không thể lường được. Mong rằng, Giáo Hội chúng ta, từ rày về sau, sẽ không bao giờ còn thấy cảnh huống như thế nữa. Hẳn Phật tử chúng ta còn nhớ: Pháp nạn xảy ra tháng 5.1963, chính quyền Ngô Đình Diệm, vì muốn độc tôn Ky-tô giáo, nên đã ra thông điệp cấm Phật tử treo cờ Phật giáo trong ngày đại lễ Phật Đản, PL năm 2507 - DL 1963.

Đứng trước tình cảnh đen tối lúc bấy giờ, Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam (tiền thân của GHPGVNTN) đã phát khởi cuộc tranh đấu (bằng đường lối) "**Từ bi, bất bạo động**"<sup>(1)</sup>, được sự hưởng ứng, tham gia của chư vị Tăng, Ni, đồng bào Phật tử, triệu người như một, ai nấy nguyện đóng góp phần mình cho công cuộc giải trừ pháp nạn - dù biết trước sẽ gặp mọi bất trắc ập đến với tự thân, những Tăng, Ni, Phật tử đã xuống đường, giương cao biểu ngữ, yêu cầu chính quyền họ Ngô thu hồi lệnh cấm treo cờ Phật giáo thế giới, đòi hủy bỏ

Dụ số 10, thực thi "**Tự do, bình đẳng tôn giáo**"<sup>(2)</sup>. Trước quyết tâm và ý chí tranh đấu của Phật giáo đồ, chế độ độc tài gia đình trị Ngô Đình Diệm sụp đổ. Tháng giêng năm 1964, mười một giáo phái, hội đoàn, gồm người Việt gốc Trung Hoa - Campuchia, Nam Tông - Bắc Tông, đại diện cho toàn thể Phật giáo đồ Việt Nam, nguyện cùng nhau đứng chung trong một tổ chức, "Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất", với mục đích: hoằng dương chính pháp, cứu độ chúng sinh, phục vụ con người, giúp con người thăng hoa cuộc sống trong các mặt: tâm linh, trí tuệ, tình cảm và đạo đức (khác với lối sống duy ngã, vị kỷ...) để con người không bị buộc ràng bởi chủ nghĩa Tâm - Vật nhị nguyên, đối đãi, một chiều, luân quần và lịm chết, hầu giải thoát nỗi khổ đau triền miên cho một dân tộc còn nhiều u ám, những khát vọng vươn lên tự do, dân chủ, hòa bình, mở ra một vận hội mới, nhằm xây dựng một xã hội người văn minh, giác ngộ và giải thoát.

Vì sự tồn sinh của Giáo Hội, sự quang minh của Chính Pháp, và sự trong sáng của bản thể Tăng Già, với sự đoàn kết của tử chúng, thống nhất trên tư tưởng, ý chí và hành động có sáng tạo... là điều rất cần thiết cho sự phục hoạt Giáo Hội sớm thoát khỏi cảnh phân hóa, đem an vui, hòa thuận, thương yêu, tin tưởng đến với con người và cuộc đời. Hướng về Đại Hội Khoáng Đại kỳ II Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất / Hải Ngoại, từ quê nhà, tôi xin nhất tâm dành lễ liệt vị Đại Đức Tăng Già, và thân gửi đến các vị Cư sĩ, những thiện tri thức của Phật Giáo Việt Nam, xin quý vị nhận nơi đây lời chân thành cầu chúc: Đại Hội Thành Công Viên Mãn.

Nguyện hồng ân Tam Bảo phù hộ chúng ta.

Kính bái,

Hậu học THÍCH ĐỨC NHUẬN  
Ấn ký

<sup>(1)</sup> **Từ bi, bất bạo động**, có nghĩa là thương yêu hết thảy chúng sinh, nguyện nhận chịu mọi khổ đau, tự hy sinh thân mạng cho lý tưởng mà mình tôn thờ; THỨC TỈNH đối phũng, chủ nhất định không khi nào tạo những nghiệp quả xấu, ác, làm tổn thương đến danh tiết, tài nguyên, sinh mệnh của kẻ đã gây ra những tai họa - làm rối loạn cuộc nhân sinh. Vì, đạo Phật là đạo Từ Bi Cứu Khổ, nên chỉ hành hoạt những công việc hữu ích, hồng đem lại an vui, hạnh phúc, niềm tin đến cho nhân loại chúng sinh.

<sup>(2)</sup> **Trong cuộc tranh đấu của Phật Giáo năm 1963**, đã có 7 vị Tăng, Ni tự thiêu, và 13 Phật tử bị chết trong cuộc biểu tình tại đài phát thanh Huế, ngày 8.5.1963, và hàng ngàn Tăng, Ni, Phật tử và đồng bào (mọi giới) đã bị bắt, bị tra tấn, bị đánh đập cực khổ - bị tù đầy, một sự mất mát, hy sinh to lớn để... tạo nhân duyên cho sự hình thành nên Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.



# TÂM CẢNH

Nguyên-tác:

The World Within

Tác-giả:

Dr. Gina Cerminara

Người dịch:

Hoàng-Phi Lưu Hoàng-Nguyen

## LỜI PHI LỘ

Nếu đã đọc qua nguyên tác quyển "Many Mansions" (mà chúng tôi tạm dịch là "Nhiều Đời, Nhiều kiếp") hay bản lược dịch của Nguyễn Hữu Kiệt do Xuân Thu xuất bản với tựa đề "Những Bí Ẩn Của Cuộc Đời", ta thấy tài phân tích, tổng hợp của học-giả Gina Cerminara khi bà nghiên cứu 2.500 hồ sơ "dùng thần nhân để quán chiếu" của Edgar Cayce. Bà cho thấy khả năng trị bệnh thần kỳ của ông cũng như các cuộc soi kiếp chúng ta có sự tái sinh.

Bà Cerminara sinh trưởng ở Milwaukee, một thành phố miền Đông Nam tiểu bang Wisconsin, Hoa Kỳ. Bà đỗ bằng Cử-nhân Văn-chương, Cao-học Văn-chương, Tiến-sĩ Tâm-lý-học ở Đại Học Wisconsin trước khi bắt đầu khảo cứu cận-tâm-lý-học (parapsychology). Là một diễn giả xuất sắc, bà đi thuyết trình tại nhiều thành phố lớn ở Hoa Kỳ, Nhật Bản, Ái-Nhĩ-Lan, Anh Quốc, v.v...

Hôm nay chúng tôi xin cống hiến quý thiện hữu tri thức bản dịch tác phẩm thủ nhĩ của bà, quyển "The World Within" để cùng thấy sự tái sinh ảnh hưởng như thế nào đến thân thể, giới tính, chủng tộc, v.v...

■ Hoàng-Phi

## CHƯƠNG I - DẪN NHẬP

Trong tâm thân một thuộc tám này, với những xúc cảm, tư tưởng, ý kiến, là cả thế giới và còn là con đường đưa đến sự ngưng dứt nó.

(Đức Phật Thích Ca)

## MỤC I : THẤY BÀ QUÁ THÔNG MINH

Với giọng trí thức, người phụ nữ ấy hỏi tôi với vẻ nghi ngờ và không đồng ý: "Nhưng thực ra bà đầu tin là có tái sinh, phải không?"

Tôi xác nhận với bà tôi rất tin.

Yên lặng một chút để quan sát tôi, bà nói: "Nhưng bà là một người quá thông minh để có thể tin một chuyện như vậy!"

Đó là một lời khen chứa nhiều hàm ý. Nhưng tôi không thể giải tỏa các ý tưởng đối nghịch trong lòng bà vì còn nhiều người trong cử tọa muốn hỏi tôi. Sau này nghĩ lại tôi thấy bà nói lên quan điểm khá phổ biến, điển hình của giới trí thức thời đại chúng ta: Dù sao thì việc tin có tái sinh không mấy thông minh.

Đồng thời tôi cũng đánh giá cao nhận xét hợp luận lý của bà. Bản thân tôi mấy năm trước đây cũng có một kinh nghiệm nên dễ thông cảm.

Hồi đó tôi quen một người đọc rất nhiều sách tâm lý, triết lý ở thư viện. Ông là một trong những nhà đại-trí-thức tôi quen. Một hôm tình cờ gặp ông trong Phòng Triết Học của thư viện Milwaukee và trong lúc trò chuyện ông cho biết vừa vẽ kiểu một phi thuyền bay lên mặt trăng. Điều này gây ngạc nhiên nhưng không nhiều lắm: Vẽ kiểu mấy con tàu du nguyệt-diện tuy chẳng phải chuyện tầm thường nhưng không phải điều hoang tưởng vào thời đại này của lịch sử nhân loại. Nhưng khi ông nói tiếp là vừa viết một lá thư cho hãng Coca-Cola đề nghị họ tài trợ việc đóng phi thuyền cũng như trang trải chi phí cho chuyến bay thì khi lên đến trên ấy ông sẽ dựng một tấm bảng quảng cáo lớn cho Coca-Cola, bảng này có bề dài bằng đường kính mặt trăng để cho cả thái-dương-hệ này biết được món giải khát độc đáo đó.

Lúc ấy tôi muốn tròn xoe đôi mắt, nhưng kịp thời kim hãm lại. Tôi nghĩ: "Làm sao một người thông minh như ông về nhiều mặt lại có thể ngớ ngẩn như vậy?"

Thế nên tôi hoàn toàn thông cảm lời nhận xét của vị nữ khán giả nói trên. Phản ứng của bà đối với tôi (cũng như phản ứng của tôi đối với người bạn thông minh) đều cùng có những cảm giác ngạc nhiên, thiện cảm, khôi hài lẫn lộn mà hầu hết ai trong chúng ta cũng đều có kinh nghiệm khi tiếp xúc với người bất-bình-thường. Vài người bất-bình-thường có thể hoàn toàn tỉnh táo trong một thời gian dài rồi đột

nhiên trở chứng khiến chẳng ai hiểu mô tê chi.

Đối với đa số người da trắng Âu Mỹ, tái sinh là chuyện hoang tưởng, nó khủng khiếp như ý nghĩ làm một bảng quảng cáo Coca-Cola chạy vắt ngang đường kính mặt trăng. Nó được xem như một sản phẩm của trí tưởng tượng Đông Phương mà ở các nước Tây Phương chỉ có mấy bà già bất mãn, mấy người thờ cúng ngờ-nghech, mấy người theo Thông-Thiên-Học cả tin, và nói chung những người *mát dây* kém thông minh bị thu hút, khác cho đám thiêu thân lao mình vào lửa ảo.

Dù sao có lẽ cũng chẳng quá lạ lùng khi thấy thuyết tái sinh bị rề-rúng đến thế. Triết lý duy vật phổ biến trong giới trí thức mặc dù trong thực tế khoa vật-lý hiện đại đã cho là một cái nhìn phi-vật-chất đối với vũ trụ, mặc dù nhiều vật-lý-gia hàng đầu đã lánh xa thuyết duy vật. Nhưng đối với các nhà tư tưởng duy vật (kể cả các môn đệ của Freud, phần đông tâm-lý-gia và tất cả bọn Cộng Sản) "linh hồn" là một khái niệm kỳ-quặc, kể cả sự trường tồn sau khi chết, sự đầu thai, tái sinh là những gì không thể nghĩ được. Ở Liên Xô, xuất bản một quyển sách về tái sinh là phạm trọng tội đối với quốc gia. Sách này hiển nhiên chòi ngược với duy vật biện-chứng-pháp, nền tảng chủ nghĩa cộng sản.

Một cậu bé Ấn Độ chín tuổi làm bài luận về con mèo, thú vật mà em yêu thích nhất, đã đánh vào yếu-huyệt một vấn đề trọng đại khác. Em viết: "Con mèo có bốn chân, mỗi chân ở một góc. Nó còn có chín mạng sống, nhưng nó đầu thế sử dụng được ở Âu Châu, vì có đạo Thiên Chúa".

Cũng như nhiều lời phê bình khác của trẻ em, lời phê bình này đáng chú ý. Thiên Chúa giáo đã và đang gây khó khăn cho bất cứ ai muốn sử dụng nhiều hơn một đời sống hoặc ngay cả việc sử dụng bội óc của y. Công-Đông Constantinople hồi thế kỷ thứ sáu, gồm một số vị Giám Mục, đã biểu quyết chính thức đặt ra ngoài vòng pháp luật thuyết tái sinh. Ngày nay Giáo Hội Công Giáo vẫn còn coi thuyết tái sinh là dị-giáo. Giáo lý Thiên Chúa giáo về sự sống, cái chết và thế giới bên kia đã được ấn định rõ: Toàn bộ vận mệnh vĩnh cửu của con người tùy thuộc hành vi của y ở cõi đời này, dù vẫn số thế mấy, dù bạc mệnh thế nào đi nữa.

Con chiên không được quyền cất-vấn quyết định của các vị Giám Mục hoặc sự trường cửu của ý niệm chẳng có chút chứng cứ khoa học nào biện minh cho nó, bởi vì đức tin Thiên Chúa giáo (như bao đức tin khác) từ bao thế kỷ đã

yêu cầu tin đồ phải tuân theo giáo lý một cách mù quáng, không cần tìm kiếm sự thực ở nơi nào cả.

Thánh Paul đã đặt ra khuôn phép cứng rắn và bất khoan dung cho mấy vấn đề này. Trong "Thư Gửi Các Tín Hữu Galat", Ngài hai lần nguyên rủa những ai rao giảng điều gì khác hơn lời Ngài dạy. Thánh Paul viết: "Song cho đi là ngay chúng tôi, hay một thiên thần nào bởi trời đến giảng Tin Mừng, khác điều chúng tôi đã rao giảng cho anh em, thì nó hãy là đồ chúc dữ!" (The Galatians, 1:8). Và thái độ này còn tồn tại suốt bao thế kỷ.

Một thái độ chín chắn, bao dung hơn dần dà được thịnh hành ở nhiều nơi. Môn tôn-giáo-học đối chiếu khiến một số người thấy được lòng từ ái, chính trực, danh dự, tình huynh đệ đều được tất cả các tôn giáo lớn trên thế giới giảng dạy với các mức độ nhấn mạnh hay nhẹ khác nhau. Khoa học tiến bộ khiến người ta tìm hiểu kỹ Kinh Thánh để xem có chỗ nào có ý nghĩa biểu tượng chủ không phải nghĩa đen.

Ngôn-ngữ-học yên bác làm nhiều người sáng mắt, thấy rằng các bản dịch những văn kiện gốc làm nền tảng cho Thiên Chúa giáo đã sửa đổi, bóp méo ý định nguyên thủy của những người viết ở hàng trăm chỗ. Việc khám phá cuộn Kinh Tử Hải (Dead Sea Scroll) có thể cho chúng ta nguồn tài liệu quan trọng cách-mạng-hóa những giả thuyết cổ hữu nhất của chúng ta.

Tất cả các dòng tư tưởng này làm giảm bớt tính cách chính thống cứng rắn ở nhiều nơi. Nhưng phần đông thiên hạ vẫn còn tin ngưỡng một cách cổ-hủ. Cho nên dĩ nhiên họ xem tất cả các lối giải thích nào về đời sống và định mệnh con người khác với nếp suy tư truyền thống của họ đều là ngoại đạo, là sai lầm.

Còn lý do nữa để người Âu Mỹ khinh thường việc cho rằng có tái sinh vì phần đông thiên hạ lẫn lộn hai chủ transmigration và reincarnation. Transmigration (luân hồi) là tin tưởng rằng con người sau khi chết có thể đầu thai làm thú vật, khiến có một số người lẫn lộn nó với reincarnation (tái sinh) một giáo lý có tính cách triết học hơn về sự tiến hóa của con người qua nhiều kiếp liên tiếp. Chuyện linh hồn một người có thể nào, trong những hoàn cảnh khác thường, có thể lại mang một thân xác thú vật, là vấn đề còn trong vòng tranh luận của một số nhà nghiên cứu về tái sinh, nhưng phần đông (kể cả các quan điểm giá trị của tâm-lý-học) cho rằng linh hồn con người có thể trở nên càng lúc càng sa đọa sau nhiều kiếp liên tiếp, nhưng

hồn không thể sa đọa đến mức nhập vào thân xác một con thú.

Thuyết tái sinh quả là một lý thuyết có tính cách khoa học khá quen thuộc về sự tiến hóa trên bình diện tâm lý và vũ trụ. Nó khẳng định rằng mỗi linh hồn phải làm cuộc hành trình quay về nguồn, tức là về với Chúa. Cuộc hành trình thăng tiến để trở nên toàn hảo này chẳng thể nào hoàn tất trong một kiếp sống ngắn ngủi chốn dương trần. Có những luật lệ rõ rệt (chủ đầu phải chuyện tình cò) vận hành để xác định tuần tự nhi tiến các hoàn cảnh của mỗi kiếp sống, tức mỗigiai đoạn của cuộc hành trình. Càng hiểu biết về thuyết tái sinh ta càng ít sợ nó.

Lý do khác nữa để người Âu Mỹ hay khinh thường thuyết tái sinh vì đầu biết rằng nhiều nhà đại-trí-thức Tây phương tin là có tái sinh: Plato, Pythagoras, Virgil, Ovid, Giordano Bruno, Schelling, Leibnitz, Schopenhauer, Lessing, Fichte, Flammarion, Emerson, Walt Whitman, Carlyle, Edison, Luther Burbank, Henry Ford, v.v... và v.v...

Người có học lực trung bình, theo học các chương trình tiêu chuẩn và các môn học cổ điển thông thường, đâu ngờ rằng nhiều nhà đại-tử-tưởng, văn hào mà tác phẩm của những vị đó đang được y nghiên cứu, lại rất tin tưởng vào thuyết tái sinh, viết nhiều chỗ rõ ràng về tái sinh bởi thấy cần phải viết, dù có bị khinh khi.

Chẳng hạn đa số sinh viên văn khoa Anh Mỹ được yêu cầu đọc vài bài thơ của thi hào Anh quốc John Masefield. Nhưng có bao nhiêu quyển hợp tuyển ở đại học in bài thơ "Tín Điều" (A Creed) cho thấy rõ ông tin có tái sinh? Ông viết:

*"Tôi cho rằng khi một người chết đi,*

*Hồn y lại trở về trái đất;*

*Ngụy trang trong một thịt da mới*

*Do một người mẹ khác sinh ra*

*Chân tay cũng cạp, đầu óc minh mẫn hơn*

*Linh hồn cũ lại tiếp tục lên đường".*

Hay ta có thể theo học một chương trình lịch sử triết học xuất sắc nhưng chỗ hề nghe đề cập đến việc có nhiều đại-triết-gia mà ta nghiên cứu, đã từng tin là có tái sinh. Trọn cả khóa giảng về Plato thường được soạn kỹ song chẳng có một câu đã động đến việc ông công khai, minh thị chấp nhận ý nghĩ tái sinh, và nếu có chẳng nữa chỉ để rồi lại bác, cho đó là sự tưởng tượng của thi nhân.

Sinh viên có thể đạt điểm A về sự hiểu biết triết gia Schopenhauer nhưng hoàn toàn mù tịt về những nhận xét cách mạng của ông, rằng nếu có một

người Á Đông xin ông cho một định nghĩa về Châu Âu, ông hẳn đáp ngay đó là một phần của thế giới có một ảo tưởng khó thể tưởng tượng, cho là sự chào đời hiện đại của một người là lần đầu tiên y được sinh ra.

Thực ra có nhiều đại-văn-hào, đại-triết-gia chấp nhận thuyết tái sinh (cũng như viết về thuyết này với nhiều mức độ bộc trực hay dè dặt khác nhau) dĩ nhiên đâu có nghĩa đây là chứng cứ quả có tái sinh. Nhưng sự thực các vị này đã chấp nhận nó (nếu được nhiều người biết, chắc chắn thuyết này được nể vì hơn), một thuyết mà đa số thiên hạ xem đó là khái niệm kỳ quái của những người có trình độ trí thức thấp.

Lý do nữa của thái độ lạnh nhạt, nhường mắt đối với thuyết tái sinh là đường như nó ít có chứng cứ khoa học. Ít ra nếu có chứng cứ thì một người trung bình hoàn toàn không biết điều đó, cũng giống như một khoa-học-gia trung bình. Các khoa học gia làm việc một mình có thể tìm được chứng cứ để thỏa mãn thị hiếu riêng tư, nhưng dù có tìm được, họ đâu sẵn sàng công bố điều đã khám phá vì biết rõ nếu làm vậy họ có thể bị đồng nghiệp chụp cho cái mũ tâm thần thất nghiệp bằng. Tóm lại cho tôi nay chưa có một chứng minh tuyệt đối, minh thị, rành rành, chính thức, được trải nghiệm ở phòng thí nghiệm rằng thực sự có tái sinh.

Thái độ trong thời đại chúng ta là thế đó, rồi nó sẽ sớm trở thành hiển nhiên là cái đường như thiếu chứng cứ lại là một vấn đề trọng đại.

Duy vật chủ nghĩa, thần học cứng nhắc, sự dốt nát, đầu óc địa phương cổ hủ, thái độ lạnh nhạt (những trở lực chần lỗi những ai muốn đưa ra nhận xét vô tư về sự tái sinh, một lý thuyết rất ư quan trọng, rất cách mạng) ắt sẽ sụp đổ khi có được chứng cứ. Chúng cử sẽ là cây chổi mới, cây chổi duy nhất quét dọn sạch sẽ một chân trời.

Nhưng cho dù khoa học chính thức (Khoa học với một chủ K hoa) và các thành tri đại học không cung cấp cho chúng ta chứng cứ đó, một điều lạ cũng đang xảy ra. Có những cá nhân độc lập, chưa hề quen biết nhau, thuộc nhiều giới khác nhau đều có được các dữ kiện chứng tỏ bằng cách này hay cách khác là có tái sinh..

Edgar Cayce, nhà huyền bí lừng danh, có lẽ là người đầu tiên của thế kỷ hai mươi thấy được. Hồi mới 21 tuổi, ông tình cờ khám phá mình có thần-nhân khi bị thôi miên. Ở trạng thái đó, ông có thể chẩn đoán, kê toa cho bệnh nhân. Kết quả có hàng trăm người khỏi bệnh. Hồ sơ 40 năm hoạt động "dùng thần-nhân để chữa bệnh" (physical



reading) được lưu trữ cẩn thận, tiện dụng cho các nhà điều tra có trình độ. Năm 1925 ông bắt đầu "soi kiếp" (life reading) nêu rõ nguyên do, hoàn cảnh và cả đến các bệnh tật trong hiện kiếp của ta được tìm thấy trong quá khứ, ở các tiền kiếp. Ông đã soi kiếp cho 2.500 người. Các vụ này không những chứng tỏ sự chính xác về tâm lý, sự hữu ích về trị liệu, mà thường còn là chứng cứ rất giá trị về tái sinh.

Ai từng đọc qua quyển tiểu sử của Cayce tựa là "Có Một Dòng Sông" (The Is A River) do Thomas Sugrue biên soạn và quyển khảo luận "Nhiều Đời, Nhiều Kiếp" (Many Mansions) của tôi đều quen thuộc với những hồ sơ kỹ diệu, công trình suốt cả đời của Cayce. "Có Một Dòng Sông" là quyển sách ra trước, nó nêu bật tiểu sử đời ông, thân nhân trị bệnh của ông đã giúp nhiều trăm người mạnh khỏe trở lại. "Nhiều Đời, Nhiều Kiếp" chú trọng hơn về sự soi kiếp. Nó là:

1. Một báo cáo về chứng cứ do sự soi kiếp mang lại, cho thấy tái sinh có thể là chuyện có thực trong thiên nhiên.

2. Toan đơn giản hóa thành những nguyên tắc dường như là sự vận hành của luật vũ trụ trên sinh mạng con người mà Cayce đã phân tích,

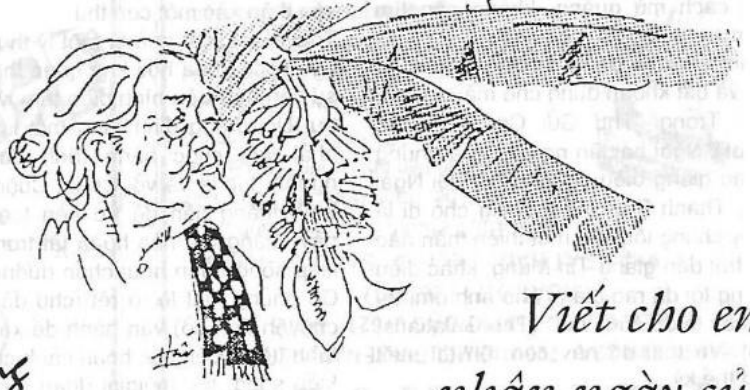
3. Toan kết hợp tâm lý học hiện đại với thuyết tái sinh có tự ngàn xưa.

Cả hai quyển sách này khá được chú ý, được tái bản đều đều. Chúng hấp dẫn đa số những ai ưa thích huyền-bí-học, quan tâm đến Thông-Thiên-Học, Huyền Môn, v.v... Ngoài ra chúng còn được nhiều người thưởng và các nhà chuyên ngành chữa từng nghe về các hội này. Bằng chứng là số thư độc giả gửi đến hai tác giả hay Hội Cayce cũng như số người đông đảo lặn lội đến viếng Trung Tâm Cayce để biết thêm chi tiết.

Những phải đợi đến khi một thanh niên tên Morey Bernstein và một thiếu phụ tên Bridey Murphy khuấy động cảnh yên tĩnh bằng cách thỉnh linh gây tiếng nổ lớn, một cách bất chợt, không ai ngờ trước, có tính cách tàn phá như vụ tấn công Trân Châu Cảng hay quả bom rơi xuống Hiroshima. Và cũng như trong vụ Trân Châu Cảng, Hiroshima, nó gây ra các hậu quả kỳ lạ, không thể đảo ngược được và có lẽ còn nhiều vụ nữa.

Xin xem kỹ tới:

Mục II - "Này, Bridey Murphy"



Vọng

## Vu Lan

Mây chiều vẩn vũ trời Âu  
 Vài con chim nhỏ kêu nhau về nhà  
 Xạc xào cánh lá cành xa  
 Nhắc người ta lại sắp là một thu  
 Giao mùa trong cõi vi vu  
 Lan trong tâm khảm con dù dậm xa  
 Ai người chẳng có mẹ cha  
 Công lao dưỡng dục bao la biển trời  
 Nuôi con mắt ướt môi cười  
 Nắng mưa dầm dãi chẳng lời thơ  
 than  
 Mồ hôi toi đất khô khan  
 Đồi thành những hạt lúa vàng cho con  
 À ơi con ngủ cho ngon  
 Mẹ còn cấy dõ mạ non ngoài đồng  
 Mưa phùn gió bắc đêm đông  
 Bàn tay run rẩy đưa trong ánh đèn  
 Đan lên thành chiếc áo len  
 Cho con ấm mãi mẹ quen lạnh rồi  
 Giờ đây con ở phương trời  
 Biết chăng lòng mẹ ở nơi quê nhà  
 Sớm chiều ngơ ngẩn vào ra  
 Chắt chiu chén mấm quả cà đợi con  
 Đông đưa khói quỳen hương tròn  
 Chuông chùa còn vọng nước non quê  
 người  
 Bông hồng cài áo vẫn tươi  
 Rung rinh trước gió như cười với con  
 Tha hương gởi mỗi tuổi mòn  
 Đứa con lạc mẹ mái chùa chờ che

Hoài Vọng

(Salzgitter)

## Viết cho em nhân ngày của Mẹ

Hôm nay ngày của Mẹ  
 Ba không có quà mừng  
 Mà chỉ có bài thơ  
 Viết bằng tấm lòng thương mến  
 Mẹ các con thương các con vô hạn  
 Luôn luôn hy sinh, nhẫn nhục  
 Không hề kêu ca, không hề ta thán  
 Con hư tội nhục một mình  
 Ba chỉ đem lại cho mẹ một chút hư  
 danh  
 Không địa vị, không tiền bạc  
 Chưa đến nổi nghèo xơ xác  
 Nhưng thật chẳng bằng ai ...  
 Ngày đi tù mẹ trắng hai bàn tay  
 Ngủ chợ, ngủ đường  
 Ngược xuôi nuôi các con khôn lớn  
 Mỗi nghĩ đến lòng ba đau đớn  
 Nhưng ba tin mẹ hiểu lòng ba  
 Ba sống nghiêm khắc với mình  
 Chỉ mong làm một con người lương  
 thiện  
 Mẹ các con... Các con nên hãnh  
 diện  
 Về một người đàn bà Việt Nam  
 Chỉ nghĩ đến con, đến cháu  
 Đến họ hàng bà con yêu dấu  
 Mẹ, người đàn bà  
 Chỉ có một tấm lòng  
 Rộng như biển cả  
 Hôm nay ngày của mẹ  
 Ba cầu mong mẹ không còn vất vả  
 Tuổi già mạnh khỏe, yên vui  
 Khi các con tất cả thành người...

Hà Thượng Nhân



# Những bí ẩn sau cõi chết

ĐOÀN VĂN THÔNG

(Tiếp theo)

## HIỆN TƯỢNG HỒN LIA KHỎI XÁC

**H**iện tượng người chết đi sống lại đã xảy ra nhiều nơi trên thế giới, vì thế Đông phương cũng như Tây phương đều để tâm lưu ý đến vấn đề này. Đông Tây gặp nhau ở niềm tin là sau khi chết hồn lìa khỏi xác, tuy nhiên giữa xác và hồn thì phần tinh anh sống động chính là cái "Hồn". Mỗi đây, đài truyền hình Hoa Kỳ vừa cho chiếu cuộc phỏng vấn một phi công bị tai nạn máy bay, anh này bị chết cháy và mấy ngày sau bỗng nhiên sống lại như có phép lạ. Được hỏi về hiện tượng gì đã xảy ra khi anh đi vào cõi chết, anh ta cho biết như sau: "Tôi cảm thấy mình nhẹ hẫng đi và từ trên cao tôi thấy tôi cháy đen như than, sau đó trước mắt tôi là một vùng màu xanh xám lỵ kỳ với một miệng hố hun hút xa thẳm. Tôi như rơi vào đó, quanh tôi nghe như có tiếng xôn xao rồi mọi vật yên lặng..."

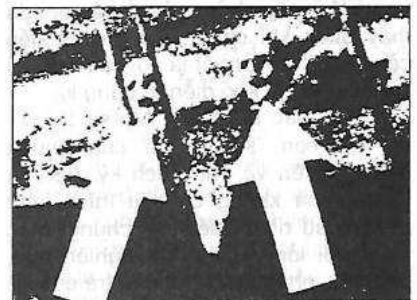
Tại Nga Xô, trong thế chiến thứ hai, một bác sĩ đã ghi vào nhật ký mình lời tường thuật của một binh sĩ được sống lại sau mấy ngày nằm chết nơi một đầu cầu xe lửa như sau: "Tôi nghe tìm mình như nhói đau rồi bỗng

nhiên tôi cảm thấy thanh thản lạ kỳ. Tôi ngạc nhiên vì đã thấy mình nằm sóng soài bất động ở đầu cầu còn tôi thì như lơ lửng bên thân xác trong khi các bạn tôi tiến về phía quân Đức. Một người lính quân y chạy lại phía thân xác tôi, anh ta thấy tôi đã chết nên kéo tôi vào một góc cầu. Vì tôi quá mập nên anh ta không thể nâng bổng tôi lên được... Bỗng nhiên tôi thấy dưới gầm cầu một tên lính Đức yên lặng bò theo các khối đá vỡ ở chân cầu để tiến về phía người lính quân y đang loay hoay buộc lại cái xích cứu thường. Tôi cố kêu lên và muốn xô đẩy người lính nhưng tôi không thể nào cất tiếng kêu được và cũng không thể tác động vào người anh ta dù tôi đã đến kề bên... Tôi lại cố đánh mạnh vào mặt tên lính Đức nhưng tôi không làm gì được. Trong khi tôi vẫn thấy xác mình nằm co quắp ở góc cầu... Bỗng nhiên tôi thấy tên lính Đức ngã vật xuống đất, trên lưng chảy máu chan hòa... thì ra tên lính Đức Quốc Xã này cũng đã bị thương nặng, và cố lết lên đây..."

Trong các báo cáo của các nhà nghiên cứu về cõi chết và linh hồn có rất nhiều vấn đề làm mọi người trong thời đại khoa học ngày nay phải ngạc nhiên và sửng sốt. Ngạc nhiên và sửng sốt không những vì vấn đề kỳ lạ được nêu ra mà còn vì chính do các nhà khoa học nổi danh đã viết như bác sĩ B.E. Schwartz, Alexander Graham Bell, D. Danielle, Duncan Mac Dougall, Maxwelle Lazi... họ cho biết như sau: Chết không phải là hết. Cát bụi lại trở về với cát bụi chỉ là đối với thân xác, là phần giả tạm mà thôi, còn phần linh hoạt mà ta gọi là linh hồn đã thoát ra khỏi thể xác khi con người chết đi. Linh hồn ấy dật dờ, trôi nổi, phiêu du trong cõi không khí. Khi chết, điều tiên khởi lúc bước vào cõi khác là sự lang lang, là cảm giác nhẹ nhàng thanh thoát mà phần lớn các người đã chết đi sống lại (vì một duyên cớ nào đó) đều đã kể như thế. Ngoài ra, khi lìa đời người chết vẫn còn khả năng liên lạc với người sống bằng cách này hay bằng cách khác. Theo một số nhà nghiên cứu và theo các tử liệu cũng như cách giải thích của một số tôn giáo thì yếu tố chính tạo giúp tăng cường và duy trì được sự liên lạc này có thể là do vấn đề tình cảm, đó chính là tình thương và đôi khi còn do ân oán, cảm hờn... vì thế trong dân gian có thể là vô tình hay hữu ý thường có chuyện ma báo oán, hồn ma trả thù hay hồn ma báo mộng, người chết hiện về mách bảo, hồn ma trả ơn v.v...

Theo các tài liệu thuộc đề tài: "Unexplained Mysteries of The Word" thì hiện nay rất nhiều nhà nghiên cứu

về vấn đề linh hồn đều tin rằng linh hồn có thật và đôi khi linh hồn vẫn còn đủ khả năng kết nhập tạo hợp với dạng thể và gương mặt của thân xác một người mà trước đó linh hồn ấy hòa nhập hiển hiện lại trong không gian sau khi người ấy chết. Những câu chuyện có thật được các nhà khoa học lưu tâm và những hình ảnh lạ lùng của các câu chuyện còn được lưu trữ lại trong các hồ sơ nghiên cứu về linh hồn đã chứng minh điều đó. Và năm 1924, một chiếc tàu dầu lớn ở ngoài khơi Thái Bình Dương trên đường từ Hoa Kỳ đến kinh đảo Panama thì báo cáo có hai thủy thủ bị tai nạn trên tàu, cả hai đều thiệt mạng, đường di chuyển quá xa buộc lòng phải thủy táng hai người vào lòng biển. Thế rồi điều khủng khiếp bắt đầu xảy ra chỉ một ngày sau và nhiều ngày kế tiếp khi mọi người trên tàu thấy rõ hai người chết hiện ra rõ ràng trên làn nước biển. Điều kỳ lạ là hai gương mặt của hai người chết không hiện ra liên tục mà cách quãng, và luôn luôn giữ một khoảng cách đối với thành tàu. Một sĩ quan trên tàu đã dùng bàn ảnh chụp lại hai gương mặt ấy và tấm hình cho thấy rằng hai bộ mặt hiện rõ trên lớp sóng biển nhấp nhô ở cách boong tàu độ một thước. Một thủy thủ trên tàu đã bấm máy hình và chụp được tấm ảnh lạ lùng nhất về lãnh vực siêu hình này. Tấm ảnh cho thấy rõ gương mặt hai người mới chết. Hiện tấm ảnh còn lưu trữ tại Trung Tâm Nghiên Cứu về những vấn đề huyền bí siêu linh ở Virginia (Hoa Kỳ) và mới đây (1989) được đăng trong cuốn sách nhan đề "Unexplained Mysteries of 20th century" do Janet và Collin Bord biên soạn.



Ảnh chụp gương mặt hồn ma hai người thủy thủ trên tàu dầu hiện ra rõ ràng trên nước biển. (Tài liệu trong Unexplained Mysteries of the 20th Century do Janet và Collin biên soạn)

## TÌM HIỂU VẤN ĐỀ TỬ CON TRÉ

Nữ giáo sư Diane Komp đã từng tiếp xúc với các cháu bé bị bệnh nặng. Bà đã từng ở bên giường bệnh của những cháu sắp lìa đời và đã thu thập được nhiều điều kỳ lạ. Có lần bà tức

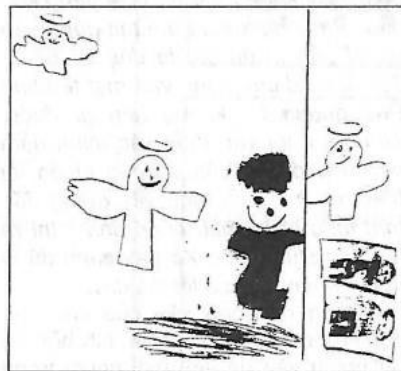
trực bên cạnh một bé gái bảy tuổi, cháu bé này đang ở vào giai đoạn nguy hiểm nhất của bệnh Leukemia (Bệnh Bạch Cầu) và nghe tiếng thì thào của bé nói với mẹ: "Ồ! các thiên thần kia! mẹ có thấy họ không? Mẹ có nghe họ hát không? Con chưa bao giờ nghe thấy ai hát hay như thế...!". Nói xong câu đó, cháu bé thò há ra và qua đời.

Hiện nay, một số nhà nghiên cứu vấn đề thuộc lãnh vực này đã công nhận rằng trẻ con thường biểu lộ sự việc này rõ ràng và thanh thoát hơn người lớn. Sự mô tả cũng thường chi tiết và trung thực hơn. Bác sĩ Melvin Morse chuyên về bệnh trẻ em ở vùng ngoại ô Seattle, là tác giả của cuốn sách rất ấn khách nhan đề là *Closer to the light*, nội dung trình bày những trường hợp đặc biệt về vấn đề các trẻ con tiếp cận với cõi chết, những phản ứng, tâm trạng, sự việc đều được ghi nhận qua lời kể, cách diễn tả để từ đó rút ra những đặc điểm chung đáng lưu ý. Ngoài ra, từ các nhận thức của con trẻ về vấn đề ấy sẽ được so sánh, đối chiếu với nhận thức của người lớn về lãnh vực này...

Bác sĩ Morse đã tiếp xúc, phỏng vấn, thu thập những gì do các trẻ em cung cấp. Có khoảng 70 trẻ em đã được bác sĩ Morse phỏng vấn. Phương thức thu thập sự kiện của bác sĩ Morse là im lặng lắng nghe hay gợi ý bằng những câu hỏi. Có khi bác sĩ lại khích lệ các em diễn tả lại những hình ảnh đã thấy trong khi tiếp cận với cái chết. Ngay cả việc mô tả bằng hình vẽ cũng được thực hiện. Phương pháp để các em mô tả lại bằng hình vẽ (do chính các em vẽ) rất quan trọng vì không có gì hơn là để các em suy nghĩ, nhớ lại và vẽ lên giấy những gì mà các em đã thấy được khi chính các em đã tiếp cận với sự việc, nhất là với cái chết. Vì có thể các em khó diễn tả bằng lời.

Theo bác sĩ Melvin Morse thì đối với trẻ con, sự mô tả của chúng thường thiên về tính cách kỳ diệu, lạ thường mà không có giải thích kèm theo vì sự nhận biết của chúng khác xa người lớn. Vì thế khi nghiên cứu, tìm hiểu, phân tích những gì trẻ em mô tả bằng lời nói hay bằng hình vẽ do trẻ trình bày, chúng ta nên tập chú vào phần cốt lõi, tinh túy của phần liên hệ đến những kinh nghiệm gần gũi với cái chết mà trẻ em đã gặp, đã thấy và liên tưởng, kể lại... Nhà nghiên cứu Verlyn Klinckenborg đã chụp lại những hình ảnh tự tay em Jamie Untinen vẽ. Em bé này lúc lên năm, đã bị đau màng não; một chứng bệnh vô cùng nguy hiểm, em đã ngất đi và sau đó nhờ sự chữa chạy kịp thời của các bác sĩ tài ba mà em thoát khỏi tay tử thần. Jamie đã dùng bút màu vẽ lại những gì mình đã thấy trong những giờ phút

thập tử nhất sinh ấy theo yêu cầu của bác sĩ Melvin Morse (lúc đó em đã 11 tuổi). Jamie vừa vẽ vừa mô tả. Trong hình vẽ, em vẽ ba thiên thần mặc đồ trắng, trên đầu có vòng hào quang. Chúa Jesus ngồi trên một khúc gỗ, Jamie bảo: trông gương mặt Chúa rất hiền từ và Chúa đã nói với cháu rằng: "Con không chết, chúa tôi lượt con chết đâu!". Khi bác sĩ Melvin Morse hỏi hai người nằm trong hai ô chữ nhật có ý nghĩa gì thì bé Jamie trả lời một cách tự nhiên: "Ồ! hai người này đang chờ đợi tái sinh!" (Tài liệu này đã được đăng tải rõ ràng với đầy đủ hình ảnh trong Tạp chí Life - 1992).



Ảnh vẽ của Jamie, lưu ý phía tay mặt hình vẽ, bé Jamie vẽ 2 người đang nằm, theo em đó là hai người đang chờ tôi lượt tái sinh (Ảnh tài liệu của báo Life, March 1992)



Ảnh chụp Jamie lúc 11 tuổi đang giải thích ý nghĩa bức hình em vẽ cho bác sĩ Melvin Morse nghe.

Nữ giáo sư Diane Komp cũng chuyên nghiên cứu về vấn đề của sự chết, bà là bác sĩ khoa ung thư và khoa nhi tại Đại Học Yale. Bà cũng có nhận xét rằng "Khoa học đôi khi gạt bỏ nhiều vấn đề lúc nó không đủ khả năng hay phương tiện để điều tra nghiên cứu... Điều ấy khiến cho những vấn đề mặc dù hữu ích, quan trọng và thiết thực nhưng vì đôi khi nhuộm màu sắc huyền bí, thâm sâu nên đã bị khoa học gán cho là điều mơ hồ, dị đoan, đượm màu tôn giáo, không hợp với

khoa học thực nghiệm vì không chúng mình được nên bị gạt qua một bên và không được để ý nghiên cứu vấn đề một cách nghiêm túc bằng một nhận thức khách quan không giáo điều theo khoa học thực nghiệm". Nữ giáo sư Diane Komp đã đồng ý với giáo sư Carol Zales về nhận định của vấn đề. Bà nói: "Tôi cố gắng giữ một cánh cửa mở rộng để sẵn sàng đón nhận mỗi liên lạc có thể có với thế giới khác".

Bao lâu còn có những nhà khoa học biết vượt ra khỏi biên giới của những định luật, định lý, định đề của khoa học, toán học và vật lý học, của những nhận thức khuôn mẫu của khoa học mà chúng ta đang sống để tìm hiểu giải thích những gì có tính cách siêu hình thì vấn đề nghiên cứu những gì bên kia cõi chết vẫn còn có hy vọng sáng tỏ và cánh cửa bí hiểm ngăn cách cõi sống và cõi chết còn có thể được mở ra. Tôn giáo đã trải qua một thời gian dài mô tả, phân tích và giải thích một số lớn sự kiện huyền bí, trong đó bao gồm cả vấn đề sanh và tử. Đã đến lúc khoa học bắt tay vào nghiên cứu và giải thích vấn đề. Theo các nhà khoa học thì rõ ràng thời gian kể từ Đệ Nhị thế chiến đến nay, kiến thức của nhân loại quả đã phát triển đến cao độ và cũng chính vì thế mà con người cảm thấy mình quá nhỏ bé trước sự vô cùng của tri thức và cái vô giới hạn của tư tưởng. Do đó con người cần phải tiến thêm nữa trong sự khám phá, nghiên cứu, tìm hiểu và suy luận, cũng như cần tận dụng hơn nữa khả năng tuyệt vời của bộ não mình, vì không lý do gì hiện nay phần lớn loài người chỉ tận dụng mỗi hơn 1/10 tinh hoa của não bộ.

## CHẾT CÓ PHẢI LÀ MỘT ĐIỀU ĐÁNG SỢ ?

Balducci là một lý thuyết gia, một giáo sư chuyên nghiên cứu về Thần Học ở Rom (Ý), ông còn là nhà chuyên môn sưu tập, nghiên cứu về các hiện tượng ma quái, siêu nhiên, thần bí và đang viết các sách về Sự Chết và Kiếp Sau. Balducci đã phát biểu như sau về các lãnh vực này: "Chúng ta không thể đến được thế giới bên kia qua những bằng chứng rõ ràng như những gì thường xảy ra trong cuộc sống của con người mà ta có thể thấy được, nghe được, nắm được v.v... bởi vì những chứng cớ về kiếp lai sinh chỉ đến với chúng ta từ thế giới của Đấng Siêu Nhiên. Chúng ta cần phải cố gắng xem xét, phân tích, cân nhắc hết sức mình bằng sự suy tưởng và thực tế

những cũng vừa có tính Siêu Thoát. Không nên bị ràng buộc trong giáo điều cứng nhắc đầy lý thuyết của khoa học thực nghiệm". Cũng theo Balducci thì khi chúng ta hiểu được tưởng tận sự chết và đằng sau sự chết thì có thể chúng ta sẽ không còn lo sợ về vấn đề này nữa.

Đại úy Tom Clark trong khi chiến đấu ở Việt Nam đã đâm phải quả mìn vào ngày 29.5.1969 và bị thương nặng ở chân. Khi được các nhà nghiên cứu về Sự Chết phỏng vấn ông về những kinh nghiệm tự bản thân trực diện với cái chết thì Đại úy Clark cho biết như sau: "Tôi cảm thấy như xuyên qua không gian và sau đó lại rơi xuống mặt đất. Lúc đó tôi đứng dậy và trong khoảnh khắc, nhận rõ rằng chân, tay phải và vai tôi bị tổn thương. Tôi ngã xuống trong ý nghĩ là mình chết. Tôi như quên hết mọi thứ và không còn thấy được gì nữa. Nhưng tôi lại như mở màng nhận thức được rằng bác sĩ sẽ đến cứu tôi... Rồi đột nhiên, tôi thấy mình tự thoát ra khỏi cơ thể của chính mình và tôi thấy nhiều người đang chạy lại chỗ tôi đang nằm, họ bao phủ tôi trong tấm Poncho và đưa ngay về đơn vị MASH để chuyển vào phòng giải phẫu. Lúc bấy giờ tôi vẫn đang thoát ra khỏi cơ thể mình vì thế tôi thấy thân xác tôi thật thảm hại như một con người xa lạ nào nằm đó, chân tay co quắp, gương mặt thì trắng bệch. Rõ ràng thân xác tôi đã chết. Tôi thấy người ta cắt bỏ đồ trện của tôi và đặt tôi lên bàn mổ... Cùng lúc tôi trông thấy một vùng sáng chói lòa ủa vào phòng. Vùng sáng kỳ diệu, ấm áp lạ lùng. Bỗng nhiên, trong cái chói chan sáng rõ ấy, tôi thấy mình trở lại nơi chiến trường. Quanh tôi người ta đang lắng xắng chữa những quân nhân bị thương. Điều lạ lùng là họ không phải thuộc dạng thể vật chất bình thường. Tôi thấy họ lung linh xa vắng những tôi lại biết rõ đó là Dallas, là Ralph, là Terry... Chính họ cũng biết tôi. Chúng tôi là bạn đồng đội cùng chiến đấu bên nhau... Những người này tìm đủ mọi cách lôi kéo tôi theo họ nhưng tôi không đi. Rồi bỗng nhiên trong giây phút dửng dằng ấy, vàng sáng kia lại xuất hiện và tôi thấy rõ ràng tôi đang nằm trên bàn mổ. Sự kiện nêu trên khiến tôi có cảm tưởng như mình vừa xem qua một cuốn phim sống động của đời mình, tôi đang xem chính tôi...".

Nhà phân tích nổi tiếng Stuart Twemlow ở Topeka, cũng đã kể lại một câu chuyện có thật về đời mình. Câu chuyện xảy ra lúc ông còn bé, ông bị té vào trong cái chậu giặt đầy

nước và suýt chết đuối. Twemlow cho biết như sau:

"Tôi nhớ lại lúc đó tôi trôi nổi dật dờ trong nước, trước mặt tôi là một màn ảnh rộng lớn và những hình ảnh của những chuỗi ngày tôi đã sống qua hiện ra rõ ràng. Ngày nay tôi biết đó là những hình ảnh hồi tưởng, đó là cái nhìn toàn cảnh (The panoramic view). Thế rồi bỗng nhiên mọi hình ảnh biến đi, lúc đó chính là lúc mẹ tôi ôm tôi ra khỏi chậu nước. Tôi cảm thấy không hài lòng vì hành động của mẹ tôi vì bà đã làm mất đi niềm vui mới lạ mà tôi đã thấy được khi rơi vào chậu nước như thế...".

Theo Twemlow thì từ hình ảnh đầu tiên đó đã làm thay đổi hẳn cách nghĩ của ông. Ông cho biết: "Đó là một sự đổi thay chuyển đến từ vũ trụ hay từ một thế giới nào đó. Về sau, càng lớn lên tôi càng thấy được sự lạ lùng huyền bí đôi khi bất chợt đến với mình như tình cờ thấy bên trong cái tủ có những đồ vật kỳ lạ...".

Cứ mỗi ngày, chúng ta hiện hữu trên đời, chúng ta đều sống cùng với sự chết, tiềm tàng và chắc chắn những đôi khi chúng ta không ngờ hay không biết tới. Nói dễ hiểu hay nói có vẻ khoa học thì mỗi ngày cơ thể ta có hàng triệu triệu tế bào chết đi và hàng triệu triệu tế bào khác phát sinh và phát triển. Chết sống nối tiếp nhau, chùng chắt nhau ngay trong mỗi con người chúng ta và ở các sinh vật khác cũng vậy, còn những người đã gần gũi, chạm trán, có kinh nghiệm một lần với sự chết thì có thể không bao giờ họ còn sợ sự chết nữa. Chính nhà phân tích Tâm Lý Twemlow cũng đã cảm thấy Sự Chết không phải là điều đáng sợ và: "biết đâu đó là điều lý thú". Cũng như ông đã thường mơ tưởng lại những hình ảnh lạ lùng kỳ thú huyền diệu hiện ra lúc ông rơi vào chậu giặt đầy nước.

Bác sĩ Bruce Greyson chuyên về bệnh Tâm Thần và là Chủ bút tờ Journal of Near-Death Studies đã từng theo dõi, nghiên cứu, thăm dò, tìm hiểu và giúp đỡ rất nhiều người đã trải qua những kinh nghiệm, gần gũi với cái chết. Theo ông thì "Rồi một ngày nào đó, con người sẽ không còn lo sợ về cái chết nữa và họ sẽ xem sự chết như là một sự du lịch lâu dài tới một nơi xa lạ diệu kỳ và sẽ không hiếm người trông đợi, mong chờ với lòng nhiệt thành nôn nóng... cái chết đến với mình. Tuy nhiên, đối với vô số người chưa có lần chạm trán, tiếp cận với cái chết, họ sẽ có nhiều thắc mắc đặt ra, rằng có phải những điều kể lại của những người đã trải qua những

kinh nghiệm gần gũi với sự chết là đúng như thế không? Hay đó chỉ là ảo giác? (hallucination), và có phải đó là sự kiện để phân biệt, tách rời giữa thể xác và tinh thần không?

Phần đông, con người ta đều có một sự tin tưởng rằng thân xác mỗi người đều có linh hồn trú ngụ, chính nhờ đó mà con người có được sự hiểu biết và khi chết, linh hồn sẽ rời khỏi thể xác. Hiện nay, các nhà khoa học đã và đang cố gắng thu thập các dữ kiện liên quan đến vấn đề, công việc của họ cũng giống như của các nhà Sinh Vật sâu tằm, tìm hiểu, phân loại các loài để dần dần có thể đi đến kết luận chung về nguồn gốc. Theo Daniel Dennett, Giám đốc Trung Tâm Nghiên Cứu về các nhận thức ở Đại Học Tufts và là tác giả của nhiều tác phẩm có giá trị, viết về những vấn đề thuộc Ý Thức, Tâm Linh, thì: "Những hiện tượng khác nhau bao gồm những gì mà chúng ta gọi là ý thức đều là kết quả của những hiện tượng Vật Lý qua các hoạt động của bộ não. Ý thức chính là sự phát triển và tiến hóa thuộc tính chất Sinh Vật Học. Ý thức cũng như chính bản thân của bộ não cũng chịu sự chuyển biến có tính cách Sinh Vật Học. Cho đến nay, những nhà Khoa Học cũng đã khẳng định rằng: "Những hoạt động thuộc về tâm thần, trí tuệ đều phát nguồn từ những quá trình hoạt động thuộc lãnh vực Điện Sinh Hóa Học (Electrochemical)".

Chính những thông tin, những dữ kiện, những khám phá liên quan đến vấn đề Siêu Linh, huyền bí ngày càng gia tăng đã thôi thúc không những các nhà nghiên cứu tài tử, những kẻ hiếu kỳ, những người thích mạo hiểm vào "thế giới bên kia" mà còn lôi cuốn thêm các nhà khoa học, những con người chỉ bằng lòng hay chịu lưu ý đến những vấn đề có thể minh chứng trong phòng thí nghiệm nhập cuộc. Danh sách những nhà khoa học lưu tâm đến vấn đề nghiên cứu về những gì đằng sau Sự Chết ngày một dài hơn và đó chính là khúc quanh kỳ diệu của các nhà Khoa Học trong vấn đề nghiên cứu. Điều đó chứng tỏ con người không hài lòng với những gì mình đã nghiên cứu. Họ muốn tiếp tục nghiên cứu và tiến xa hơn... Họ không muốn chấm dứt sự nghiên cứu từ sự chết mà họ còn muốn biết luôn đằng sau sự chết có gì...?

(Còn tiếp)



# Phật Giáo từ Ấn Độ trực tiếp truyền vào Việt Nam như thế nào ?



## A. BỀ LŨNG CỦA BÁN ĐẢO ẤN TRUNG

Việt Nam là cái lũng của bán đảo Ấn Trung, vị trí của bán đảo này nằm giữa Ấn Độ và Trung Hoa. Vì địa thế nằm giữa hai nước lớn có nền văn hóa cổ xưa nhất của nhân loại nên đương nhiên Việt Nam có ảnh hưởng cả hai nền văn hóa đó, kể cả tôn giáo.

Từ phương Bắc, Trung Quốc đã tràn xuống chiếm cứ đất đai với âm mưu đồng hóa dân Việt, biến Việt Nam thành một phần lãnh thổ của họ. Do đó dân Việt chiến đấu không ngừng để sống còn và giữ gìn sự độc lập của mình, thế nhưng không tránh khỏi sự ảnh hưởng qua lại về ngôn ngữ, văn hóa và tôn giáo ...

Từ phía Tây, Ấn Độ trong cao trào bành trướng văn minh văn hóa, tôn giáo của họ ra các nước chung quanh có tính cách ôn hòa, hòa bình, vì lúc đầu chỉ là mục đích giao thương qua lại, sau đó nhờ giáo lý cao sâu bất bạo động của Phật Giáo đã đi vào lòng người một cách tự nhiên, dễ dung hợp với các nền văn hóa địa phương. Do đó người Ấn Độ đã gây được ảnh hưởng rất sâu rộng ra các nước chung quanh. Bằng chứng cho thấy rằng Phật Giáo có số tín đồ đông nhất trên thế giới hiện nay.

Từ trước đến nay có rất nhiều giả thuyết về thời điểm và phương hướng của sự du nhập Phật Giáo vào Việt Nam. Thông thường có nhiều sách sử cũ tin rằng Phật Giáo từ Trung Hoa truyền vào Việt Nam. Điều đó không đúng.

Khởi nguyên Phật Giáo Việt Nam phải nói là được thướng nhân theo đạo Phật và các Tăng sĩ người Ấn Độ trực tiếp truyền vào Việt Nam.

Sau đây xin được dẫn chứng các dữ kiện lịch sử, các tài liệu để minh chứng những tuyến đường và thời điểm du nhập của Phật Giáo từ Ấn Độ vào Việt Nam.

## B. PHƯƠNG CÁCH VÀ CÁC TUYẾN ĐƯỜNG DU NHẬP

Sau khi bình phục được toàn cõi Ấn Độ, vua A-Dục (Asoka) lên ngôi năm 273 trước Tây lịch làm vua được 37 năm. Ông là một Phật tử rất thuần thành trị nước an dân bằng tinh thần Bi Trí Dũng của Phật Giáo. Ấn Độ dưới thời ông trị vì rất thái bình thịnh vượng. Ông rất hăng say trong việc chấn hưng Phật Giáo nên đã cho dựng trên 84.000 tháp thờ Phật trên toàn cõi Ấn Độ. Đồng thời nhà vua cũng cho dựng vô số những trụ đá tại những nơi di tích của Đức Phật như tại vườn Lâm Tỳ Ni nay nằm trong địa phận nước Nepal nơi Đức Phật Đản Sanh, tại Bồ Đề Đạo Tràng nơi Đức Phật thành đạo, tại Lộc Uyển nơi Đức Phật thuyết pháp lần đầu tiên, tại rừng Ta La Song Thọ nơi Đức Phật nhập Niết Bàn ...

Nhờ những trụ đá A-Dục các nhà khảo cổ mới xác định được một cách rõ ràng các thánh tích của Đức Phật. Ngoài ra các nhà khảo cổ còn tìm được 35 di tích ngự chỉ có đánh số của vua A Dục dặn dò con cháu mai sau phải tiếp tục phụng thờ Đức Phật và phát huy truyền bá Phật Pháp. Trong số đó có ngự chỉ số 4 tìm được tại núi Kandahar ngày nay thuộc địa phận Afghanistan có ghi những lời dạy của nhà vua là phải tổ chức đại lễ Phật Đản hằng năm cho trọng thể và truyền bá lời dạy của Đức Phật đến mọi người... Ngự chỉ số 6 được tìm thấy tại núi Gimar miền tây Ấn Độ có ghi rõ hơn lời dặn về việc phụng thờ Đức Phật bằng cách tổ chức rước tượng Đức Phật và di tích trọng thể trong ngày đản sanh...

Sử Tích Lan (Sri-Lanka) Mahavamsa có ghi rằng vua A Dục (Asoka) cho Hoàng tử Mahinda qua Tích Lan để truyền bá Đạo Phật và kể từ đó về sau mỗi năm đại lễ Phật Đản được tổ chức trọng thể. Mặc dầu Tích Lan đã bị Anh xâm lăng và bị áp lực của hội truyền giáo Thiên Chúa Tây phương bỏ ngày lễ Vesak từ năm 1815 nhưng Phật tử Tích Lan đã tranh đấu và đã đòi lại được ngày nghỉ lễ Phật Đản từ ngày 17.4.1885. Kể từ đó Đạo Phật rất hưng thịnh tại đảo quốc này.

Từ phong trào chấn hưng Phật Giáo dưới thời vua A Dục, Phật Giáo có đầy đủ năng lực, nhiều nhân tài trí thức kể cả Phật tử tại gia và nhiều trí thức lỗi lạc thuộc hàng tăng lữ nên đã là thuận duyên cho việc truyền bá đạo Phật ra nước ngoài.

Nói tiếp từ thời A Dục, theo nhiều sử liệu được kiểm chứng cho thấy rằng vào thế kỷ thứ hai trước công nguyên tại Ấn Độ có tư trào Phật Giáo Đại Thừa rất phóng khoáng, rất năng động, rất hăng say hoạt động truyền giáo trong nước và truyền sang nước ngoài nhất là theo đường biển truyền sang các nước chung quanh.

Sự truyền bá Đạo Phật từ Ấn Độ cùng trong tư trào truyền bá văn minh Ấn ra các nước chung quanh. Trong thập hùng ca Ramayana của Ấn Độ có nói đến tên các xứ như Sumatra, xứ của vàng (Suvanna Bhumi), Java ...

Theo các tư liệu của W. Cohn trong Buddhha in der Kunst des Ostens, Leipzig 1925; F.M. Schnitger trong The Archaeology of Hindoo Sumatra, Leyde 1937 và G. Ferrand trong tạp chí Journal Asiatique Juillet - Aout 1919 ... Người ta đã tìm thấy các dòng chữ Sanskrit của Mulavarman tại các vùng Kutei ở Borneo và các bia đá khắc chữ Sanskrit của Purnavarman ở Tây Java. Các tượng Phật thuộc trường phái Amaravati được tìm thấy ở Sampaga (Célèbes) phía nam tỉnh Giember (Đông Java) trên đồi Se Guntang ở Palembang (Sumatra) là xưa nhất có thể là trước công nguyên. Do đó người ta đã kết luận rằng những bước đầu văn minh và tôn giáo từ Ấn Độ đã truyền qua Indonesia phải xảy ra trước công nguyên. Do đó hệ luận đương nhiên là nền văn minh và tôn giáo từ Ấn Độ xuôi buồm đến Giáo Châu cũng cùng thời điểm và cùng đi theo đường biển lên phương Bắc.

Văn minh và tôn giáo từ Ấn Độ cũng đã truyền qua Mã Lai tại các vùng như Perak, Xélebo ..., qua Thái Lan, Campuchia, Miến Điện ... Tại Campuchia các nhà khảo cổ đã tìm thấy được 4 bia đá có khắc chữ Sanskrit.

Theo V. Rougier trong sách Nouvelles Découvertes Chames au Quang Nam, Befeo XI, đã viết rằng các nhà khảo cổ

đã tìm thấy tượng Phật Đông Dường một trong những tác phẩm điêu khắc đẹp nhất thuộc trường phái Amaravati Ấn Độ. Điều này cho thấy chính người Ấn Độ đã truyền đạo Phật thẳng vào Việt Nam chứ không phải từ Trung Hoa truyền vào.

Theo H.G. Quaritch Wales trong A. Newly Explored Route of Ancient Indian Cultural Expansion Indian Art and Letters, các nhà truyền giáo và thương nhân người Ấn còn dùng những con đường vữa thủy vữa bộ từ nam Ấn thay vì phải qua eo biển Malacca về phía nam xa xôi họ đã qua eo đất Kra và bán đảo Mã Lai, họ có thể vượt mấy tiếng đồng hồ đường bộ là có thể từ biển Ấn Độ để vào biển Mã Lai. Họ dùng thủy đạo giữa Andaman và Nicobar, hoặc dùng thủy đạo giữa Nicobar và Achin để đến Kedah, tại những địa điểm này các nhà khảo cổ đã tìm thấy nhiều đồ vật cổ của nền văn minh Ấn Độ. Họ tiếp tục đường bộ này đến Thái Lan, Campuchia và vào Việt Nam.

Đồng thời những người Ấn phát xuất từ Trung Ấn còn dùng tuyến đường bộ quang qua đèo Hasse Des Trois Pagodes, theo sông Kanburi xuống châu thổ sông Menam, từ đó đến sông Mekong qua đất Lào rồi vào Thanh Hóa, Nghệ An và đến Luy Lâu của Giao Châu. Trên tuyến đường này các nhà khảo cổ cũng đã tìm được các cổ vật của nền văn minh Ấn Độ và di tích Phật Giáo.

Về Thiên Tông nếu phân tích các văn thơ thiên sớm nhất tại Việt Nam như các dòng thiên thuộc hệ Tỳ Ni Đa Lưu Chi (Vinitaruci, năm sanh không rõ như Sử mất năm 594, Sử người miền nam Ấn Độ, qua Việt Nam truyền bá thiên tông. Thiên sư hành đạo tại chùa Pháp Vân thường gọi là chùa Dâu tại Luy Lâu hiện nay vẫn còn tại xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Hà Bắc. Đây là một trong những ngôi chùa được thành lập sớm nhất tại trung tâm Phật Giáo Luy Lâu) và dòng thiên Vô Ngôn Thông (năm sanh không rõ chỉ biết Thiên sư mất năm 826) chẳng hạn ta thấy rõ ràng là trực tiếp ảnh hưởng từ tượng Bát Nhã từ Ấn Độ.

Trong sách Thuyền Uyên Tập Anh, có ghi đoạn văn Thiên sư Tỳ Ni Đa Lưu Chi gọi đệ tử Pháp Hiền bảo rằng:

"Đại phạm tâm ấn của chủ Phật không lừa dối ai. Tâm ấn tràn đầy như thái hư, không thiếu, không thừa, không đi, không tới, không được không mất, chẳng một chẳng khác, chẳng thường chẳng đoạn; vốn không ở chỗ sinh, cũng không ở chỗ diệt, không lìa xa mà cũng chẳng không lìa xa vì phải đối lập các nhân duyên hủ vọng mà phải đặt giả ra các tên như vậy. Cho nên chủ Phật ba đời đều do đó mà đặc pháp, Tổ các đời cũng do đó mà đặc pháp, ta cũng do đó mà đặc pháp, người

cũng do đó mà đặc pháp. Đến như những loài hữu tình hay vô tình cũng do đó mà đặc pháp".

Đó là từ tượng Bát Nhã, nếu ai đã từng nghiên cứu kinh Bát Nhã đều rõ, như đối chiếu với Bát Nhã Tâm Kinh ta cũng hiểu được điều đó.

Theo K. Mukerji trong sách Indian Literature in China and the Far East, ở Trung Hoa phải đợi đến đầu thế kỷ thứ V, Cửu Ma La Thập (Kumarajiva) đến Trung Hoa dịch kinh Bát Nhã và sau đó mới có ảnh hưởng sâu rộng của bộ kinh này. Trong khi đó bộ Bát Thiên Tụng Bát Nhã (Astasahasrika) do Khương Tăng Hội dịch tại Giao Châu vào đầu thế kỷ III được các nhà Phật học đánh giá là bộ kinh từ Ấn Độ xuất hiện xưa nhất trong toàn bộ văn hệ Bát Nhã. Trong khi đó kinh Bát Nhã Damasahasrika do Lokasema dịch tại Trung Quốc cuối đời nhà Hán là bộ kinh xuất hiện chậm hơn nhiều, có thể nói là vào thời kỳ thứ hai của văn hệ Bát Nhã tại Ấn Độ (tham khảo Jaidava Singh trong sách An Introduction to Hadhyamaka (Trung luận) Philosophy).

Điều này cho thấy bộ Bát Thiên Tụng Bát Nhã do Khương Tăng Hội dịch ra chủ Hán là do các Tăng sĩ từ Ấn Độ trực tiếp đưa sang Giao Chỉ vào thời điểm sớm hơn lúc dịch kinh rất nhiều. Vì để có đủ trình độ ngôn ngữ và kiến thức về Bát Nhã để có thể dịch kinh được, chắc chắn tại Giao Chỉ phải có các viện nghiên cứu và giảng dạy Phật Pháp nhất là về kinh Bát Nhã và dạy tiếng Pali, Sanskrit do các Tăng sĩ người Ấn giảng dạy.

Có nhiều lối giải thích về nguyên nhân của sự truyền bá văn minh và tôn giáo từ Ấn Độ ra các nước chung quanh trong đó từ việc di dân từ Ấn Độ ra nước ngoài cũng là những nguyên nhân quan trọng.

Vào những năm đầu công nguyên có các cuộc xâm lăng của người Kushans cũng có thể là nguyên nhân gây ra những đợt di tản người Ấn ra nước ngoài. Những người Ấn ra nước ngoài đã truyền bá tôn giáo và văn minh của họ cho dân địa phương trên quê hương mới đó là lẽ đương nhiên và nó đã trở thành như vết dầu loang dần dần rộng ra khắp các vùng lân cận.

Thế nhưng theo G. Coedes tác giả sách Histoire Ancienne Des États Hindouisée d'Extrême Orient, 1944, thì nguyên nhân sâu xa của sự bành trướng nền văn minh và tôn giáo của Ấn Độ trước công nguyên là kinh tế, thương mại, sự giao dịch giữa Viễn Đông và Địa Trung Hải. Kế đến là sự đồng tiến của Alexandre, sự thành lập triều đại Maurya, sau đó là triều đại Kaniskha ở Ấn Độ... Nhất là đế quốc La Mã ở phương Tây đã kích thích mạnh mẽ nền ngoại thương Ấn Độ (tham

khảo E.H. Warminton trong sách The Commerce Between The Roman Empire and India, Cambridge 1928). Những môn hàng giao thương chính yếu là tiêu, quế, gỗ trầm hương và vàng...

Từ những thế kỷ trước công nguyên Ấn Độ vẫn mua được vàng ở Xibêri đi bằng con đường xuyên qua Bactriane nhưng từ thế kỷ thứ hai trước công nguyên vì các đợt di dân lớn ở Trung Á đã làm chướng ngại con đường chuyên chở đó. Sau đó họ chuyển hướng nhập vàng từ La Mã thế nhưng chẳng bao lâu La Mã không bán vàng ra nước ngoài nữa nên Ấn Độ mới chuyển qua các nước phía Đông và lên tận Giao Châu để mua những tiêu, quế, gỗ trầm hương, vàng bạc và các loại ngọc thạch. (Tham khảo sách Roman coins found in India của R. Sewell, 1904).

Vì địa thế của Việt Nam nằm trên trục giao thông từ Nam Á lên Bắc Á và gần như nằm giữa các nước Đông Nam Á nên các tàu buôn Ấn Độ theo gió Tây Nam lên trước khi đến Trung Quốc họ phải ghé qua Giao Châu như trạm dừng chân để nghỉ ngơi cũng như học Hán văn và làm quen với phong tục của Việt Nam và Trung Hoa trước khi đi sâu vào lục địa Trung Quốc.

Để có đủ những thương phẩm kể trên cung ứng cho thị trường rộng lớn ấy, các thương gia Ấn phải theo gió mùa Tây Nam dong thuyền đến các nước như Mã Lai, Indonesia, Việt Nam... Chuyển về họ phải đợi năm sau mới có gió mùa Đông Bắc để xuôi buồm về Ấn Độ.

Những thương gia Ấn Độ cố nhiên họ không phải là những Tu sĩ Phật Giáo nhưng vì đường đi quá xa và lênh đênh trên biển cả lâu ngày nên họ thường thờ và cầu nguyện Đức Quán Thế Âm (Avalokitedvara) Bồ Tát và Đức Phật Nhiên Đăng (Dipankara) để cầu che chở cho tai qua nạn khỏi trên biển cả. Những người Ấn Độ rất tin tưởng vào Đức Phật Nhiên Đăng che chở cho họ khi họ chỉ thành niệm danh hiệu của Ngài (Tham khảo A. Fouchet trong sách Iconographie Bouddhique)

Phẩm Phổ Môn trong kinh Pháp Hoa có những câu như sau: Trì niệm danh hiệu Quan Âm Đại Sĩ thì vào lửa dữ, lửa ấy không đốt được, và đó là thần lực của vị Đại Sĩ này. Nếu bị nước lớn cuốn trôi mà trì niệm danh hiệu Quan Âm Đại Sĩ, thì tức khắc được vào chỗ nước cạn. Trăm ngàn vạn ức người, vì kiếm bạc, vàng, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, trân châu, và những thứ quý báu khác..., phải ra biển cả; giá sử bị trận gió lớn trong bầu trời u ám thổi bạt thuyền tàu sa vào đảo quốc la sát, trong những người ấy đến nỗi chỉ có một người trì niệm danh hiệu Quan Âm Đại Sĩ, những người ấy cũng vẫn thoát được cái họa la sát. Vì

những lý do như vậy mà vị Đại Sĩ này có danh hiệu là Quán Thế Âm".

Bởi lẽ những thương thuyền Ấn Độ luôn luôn đem những tượng Phật và Bồ Tát theo họ để thờ phụng nên khi họ đến Giao Châu lưu lại để chờ đến năm sau xuôi theo gió Đông Bắc trở về, trong khoảng thời gian dài hàng năm đó họ đã gây ảnh hưởng một cách tự nhiên đến dân bản xứ Giao Châu. Ngoài ra còn có một số người đã định cư ở lại Giao Châu làm ăn lấy vợ lấy chồng. Những người Ấn đó đã là những hạt nhân truyền bá Phật Giáo tại Giao Châu trong thời kỳ phối thai ban đầu.

Ngoài ra cũng vì lý do cầu nguyện cho tai qua nạn khỏi trên biển nước mênh mông đầy sóng to gió lớn nguy hiểm như vậy nên những thương gia người Ấn thường mời một vài vị tu sĩ Phật Giáo cùng đi trên thuyền với họ để cầu nguyện. Chính những vị tu sĩ Phật Giáo này đã lưu lại Giao Châu và do những sinh hoạt tín ngưỡng của họ đã dần dần ảnh hưởng một cách tự nhiên đến dân địa phương mà họ có dịp tiếp xúc. Như thế là Phật Giáo đã được thâm nhập vào dân Việt Nam một cách rất ôn hòa và được đón nhận đầy thiện cảm của dân địa phương. Do đó mà Phật Giáo đã phát triển nhanh chóng và được lan dần ra các địa phương khác của Giao Châu lúc bấy giờ. Nhờ những thuận duyên như vậy nên trung tâm Phật Giáo Luy Lâu được hình thành tại Giao Châu rất sớm. Sau đó Phật Giáo từ Luy Lâu được truyền sang Trung Quốc, từ Trung Quốc truyền qua bán đảo Triều Tiên và từ bán đảo này truyền qua Nhật Bản. (Tham khảo sách Trung Quốc Phật Giáo Thông Sử của nhà sử học Nhật Bản Kamata, Tokyo 1981).

### C. THỜI GIAN VÀ SỰ HIỆN HỮU CỦA PHẬT GIÁO TẠI VIỆT NAM

Hai thế kỷ trước công nguyên các trung tâm Phật Giáo tại miền duyên hải Đông Nam Ấn Độ như Amaravati và Nagarjunakonda... đã trở thành những trung tâm Phật Giáo Đại Thừa rất hưng thịnh. Chính từ phong trào Phật Giáo Đại Thừa hưng thịnh tại Ấn Độ các vị Tăng sĩ đã lên các thương thuyền qua truyền đạo Phật và do đó trung tâm Phật Giáo Luy Lâu tại Giao Chỉ (Việt Nam thời bấy giờ) được thành lập. Hiện nay tại Luy Lâu còn những di tích lịch sử trong đó chùa Dâu còn gọi là chùa Pháp Vân, nơi mà sau này vào khoảng năm 580 Thiền sư Tỷ Ni Đa Lưu Chi (người Ấn Độ) đã hành đạo tại đây.

Phật Giáo từ Ấn Độ được truyền trực tiếp qua Việt Nam trước rồi sau đó mới truyền qua Trung Quốc chủ không phải Phật Giáo từ Trung Quốc truyền qua Việt Nam như những sách cũ đã ghi (Theo sách

"Việt Nam Phật Giáo Sử Luận, quyển I, của Nguyễn Lang, 1994).

Theo sử gia Nhật Bản, ông Kamata, trong sách Trung Quốc Phật Giáo Thông Sử, xuất bản tại đại học Đông Kinh năm 1981, đã nhiều lần xác nhận rằng Phật Giáo đã du nhập vào Trung Quốc từ Việt Nam, có đoạn ông gọi là Việt Nam, có đoạn gọi là Giao Chỉ. Đề cập đến Phật Giáo Giao Chỉ tức là đề cập đến trung tâm Phật Giáo tại Luy Lâu.

Do đâu mà có từ Luy Lâu? Tiếng Việt gọi là Dâu, tiếng Hán phiên âm ra Luy Lâu còn gọi là Liên Lâu, nằm ở trung tâm đồng bằng sông Hồng nay là huyện Thuận Thành, tỉnh Hà Bắc, Bắc Việt.

Ngày xưa Việt Nam có 3 thị trấn cổ là Luy Lâu, Long Biên và Cổ Loa. Riêng Luy Lâu nằm trên bờ sông Dâu cách sông Đuống 5 cây số về phía Bắc. Dân Luy Lâu có nghề trồng dâu nuôi tằm và dệt lụa rất nổi tiếng.

Về địa thế, có nhiều đường thủy bộ chạy ngang qua Luy Lâu khiến nơi đây thành một trung tâm giao dịch rất quan trọng. Có những đường bộ như con đường đi Phả Lại, Đông Triều đến biên giới Việt Trung (nay là đường số 18). Đường thủy từ Dâu nối sông Đuống, sông Hồng ra biển, hoặc nối với sông Lục Đầu, sông Thái Bình rồi ra biển.

Vì địa thế thuận lợi cho việc giao thông như thế nên Dâu là trung tâm thương mại rất sầm uất đương thời. Các thương gia Ấn Độ và Trung Quốc đều đổ về đây để mua bán các nông sản, lâm sản, vải vóc và các hàng công kỹ nghệ khác rất thịnh hành. Họ mua hàng tại đây để đem về nước hoặc trên đường buôn bán tiếp tục qua các nước khác trong vùng.

Luy Lâu còn là trung tâm chính trị, là thủ phủ của Giao Châu qua nhiều thời đại của chính quyền đô hộ từ phương Bắc. Thủ phủ này có thể được xây dựng từ thời Triệu Đà, 179 năm trước công nguyên. Sau khi nhà Hán chiếm được Nam Việt của Triệu Đà, họ vẫn giữ nguyên Luy Lâu làm trị sở của Giao Chỉ. Trong sách biên niên của nhà Hán ghi 10 huyện của quận Giao Chỉ trong đó Luy Lâu là đứng đầu.

Nhờ vào vị thế như vậy nên chẳng những các thượng nhân mà các vị Tu sĩ Phật Giáo Ấn Độ cũng đến đây để truyền bá Phật Giáo, học chữ Hán và dịch kinh điển từ tiếng Phạn ra Hán văn trước rồi mới tiếp tục công việc truyền bá dễ dàng hơn để đi sâu vào lục địa Trung Quốc.

Từ Luy Lâu Phật Giáo được lan truyền ra khắp vùng đồng bằng sông Hồng, và khắp vùng đồng bằng Bắc Bộ lúc bấy giờ. Phật Giáo đã tạo cho Luy Lâu một phong tục tốt đẹp, một hình ảnh thân thương mà dân chúng nơi này rất tự hào

không bao giờ quên qua những câu ca dao như sau:

"Dù ai buôn bán trăm nghề  
Nhỏ ngày mừng tám thi về hội Dâu"  
hay là  
"Dù ai đi đâu về đâu  
Hễ trông thấy tháp chùa Dâu thi về"

Như thế là Phật Giáo Luy Lâu đã gắn liền với tín ngưỡng dân gian, được dân gian hóa và phong tục hóa. Nó thể hiện tâm lý dân gian, thể giải quan và lòng mong ước, tính hiền hòa của dân quê vùng Dâu và cả vùng đồng bằng Bắc Việt cho mãi đến ngày nay vẫn giữ được nét đặc thù của Phật Giáo dân gian.

Ngược về quá khứ lúc bấy giờ tại Ấn Độ nhằm thời kỳ vua A Dục (Asoka lên ngôi vào năm 273 trước Tây lịch và làm vua được 37 năm, theo Phật Giáo Từ Điển của Đoàn Trung Còn) bình phục được toàn cõi Ấn Độ, đóng đô tại Pāliputra, Ngài mời hàng ngàn vị Thánh Tăng để lo việc kết tập Kinh Luật Luận và cử nhiều phái đoàn ra nước ngoài truyền đạo đến các nước phương Tây, phương Đông cũng như vùng Đông Nam Á.

Sử liệu Miến Điện có chép rằng, một phái đoàn do hai Cao Tăng Uttara và Sona đã đến Miến Điện để truyền bá Đạo Phật. Sử liệu Phật Giáo Thái Lan cũng có ghi hai Cao Tăng nói trên cũng đã qua Thái Lan để truyền bá Đạo Phật. Thế nhưng hai Cao Tăng đó tiếp tục hành trình đến Việt Nam và Trung Quốc hay không, không thấy sử liệu nào ghi lại.

Theo sử liệu Trung Hoa có ghi rằng ở Giao Châu tại thành Nê Lê (chính là Đồ Sơn hiện nay) có bảo tháp của vua A Dục. Điều đó có thể nói lên rằng Phật Giáo được truyền trực tiếp từ Ấn Độ qua Việt Nam rất sớm có thể vào thời vua A Dục bên Ấn Độ.

Chúng ta vẫn biết rằng từ Bắc Ấn Độ có những đường bộ có thể qua Trung Quốc những đến Lạc Dương, Bành Thành và các thành phố khác của Trung Quốc rất xa xôi, đường đi qua núi non hiểm trở đầy thú dữ và tiếp đến phải qua những sa mạc mênh mông, mùa hè rất nóng bức và mùa đông thì băng giá cực lạnh, rất nguy hiểm về nhiều mặt không tiện lợi cho việc giao thương. Hơn nữa lúc bấy giờ đi đường bộ chỉ có thể dùng ngựa, do đó việc chuyên chở hàng hóa không thuận tiện. Bởi những lý do đó mà đường bộ không được các thượng nhân và các Tu sĩ Phật Giáo sử dụng.

Theo George Coedes trong sách "Histoire ancienne des états hindouisés d'Extrême Orient" viết rằng: Hầu hết các vùng ở Ấn Độ đều tham gia vào việc truyền bá nền văn minh Ấn Độ ra ngoài lục địa Ấn, những phần tham gia lớn nhất thuộc về vùng Nam Ấn.

Khi nhìn vào bản đồ thế giới, ta thấy rằng sự truyền bá trên phải đi bằng đường

biển mỗi có thể đến Việt Nam và các nước trong vùng Đông Nam Á được.

Giáo sư Louis De La Vallée Puossin trong sách "Dynasties et histoire de l'Inde" viết rằng: Tất cả các hải cảng vùng Đông Ấn đều có tham gia vào sự nghiệp chung truyền bá nền văn minh Ấn Độ ra các nước ngoài, nhưng các hải cảng Nam Ấn cống hiến nhiều nhất cho sự nghiệp đó.

Cả hai sử liệu trên đều cho ta thấy rằng sự truyền bá nền văn minh Ấn Độ, đường nhiên là trong đó có cả Phật Giáo, ra các nước lân cận phải là đường biển, có nghĩa là Phật Giáo phải được truyền vào Việt Nam trước rồi mới vào Trung Quốc sau.

Vào thế kỷ thứ V có Pháp Hiển và vào cuối thế kỷ thứ VII có Nghĩa Tịnh của Trung Quốc đều lên thuyền tại Tamralipti cũng gọi là Tamluk, cửa sông Hằng để trở về Trung Hoa. Như vậy không phải những thế kỷ trước kỷ nguyên mà mãi về sau đến thế kỷ thứ VII đường biển vẫn là phương tiện giao thông thuận lợi nhất từ Ấn Độ đi Đông Nam Á và lên đến Trung Quốc.

Những điều kể trên nói lên rằng sự truyền bá nền văn minh Ấn trong đó có cả Phật Giáo được truyền ra các nước lân cận bằng đường biển thuận lợi hơn là đường bộ. Như vậy càng làm rõ nét hơn sự truyền bá Phật Giáo từ Ấn Độ qua Việt Nam lúc bấy giờ bằng đường biển và như thế hệ luận đường nhiên là sớm hơn qua Trung Quốc rất nhiều năm.

Trong sách "*Linh Nam Chích Quái*" có câu chuyện Đồng Tử và Tiên Dung như sau:

"Đồng Tử và Tiên Dung lập phố xá buôn bán, giao thiệp với nhiều nhà buôn nước ngoài. Một hôm Đồng Tử theo một khách buôn ngoại quốc đi bằng thuyền ra khỏi xứ. Họ ghé lại một hòn núi tên là Quỳnh Viên để lấy nước ngọt. Dưới núi Quỳnh Viên, Đồng Tử gặp một nhà sư Ấn Độ ở trong một túp lều. Nhà sư giảng cho Đồng Tử nghe, Đồng Tử phát tâm ở lại đảo để học đạo, giao vàng cho bạn để bạn đi buôn dùm mình, hẹn khi về thì ghé lại đón cùng về. Khi về, Đồng Tử được nhà sư cho một cây gậy và một nón lá, bảo rằng với những vật này có thể làm phép lạ. Sau khi về nước, Đồng Tử giảng Phật Pháp cho Tiên Dung nghe, cả hai đều được giác ngộ, bỏ chuyện buôn bán, tìm thầy học đạo..."

Trong câu chuyện trên thấy nói đến khách buôn nước ngoài đó là những người Ấn Độ. Đồng thời việc Đồng Tử và Tiên Dung bỏ nghề buôn bán để tìm thầy học đạo cho thấy đạo Phật rất được dân chúng mến mộ. Câu chuyện càng làm sáng tỏ thêm Phật Giáo được truyền

bá vào Việt Nam trực tiếp từ Ấn Độ, và do chính các Tu sĩ người Ấn truyền vào.

Trong sách "Ngô Chí" có chép bức thư của Viên Huy gửi cho thượng thư lệnh Tuần Húc năm 207, trong đó có đoạn khen Sĩ Nhiếp giữ gìn quận Giao Châu được thái bình an ổn hơn 20 năm, và có đoạn viết: "Khi ra vào thì đánh chuông khánh, uy nghi đủ hết, kèn sáo thổi vang, xe ngựa đầy đường, người Hồ đi sát bánh xe đốt hương thường có mấy mươi người...". Người Hồ tức là các vị sứ người Ấn Độ, bấy giờ đã có nhiều ở Giao Châu. Vì Sĩ Nhiếp rất sùng kính đạo Phật nên trong những lễ lạc đều có các sự sớ bản xú và sự người Ấn Độ tham dự.

Theo Trần Văn Giáp, tác giả sách "Le Bouddhisme En Annam Des Origines Au XIIIè Siècle" có đề cập đến Mâu Tử là người Trung Hoa trước theo Lão Giáo, sau đó nhập tịch Giao Châu, theo đạo Phật và học giáo lý Phật Giáo tại Giao Châu. Sau đó ông viết sách "Lý Hoặc Luận" (những luận lý để làm tiêu tan các mối nghi hoặc về Phật Giáo), là sách về Phật Giáo sớm nhất tại Việt Nam bằng Hán văn. Điều đó nói lên rằng Đạo Phật đã phát triển phổ biến lắm từ nhiều thế kỷ trước đó nghĩa là từ thế kỷ trước công nguyên. Nếu không như thế tại sao Mâu Tử lại học Phật tại Giao Châu mà không học Phật Giáo tại nội địa Trung Hoa, có nghĩa là Phật Giáo tại Trung Quốc lúc bấy giờ chưa được phổ cập đến mọi nơi hay chưa mỗi được du nhập vào lục địa này chưa lâu nên chưa phát triển bằng đất Giao Châu, mặc dù vẫn biết rằng lúc bấy giờ tại Trung Quốc có nội loạn những không vì thế mà hoàn toàn không thể nghiên cứu Phật Pháp được.

Trong sách "Lý Hoặc Luận" của Mâu Tử được viết vào thế kỷ thứ II Tây lịch tại Giao Châu có nói nhiều về Tăng Ni tại Giao Châu trong đó có cả Tăng sĩ bản xứ và Tăng sĩ nước ngoài và những tệ trạng trong giới Tăng Ni như sau: "Sa Môn ngày nay có kẻ lại thích uống rượu ngon, có khi có vợ con, biết cất giữ tiền bạc, của quý..."

Trong đoạn văn trên cho ta những nhận xét như sau: Trước tiên là từ "Sa Môn". Theo thứ bậc của Tăng Ni Phật Giáo khi xuất gia tu 10 giới gọi là Sa Di. Sau nhiều năm tu học có công hạnh, rành rỏi về Kinh Luật Luận Phật Giáo và phải trên 20 tuổi mới có thể thọ 250 giới để trở thành Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni phải thọ 348 giới. Sau khi thọ Tỳ Kheo hay Tỳ Kheo Ni, mỗi năm phải nhập hạ và liên tục tu học mấy mươi năm sau và phải có đức hạnh tốt, gương mẫu và thường là trên 50 tuổi Giáo Hội mới suy tôn lên hàng Thượng Tọa. Quý Thượng Tọa tiếp tục đạo nghiệp, có đức độ gương mẫu được mọi người kính nể và thường là trên 60

tuổi mới được Giáo Hội lập ra giới đàn truyền giới để suy tôn lên hàng Hòa Thượng và cao hơn nữa là Đại Lão Hòa Thượng. Thường thì những Thượng Tọa cao tuổi hoặc Hòa Thượng trở lên mới được gọi là Sa Môn. Thế nhưng không phải đạo Phật truyền bá vào Việt Nam một sớm một chiều trong vòng một thế kỷ có thể có nhiều vị Tu sĩ như Mâu Tử đã viết. Vì để có những bậc Sa Môn thế như quá trình đào tạo kể trên có thể là phải trải qua mấy thế hệ mới có đủ nhiều bậc chân sư trưởng thượng, mỗi có đủ Tam Sư (Hòa Thượng, Yết Ma, Giáo Thọ), và Thất Chứng (bảy vị Tôn Chứng), và phải có nhiều Tu sĩ có đủ tài đức để có thể thọ Sa Di, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni v.v... khi đó giới đàn mới được thiết lập để truyền giới. Những điều kiện tối cần yếu để đào tạo ra Tăng sĩ là phải có nhiều tín đồ mỗi có đủ điều kiện tài chánh để thiết lập chùa chiền và nuôi Tăng chúng để sau đó họ mới trở thành những bậc trưởng lão có đủ tài đức để thiết lập giới đàn cho Tăng Ni đến thọ giới.

Như vậy nếu tính ngược thời gian từ lúc Lý Hoặc Luận ra đời (theo Paul Pelliot nói rằng Mâu Tử sinh vào khoảng 165-170. Trong bài tựa Lý Hoặc Luận, Mâu Tử nói vì thời ấy tại Trung Quốc loạn lạc nên ông cùng mẹ đến Giao Châu tỵ nạn, năm 26 tuổi lấy vợ. Theo Hồ Thích và Paul Pelliot thì Lý Hoặc Luận được viết vào cuối thế kỷ thứ II, nghĩa là những mẩu chuyện về Phật Giáo mà ông đã viết thuộc về thế kỷ thứ hai và trước đó rất lâu có thể phải tốn trên vài trăm năm mới có đủ thời gian đào tạo được những Sa Môn như trong sách đã kể.

Điều tiếp theo là Đạo Phật phải có mặt tại Giao Châu lâu lắm, có rất nhiều chùa chiền và rất nhiều Tăng Ni, sinh hoạt Phật Giáo cũng rất nhiều thế hệ nên tín đồ Phật Tử lâu ngày sinh ra lờn đi, xem thường các vị Sa Môn, trong sự thờ ở bất kính, quên lãng của tín đồ, các sự Sa Môn mới sinh tật như trong Lý Hoặc Luận đã viết.

Theo sử liệu trên ta có thể kết luận rằng đạo Phật đã được các Tu sĩ Ấn Độ truyền vào Việt Nam chậm lắm phải là vào thế kỷ trước công nguyên hoặc sớm hơn mới sinh ra những hiện tượng tiêu cực mà Mâu Tử đã đề cập đến.

Trường hợp vị sư Khương Tăng Hội (200-280). Theo sách "Việt Nam Phật Giáo Sử Luận" quyển I, của Nguyễn Lang từ trang 85, viết như sau:

"Cha mẹ Tăng Hội người gốc Khương Cú (Sogdiane) cư trú tại Giao Chỉ để buôn bán. Tăng Hội chắc chắn là sinh trên đất Giao Chỉ, cha mẹ ông mất năm ông lên mười tuổi. Không biết ai đã nuôi dạy Tăng Hội sau khi cha mẹ ông mất, chỉ biết rằng lớn lên ông đi xuất gia và tu học



rất tinh tiến (Cao Tăng Truyền). Ta cũng không biết thầy của ông là ai và trong số mười vị Tăng sĩ truyền giới cho ông có vị nào là Tăng sĩ ngoại quốc không. Ta chỉ biết ông giỏi cả Phạn ngữ lẫn Hán tự. Trong các tác phẩm của ông ta thấy có tập Nê Hoàn Phạm Bối là một tập thi ca về đề tài Niết Bàn tuyển dịch từ những bài thi tụng Phạn Ngữ, Lục Độ Tập Kinh của ông văn từ điển nhã, chúng tỏ Hán văn của ông không thua gì người Trung Hoa thời ấy. Cổ nhiên là sinh trưởng tại Giao Châu ông phải nói thạo tiếng nước ta.

"Sách Cao Tăng Truyền nói rằng ông đến Kiến Nghiệp thủ đô nước Ngô (nay là Nam Kinh) vào năm Xích-Ô thứ mười, tức là năm 247. Ông mất vào năm 280, niên hiệu Thái Khương nguyên niên đời nhà Tấn. Như vậy ông đã ở trên đất Trung Hoa 33 năm. Nhiều người cho rằng ông đã trước tác và dịch thuật tại đây, nhưng kỳ thực một phần quan trọng của công việc này đã được ông làm tại Giao Chỉ.

"Trong bài tựa kinh An Bang Thủ Ý do ông viết, ta thấy có một chứng cứ rõ ràng ông đã viết bài tựa này trước năm 229, nghĩa là hồi ông còn hành đạo tại Giao Chỉ. Đó là chi tiết An Thế Cao, người đã dịch kinh An Bang Thủ Ý: "Có vị Bồ Tát tên là An Thanh, tự là Thế Cao, con đích của vua nước An Tức, sau khi nhường ngôi cho chú lánh nạn qua đất này, sau bèn về ở Kinh Sư...". Kinh Sư ở đây là Lạc Dương, chính ở Lạc Dương mà An Thế Cao đã dịch nhiều kinh vào hậu bán thế kỷ thứ hai. Nếu bài tựa này viết sau năm 229, tức năm Ngô Tôn Quyền xưng đế thì Kinh Sư phải là Kiến Nghiệp chứ không phải là Lạc Dương nữa. Bởi vì sau ngày Tôn Quyền xưng đế, nước ta đã nội thuộc Đông Ngô rồi mà không theo Bắc Ngụy.

"Chi tiết quan trọng trên còn cho ta một dữ kiện lịch sử nữa: Những cuốn kinh mà An Thế Cao dịch tại Lạc Dương đã được mang tới và lưu hành tại Giao Chỉ trong thời gian Tăng Hội hành đạo tại đây. Những kinh này ví dụ như kinh An Bang Thủ Ý, đã được mang xuống do những người Phật tử Lạc Dương tới tỵ nạn tại Giao Chỉ. Trong số những người Phật tử này có Cư sĩ Trần Tuệ, học trò của An Thế Cao, người mà Tăng Hội đã gặp và đã cùng cộng tác để chú sớ kinh An Bang Thủ Ý".

Sau khi đọc những đoạn trên chúng ta thấy rõ rằng những kinh mà An Thế Cao dịch đã được lưu hành tại Giao Châu và từ Giao Châu được Phật tử đem đến Lạc Dương cho An Thế Cao dịch. Điều đó một lần nữa khẳng định rằng Phật Giáo đã được truyền vào Việt Nam sớm hơn vào Trung Quốc rất lâu và đã phát triển cũng như đã có rất nhiều kinh sách lưu hành tại đây sau đó mới được chuyển sang Trung Quốc.

Trong bài tựa kinh An Bang Thủ Ý, Khương Tăng Hội viết: "Tôi sinh ra như đầu tích cuối cùng, vừa mới đủ sức vac cùi thì mẹ cha đều mất, bậc Tam Sư cũng viên tịch, nhìn lên mây trời, buồn thấy mình thiếu người chỉ dạy". Tam Sư tức là Hòa Thượng, Yết Ma, Giáo Thọ ba chức vị cao nhất trong giới đàn truyền giới cho Tăng Ni và Phật tử như đã nói phần trên.

Điều này một lần nữa cho ta thấy rằng Phật Giáo Việt Nam đã phát triển sớm lắm và đã có hệ thống hoàng pháp, truyền giới một cách có truyền thống lâu đời. Trong khi đó có nhiều sử liệu cho thấy rằng đến giữa thế kỷ thứ ba Trung Hoa mới có lễ truyền giới cần đến bậc "Tam Sư".

Theo sách "Thiền Uyển Tập Anh Ngữ Lục" (được soạn từ cuối thế kỷ XI đến đầu thế kỷ XIII, khắc in năm Vĩnh Thịnh thứ 11 (1715) truyện Quốc Sư Thông Biện có nói về truyền đạo Phật vào nước Việt Nam với những chi tiết rằng: Nhân ngày rằm tháng hai, mùa xuân năm Hội Phong thứ 5 (1096), Phù Thánh Cảm Linh Nhân Hoàng Thái Hậu (tức Y Lan nguyên Phi, mẹ vua Lý Nhân Tông, được phong làm Hoàng Thái Hậu năm 1073) đến chùa thiết lễ Trai Tăng. Trong khi đàm đạo bà hỏi Thiền sư Trí Không (tức Quốc Sư Thông Biện) về Đạo Phật truyền vào nước ta khi nào, nhà sư đã dẫn lời sư Đàm Thiên người Trung Quốc trả lời Tùy Văn Đế về Phật Giáo Giao Châu như sau: "Xứ Giao Châu có đường thông với Thiên Trúc. Khi Phật Pháp mới đến Giang Đông chưa khắp thì ở Luy Lâu đã có tới 20 bảo tháp, độ được 500 vị Tăng và dịch được 15 quyển kinh rồi.

**Như vậy là Phật Giáo đã truyền đến Giao Châu (Việt Nam) trước nước ta (Trung Quốc).** Hồi ấy đã có các vị Tăng như Ma Ha Kỳ Vực (Mahajivaka, nhà sư Ấn Độ đến Luy Lâu khoảng năm 168-169), Khương Tăng Hội, Chi Cương Lương (Kalaruci, nhà sư người nước Nhục Chi (Trung Á) đến Giao Châu đầu thế kỷ thứ 3), Mậu Bác v.v... cư trú tại đó".

Theo sử liệu Lý Hoặc Luận ta có thể hiểu rằng số kinh đã được dịch tại Giao Châu rất nhiều chứ không phải chỉ 15 quyển mà thôi.

Trong Lý Hoặc Luận có đoạn:

"Người ta hỏi Mậu Tử: Chân lý chỉ thật thì thường không văn hoa, lời nói chỉ lý thì không hoa hòe... cho nên châu ngọc thì quý giá mà ngói vụn thì đồ bỏ. Xưa thánh nhân chế ra bảy kinh, văn từ không quá ba vạn lời và không gì không đủ trong từng ấy kinh văn. Ngày nay, chuông điển của Phật Giáo có tới hàng ngàn, ngôn từ có tới hàng ngàn ức, sức một người không thể nào đọc hết được. Tôi chán mà không muốn đọc".

Đó là sách được viết vào cuối thế kỷ thứ hai có thể cho ta hình dung được số lượng kinh điển đã được dịch và lưu hành tại Giao Châu thời bấy giờ rất nhiều. Điều đó cũng cho ta thấy Phật Giáo đã du nhập vào Giao Châu lâu lắm, đã có nhiều Tăng sĩ, nhiều học giả lắm mới có đủ thời gian và trình độ dịch kinh nhiều đến như thế.

Những kinh mà An Thế Cao đã dịch tại Lạc Dương là do Phật tử mang từ Giao Châu đến đó là những kinh gì? Theo sử gia Nhật Bản Kamata. Trong sách đã dẫn là Trung Quốc Phật Giáo Thông Sử gồm có 35 bộ 41 quyển như sau:

1. An Bang Thủ Ý kinh, 1 quyển
2. Âm Tri Nhập kinh, 1 quyển
3. Bách Lục Thập Phẩm kinh, 1 quyển
4. Đại Thập Nhi Môn kinh, 1 quyển
5. Tiểu Thập Nhi Môn kinh, 1 quyển
6. Đại Đạo Địa kinh, 2 quyển
7. Nhón Bốn Dục Sanh kinh, 1 quyển
8. Đạo Y Phát Hành kinh, 2 quyển
9. A Tỳ Đàm Ngũ Pháp kinh, 1 quyển
10. Thất Pháp kinh, 1 quyển
11. Ngũ Pháp kinh, 1 quyển
12. Thập Pháp kinh, 2 quyển
13. Phổ Hiền Nghĩa kinh, 1 quyển
14. Nghĩa Quyết Luật kinh, 1 quyển
15. Lậu Phân Bồ kinh, 1 quyển
16. Tử Đế kinh, 1 quyển
17. Thất Xử Tam Quán kinh, 2 quyển
18. Cửu Hoàng kinh, 1 quyển
19. Bát Chánh Đạo kinh, 1 quyển
20. Tạng Kinh Từ Thập Tử Biến, 2 quyển
21. Ngũ Thập Giáo Kế kinh, 2 quyển
22. Đại An Bang kinh, 1 quyển
23. Tứ Duy kinh, 1 quyển
24. Thập Nhị Nhón Duyên kinh, 1 quyển
25. Ngũ Ấm Dụ kinh, 1 quyển
26. Chuyển Pháp Luân kinh, 1 quyển
27. Lưu Nhiếp kinh, 1 quyển
28. Thị Pháp Phi Pháp kinh, 1 quyển
29. Pháp Thọ Trần kinh, 1 quyển
30. Thập Tử Ý kinh, 1 quyển
31. Bốn Tướng Y Trí kinh, 1 quyển
32. A Hàm Khẩu Giải, 1 quyển
33. A Tỳ Đàm Cửu Thập Bát Kiết kinh, 1 quyển
34. Thiền Hành Pháp Tướng kinh, 1 quyển
35. Nan Đề Ca La Việt kinh, 1 quyển.

Những sử liệu đã dẫn đủ để cho chúng ta kết luận được rằng các nhà sư Ấn Độ đã trực tiếp đến nước Việt Nam để truyền bá Phật Giáo và do đó trung tâm Phật Giáo tại Luy Lâu đã được thành lập, hiện nay còn nhiều di tích trong đó có chùa Đậu là một trong những trung tâm Phật Giáo rất quan trọng trong những thế kỷ đầu.

Về thời điểm du nhập của Phật Giáo như trên đã nói chậm lắm phải là trong thế kỷ trước công nguyên. Sau đó Phật Giáo đã phát triển khá phổ biến tại Luy Lâu và những vùng lân cận. •

# AUF DEUTSCH

● Thich Nhu Dien

## DER BUDDHISMUS UND DIE MENSCHEN

Aus dem Vietnamesischen ins Deutsche übertragen von

DUC THU - LOC HO



### Kapitel III

Der Buddhismus aus der Sicht der Menschen im Westen

(Fortsetzung VG Nr. 118)

**5) Frage:** Was ist die Rolle der Frau als Junge des Rehs wuchs in den Bergen auf. Da es im Buddhismus?

**Antwort:** Buddha hat uns oft gelehrt, daß es keine Unterschiede zwischen den Menschen und den Religionen gibt, da das Blut der Menschen immer rot ist und ihre Tränen immer salzig sind. Das zeigt uns, daß Buddha für die Gleichberechtigung der Religionen und aller Menschen war und daß er Frau und Mann gleichgestellt hat. Sowohl Männer als auch Frauen können Buddha werden. Die Frau hat auch die Fähigkeit, vor dem Mann erleuchtet zu werden, so z.B. Long Nu im Saddharma-Pundarika-Sutra. Fast alle Religionen auf dieser Welt erlauben den Frauen, die Ordination. Doch sie räumen ihnen keine Gleichberechtigung ein, nur der Buddhismus tut dies. Als Beispiel nenne ich die Tatsache, daß buddhistische Nonnen alle Zeremonien, wie z.B. die der Zufluchtsnahme, der Ordination, oder der Unterweisungen in der Buddha-Lehre leiten dürfen. Die einzige Bedingung, die sie dabei beachten müssen, ist, die Mönche über ihre Tätigkeiten zu informieren. In der Regel stimmen die Mönche zu. Diese Unterrichtungspflicht der Nonnen kann als eine Art der Unterstützung der Frauen durch die Mönche betrachtet werden. Außer dieser Bedingung schränkt keine ihren religiösen Wandel ein.

**6) Frage:** Es gibt viele Frauen, die in Asien von den Männern unterdrückt werden. Was halten Sie davon?

**Antwort:** In einigen Ländern, wie China oder Japan gibt es noch keine Gleichberechtigung. Das hängt mit dem Konfuzianismus zusammen. Aber schließlich muß es einen Mann in der Familie geben, auf den sich die Frau stützen kann. Manchmal treiben die Männer es zu weit mit ihren Rechten, so daß die Frauen für die Gleichberechtigung kämpfen. Selbst in Europa hatten die Frauen bis zum 20. Jht. keine Gleichberechtigung. Jetzt im 20. Jahrhundert gibt

es auch im Westen immer noch Streitgespräche über dieses Thema. Nach buddhistischer Ansicht müssen wir verstehen, daß eine Familie aus Mann und Frau besteht. Das sind zwei wichtige Faktoren für die Erziehung der Kinder. Es ist oft so, daß die Kinder unartig und eine schwere Zukunft haben werden, wenn ein Elternteil fehlt. Die Aufgaben von Mann und Frau sollen gerecht aufgeteilt sein und dementsprechend wahrgenommen werden. Nur so kann das Glück der Familie garantiert werden.

**7) Frage:** Warum dürfen die Ordensleute keine Familie gründen?

**Antwort:** Eine Familie zu gründen, ist keine schlechte Tat, doch es bedeutet eine Abhängigkeit. Ein Mönch oder eine Nonne strebt danach, aus dieser Samsara-Welt, befreit zu werden; die Heirat würde aber eine Bindung an alle drei Geistesgifte bedeuten, von der man schwer loskommen wird. Im 42-Kapitel-Sutra hat Buddha folgendes gelehrt:

Ein Gefangener, selbst, wenn er 1000 Jahre im Gefängnis bleibt, wird eines Tages die Freiheit genießen. Doch ein Mensch, der von der Lust befallen wird, wird ewig im Kreis der Wiedergeburten bleiben.

Mönch und Nonne sollen ein achtsames Leben führen. Sie sollen in allen ihrer Tätigkeiten, beim Gehen, Sitzen, Essen, Trinken und Reden etc. aufmerksam sein. Rechte Ansicht kann man aber nur durch Fernhalten von den 5 Hindernissen (Schönheit, Stimme, Geruch, Gefühle) erreichen. Das sind die 5 Hindernisse zur Befreiung aus dem Wiedergeburtenkreis. Im zweiten Band des Maha-Prajna-Abhidharma findet sich die folgende Geschichte über Buddhas Beziehung zur Prinzessin Yasodhara in einem seiner Vorleben: Auf einem Berg in der Nähe des Palastes von Benares lebte ein Zauberer. Während er einmal Wasser ließ, sah er ein Reh und einen Bock sich begatten. Das brachte ihn in sexuelle Erregung, die zum Samenerguß führte. Das Reh leckte seinen Samen auf und wurde davon schwanger. Es gebar ein Junges im Menschengestalt, das aber Hörner besaß und nur ein Bein hatte. Ober nur ein Bein hatte, konnte es sich nur schlecht bewegen und entschied sich deshalb Zauberkräfte zu üben. Schließlich erlangte es auch die Zauberkräfte. Es konnte Regen machen, der fiel, wann immer es das wollte. Irgendwann befahl dieses Zauberes, daß es 12 Jahre lang nicht regnen dürfe. Als der König von Benares davon hörte, war er sehr besorgt und ließ im ganzen Reiche ausrufen, daß er dem sein halbes Reich schenken werde, der den Regen zurückbringen würde. Damals lebte auch eine Prostituierte im Palast. Diese hatte dem König versprochen, den Weisen nach Benares zu bringen und auf den Schultern dieses Weisen zurückzukommen. Der König ging auf ihr Angebot ein. Die Huhlin verließ mit 500 Dienerinnen den Palast. Vor dem Haus des Weisen veranstaltete sie Tag und Nacht Musik, Gesänge und Tanz, um ihn zu verführen. Sie versuchte seinen Körper zu berühren, da er daraufhin all seine Zauberkräfte verlieren würde. In den ersten Tagen hatten sie ihn weidlich umgarnt. Am siebten Tag verlor er aber seinen Appetit. Die Prostituierte schlug ihm vor, zum Palast zu gehen, da er dort glücklicher leben könnte als hier. Der Weise hörte auf sie und machte sich auf dem Weg nach Benares. Während ihrer Reise tat sie so, als ob sie krank wäre und ließ sich von ihm auf seinen Schultern tragen. Vor ihrer Ankunft im Palast schickte sie eine Nachricht an den König, die ihr Kommen ankündigte. Der König sah, daß die Prostituierte ihr Wort gehalten hatte und gab ihr sein halbes Reich. Da der weise Mann aber seine Zauberkräfte verloren hatte, gab es seitdem auch wieder Regen. Obwohl der Weise im Palast alles hatte, fühlte er sich dennoch wohler in der Natur. Er bat den König, wieder gehen zu dürfen und der König erfüllte ihm diesen Wunsch.

Nachdem er diese Geschichte erzählt hatte, erklärte Buddha seinen Zuhörern, daß dieser Weise er selbst gewesen sei und die Prostituierte die Prinzessin Yasodhara. Sie hatten also bereits vor 500 Vorleben eine

Beziehung gehabt und sind deshalb in diesem Leben wieder eine Ehe eingegangen. Durch die Gefühle und das sexuelle Verlangen entsteht die Wiedergeburt. Deshalb sollen Mönche und Nonnen sich streng von diesen Begierden fernhalten. Heute sind Mönche in Japan, in einem Teil von Korea und in Tibet verheiratet. Die meisten von ihnen haben sich auch dem westlichen Leben zugewandt. Das ist aber wirklich nur ein kleiner Teil innerhalb des asiatischen Buddhismus, der das Zölibat nicht mehr beachtet.

**8) Frage:** In einigen Ländern wie Thailand, Laos und Kambodscha müssen die jungen Männer eine Pflicht, ähnlich wie den Zivil- oder Wehrdienst in Europa, leisten. Was ist das genau?

**Antwort:** Fast alle Länder des südlichen Buddhismus haben diese Tradition, besonders der thailändische Buddhismus. Sie glauben, daß der junge Mann kein guter Mann wäre, wenn er in seinem ganzen Leben nicht für eine kurze Zeit in einem Tempel gelebt haben würde. Wenn er dies versäumt, wird er Schwierigkeiten haben, eine Frau oder eine Arbeit zu finden. Das kurze Leben als Mönch in einem Tempel bedeutet für diese jungen Männer, daß sie den Dank an die Eltern abstatten, wenn diese noch leben. Es hängt von den Umständen und der Zeit des Einzelnen ab, wie lange er sich jeweils in dem Tempel aufhält. Diese Zeit kann eine Woche, drei Monate, ein Jahr oder sogar noch länger dauern. Einige bleiben danach auch ihr ganzes Leben im Kloster. In Thailand, Burma und Laos ist der Buddhismus die Landesreligion. Selbst die jungen Prinzen gehen für ein paar Monate in einen Tempel und leben dort solange als Mönch. Sie tragen auch Mönchsgewänder und begeben sich auf den Almosengang. Das ist eine schöne Tradition, die dazu führt, daß diese Prinzen später ihr Land mit Liebe und Barmherzigkeit regieren werden. Bis heute haben diese drei Länder, trotz der politischen Veränderungen, ihre Tradition bewahrt.

In Europa haben junge Leute die Möglichkeit, den Zivildienst zu leisten, wenn sie den Wehrdienst verweigern. Sie werden in karitativen und sozialen Organisationen eingesetzt. Das ist auch eine Gelegenheit zur Übung der Barmherzigkeit, die man ihnen gibt, wenn sie den Wehrdienst verweigern. Natürlich ist das Leben in der Ordensgemeinschaft nicht einfach. Da viele Menschen unter einem Dach wohnen, gibt es oft Auseinandersetzungen und Zwischenfälle. Alles sollte nach dem Grundprinzip der sechs Paramitas und den sittlichen Geboten, die Buddha aufgestellt hat, geregelt werden.

Die sechs Paramitas sollte jeder Mönch und jede Nonne einhalten, wenn er oder sie in einem Tempel wohnt.

Das erste Paramita lautet, daß man im Tempel friedlich mit den anderen Ordensleuten zusammen leben soll. Selbst in einer Familie gibt es unter den Eltern und Geschwistern manchen Streit. In einem Tempel sind alle Menschen fremd und nicht miteinander verwandt. Deshalb kann das Zusammenleben nur durch Einhaltung der sechs Paramitas garantiert werden. Es gibt Klöster und Tempel in Tibet, China und Vietnam, in denen tausende von Mönchen und Nonnen leben. Trotzdem gibt es dort kaum Zwischenfälle, denn sie alle halten sich an diese sechs Paramitas.

Das zweite Paramita ist die Tugend der rechten Rede. Man soll Wortgefechte vermeiden. Wenn zwei Leute sich streiten, dann haben sie ihre Gründe, aber sie sollen beim Austragen ihrer Streitigkeiten nicht laut und grob werden und die klösterliche Stille stören.

Das dritte Paramita ist die Tugend der rechten Ansicht. In der Gemeinschaft gilt es, sich der Mehrheitsentscheidung zu fügen. Es darf nicht vorkommen, daß jemand auf irgendeine Weise andere zwingt, sich seinem Willen zu beugen.

Das vierte Paramita besagt, daß man seine schlechten Taten und Zweifel den anderen im Kloster mitteilen soll. Nur so kann man friedlich miteinander leben und Vertrauen zueinander finden.

Das fünfte Paramita besagt, daß man alle Vorteile, die geistigen wie die materiellen, mit den anderen teilen soll und nicht für sich reservieren.

Das sechste Paramita ist die Tugend der Einhaltung der Gelübde. Die Gebote dienen als Lehrer für alle Mönche und Nonnen. Jeder muß diese Gebote kennen und sie einhalten, um seinen eigenen Geist zu schulen. Das waren die Grundvoraussetzungen für ein friedliches Zusammenleben in einem Kloster oder Tempel. Auch der Soldat muß Befehlen gehorchen, und die soldatischen Tugenden pflegen, damit er von den anderen respektiert wird.

**9) Frage:** Warum gehen die Mönche der Theravada-Tradition nicht selbst arbeiten und warum opfern die Laien nicht genügend Nahrung, so daß die Mönche sich nicht jeden Tag auf den Almosengang begeben müssen?

**Antwort:** Das Betteln bringt nicht jeder über sich, besonders nicht stolze Menschen mit Macht und Geld in unserer modernen Gesellschaft. Es ist nicht verwunderlich, daß arme Menschen fürs Essen und Überleben betteln. Wenn wir durchschnittliche und wohlhabende Menschen bitten, auf Bettelgang zu gehen, würden sie sich weigern. Ähnlich ist es mit den Mönchen. Sie sind nicht Mönch geworden, weil ihre Familien arm sind. Viele Mönche stammen aus reichen Familien. Sie gehen betteln, nicht weil sie arbeitsunfähig sind. Das ist der entscheidende Punkt. Ein Mönch, der 250 Bhikhu-Gebote zu befolgen hat und voll ordiniert ist, muß die Gebote Buddhas einhalten. Dazu gehört auch der alltägliche Bettelgang und die einmalige Nahrungsaufnahme pro Tag. Nur ein Mönch, der demütig ist und seinen Stolz überwinden kann, ist fähig diese Pflicht auszuführen. Die Mönche und Nonnen unterwerfen sich vier großen Verpflichtungen und haben die Aufgabe, den Menschen zu helfen. Der Almosengang ist ein Instrument der Selbstzucht.

Anhänger der südlichen Schulen des Buddhismus in Thailand oder Sri Lanka opfern den Tempeln auch Reis und andere Lebensmittel. Die meisten kochen das Essen aber nicht in der Pagode, sondern bereiten es schon zu Hause vor und bringen es anschließend in die Pagode.

In Sri Lanka übernimmt die Mönchsgemeinschaft die geistige Aufgabe. Sie unterrichtet die Kinder der Gläubigen. Die Laienanhänger dagegen, versorgen die Mönche täglich mit den materiellen Notwendigkeiten, darunter mit Nahrung. Dort ist das Leben wirklich noch ausgeglichen und die Verteilung der Aufgaben gerecht. Das kann man nicht von vielen Ländern behaupten. Im Mahayana brauchen die Mönche und Nonnen nicht auf den Almosengang zu gehen, denn die Gläubigen opfern Geld und Nahrungsmittel. Somit haben sie viel Zeit, sich geistig zu üben und sind von den weltlichen Verpflichtungen unabhängig.

**10) Frage:** Wie gestaltet sich die Rangordnung im buddhistischen Orden?

**Antwort:** Der Buddhismus vertritt die Lehre der Ichlosigkeit und Formlosigkeit. Deshalb wird auf diesen Aspekt weniger Wert gelegt. Aber im Zuge der Anpassung an die jeweiligen Gepflogenheiten hat jede Tradition ihre eigene Ordinationshierarchie entwickelt. Eines haben sowohl die nördlichen als auch die südlichen Traditionen gemeinsam, nämlich: um die volle Ordination zu bekommen, muß der Mönch oder die Nonne mindestens 20 Jahre alt sein. Mönche und Nonnen, die jünger sind, bleiben bis zu diesem Alter Novizen oder Novizinnen. Während dieser Zeit müssen sie 10 Mönchsgebote einhalten (Shramanera-Gebote). Novizen werden, wenn sie das 20. Lebensjahr erreicht haben und zu Mönchen ordiniert werden, Bhikhus genannt, die Novizinnen dann Bhikhunis. Sie tragen in der Vietnamesisch-Buddhistischen Kongregation den Titel Reverend. Nach 20 Ordensjahren in der Vietnamesisch-Buddhistischen Kongregation, d.h. wenn sie mindestens 40 Jahre alt sind, werden sie zu Ehrwürdigen. Nach 20 weiteren Ordensjahren werden sie zu Hohehrwürdigen, wenn sie mindestens 60 Jahre alt

sind. Ab 80 Jahren werden sie als Hoch-Hohehrwürdige angesprochen.

Im chinesischen Buddhismus gibt es wiederum andere Bezeichnungen. Die Schulen des südlichen Buddhismus gebrauchen nur die Bezeichnung Reverend, ganz selten die Anrede: Ehrwürdiger oder Hohehrwürdiger. Der tibetische Buddhismus verwendet wiederum andere Bezeichnungen. Das Oberhaupt des tibetischen Buddhismus ist der Dalai Lama. Unter seiner Hoheit wirken 4 große Traditionen. In Tibet gibt es die Titel Geshe für einen gelehrten oder promovierten Mönch und Rimpoche für einen Tulku. Viele Leute denken, daß der Dalai Lama die gleiche Funktion hat wie der Papst. Das ist leider nicht richtig. Er ist nur Oberhaupt des tibetischen Buddhismus. Die Welt kennt ihn als Religions- und Staatsoberhaupt der Tibeter. In jedem buddhistischen Land gibt es ein ihm vergleichbares Oberhaupt.

**11) Frage:** Wie sieht die Organisation des Buddhismus aus?

**Antwort:** Der Weltbuddhismus hat zwei große Organisationen. Die erste heißt „World Buddhist Sangha Council“ (WBSC), dessen Sitz in Taiwan ist und dessen Vorsitzender gegenwärtig der Hohehrwürdige Wu Ming ist. Diese Organisation integriert alle buddhistischen Traditionen der Welt. Die Laienanhänger sind in dieser Organisation aber nicht Mitglied. Die zweite große und aktivere Organisation heißt „The World Buddhist Federal“ (WBF), dessen Sitz in Thailand ist. Der Gründer und Berater ist die Königin-Mutter des jetzigen Königs von Thailand. Diese Organisation besteht aus Ordensleuten und Laienanhängern. Die WBSC und WBF arbeiten getrennt voneinander. Es gibt so gut wie keine Kontakte zwischen beiden Organisationen. Auf den Kongressen fehlen oft die Vertreter dieser beiden Organisationen, so daß man sagen kann, daß die buddhistischen Organisationen nicht so stark sind wie die anderer Religionen. Doch dies ist nur der Anfang des Buddhismus im ausgehenden 20. Jahrhundert. Diese Organisationen haben keine Macht und Einfluß auf die jeweiligen lokalen Organisationen, sondern nur eine geistige, symbolische Bedeutung.

**12) Frage:** Wie sagt der Buddhismus über den Schöpfer?

**Antwort:** Der Buddhismus vertritt die These, daß es keinen Schöpfergott gibt. Alle Dinge entstehen und vergehen nach dem Gesetz von Ursache und Wirkung. Niemand schafft sie und niemand kann auf sie Einfluß nehmen außer nach dem Gesetz der 12-Nidana und des Karmas. Ein Schöpfergott hat die volle Macht, die Menschen zu bestrafen. So einen Gott gibt es im Buddhismus nicht. Alles, was der Mensch tut, sind sein Karma. Er ist dafür verantwortlich und niemand kann ihm vergeben bzw. ihn für seine Tat bestrafen. Er kann sich nur selbst aus dem Kreislauf der Wiedergeburten retten. Buddha ist nur ein Lehrer, der den Weg zeigt. Ob wir diesen Weg gehen oder nicht, hängt von uns und nicht von dem Lehrer ab. Berge, Seen, Pflanzen, alle Dinge, die auf dieser oder einer anderen Welt sind, sind nur eine Veränderung des Geistes. Die Menschen sind durch die 4 Elemente: Erde, Wasser, Wind und Feuer entstanden. Wenn der Mensch stirbt, kehrt das Weiche zurück zur Erde, das Warme zum Feuer, die Luft zum Wind und das Flüssige zum Wasser. Wasser und Luft sind ständig veränderlich und niemand kann sie erschöpfen. Das unterliegt dem Naturgesetz. Die Menschen werden durch ihr Karma wiedergeboren. Diese Karma verursacht die Wiedergeburt. Um aus diesem Wiedergeburtenskreis zu entkommen, muß jeder Einzelne selbst praktizieren. Nur so kann jemand sich selbst befreien.

**13) Frage:** Was ist Karma?

**Antwort:** Karma heißt nicht Gesetz, sondern Tat. Diese Taten werden vollbracht im Laufe der vielen Leben und ihre Ergebnisse reichern sich an, so wie die vielen Steine die Berge bilden. Diese Berge bilden wiederum Bergketten. Die guten und schlechten Taten bewirken die Wiedergeburt,

das Altern, den Tod und die Wiedergeburt. Wenn jemand wissen will, was er im Vorleben getan hat, soll er sein jetziges Leben betrachten. Wenn man wissen will, was das Resultat in der Zukunft ist, soll man die Taten von heute anschauen. Wenn jemand in diesem Leben früh stirbt, liegt es daran, daß er in seinem Vorleben viele Menschen getötet hat. Genauso ist es mit Leuten, die ohne Augen, Ohren, Nasen, Zunge oder mit anderen Gebrechen auf die Welt gekommen sind. Dies zeigt, daß diese Menschen irgendwann in ihrem Vorleben Menschen geschadet haben und deshalb in diesem Leben die entsprechenden Behinderungen erleiden müssen. Wenn jemand sehr reich ist, so hat er in seinem Vorleben die Gebefreudigkeit ausgeübt. Umgekehrt ist es mit den Armen, die geizig in ihrem Vorleben waren. Wir können also erkennen, daß alles vom Kausalgesetz und dem Karma abhängt. Dieses Karma verursacht, daß man in Männer oder Frauengestalt wiedergeboren wird. Doch es gibt Leute, die eine männliche Gestalt haben, aber trotzdem sich weiblich verhalten und umgekehrt. Niemand möchte das, doch so ist nun mal das Karma und das Gesetz der Wiedergeburt.

**14) Frage:** Wenn es so ist, warum gibt es immer noch Leute in diesem Leben, die viel gespendet haben und trotzdem arm sind? Es gibt wiederum auch Leute, die sehr viele schlechte Taten begangen haben und das Leben trotzdem richtig genießen können. Gilt hier das Ursache- und Wirkung-Gesetz etwa nicht?

**Antwort:** Es gibt verschiedene Ursachen und Wirkungen. Es gibt Ursachen, die sofort eine Wirkung auslösen, und es gibt andere Ursachen, deren Wirkung sich erst in der Zukunft, im darauffolgenden Leben, zeigt. Wenn Leute trotz eifriger Gebefreudigkeit und guter Taten arm in diesem Leben sind, dann liegt das daran, daß diese in ihrem Vorleben zu viele Schulden gemacht haben. Und für die Leute, die in diesem Leben viel schlechtes tun und immer noch reich sind, ist die Zeit der Vergeltung noch nicht gekommen, denn sie zehren noch von dem Guten, das sie in ihrem Vorleben getan haben, so wie der Sparer von seinem Kapital auf dem Konto zehren kann. Wenn sie in diesem Leben ihr Konto nicht weiter auffüllen, werden sie im folgenden Leben nicht mehr auf dieser Welt geboren und müssen dann sehr leiden.

**15) Frage:** Was bedeuten Nicht-Ich, Formlosigkeit, Leiden und Vergänglichkeit in der buddhistischen Lehre?

**Antwort:** Die Buddhalehre basiert auf diesen Aussagen. Sie spricht von der Vergänglichkeit, weil alles auf dieser Welt veränderlich ist. Zum Beispiel ein neu geborener Mensch muß vier verschiedene Phasen (Entstehen, Existieren, Vergehen und Verlöschen) durchmachen. Niemand kann ewig in einer Phase bleiben, sondern muß sich weiter entwickeln und bewegen.

Auch der Begriff des Leidens zählt zu den Kernaussagen des Buddha. Er ist das Thema der Vier Edlen Wahrheiten. Die erste Lehre, die er nach seiner Erleuchtung im Gazellenhain gepredigt hat, war die Lehre von der vier Edlen Wahrheiten. Sie untersucht das Leiden, die Ursachen des Leidens, die Möglichkeit der Aufhebung des Leidens und die 8 Wege, die zur Aufhebung des Leidens führen.

Dieses Leiden ist nicht nur materieller, sondern auch geistiger Natur. Es ist die Krankheit des Lebens. Viele Menschen glauben, daß der Fortschritt auch ein Ende des Leidens bringen könne. Diese Ansicht ist leider falsch, denn die Technik kann den Menschen nur materiell und nicht geistig bereichern. Auch die Wissenschaft hat für diese Erscheinung keinen Antworten parat.

Was ist das Nichts? Das Nichts soll nicht bedeuten, daß es leer ist, sondern hinter diesem Begriff des Nichts verbirgt sich das eigentliche Sein. Dieses Sein ist die Wahrheit, die das Nichts verbirgt.

Was bedeutet Ich-Losigkeit? Das ist ein besonders schweres Thema für die Europäer. Ich-Dünkel meint das Ego. Die Menschen sind oft gebunden an das, was sie besitzen, sehen, hören. Sie halten das alles für wahr. Sie

identifizieren sich als bestimmte Leute, als Personen in bestimmten Positionen. In Wirklichkeit sind sie dies alles nur scheinbar und nicht wahrhaft, weil wir die Wahrheit mit unseren Augen nicht erkennen können. Leute, die die Buddhalehre nicht kennen, werden viel leiden an diesem Ich-Dünkel. Umgekehrt können Leute, die die Wahrheit des Buddhismus verstehen, die Lehre von der Ich-Losigkeit leicht verstehen.

**16) Frage:** Warum lassen sich buddhistische Mönche und Nonnen den Kopf scheren?

**Antwort:** Das ist eine Frage, die von Asiaten selten gestellt wird. Sie denken einfach, daß Mönche und Nonnen sich die Haare abschneiden müssen. Das ist in Asien eine Selbstverständlichkeit. Es gibt keinen einzigen Mönch oder keine einzige Nonne, die nicht einen kahlen Kopf tragen. In Japan jedoch gibt es heutzutage einige Mönche, die eine Familie haben und deshalb auch Haare tragen. Das ist aber nur in Japan üblich.

Wir sollten uns stets daran erinnern, daß selbst Prinz Siddharta seine Haare am Ufer des Anoma-Flusses abgeschnitten hat. Die Kopfschur drückt aus, daß man von der Abhängigkeit und den Neigungen des Lebens lassen will und soll. Haare stehen für einen abhängigen Charakter. Deshalb soll ein Mönch oder eine Nonne sich von dieser materiellen Abhängigkeit trennen, und sich frei machen für die Schulung des Geistes. Die Ordensleute führen ein einfaches, ungebundenes Leben und das Abschneiden der Haare signalisiert somit den Anfang ihres geistlichen Lebens.

**17) Frage:** Wie wird man Buddhist?

**Antwort:** Da der Buddhismus nicht missioniert, stellt sich ihm diese Frage eher selten. An das Buddhist-sein sind die folgenden Bedingungen geknüpft:

Man sollte Zuflucht nehmen zu den drei Juwelen (Buddha, Dharma, Sangha). Das ist die Hauptbedingung. Zuflucht bedeutet Rückkehr zur Nähe der drei Juwelen. Als frommer Buddhist sollte man die 5 Sitten-Gebote einhalten. Diese 5 Gebote sind: nicht töten, nicht stehlen, nicht unkeusch sein, nicht lügen, keine Rauschmittel nehmen. Wenn man es schafft alle Gebote einzuhalten, dann ist das sehr gut. Ansonsten sollte man mindestens eines dieser Gebote halten, um sich als Buddhist bezeichnen zu können. Die Einhaltung dieser Gebote besänftigt Geist und Körper. Sie wirken so, als ob man sein Hemd, das vom Karma befleckt ist, Tag für Tag wäscht und dieses Hemd langsam immer sauberer wird. Jemand, der sein Hemd nicht wäscht, wird immer vom Karma befleckt bleiben. Außerdem wäre es lobenswert, wenn man als Buddhist mindestens zweimal im Monat sich vegetarisch ernährt. Man kann dann Schritt für Schritt die Anzahl der Tage erhöhen. Das sind die Grundbedingungen, die einen zu einem Buddhisten machen. Sie sollten für sich auch einen spirituellen Lehrer suchen, der Sie bei der Praxis der Buddhalehre unterstützt.

**18) Frage:** Wie hoch ist gegenwärtig die Zahl der deutschen und ausländischen Ordensleute und die der Buddhisten in Deutschland?

**Antwort:** Auf der Seite des vietnamesischen Buddhismus gibt es etwa 30 Ordensleute. Andere buddhistische Traditionen wie zum Beispiel die aus Tibet, Thailand, China und Sri-Lanka haben ebenfalls etwa 30 Ordensleute in Deutschland. Es gibt noch weitere 10 Ordensleute, die in Europa sich die Ordination unterzogen haben und in deutschen Buddhismus-Zentren leben. Es gibt einige Europäer, die sich in Asien (z.B. Thailand, Sri Lanka, Japan und Vietnam) ordinieren ließen und dort geblieben sind. Wahrscheinlich können sie dort ein ruhigeres Leben führen als hier. Außerdem haben sie in Europa keinen so festen Halt wie in Asien, da der Buddhismus hier noch nicht so entwickelt ist. Insgesamt gibt es jedoch über 200 deutsche buddhistische Zentren in Deutschland, die Meditation und Buddhalehre bieten. Zusammen gibt es ungefähr 40.000 deutsche Buddhisten verschiedener Traditionen, die Zuflucht zu den drei Juwelen genommen haben. Dazu leben in Deutschland ungefähr 70.000

vietnamesische Buddhisten und 5.000 Buddhisten anderer Traditionen aus Japan, Thailand, Laos, Kambodscha und Sri Lanka. Das ergibt eine Zahl von etwa 160.000 Buddhisten in Deutschland. Rechnet man die Zahl der Buddhismus-Sympathisanten hinzu, dann wird diese Zahl sofort erheblich größer. Heute gibt es in Deutschland unzählige Bücherladen, die buddhistische Literatur, besonders über den tibetischen Buddhismus, anbieten. In Deutschland gibt es einige Universitäten, wie z.B. Göttingen und Passau, an denen Sanskrit und Pali unterrichtet wird. In einigen anderen Universitäten wie Hamburg, Hannover, Berlin, Frankfurt gibt es die Fachrichtung Religionswissenschaft, in der der Buddhismus auch behandelt wird.

Jedes Jahr gibt es Tausende von Christen, die ihren Glauben aufgeben. Von diesen Leuten gibt es einige, die den Buddhismus als ihre neue Religion angenommen haben. Die anderen sind diejenigen, die noch keinen Weg gefunden haben. Sie sind immer noch von der materiellen Seite des Lebens beeinflusst. Daher haben sie die geistige Seite in den Hintergrund gedrängt. Im allgemeinen legt der Buddhismus größeren Wert auf die Praxis der Buddhalehre als auf die Anzahl der Anhänger.

Das waren die häufigsten Fragen, die die Deutschen oder Europäer an mich und andere buddhistische Lehrer gestellt haben. Das sind keine Frage aus bloßer Neugier, sondern sie zeigen die Absicht, die Buddhalehre zu studieren. Die meisten Europäer wollen die Lehre vorher kennenlernen, der sie zu folgen beabsichtigen. Die Asiaten sind, wie Seine Heiligkeit der Dalai Lama einmal gesagt hat, geborene Buddhisten, denn ihre Vorfahren waren bereits Buddhisten. Manchmal glauben sie an Buddha, wissen aber nicht, wer das ist. Manchmal machen sie Niederwerfungen, ohne zu wissen, warum sie es dreimal machen. Sie akzeptieren das sehr leicht, was andere in ihrer Umgebung vormachen. Sie gehen davon aus, daß ihre Großeltern und Eltern es auch so getan haben. Doch dieser Glauben ist noch ohne festen Halt im Geiste. Wenn jene Fragen zur Buddhalehre gestellt werden, wissen sie meistens keine Antworten darauf, da sie sich kaum mit der Lehre selbst beschäftigt haben. Der Vergleich zeigt, daß es einige Unterschiede zwischen den Asiaten und den Westlern gibt. Diese beruhen vor allem in den verschiedenen Kulturen, Traditionen und Mentalitäten. Jede Kultur hat ihre Besonderheiten. Wichtig ist nur, wie man die Erfahrungen auswertet. Heute hört man überall über die Lehre des Buddhismus, die Meditation, die vegetarische Ernährung, die Sozialarbeiten. Ist es vielleicht an der Zeit, daß der Buddhismus anfängt, sich im Westen zu entwickeln?

(Folgt setzung)

## Impressum

**Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche**  
**Abteilung in der BRD (gemeinnütziger e.V.)**  
Die Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen  
Vietnamflüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland  
**Verlag**

c/o Viengiac Pagode, Karlsruher Str.6, 30519 Hannover  
Tel. (0511) 879630 - Fax. (0511) 8790963

E-Mail : Chua@viengiac.de

E-Mail : viengiacu@t-online.de

Homepage: <http://www.viengiac.de>

**Herausgeber :**

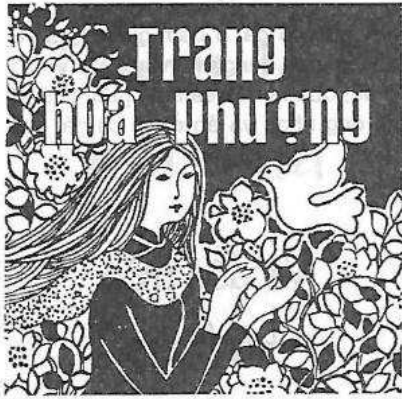
Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirch e.V

**Redaktion :**

Vietnamesische-Buddhistisches Sozio-Kulturzentrum  
in der BRD (VIBUS)

**Erscheinungsweise : 6 mal Jährlich**

Diese Zeitschrift wird kostenlos verschickt. Nach druck nur mit  
schriftlicher Genehmigung der Redaktion erlaubt.



**C**ác Bạn và các Em thân mến,  
*"Mùa thu buồn. Trời thu lạnh. Gió thu hát hiu hiu thềm như trao gởi, nhắn nhủ những kỷ niệm ân tình giữa hai miền sống, chết. Phải chăng mùa thu về nhắc nhở ta những ân tình chưa thỏa, những mộng đời chưa tan trong cái xoay vần của nhân duyên sanh diệt"*.

(Trích trong TÌNH MẸ  
 của Hòa Thượng Thích Hộ Giác)

*Hướng thời gian mỗi vữa đây đã cho chúng ta một mùa hè tươi mát; một mùa hè uôm uôm trong Âm lịch với tháng Tứ có Đại Lễ Phật Đản và tháng Bảy Lễ Vu Lan yêu thương; tháng Tám Lễ Trung Thu ngào ngọt dư vị ngây ngất tuổi hồn nhiên, để cuối cùng trở lại mùa thu tựu trường, có rộn rã tiếng ve sầu ru trong chòm lá xanh nhỏ nhỏ trên cành cội Phượng già nua. Vậy mà rồi, tất cả cũng bỏ chúng ta mà ra đi vội vã - mất hun hút bóng dáng, khi chúng ta quay về tìm kiếm lại những kỷ niệm đẹp tuyệt vời, một lần nào đó tâm linh chúng ta đã ghi nhận được! Ôi... Quả thật, dòng đời là sự "vô thường" Mùa thu ôi! Với khăn choàng, với áo ấm, trên đường chúng ta chậm bước vào lớp môi, với hơi sương lạnh cảm cảm, dưới nền mây thấp chập chùng giăng giăng, với lá vàng rơi ủ kín mặt cỏ dại đó... Đã pha lẫn vào nhau một màu xám đục quạnh quẽ, buồn hiu. Mùa thu đẹp như một bài thơ. Trang Hoa Phượng thân chúc các Bạn, các Em vui hưởng hưởng thu thơm ngọt, và tình tự tuyệt vời của những kỷ niệm đang tìm đến.*

Hoa Phượng

## Duyên nợ tái sinh

• Hồng Nhiên sưu tầm

Ngày xưa, có một anh học trò trẻ tuổi, nhà nghèo. Vì có cha mẹ già, anh phải lang thang đây đó làm nghề gõ đầu trẻ để nuôi cha mẹ. Mãi về sau, anh được một Phú Ông ở làng nợ mời về nhà mình để dạy cho con học. Anh rất mừng vì từ nay có chỗ yên thân để ôn luyện văn bài. Phú Ông có nhiều nhà, y cho thầy đồ ở riêng ngôi nhà thờ ở góc vườn để được yên tĩnh dạy học. Ngoài ba bữa cơm hàng ngày của Phú Ông, anh còn nhận được tiền gạo của những người khác có con đến học với anh, nên anh cảm thấy đầy đủ.

Phú Ông có một cô con gái đã đến tuổi lấy chồng. Từ ngày có anh đồ tới, cô gái cảm thấy lòng mình đỡ trống trải. Mặc dầu ở ăn cách biệt, cô gái và anh đồ vẫn nhiều phen gặp gỡ. Cô đem ra yêu chàng ngày một tha thiết và cô cũng được chàng yêu lại. Mỗi tình vụng trộm củ thể mỗi ngày trở nên keo sớt. Vì thẹn thò và sợ hãi, cô gái cũng không dám nói thật cho cha mẹ biết.

Hai người yêu nhau như vậy được vài năm. Nhưng một hôm, có nhà phú hộ khác ở cùng miền, mang trâu cau đến đạm hỏi cô gái cho con. Cha mẹ cô gái thấy hiếm có đám nào môn đấng hộ đối hơn thế, nên hối hả nhận lời. Nhưng khi hỏi ý con gái thì Phú Ông đâu có ngờ rằng con mình xưa nay ngoan ngoãn mà trước việc nhân duyên tốt đẹp lại tỏ ra khó tính lạ lùng. Cả vợ lẫn chồng Phú Ông hết lời đổ dành con, nhưng không kết quả. Mãi về sau, cô gái mới cho cha mẹ biết là mình đã non thề biển hẹn với anh đồ và quyết cùng chàng kết nghĩa trăm năm.

Nghe nói thế, Phú Ông từ lòng thường con chuyển sang giận dữ. Đời nào Phú Ông chịu hạ mình gả con cho người kiết xác ấy. Ông nhất định không để cho con gái làm sai chuyện hứa hôn. Cô gái trước còn kháng kháng từ chối, nhưng sau bị gia đình và họ hàng ép buộc, nên tuy rất ức mà đành ngậm miệng. Còn về phía anh thầy đồ biết phận mình nên cũng không dám tỏ bày nỗi lòng với vợ chồng Phú Ông. Vì vậy, sự định đoạt của Phú Ông coi như mười phần đã xong đến chín.

Thấm thoát một năm nữa trôi qua. Con trai nhà phú hộ sau mấy lần sêu Tết đã chuẩn bị lễ cưới.

Vi không có ai bênh vực, không một người đồng tình, nên cô gái kia cảm thấy quẫn trí. Không còn biết cầu cứu với ai, cô quyết tự liều tấm thân còn hơn là phải lấy người mình không thích. Một đêm nợ, trước ngày đón dâu, cô trốn tới nhà học tự tình với anh đồ. Hai bên chuyện trò than vãn với nhau đến gần sáng. Cuối cùng cô gái lấy gói thuốc độc mang sẵn trong mình ra uống lén, chỉ một lát sau, quần quai chết ngay trong lòng anh thầy đồ.

Thấy người yêu tự vẫn mà trước sau vẫn không một lời bực bạch cho mình biết, anh thầy đồ lòng đau như cắt. Nhưng dầu không ngăn được nước mắt ràn rụa, anh cũng cảm thấy hết sức bối rối và sợ hãi, nghĩ đến cái chết bất ngờ của người yêu nhất định sẽ làm cho anh mang tai vạ vào thân.

Nếu mình mang gông ngồi tù cũng đành, nhưng cha mẹ già rồi đây biết nhờ cậy vào ai? Càng nghĩ, anh càng bủn rủn chân tay. Cho đến lúc gà gáy sáng mà anh vẫn chưa biết nên xử trí như thế nào. Cuối cùng, anh nghĩ ra được một kế. Anh đi kiếm cuốc xuống đào huyết dưới gầm giường. Đào xong, anh ôm lấy thi thể cô gái mà thề với vong linh nàng:

*Kiếp này duyên đã lỡ làng,  
 Quyết xin giữ trọn lời nguyên kiếp sau.*

*Sẵn có bút son trên bàn, anh viết vào bàn tay trái cô gái hai câu:*

*Thử sinh duyên vị liễu,  
 Nguyên kết hậu sinh duyên.  
 (Hai câu này đồng nghĩa với hai câu trên)*

Viết đoạn, anh đặt xác cô gái xuống huyết, lấp đất, sửa sang nền nhà thật cẩn thận, nhặt từng hòn đất, viên gạch, không để một vết tích khả nghi.

Lại nói chuyện nhà ông phú hộ, sáng hôm sau thấy mất con gái, bèn tung người đi tìm. Bên nhà trai nghe tin cũng cho người dò la khắp miền. Nhưng ngày một ngày hai vẫn không manh mối, không một tin tức gì mới mẻ. Phú Ông đoán con gái mình vì không chịu ép duyên nên đã liều thân hoại thể ở nơi xa xôi nào đó. Mặt khác, sợ bọn quan nha lính tráng dựa dẫm vào việc này để đục khoét, nên ông cố im đi không dám trình báo. Cuối cùng, sau những ngày hối tiếc thỏ than của bà con thân thích, sau những cuộc bàn tán xôn xao của xóm giềng, câu

chuyện cô gái mất tích cùng với thời gian mà xóa dần trong ký ức của mọi người.

Về phần anh thầy đồ, sau khi bí mật chôn xác người yêu, phần vì thường cảm quá độ, phần vì muốn tránh mặt Phú Ông, nên được ít lâu, anh xin thôi dạy. Phú Ông cho là thầy đồ thất tình, cũng không nghi ngờ gì cả. Rồi khỏi nhà Phú Ông, anh đi thật xa, kiếm được một chỗ ngồi dạy khác, rồi cố nén đau khổ, tự rèn luyện để đợi khoa thi. Sau mười lăm năm sôi kinh nấu sử, sức học của anh không ai bì kịp. Anh đi thi và đậu luôn Tiến sĩ.

Những ngày vinh quang rộn ràng tấp nập đã qua, nhà vua bổ anh làm quan ở một thị trấn gần kinh kỳ. Bố mẹ cũng như họ hàng, làng xóm mỗi lần gặp anh, ai cũng khuyên anh lấy vợ kẻo muộn người nối dõi, nhưng anh mặt mím cười, không gật đầu cũng không từ chối.



Hồi bấy giờ, ở một làng nọ thuộc trấn do quan tân khoa trị nhậm, có một nhà phú hộ hiếm hoi sinh được một cô gái nhan sắc xinh đẹp, nhưng lại có tật. Từ lúc sinh ra, mấy ngón tay của cô bị văng dính liền nhau và vì thế mà bàn tay trái luôn luôn nắm lại, không thể mở ra được. Thấy con tật nguyền, nhà phú hộ lấy làm buồn phiền. Họ bần tín ra là hề có ai chữa khỏi bệnh cho con gái mình, thì sẽ vui lòng hậu tạ tất cả gia sản. Bao nhiêu danh y nội khoa cũng như ngoại khoa tìm đến chữa chạy bằng đủ các môn thuốc, nhưng cô gái chẳng nào vẫn giữ tật ấy.

Quan tân khoa lúc mỗi tối vùng đó đã loáng thoáng nghe được tin này. Mặc dầu đó là cái tin hơi lạ, quan vẫn không bận tâm. Mãi về sau, nhân một chuyến đi hành hạt, quan ghé vào nhà phú hộ định bụng xem thử cho biết. Thấy có quan đến, nhà phú hộ tiếp

đón rất trọng thể. Nghe quan hỏi về chuyện bàn tay cô gái, y cho quan biết con mình sinh vào ngày nọ, tháng năm nọ, nhưng vừa lọt lòng không may đã mang lấy tật nguyền. Nghe lời trình bày của phú hộ, quan đã lấy làm chột dạ, vì ngày tháng, năm sinh của cô gái này lại trùng khớp một cách lạ lùng với ngày tháng, năm mất của người yêu. Quan liền nói:

-Chúng tôi cũng có biết một ít về nghề y. Cụ hãy cho cô ấy ra đây thử xem sao.

Nhà phú hộ vào buồng dắt cô gái ra. Khi thấy mặt nàng, quan bỗng nhiên bồi hồi xúc động, vì nó giống hệt mặt người yêu xưa, hầu không sai một nét. Quan bèn sai một người hầu đến múc cho mình một thau nước lã. Đoạn quan cầm bàn tay nàng nhúng vào nước, rồi tự mình vuốt các ngón tay. Tay quan vuốt đến đâu, vầng bóng trời đi đến đó. Cuối cùng năm ngón búp măng của cô lại xoe ra được như thường. Khi mấy ngón tay vừa duỗi, một mối kinh ngạc đến với mọi người, vì họ thấy lộ ra những dòng chữ:

*Thử sinh nguyên vị liễu,  
Nguyện kết hậu sinh duyên.*

*Mười chữ son vẫn còn đỏ thắm trong lòng bàn tay cô gái. Nhưng tất cả mọi người đều lấy làm ngạc nhiên hơn nữa khi nghe quan luôn tiện kể lại câu chuyện cũ của mình chôn kín trong lòng từ bao năm nay: nào là hai người yêu nhau ra làm sao, cô gái nhà phú hộ nọ bị ép uống như thế nào, cuối cùng cô đã tự tử vào lúc nào và được mình chôn cất, thế bồi v.v...*

Quan ủa nước mắt kể mãi; sau đó quan chỉ vào cô gái và nói: Thật là có trời! Đúng là một cuộc tái sinh không thể nào ngờ được!

Nhà phú hộ sau đó gả cô con gái cho quan và biểu chàng rể tất cả gia sản làm của hồi môn. Đám cưới tổ chức rất linh đình, có vị Đại Thần, người của nhà Vua về dự. Rồi quan đưa vợ về quê chào hỏi cha mẹ họ hàng. Quan còn không quên đưa vợ tìm đến nhà Phú Ông cũ, người đã đón mình ngồi dạy học tại nhà ngày trước. Thấy người đàn bà giống con gái mình thuở xưa như đúc, Phú Ông rất đổi kinh ngạc. Phú Ông càng ngăn người khi nghe quan kể lại chuyện cũ về đứa con mà y cho là đã mất tích ở một phương trời nào. Y không tin. Những khi quan chỉ

chỗ chôn cô gái ở gầm giường và sai đào lên, quả đúng như vậy.

Từ đó, quan nhận cả hai người phú hộ làm ông nhạc và ăn ở với cô gái trọn đời. •

## Vẽ dấu mòn thành thơ



*Lên non mẹ áp trăng rằm  
Nghe trong môi đá thi thắm nổi xưa  
Cái vui mà lại thành mưa  
Ba con ngày ấy không vừa đâu nghe !*

*Trăng rùng xuyên suốt hôn đèn  
Mẹ không mà ông làm quen dễ dàng  
Lưỡi gì có tác có gang  
Ông nâng mẹ đẹp ngang hàng Nguyệt  
Nga.*

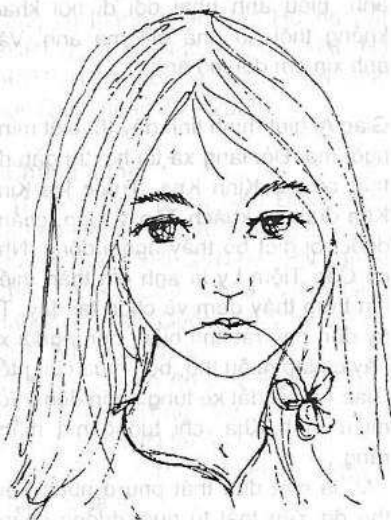
*Thôi đành mẹ nể người ta !  
Vốn mình chẳng phải ngọc ngà chi đây  
Tử trắng khuyết đến trăng đầy  
Hường hồng ông uôm hết ngày lại  
đêm.*

*Con ơi mẹ cũng trái tim  
Làm sao tránh ghép nhịp êm tuyệt vời  
Kể từ có trái tim đôi  
Các con lần lượt chào đời thật vui.*

*À ơi lên ngược về xuôi  
Đẹp chi hơn thuở bên người hồ con ?  
Bây giờ ba chẳng có còn  
Thưởng con mẹ vẽ dấu mòn thành thơ*

•Nguyễn Văn Cường

# Tháng tám trời mưa



*Biển là thơ  
thơ xanh màu biển  
Mang điệu trầm lượn sóng bao la  
Gió cũng ngát hương hoa hồng  
thắm  
Hòa vào đêm lấp lánh trăng sao*

*Sáng lồng lộng  
ơn Cha nghĩa Mẹ  
Công đức dày  
cao ngất Thái Sơn  
Róc rách chảy Nguồn đưa tiếng  
nước  
Luân lưu hoài như máu về tim*

*Tóc hoa bạc  
dưới vầng trăng bạc  
Chùa xa xa vọng lại hồi chuông  
Dáng gầy guộc Cò im lặng đứng  
Nường bóng Tùng khuất giữa rừng  
sương*

*Trọn năm dài  
bao nhiêu tháng Tám ?  
Mà hồn thơ ướt sũng yêu thương  
Một khúc  
nửa giây..  
đều tháng Tám ?  
Vu Lan mùa tâm tưởng Từ Thân.*

• Huy Giang



## Gia Đình Phật Tử

**C**ác em Đoàn Sinh thân ái,  
Những chiếc lá vàng quện rơi  
theo từng cơn gió thoảng, báo  
hiệu cho sự tàn thu để đón nhận mùa  
đông về.

Những ngày nắng ấm đi qua, các em  
đã về chùa Viên Giác tham gia Phật sự  
cho Đại Lễ Phật Đản, Vu Lan hay có  
những ngày tu học, trại mạc, huấn  
luyện. Những ngày theo học khóa Phật  
Pháp Âu Châu v.v... chắc rằng các em  
đã được những lợi ích vào tâm trí của  
minh.

Con đường chiều có bóng ngả, con  
đường mai có nắng vàng là sự bất dĩ,  
dịch của tạo hóa đã an bài cho không  
gian, thời gian lẫn nhân thế. Ví thể trẻ  
sinh ra, già thì phải chết. Mọi sự việc  
trong đời chuyển động vòng quanh  
như một bánh xe luân hồi. Có điều khi  
minh là người Phật Tử, các em được  
học đạo, hiểu đạo, được hướng dẫn  
theo tử tâm đức Phật đã dạy, sống vị  
tha với người, hòa đồng với chúng  
sinh tức là các em đã tạo được duyên  
lành và duyên lành đó sẽ giúp cho các  
em niềm an vui tự tại.

Việc gì cũng có Nhân, có Quả nên  
sách Nhân Quả có câu:

"Dục tri tiền thế nhân, kim sinh thụ giả  
thị; Dục tri lai thế quả, kim sinh tác giả  
thị". Có nghĩa là "Muốn biết cái nhân ở  
kiếp trước, thì xem sự hưởng thụ ở đời  
này thì biết. Muốn biết cái quả kết  
thành ở kiếp sau thì xem cái việc làm ở  
kiếp này thì biết". Trong đời sống hằng  
ngày các em hiếu thảo với ông bà, cha  
mẹ, hòa thuận với anh chị em, chăm  
chỉ học hành, nghe lời giảng giáo v.v...  
tức là các em đã gieo được nhân tốt,  
mà nhân tốt thì các em hưởng được  
quả tốt cho mình. Ngoài ra còn đối với  
xã hội và bạn bè cũng là quan trọng  
nữa. Xã hội mình phải sống bao dung,  
tuân chỉ luật hành, giúp đỡ kẻ khó. Bạn  
bè phải thành thật tương giao, thân  
tình thắm thiết, hóa giải những lỗi lầm,  
bào nhau đi theo con đường hướng  
thiện và học hỏi, tu thân, tránh điều

hung dữ hầu tạo công đức dành cho  
mình ở mai sau.

Người đời thường bảo: "Tu trước là hay,  
để già kéo muộn". Chữ "Tu" ở đây có  
nghĩa là "sửa" mình đó các em ạ ! ...  
Thân ái chào các em

•Thiện-Căn Phạm-Hồng-Sáu

### Ghi lại vài chuyện vui và kể cho các em nghe chuyện tình Tử Hữu

- Nhân kỳ Đại Hội GDPTVN Hải Ngoại  
họp tại chùa Viên Giác Hannover từ  
ngày 20 đến 23.4 vừa qua lại trùng  
ngay vào những ngày có khóa Tu Học  
Phật Pháp thường niên dành cho Đoàn  
Sinh GDPTVN Đức Quốc. Do số đông  
nên các em đã chia thành 5 đội: Kiều  
Trần Như, A Thập Bá, Bạt Đề, Thập  
Lực Ca-Điếp, An Nan. Thấy bài thơ  
đăng trên báo tường (cạnh chỗ phát  
cơm) do một đội nữ tả về Đội của  
minh, nên tôi vội ghi lại:

*Đội em tên là: Thập Lực Ca-Điếp  
Là những người khỏe mạnh vô biên  
Trưởng Đội người một khúc  
Phó Đội trẻ đẹp hiếm có  
Ai nói cũng mê  
Nên cực kỳ phê ! ...*

*và Đội Bạt-Đề:  
Đội em có cả 19 người  
Già có nhiều người  
Trẻ có lắm em  
Sức mạnh? - Làm nhanh  
Điểm yếu? - Rụt rè  
Mong muốn tình Lam gắn chặt thành  
đôi.*

- Mục đích về dự khóa Tu Học là:  
*Học ít chơi nhiều  
Ăn ngon, ngủ kỹ  
Quen được nhiều bạn*

- *Đội em đã áp dụng Phật Pháp vào  
đời như thế nào ?  
Vui chơi, làm việc, ăn uống, nghỉ  
ngơi, ngủ muộn, dậy sớm ! ...*

*Ồ! là là!... thơ văn tiếng Việt của các  
em đó !*

\*

\* \*



## Tử Hưu



Tử Hưu là người bạn có thể chết vì mình. Đời chiến quốc, vua Vô Ngươn, nước Sở, hay yêu chuộng đạo Nho, chiêu hiền nạp sĩ, nên bốn phường thiên hạ đua nhau đến mà đầu.

Thuở ấy tại Tây Cường nơi núi Tích Thạch, có người họ Tà, tên Bá Đào, cha mẹ mất sớm, học hành giỏi, tuổi đã ngoài 40 mà chưa có công chi với đời. Nay nghe vua nước Sở ưa nhân mẫn nghĩa, tình qua đó cầu danh. Đi gần tới đất Ung, nhằm lúc tiết đông thiên, gió mưa lạnh lẽo, áo quần ướt át, mà trời lại gần tối, bèn tìm xóm nghỉ đêm. Đi hoài không thấy xóm, chỉ thấy xa xa có một ngọn đèn leo lét. Bá Đào men tới gõ cửa. Trong nhà có người lật đật ra mở, hỏi: Ai đó? Bá Đào bày tên họ và xin nghỉ một đêm. Người trong nhà nghe nói, vội vã mời vào.

Bá Đào coi lại thì là một cái lều tranh, ở trong chẳng có chi hết, duy có một cái giường, ở trên chất sách vở cả đống. Bá Đào vừa muốn thi lễ thì chủ nhà cản lại: Khoan đã, để tôi đi chụm lửa, ông hó quần áo cho khô, rồi sẽ nói chuyện.

Rồi lấy bồi khô nổi lửa cho Bá Đào hó quần áo. Trong lúc đó, người chủ nhà đi lo dọn cơm đãi Bá Đào. Tuy chẳng có chi mà ý ân cần lắm. Chừng hỏi qua tên họ thì người chủ nhà nói:

- Tôi họ Dương tên Giác Ái, cha mẹ mất sớm, duy chỉ có một mình tôi tại chốn này. Vì bởi lo học nên bỏ phở ruộng nương. May gặp hiền sĩ ở xa đến, giận vì nhà nghèo không có chi đãi cho xứng, xin miễn chấp.

Bá Đào nói:

- Đang lúc lỡ đường, may được nhờ chỗ ngụ, lại thêm cơm nước, rượu trà, vậy là quý biết chừng nào. Ngàn năm tôi chẳng dám quên, lẽ đâu lại còn chấp nhứt.

Rồi đêm đó hai người trò chuyện, đem hết sự học của mình ra mà phân giải với nhau cả đêm không nhắm mắt, coi ra ý hiệp tâm đầu.

Sáng ra trời hây còn mưa, Giác Ái mới cầm Bá Đào ở lại rồi kết làm anh em. Bá Đào lớn hơn làm anh. Bá Đào ở lại đó 3 ngày trời mới hết mưa. Chùng đi, rủ Giác Ái đi theo lo chữ công danh. Giác Ái liền chịu, thâu góp đồ đạc và gạo thóc đem theo. Đi chẳng đặng mấy ngày, lại gặp lúc mưa rào, đường thì còn xa, mà chỗ này thì không có quán xá chi cả. Và lại tiền bạc thì không có, mà gạo thì còn có một túi, giá như một người ăn thì đủ mà đi tới nước Sở, còn hai người thì thiếu. Mà càng đi tuyết càng xuống. Quần áo bị ướt không đủ ấm. Bá Đào mới nói với Giác Ái, thôi đi một mình, để Bá Đào ở lại. Giác Ái không bằng lòng, thì Bá Đào nói bây giờ mới mệt không đi nổi nữa. Giác Ái kiểm chỗ dưới cục đá để cho Bá Đào ngồi đục tuyết, còn mình đi kiếm củi chụm lửa hó cho Bá Đào. Không dè, chùng trở lại, thì Bá Đào đã cời hết quần áo, để mình trần nằm trên tuyết. Chùng gặp mặt Giác Ái. Bá Đào nói:

- Anh lớn tuổi có đi cũng không nổi, vậy em để anh lại đây, củi đi một mình, ráng lo lập chữ công danh. Rồi tắt hơi. Giác Ái khóc kể hết sức, không nỡ bỏ Bá Đào lại mà đi một mình. Nhưng sợ Bá Đào ở dưới suối vàng không bằng lòng, bèn đào đất chôn Bá Đào tử tế, bẻ cây bưng đá làm dấu rồi quày gạo ra đi, trong lòng đau đớn không thể nói được.

Giác Ái đi đến nước Sở, nhờ có Bùi Trọng làm quan Đại Phu tiến cử, vua Sở phong cho làm chức Trung Đại Phu. Giác Ái mới đem chuyện Bá Đào tâm lại cho vua Sở nghe và xin phép về chôn cất Bá Đào. Ngươn Vương y tấu, lại với phong cho Bá Đào làm chức Trung Đại Phu, ban thưởng vàng lụa và cho quan quân theo đồng đủ, chôn cất Bá Đào cho vẻ vang.

Xong xuôi, một đêm Giác Ái còn chong đèn than thỏ, thấy bóng người thoáng qua, thoáng lại trước bàn. Coi kỹ lại là

Bá Đào. Anh em gặp nhau mừng rỡ, rồi Bá Đào nói:

- Anh rất cảm ơn em chẳng quên nghĩa bằng hữu, chôn cất anh rất tử tế. Nhưng em để anh nằm gần Kinh Kha, nó thác đặng làm thần nên rất oai mãnh, mỗi bữa nó thường tôi xô đuổi anh, biểu anh phải dời đi nơi khác, không thôi nó phá mồ mà anh. Vậy anh xin em dời mộ anh.

Giác Ái giựt mình tỉnh dậy thì biết mình ngồi mơ. Đòi làng xã tới hỏi thì gần đó thật có mộ Kinh Kha. Trước kia Kinh Kha đi thích khách Tần Vương, chẳng được, bị giết bỏ thân ngoài đồng. Nhờ có Cao Tiệm Ly là anh em thân thiết, lén trộm thân đem về chôn tại đây. Từ ấy đến nay rất linh hiển; nên người xử này có lập miếu thờ, bốn mùa cúng tế. Giác Ái mới dắt kẻ từng nhón đến trước miếu Kinh Kha, chỉ tượng mà mắng rằng:

- Mi là một đứa thất phu ở nước Yên, thợ ớn Yên thái tử nuôi dưỡng chẳng biết kể chi mà dèn ớn phú thác, mới qua Tần làm thích khách. Chẳng những không xong lại còn làm hư việc nước. Lê phải thì ở an hưởng cúng tế. Cớ sao dám mê hoặc nhân dân, lại hiếp anh ta là nhà danh nho lễ nghĩa liêm sĩ? Nay ta đến đây dặn bảo, mi phải chừa; nếu còn phá khuấy anh ta thì ta đào mồ, phá miếu của mi bây giờ.

Đêm đó Giác An còn thấy Bá Đào hiện hình về nói:

- Em đã lo cho anh mà bộ hạ của Kinh Kha đông, nó không chịu, tôi hiếp anh, anh cự không lại. Vậy em dời mộ anh thì yên.

Giác Ái thức dậy, tức tốc viết biểu về trào, tỏ hết sự tình cho vua nghe. Rồi đòi làng xóm tới nói:

- Kinh Kha làm bức anh ta. Nếu ta phá mồ mà nó, làng xóm không vui. Vậy ta quyết xuống dạ đãi giúp anh ta đánh loài cường nghịch. Rồi rút gươm tự tử.

Đêm ấy giữa lúc canh ba, gió mưa nổi dậy, sấm sét từng bùng, nghe tiếng la hét om sòm. Tới sáng ai nấy ra coi thì thấy mồ mà Kinh Kha bể nát như trời đánh, xương cốt văng ra đầy mặt đất, còn những cây cối trồng gần mộ thì tróc gốc ngã lán như bị ai đào bởi. Miếu môn thì cháy sạch như chỗ đất bằng. Từ ấy Kinh Kha không còn linh nữa. Sau Sở vương ra đó lập miếu thờ hai anh em Bá Đào - Giác Ái.

(Theo Thành ngữ, Điển tích Tự Điển của Diên Hưởng)

## Tin tức GDPTVN tại Đức Quốc

### • Biên bản phiên họp 9

Công cử thành phần Ban Hướng Dẫn GDPTVN Hải Ngoại (của Đại Hội GDPTVN/HN họp tại chùa Viên Giác, Đức Quốc ngày 23.4.2000)

#### \* Chứng minh:

- Thượng Tọa Thích Như Điển, Tổng Thư Ký kiêm Tổng Vụ Trường Tổng Vụ Thanh Niên GHPGVNTN /HN tại Âu Châu, Viện Chủ Chùa Viên Giác, Hannover, Đức Quốc. Cố Vấn Đại Hội GDPTVN Hải Ngoại.

- Đại Đức Thích An Chí, Phụ Tá Tổng Vụ Trường Tổng Vụ Thanh Niên GHPGVNTN/HN tại Âu Châu.

\* Chủ Tọa: HTr. Chí Pháp Nguyễn Thanh Quang

\* Thư ký: HTr. Tâm Tụ Sù Thành

\* Kiểm soát viên: HTr. Nguyễn Thanh Nguyễn Văn Hà.

\* Thuyết trình viên: HTr. Tâm Ngọc Lê Giao.

Phiên họp khởi diễn lúc 12 giờ trưa ngày 23.4.2000 tại Hội Trường chính Đại Hội. Sau khi cung thỉnh chủ tôn đức quang lâm chứng minh và lễ niệm Hồng Danh, Hội Nghị đã thảo luận và thông qua quy cách tổng quát về công cử, sau đó, đã chính thức công cử nhân sự Ban Hướng Dẫn GDPTVN HN theo thể thức đơn danh và công khai.

### I. Thông qua quy cách công cử

Sau khi kiểm diện tổng số Đại biểu chính thức phó hội phiên họp quan trọng 9, Hội Nghị đã thông qua:

#### 1. Nguyên tắc chung:

- Ứng cử, đề cử: Mỗi chức vụ không quá 3 HTr.

- Biểu quyết: Công khai hay phiếu kín theo nhu cầu. Theo đa số tương đối.

Phiếu Chủ Tọa là phiếu quyết định trong trường hợp đồng phiếu, đồng niên kỳ, đồng cấp.

- Khiếm diện: Ngoại trừ Ban Thường Vụ, có thể đề cử các Huynh Trưởng khiếm diện vào các chức vụ còn lại.

- Kiểm nhiệm: Mỗi Ban viên chỉ kiêm nhiệm một chức vụ trong thành phần Ban Hướng Dẫn Hải Ngoại.

#### 2. Thể thức giới thiệu:

Tự giới thiệu hay Huynh Trưởng đề cử giới thiệu tiểu sử, thành tích Huynh Trưởng dự cử, thời gian không quá 3 phút.

### II. Công Cử

#### 1. Ban viên chính thức:

Sau nghi thức mãn nhiệm của Ban Hướng Dẫn Lâm Thời Hải Ngoại, với quy cách được thông qua, Hội nghị đã tuân thủ công cử từng chức vụ theo sơ đồ cơ cấu đã được chấp thuận trong phiên họp 8 Hội nghị. Với thể thức biểu quyết công khai (đứng dậy), qua kiểm soát và ghi nhận của HTr. phụ trách. Thành phần chính thức của Ban viên Ban Hướng Dẫn GDPTVN HN được công bố như sau:

-Trưởng Ban: HTr. Tâm Huệ Cao Chánh Hội

-Phó Trưởng Ban: HTr. Lệ Từ Nguyễn Thị Thu Nhi.

-Tổng Thư Ký: HTr. Tâm Kiểm Bạch Hoa Mai.

-Phó Tổng Thư Ký: HTr. Tâm Đăng Nguyễn Văn Pháp.

-Thủ Quỹ: HTr. Tâm Chánh Phạm Thị Hoài Chân

-Ủy Viên Giáo Dục: HTr. Tâm Minh Vương Thị Thúy Nga.

-Ủy Viên Xã Hội: HTr. Tâm Trí Tư Đồ Minh.

-Ủy Viên Nghiên Cứu Kế Hoạch: HTr. Chí Pháp Nguyễn Thanh Quang.

-Đại Diện BHD tại Hoa Kỳ: HTr. Nguyễn Tịnh Trần Tư Tín.

-Đại Diện BHD tại Âu Châu: HTr. Thị Lộc Võ Văn Mai.

-Đại Diện BHD tại Canada: HTr. Tâm Trí Tư Đồ Minh (kiêm nhiệm)

-Đại Diện BHD tại Úc Đại Lợi: HTr. Nguyễn Mẫn Lê Viết Lâm.

#### 2. Thành viên Phụ tá Ban viên

Sau khi công cử Ban Viên chính thức, theo đề nghị của Ban Viên tân cử, Hội nghị đã thông qua thành phần Phụ Tá Ban Viên như sau:

#### \* Phụ Tá Trưởng Ban và Phó Trưởng Ban

-Đặc trách phối hợp GDPT quốc nội: HTr. Tâm Vinh Đoàn Văn Lộc.

-Đặc trách phối kết cựu HTr. Hải Ngoại: HTr. Tâm Duy Phan Duy Chiêm.

-Đặc trách chuyên biệt: HTr. Đồng Trúc Thái Văn Bá.

-Phụ tá Ủy Viên Giáo Dục: HTr. Chúc Hòa Phan Hồng Chương.

-Phụ Tá Ủy Viên Xã Hội: HTr. Nguyễn Thanh Nguyễn Văn Hà.

-Phụ tá Ủy Viên Nghiên Cứu Kế Hoạch: HTr. Tâm Ngọc Lê Giao.

Phiên họp 9, công cử thành phần Ban Hướng Dẫn GDPTVN Hải Ngoại dưới sự chứng minh của chủ tôn đức giáo phẩm Thượng Tọa, Đại Đức, đã viên mãn "thuận đạt, duyên thành" trong niềm tin yêu theo kỳ vọng mong đợi của tập thể GDPTVN Hải Ngoại.

Sau đạo từ hoan hỷ tán thán của Thượng Tọa chứng minh, toàn thể Đại biểu phó Hội đã trang nghiêm hồi hướng công đức. Phiên họp 9 của Hội nghị đã kết thúc vào lúc 13 giờ 30 cùng ngày.

Thư Ký Tâm Tụ Sù Thành

Ký tên

Chủ Tọa

Chí Pháp Nguyễn Thanh Quang

ký tên

## Đại hội huynh trưởng GDPTVN tại Đức Quốc kỳ VI

Được khai diễn vào những ngày từ 13 đến 15.10.2000 tại chùa Viên Giác, Hannover.

\* Trọng điểm chương trình tổng quát của Đại Hội gồm có:

-Tổng kết thành quả trong nhiệm kỳ 1998-2000

-Thảo luận rút tỉa những ưu, khuyết điểm

-Công cử BHD cho nhiệm kỳ 2001-2003

-Vạch thảo chương trình niên khóa 2001

\* Thành phần tham dự Đại Hội:

a. Quý anh chị Trưởng thuộc Ban Viên BHD/ĐQ đương nhiệm.

b. Đại biểu đơn vị GDPT: Được qui định theo số lượng và danh sách tham dự viên.

c. Quý anh chị Trưởng không thuộc 3a và 3b sẽ có thư mời riêng.

\* Bản báo cáo, danh sách tham dự Đại hội và phiếu đóng góp ý kiến xin trực tiếp gửi về Tổng Thư Ký trước ngày 30.09.2000.

(Thiện Căn)

# Thiếu Thất

## Thiếu Thất

### Thiếu Thất

**C**huyến xe lửa 385 khởi hành tại ga Thái Nguyên lúc 9 giờ 10 tối 8.10.97, đến Trịnh Châu rạng sáng ngày 9, chúng tôi được nghe ngay năm chữ tóm lược hết đặc tính của thủ phủ tỉnh Hà-Nam này:

**1/ TRUNG:** Tọa lạc tại trung tâm nước Trung-Hoa, dưới chân dãy Trung Nhạc, trong Ngũ Nhạc, cách đều các Kinh đô ở bốn phương, Bắc Kinh và Nam Kinh, Tây-An, tức đế đô Tráng-An cũ và Vũ-Hán ở phía Đông (trung bình từ 6 đến 700 cây số).

**2/ THÔNG:** Vì nằm trên giao điểm các trục lộ giao thông thủy, bộ, không, nên đã nhiều lần phải đứng đầu với các trận chiến tranh. Từ ngàn xưa những cuộc tranh bá đồ vương đều lan tới vùng này. Đường hòa xa từ miền cực Bắc đất nước qua thủ đô Bắc Kinh, tới đây và chạy xuống tiếp tới Hồng Kông. Xa lộ Trịnh Châu cũng nối từ Đông sang Tây, nối liền từ Hương Cảng lên Bắc Kinh. Sông Hoàng Hà cũng giúp các tàu bè đậu bến thủ phủ Hà-Nam chuyên chở sản phẩm đi mười mấy thành phố lớn thông qua các giang cảng. Phi trường đã mở đường bay qua Hồng Kông xuống tận Tân Gia Ba. Sang năm sẽ bay qua thẳng các thủ đô Âu Châu.

**3/ PHONG** (phong phú): Thành phố trở nên giàu có nhờ đất đai phì nhiêu do phù sa sông Hoàng Hà, nông nghiệp cung cấp nhiều lúa mì, lúa gạo. Thời gian trồng trọt được khắc phục thêm nhiều mùa hơn. Khoáng sản khai thác được than đá, nhôm, dầu lửa. Vải lụa, tơ sợi sản xuất đều, đã dệt được cả vải quần Jean. Đúc dây điện cung cấp cho nhiều tỉnh.

**4/ LÃO:** Thành phố đã trải qua 3500 năm lịch sử, nguyên là Đế Đô nhà Thương. Các di tích đời Ân-Thương, mấy ngôi cổ mộ nhà Hán đang được khai quật để tìm về văn minh quá khứ.

**5/ THƯỜNG:** Buồn bán thịnh vượng. Tổ chức nhiều chợ phiên lớn và các cuộc triển lãm quốc tế: Đặc biệt về xe hơi, rượu và thuốc lá... Nội, ngoại thường đều trên đà phát triển. Thành phố Trịnh Châu bề rộng 50 cây số, bao bởi hai đường vòng đai: Vòng nhỏ đường kính 25 km bao các quận nội thành. Vòng lớn đường kính 50 km bao các huyện ngoại thành. Với 27 trường Đại Học và Cao Đẳng, Trung-Học chuyên nghiệp, thành phố đã sử dụng sười trung ường, bắt hệ thống điện thoại và xây đài truyền hình. Đang lập chương trình xây dựng phi trường quốc tế.

Buổi chiều chúng tôi được đưa đến bờ sông Hoàng Hà. Đi ra cầu đá, bắc qua vũng nước rộng xây nhà thủy tạ, thả sen, súng. Nhìn về phía trước chỉ thấy những bãi cỏ lau,

còn cát lải chen lẫn với những lạch nước hẹp trải rộng mênh mông. Có lẽ khúc trung lưu này đang gặp buổi nước ròng, mà chúng tôi lại không chịu mua vé 65 nguyên (Dân tệ) mỗi người, lên thuyền phao chạy bằng đem hơi đưa ra giữa dòng, để xem nước sông Hoàng Hà cuộn cuộn chảy. Đành đứng ghi lại lời anh hướng dẫn: Phát nguyên từ miền núi non Thanh Hải, con sông dài thủ nhì Trung Hoa hơn 5400 km, chảy qua 9 tỉnh. Thượng lưu trên vùng Nội Mông được đắp đập thủy điện, chảy qua miền cao nguyên hoang thổ, rồi những bãi cát vàng mênh mông trải liên tục qua vùng trung lưu, nên nước sông lúc nào cũng vàng đục màu phù sa và được gọi là Hoàng Hà. Vào đến hạ lưu lòng sông mở rộng ra cả ngàn thước và đáy sông bồi đắp lên cao dần, từ 3 đến 6 thước, cao hơn mặt đất hai bờ, vì thế đã trải qua 1300 lần lụt lội lớn, dù dân chúng đã đắp đê hai bên. Thành thoảng sông còn đổi dòng chảy. Thầy đọc cho nghe hai câu thơ chữ Hán, trong bài "**Uống rượu tiêu sầu**" của Nguyễn-công-Trữ, dựa theo ý bài hát **Sấp Mời Rượu** "Tuồng tiến Tầu" của Lý Bạch:

"*Quần bất kiến, Hoàng hà Chi Thủy  
Thiên thượng lai, bồn lưu, đảo hải, bất phục hồi*"  
dịch :  
"Anh có thấy, nước sông Hoàng hà  
Trên trời đổ xuống, cuộn cuộn chảy, ra biển, chẳng trở về"

## THIẾU-LÂM-TỰ

Đúng ngày Song Thập, Quốc-Khánh Trung Hoa Dân Quốc, cỗ xe lớn đưa đoàn chúng tôi rời Trịnh Châu, xuôi Nam hành hương Thiếu-Lâm Tự, vào buổi sáng nhộn nhịp, vào thu nhiệt độ 24 độ C. Ngang vùng ngoại ô, mọc lên nhiều công trình mới, anh hướng dẫn giới-thiệu mấy ngôi trường tư thực đầu tiên cất theo tiêu chuẩn Tây phương, thỉnh giảng các Giáo sư Âu Mỹ, chuyên dạy ngoại ngữ, các ngành khoa học kỹ thuật tân tiến và môn quản-trị kinh doanh, mà chỉ các nhà tư bản mới, các cán bộ vừa phát lên mới đủ tiền cho con em theo học!

Xe qua vùng Mỹ-Xuyên chuyên nghề điêu khắc đá. Từng chông những thanh đá xanh dài, những tấm đá hoa trắng đã được đục đẽo thành từng đoạn lan can bày vãn dài 1m 5, những bia đá, những tượng voi ngựa... bày la liệt trước những lán trại dựng san sát hai bên lề đường. Lên khu Đại Biệt Sơn gặp nhiều khu nghĩa trang mới xây, đủ những đình tạ, nhà an nghỉ, sơn cột đỏ, lợp ngói vàng, vừa hoàn tất giữa những rặng liễu, cội tùng trên sườn núi. Nguyên do các Huê kiều hải ngoại làm ăn phát đạt, về đây xây lại các ngôi nhà Từ Đường thờ cúng Tổ Tiên, hoặc cải táng mộ ông bà tại khắp nơi trên thế giới, về đây an táng tại các vùng quý địa, do các thầy địa lý sắp xếp. Chúng tôi đã lên Hằng Sơn, tức Bắc Nhạc, lúc viếng Đại Đồng. Nay chuyển xe buýt đã bắt đầu lăn bánh lên dãy Trung Nhạc.

Nói đến Thiếu-Lâm-Tự, mọi người trên khắp các nước có chiếu phim kung-fu Hồng Kông đều nghĩ ngay tới chiếc nôi của võ thuật Trung Hoa, dù chùa còn là cội nguồn các dòng thiền Á Đông. Nhìn hình tượng Tổ Đạt Ma treo thờ trong các chùa, giới trẻ thấy hiển hiện quyền năng của vị Tổ-Sư lập phái môn võ Thiếu-Lâm hơn là Phật Tâm mà Ngài Khai Sáng Thiền Tông muốn truyền thừa. Đến nỗi dân chúng Âu Mỹ nhìn quý vị Tăng sĩ Á-Đông đáp y vàng, y nâu hay màu lam màu xám, đều e dè tin tưởng quý vị đều có võ công hộ thể.

Tọa lạc tại sườn phía Tây dãy Tung Sơn, còn gọi là Trung Nhạc, ngôi chùa nơi Tổ Bồ-Đề Đạt-Ma diện tích 9 năm, đã dần dần mở rộng các công trình lan ra khắp một vùng từ Bắc diện Ngũ Nhũ Phong trông như Phụng Hoàng triển si (cất cánh) lên đến rừng bảo tháp phía Nam ngọn Thiếu Thất, xếp nhiều tầng bậc trông như Cửu Phẩm Liên Hoa. Rặng Tung Sơn nằm ở huyện Đẳng Phong, tỉnh Hà Nam, với ngọn Thiếu Thất cao 2240 m, là một trong 5 dãy núi lớn cao nhất (Ngũ Nhạc) tại Trung nguyên Trung Quốc. Vào thời Bắc Ngụy, niên hiệu Thái Bình thứ 19 (495) vua Hiếu Văn Đế đã cho xây ngôi chùa trên núi Thiếu Thất để cung thỉnh ngài Bạt-Đà Thiên Sư từ Thiên Sơn sang Tung Sơn hành đạo. Mười 25 năm sau Ngài Bồ-Đề Đạt-Ma mới vượt biển trèo non lên đến đây. Ngài nguyên là Đệ Tam Hoàng Tử của vua Hưởng-Trí miền Nam Thiên Trúc, tên thật là Bồ-Đề Đa-La, xuất gia theo Phật và chuyên về Thiên học. Ngài được Sư phụ là Bạt-Nhã Đa-La, vị Tổ thứ 27 của Phật Giáo Ấn-Độ, đổi tên là Đạt-Ma và truyền tâm ấn để nối dòng Tông pháp. Năm Phổ Thông nguyên niên (520) đời vua Võ Đế nhà Lương, Ngài theo một chuyến hải trình hết sức gian lao mới đến được Quảng-Châu. Vua Võ Đế nghe tiếng mời Ngài lên kinh đô Kiến-nghiệp, tức Nam Kinh ngày nay. Ngài vào triều yết kiến, thấy vua không hiểu đến chỗ nhiệm màu của đạo Phật, bèn qua sông Dương Tử, đến nước Bắc Ngụy, lên núi Thiếu Thất vào ở chùa Thiếu Lâm, tu phép tham thiền, suốt 9 năm chỉ ngồi quán bích (nhìn vào vách). Ngài được xem là Tổ thứ 28 của phái Thiên Tông Thiên-Trúc và là Sơ Tổ Thiên Tông cõi Đông Thổ.

Bạch-Liên cư sĩ đã làm bài Thiếu Thất phú, mô tả sự tu tri thanh thân của Ngài trong khung cảnh thanh tịnh đầy Thiền vị như sau:

*Vui thay miền Thiếu Thất,  
Ghe trúc đã giới (Đỉnh đầu đội trời)  
Nâng chân sẵn đất.  
Ba gian nhà cỏ lộ thô,  
Buông mấy cánh rèm bông phở phát. (cỏ bông)  
Tường đất sét đắp cao ba thước,  
khoan cửa tò vò nghinh ngọn gió Nam trâu,  
Mái cỏ tranh lợp dầy hai gang,  
**bảy cổ ngỗng** đỗ hạt mưa dầm hắt.  
(Đoạn kèo vườn ra khỏi cột, để đỡ mái hiên theo thể đòn bẩy, hình cong vườn như cổ ngỗng)  
Cột tre bướng óng ả, ngắm càng xinh.  
Rui nửa tép nhãn cũ, coi cũng bật,  
Trước án dựa một **tay như ý** (khúc cây tròn ở đầu chạm bàn tay để gài ngựa), *bày pho kinh Diệu Pháp Liên Hoa.*  
*Trên ban treo mấy giải Hằng tâm (phườn), thờ tọa tượng A Di Đà Phật.*  
*Mồ gỗ mít đáng quả đào đánh bóng, rui lim khoa vang động một thung tròn,*  
*Chuông đồng già khuôn trái nhót nhãn cũ, vò vông thỉnh ngân dài mười sải quạt.*  
*Hưởng **trầm bạch** thấp khuya, sớm chẳng khi tàn, (trầm có 2 thủ: đồ gọi từ đàn, trắng gọi bạch đàn, mọc ở Lâm ấp)*  
*Đèn **đầu sỏ** đốt đêm ngày không lúc tắt, (đầu ép từ trái sỏ)*  
*Ấm đất mỏ củi rừng nấu sẵn, **trà sơn hào** chuyên mấy chén thơm tho. (trà núi)*  
*Khay **sưa** (gỗ sưa có vân đẹp lắm), bàn gỗ trắc, nước thiên vũ (nước mưa) đựng một bầu trong vắt.**

*Non sục sục Hội long (núi huồng Hội, theo địa lý) kéo đến, chuyển quanh co bản kết mạch Đỉnh (mạch huồng chủ Đỉnh)*

*Nước cồn cộn Tốn hổ (trùng thấp, lạch nước ở cung Tốn) triều vào, tuôn khuất khúc loan hoàn chữ Ất (quanh co chữ Z).*

*Luồn núi nọ lão từng năm bảy cội, từng cón diu dặt gậy đàn khoan,*

*Ghềnh khe kia lục trúc một đôi hàng, thánh thót rập rờn khua phách nhạc.*

*Mẫu đôn kê đầu suối đỏ lôm,*

*Cảnh liễu rủ bên tường xanh ngắt.*

*Hồ liên bạch hoa khai trăm đóa, cá vàng ngoi đáy nước lượn quanh,*

*Rừng hải đường nhụy nở nghìn đài, cốc biếc (chim) đỏ đầu cảnh hót vật.*

*Chốn nghỉ ngơi giường tre, chông trúc, hoang mang nhị, màn gà chân giấy, áo tăng già phần tảo (vả chum và đụp)*

*Đồ nấu ăn nổi đất sanh gang, tủ tế sao, kho bí bung măng, bát đá la (bát pháp và áo cà sa) thiết bị (Chết bằng sắt) đài mấy chét,*

*Thầy nhập định già phu (ngồi xếp bằng 2 bàn chân ngửa lên) dựa đá, mở màng Đạt-Ma mặt quay vào,*

*Trò vấn kinh quý gói đấm sừng, tượng tượng thần quang tay đã cắt (tích Ngài Huệ Khả cầu sư).*

*Những say mùi Phật đạo nhiệm màu,*

*Nào nói sự trần gian đắc thất.*

*Dù ai có lợi danh đồn hỏi, chau mày chép miệng trình vô (không),*

*Ví kẻ đưa tài sắc ưỡm chiều, hất cổ vẩy tay rằng bất (chẳng).*

*Nài bao thể thái phong-lưu,*

*Chẳng quản thiên gia chỗ khuất.*

*Nhục vinh, quý tiện, cuộc Diêm Phù (cõi Nam Diêm Phù Đề là Châu Á, theo kinh Phật) xem bằng không hoa (như cỏ như không)*

*Ai lạc, hưng suy, đường vật sắc trông như huyễn chất (chất giả)*

*Tâm thể ấy, chĩnh gia phong là thể ấy; dẫu tiểu sĩ nghĩ ở có rừng thâm thẳm, thân hằng nường Bắc quốc điện cao.*

*Hạnh nhưỡng này, xong công án lại nhưỡng này, thì sư già ngồi tu góc núi nho nhỏ, danh đã chiếm Tây phương bảng nhất.*

( Kiến-Trúc Phật giáo Việt Nam - Nguyễn-Bá-Lãng)

Khi đến chân núi phía Tây dãy Tung Sơn, khách hành hương sẽ nhìn thấy tòa bảo tháp bằng gạch xưa nhất vượt lên khỏi những tàng cây xanh, ngôi tháp 15 tầng duy nhất biểu hiện rõ nét Thiên Trúc tại Trung-Hoa. Được xây lên khoảng 2 năm sau ngày Tổ Bồ-Đề Đạt-Ma đặt chân lên núi Thiếu Thất, tòa tháp mang hình khum khum như những ngôi đền tháp Ấn-Độ với bình đồ đáy hình thập nhị giác, nên gần như tròn. Tầng dưới cao trội, mà tại mỗi góc xây một trụ tường tròn, tại mỗi mặt xây một khám tường, trở một cửa cuốn tò vò. Các tầng trên thấp hơn nhiều và cách nhau bằng những vành mái, xếp chồng chất và thu nhỏ dần đến chóp tháp, thì thu lại, thành vòm bán cầu, trên cắm một cây lọng đá hình con cúi. Hiển nhiên tòa tháp cổ này đã phỏng theo kiểu tòa phủ đồ nhiều tầng bệ, đội vòm bán cầu lên trên cao của xứ Càn-Đa-La (Gandhara). Như vậy ảnh hưởng

của miền Tây Bắc Ấn đã lan qua miền Trung Á để truyền nhập vào Trung Hoa.

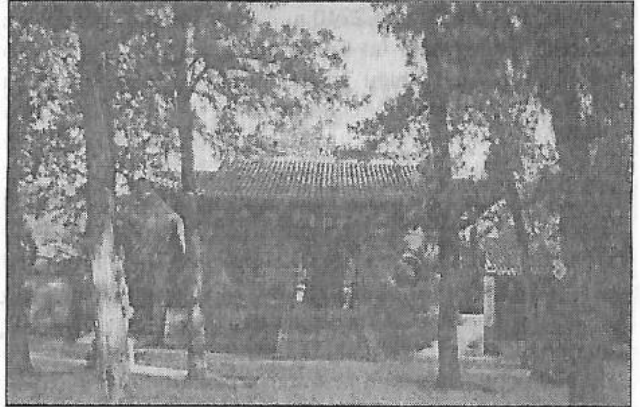
Từ Bắc Kinh xuống tới Thái Nguyên, đoàn hành hương đã viếng qua nhiều chùa tháp, nhưng nhỏ lại chưa gặp vị Tăng Ni Trung Quốc nào cả. Trừ vài ngôi chùa trên Ngũ Đài Sơn có Ông Tử già ngồi nhịp mõ bên thùng nhang cũ, thỉnh thoảng phát ra một lá bùa vàng bình an cho người khách vừa bỏ tiền vào thùng phước sướng. Còn người vào viếng chùa chỉ toàn là du khách, mấy người ngồi ở cổng chùa soát vé hay bán đồ kỷ niệm đều là công nhân cán bộ. Nên họ nhìn chúng tôi lễ Phật với đôi mắt lạ lùng!

Nay xe bỗng chạy vào một vùng bằng phẳng, tấp nập những người vận Tăng phục qua lại trước những đền chùa, nhà mái ngói cong cổ xưa xây san sát. Từng đoàn Tăng sĩ trẻ, võ sinh vận võ phục Thiếu Lâm đập diu tới lui. Mỗi hay quanh ngọn Thiếu Thất đã tập hợp được hàng ngàn võ đường tứ thực. Vào năm 1988, Nhà nước mới cho xây Đại Võ Đường công lập, thu nhận được 1600 võ sinh qua các khóa học từ 7 ngày kéo đến 1 năm. Ngoài luyện tập võ thuật, các võ sinh còn được nghiên cứu Phật học căn bản, Trung y cổ truyền và Hoa ngữ nữa. Thật ra ngót ngàn năm trước các vị Tôn sư trong chùa đã mở khuôn viên Đại Học, đón nhận cả những đệ-tử tục gia, đã đào tạo nên nhiều nhân vật văn võ song toàn, chẳng những giỏi tài trí mà còn được thấm nhuần đạo đức Thiền môn.

Dù không muốn xem múa võ, vì đã mãn nhãn qua các phim kiếm hiệp, vì còn lưu luyến các thành phần kiến trúc của ngôi thiền môn xưa và những mời gọi của các sạp hàng bán đồ kỷ niệm, bưu ảnh tài liệu, những ảnh hưởng dẫn đã cố lĩnh đưa vào một nhà rạp lớn, mấy dây băng cây dài vây quanh ba mặt nhìn vào bức tường treo tấm biểu ngữ lụa vàng lớn viết bốn chữ đỏ "**Võ Phật thiên đường**". Tình cờ chúng tôi đã bị xem những màn mãi võ của các tiểu võ sinh: Các du khách nhứt là dân Âu Mỹ được mời lên đấm vào bụng của một anh võ sinh đang để mình trần. Kế đến một người múa quyền, rồi màn đập bẻ tấm đá đặt trên mình trần của hai võ sinh nằm chõng lên nhau, cách tấm ván gỗ lót ở giữa. Màn múa đao tập thể theo điệu nhạc thiền môn. Đặc biệt một chú tiểu nhỏ múa võ rất đẹp rất mềm mại, từ chậm đến nhanh, từ cách đặt đôi bàn chân giao chỉ, rồi xuống tấn qua thế Đồng Tử bái Quan Âm, đến thế nằm chỉ tựa vào một bàn chân và một khuỷu tay rồi uốn mình chun qua chân, nhào lộn nhiều kiểu như kết hợp võ thuật và xiếc. Thêm màn gõ mõ tập thể vừa múa võ theo bài tụng kinh rất hay. Ngày xưa Sớ Tổ Đạt Ma sáng tạo các thế võ, bài quyền chỉ để tập thân thể, luyện nội lực và gìn giữ oai nghi thiền môn. Nhưng đến nay môn võ Thiếu Lâm đã bước lên hàng đầu trong các môn võ tự vệ và các phim quyền cước, kiếm hiệp Trung Hoa cũng đã đưa danh hiệu Shaolin lên ngôi vị Bắc Đẩu trong các phim võ thuật thế giới.

**PHÙ-ĐỒ LÂM:** Đoàn hành hương dừng chân trên ngọn Thiếu Thất trước vùng tháp cổ, xây bằng gạch đá lớn nhỏ đủ loại mọc lên chen lẫn trong những khóm tùng cội bách như rừng. Những cây tháp vuông, đa giác, chỉ phân một hay năm bảy tầng, được xếp thành ba nhóm tùy cách an táng tro cốt: Loại chôn dưới đất, loại cất trong đá tảng và loại đặt ngay trên nền tầng trệt tháp, rồi bít kín cửa lại. Mỗi cây tháp còn hợp với hai thành phần khác để đủ một bộ tháp, như bàn thờ cũng bằng gạch đá, để bày lễ vật vào dịp cúng Thanh-Minh và bia đá, mặt trước khắc tiểu sử và công đức của vị sư phụ, còn mặt sau ghi tên các đệ tử nhiều lớp,

nhiều đời. Vì các bộ tháp đều do các đệ tử xây dựng, trừ những tháp tự lập, nguyên nhân thầy không có đệ tử. Tiêu biểu loại tháp vuông là mộ tháp một tầng của Pháp Nguyên Thiền Sư (viên tịch năm 791), của được chạm trang hoàng bằng một vành cung uốn nhọn, theo kiểu Thiên-Trúc, và tượng hai vị Hộ Pháp.



Phù Đồ Lâm

**SƠN MÔN :** Sân trước chùa lát gạch, chỉ chùa ô vuông đất bao quanh gốc các cây tùng, bách. 18 bậc cấp dẫn lên nền cổng chùa, xây lên thành một sơn môn với hai cửa sổ nguyệt môn, lồng chấn song bào liên, mở ra như đôi mắt. Bên trên lợp hai mái ngói trúc kiểu ngũ chi, che tấm biển sơn mài nâu sậm, gắn ngay cửa giữa, thép ba chữ vàng, nguyên là ngự bút của Khang-Hi Hoàng Đế ban cho chùa. Hai đoạn tường thấp che mái, nổi hai bên Trung quan với giá quan và không quan, đều xây trên nền thấp tam cấp và lợp hai mái kiểu doanh sơn, chịu trên hai đầu hồi. Toàn thể hợp thành một kiểu tam quan tách biệt, không giống bất cứ tam quan của chùa nào khác. Người sau gọi là Tam Quan Nhị Nguyệt. Vào trong hai bên dựng hai tượng thần giữ cửa lớn, Hung (mặt, áo quần sơn xanh đậm nhạt) và Ha (nâu) giống hai ông Thiện, Ác ở chùa ta.



Thiếu Lâm Tự Sơn Môn

Qua một sân lát gạch tiểu, dựng dưới gốc hai hàng cổ tùng nghìn năm vượt lên cao, hai dãy bia đá ghi tên những nhóm đệ tử học võ mấy đời ở khắp nơi thuộc gần 40 quốc gia. Có cả mấy bia mỗi lập những năm gần đây. Một cây bạch quả (Ginkgo) cổ thụ đã được trồng 1400 năm trước Thiên Vương Điện. Ngay giữa điện đặt hai bàn thờ đầu lủng nhau. Phía trước thờ Phật Di-Lặc, phía sau thờ Ngài Hộ Pháp Vy-

Đà. Bốn góc sừng sừng tượng Tử Thiên Vương cao lớn dựng trên. Mỗi vị mặc sắc phục và cầm khí giới khác nhau, như vị khải đàn ti bà chuyên dùng âm thanh, tiếng nhạc để hàng phục Ma vương và để nhận nhứt là Ngài Lý-Tĩnh cầm thiết tháp nhiều tầng. Hai đầu khu vườn rộng ngay phía trong, đã tái thiết lên tòa bảo tháp phía trái. Còn vị trí đối xứng ở bên mặt chỉ mới đắp lại nền, kể từ trận hỏa hoạn thiêu rụi khu này vào năm 1928. Tòa bảo tháp treo bên trong quả chuông nặng 1100 kg, thời xưa đã được vua Đường-Thái-Tôn sai xây dựng để tưởng nhớ công đức Thập Tam Sư-Phụ chùa Thiếu-Lâm cứu giá ở cổ La Thành, tức thành Lạc Dương ngày nay. Bên trong vẫn còn tảng trụ bằng vàng ngự bút viết tên phong tặng 13 vị sư.

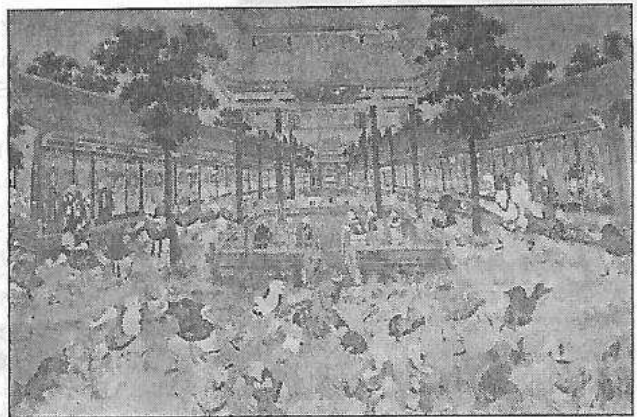
**ĐẠI HÙNG BẢO ĐIỆN:** Tòa chánh điện 7 gian này xây trên nền cao, lợp nóc đôi 2 tầng mái lồi cườm chi. Bên trong thờ Tam Thế Phật ở giữa và Thập Bát La-Hán đặt trong hai dãy khám thờ ở hai bên, được điêu khắc theo đủ tư thế đứng ngồi rất sống động và tinh xảo. Khu vườn sau là nơi tập luyện võ nghệ của 500 Tăng sĩ. Trong góc vườn còn một trại lá bên trong chứa một chảo đun to bằng gang đã mẻ miệng. Theo lời kể của hướng dẫn viên, đây là một trong những chảo nấu cơm ngày xưa, vì hằng ngày nhà trú phải nấu hơn mười mấy tạ gạo (650 kg) cho hơn 2000 vị Tăng sĩ thọ trai.

**THIỆN PHẬT ĐIỆN :** Kiến trúc khá đặc biệt xây trên nền cao, mà phần giữa mở rộng ra phía trước thành sân thượng với cầu thang dẫn xuống ba phía. Hàng cột mặt tiền cao gấp đôi những điện khác, cũng phân 7 gian nhưng chỉ lợp một tầng mái. Hơn nửa cột phần dưới ở mỗi gian mở gian cửa lớn rộng 4 cánh. Phần trên kết giàn mắt cáo với hàng chấn song vuông hẹp, Thờ bên trong 5 - 600 Phật tượng lớn nhỏ. Nổi bật ở chính giữa, pho tượng Đức Thích Ca lớn nhứt, được điêu khắc dưới triều nhà Minh. Cộng thêm bức đại bích họa Ngũ Bách La Hán trong nhiều tư thế khác nhau, vẽ vào thế kỷ 15, mà tác giả có thể là một đệ-tử của họa sư Vũ Thao, do chuyên-gia đời sau nhận ra nét vẽ của trường phái này.

Quy mô chùa ngày càng phát triển qua nhiều thế-hệ, mà hai triều Minh - Thanh xây dựng thêm nhiều nhứt, như dưới đời vua Minh Vạn Lịch đã xây Tầng Kinh Các, tu sửa lại Phướng Không, nơi trú ngụ của Phướng Trượng. Trong dãy điện Tây phướng Thánh Nhơn. Còn nguyên bức công phu bích họa vẽ phối cảnh toàn chùa vào năm 1868 với đầy đủ màu sắc, và 15 bức vẽ trên tường ghi lại hình ảnh các thế võ của các bậc tôn sư võ học. Nhờ vậy qua mấy kỷ hỏa hoạn, các trận chiến tranh như Trung-Nhứt, Quốc-Cộng và tệ hại nhứt là cuộc "Cách mạng văn hóa" hồi gần đây, nhiều công trình đã bị phá hủy nặng nề, sau này có thể lần lượt được tái thiết theo y như cũ. Trên sân gạch của điện còn in dấu chân của 48 vị Tăng sĩ tập luyện tử xưa. Vua Càn Long thường ngự giá đến viếng chùa, luận bàn Phật Pháp và võ thuật với chư Tăng, nên đã cho xây tòa Long Điện để ở lại nghỉ ngơi. Về sau điện này đã đổi tên thành Văn Thủ điện để học hạnh thông hiểu của Bồ Tát Đại Trí. Bên trong còn dựng tảng đá hoa trắng lớn hiển văn hình Tổ Đạt Ma. Tương truyền rằng tảng đá đã được khai thác từ trong động Thiếu Thất nơi Tổ Bồ-Đề đã ngồi điện bích 9 năm. Có lẽ hùng lực tâm thiền qua nhiều năm tháng đã in bóng Ngài lên đá.

Trong tòa Bạch Y Sảnh còn một bức bích họa theo lối phối cảnh mà tấu điểm đặt ngay trung tâm, vẽ hai dãy hành lang

dài nối các điện đường như hai tòa giải vũ nằm hai bên sân nội dài. Thịnh thoảng ở giữa sân nội dựng lên một tòa đình vuông trên nền cao. Các vị Hòa Thượng Tôn Sư đang đứng trong mấy gian đầu hai dãy hành lang như để chỉ điểm trông nom các môn đồ đang luyện võ dưới sân. Từng đôi, vô số những Tăng sinh, đang múa quyền, tung cước trong những thế võ khác nhau, mặc dù màu áo lam, xanh, nâu, thất đại xanh, đại đỏ, dù mọi lứa tuổi hình thái. Trong phướng đình ở giữa sân ba nhà Sư đang vái chào đáp lễ ba vị đường quan nhà Thanh, mặc Mãn phục, để bím tóc dài. Cho thấy triều đình lúc đó rất chú trọng võ công, hay đây chỉ là cách kiểm soát cai trị của vua quan ngoại tộc, lúc nào cũng nơm nớp lo sợ những phong trào phản Thanh, phục Minh xuất phát từ chiếc nôi võ thuật này.



Bức họa trong Bạch Y điện

Sau hết đến Lục Tổ Đường, nơi đặt hai hàng tượng thờ sáu vị Tổ Thiên Tông, cao lớn như người thật, đường nét điêu khắc rất sinh động, đến nỗi chúng tôi tưởng chú Tổ đang hiện diện gần gũi trước mặt khi bước đến chiêm bái :

**Bên trái**

Đệ nhứt Tổ Bồ-Đề Đạt Ma  
Đệ nhị Tổ Huệ Khả  
Đệ tam Tổ Tăng Xáng

**Bên phải**

Đệ tứ Tổ Đạo Tín  
Đệ ngũ Tổ Hoàng Nhẫn  
Đệ lục Tổ Huệ Năng

Như vậy Tổ Đạt Ma, vị Tổ thứ 28 của Ấn-Độ, đã mang Tâm Thiền sang Trung Hoa, truyền y bát xuống Ngài Huệ-Khả qua bài kệ truyền thừa:

*Ngô bốn lai tứ độ  
Truyền Pháp độ quần sanh  
Nhứt hoa khai ngũ diệp  
Hóa mãn tự nhiên thành  
dịch :*

*Ta đến từ đất lành  
Truyền giáo cứu quần sanh  
Một hoa nở năm cánh  
Kết quả tự nhiên thành*

Câu kệ thứ ba ứng với việc truyền thừa Thiền Tông được năm đời chính thức. Vua Lương Võ Đế truy phong Tổ Bồ-Đề Đạt Ma là Viên-Giác Đại Sư. Đến đời vua Đường Đại Tôn xuống chiếu lập bia đá ghi công hạnh Ngài.

●TRẦN PHONG LỬU

Thái Văn Kiêm



# Thọ Xưởng hay Thọ Cường

**T**rong một buổi diễn thuyết cho Hội Pháp Quốc Đông Phương Ái Hữu ở Ba Lê ngày 2.7.1922, Phạm Thượng Chi giới thuyết Văn học Dân tộc Việt Nam bằng câu hát bình dân:

*"Gió đưa cành trúc la đà,  
Tiếng chuông Thiên Mụ canh gà  
Thọ Xưởng".*

Về câu hát này, chúng tôi đã thắc mắc từ lâu: thắc mắc vì không rõ hình thức nguyên thủy của câu hát như thế nào; thắc mắc vì không rõ câu hát này đã bắt nguồn từ một bài thơ của Dương Khuê hay là Dương Khuê đã đem một phần câu hát này vào trong bài thơ của mình.

Đây là bài thơ của Dương Khuê, nhan đề "Hà Nội tức cảnh"; trong cuốn "Dương Khuê" của Nguyễn Duy Diễm:

**Hà Nội tức cảnh**

*Phất phơ cành trúc trắng tà,*

*Tiếng chuông Trấn-Vũ, canh gà Thọ-Xưởng.*

*Mịt mù khói tỏa ngàn sương,*

*Dịp chày An-Thái, mặt gương Tây-Hồ.*

## I.- CANH GÀ THỌ XỬNG

Trong câu hát cũng như trong bài thơ, có một địa danh được nhắc đi nhắc lại là Thọ-Xưởng. Vậy Thọ-Xưởng là nơi nào? Tại sao ở Hà Nội cũng có, mà ở Huế cũng có? Chúng tôi sẽ lần lượt đưa ra mấy tài liệu chính xác có thể làm sáng tỏ vấn đề.

Về địa danh Thọ-Xưởng, chúng tôi đọc thấy địa danh này trong bài: "La pagode Lý-Quốc-Sứ, traduit du texte vietnamien de M. Trần-Hàm-Tân par Maurice Durand" trong tạp chí "Dân Việt Nam" (Le peuple Vietnamien) số 3, xuất bản vào tháng 8.1949, bài này khởi đầu bằng câu:

"Ồ giữa thành phố Hà Nội, trong khu Nhà Thờ, đích là phường Tiên-Thị, thuộc Tổng Thuận-Mỹ, Huyện Thọ-Xưởng, Phủ Hoài-Đức, cựu tỉnh Hà Nội, có một ngôi đền, thờ vị Quốc Sứ đời nhà Lý. Người ta truyền rằng ngôi đền này có từ đời ấy (1010-1225)". Chúng tôi cũng thấy ghi chép và chú giải rõ ràng địa danh Thọ-Xưởng trong quyển "Tỉnh Hà Nội", chương Trí Kiên duyên cách (Dựng đặt đổi thay), trong bộ Đại Nam Nhất Thống Chí, như sau: Huyện Thọ-Xưởng ở cách phủ Phụng Thiên 9 dặm, về phía Đông Nam; Đông Tây xa nhau 2 dặm. Nam Bắc xa nhau 9 dặm. Mặt Đông đến địa giới huyện Gia Lâm (thuộc tỉnh Bắc Ninh), đối ngạn với sông Nhị-Hà, là 1 dặm. Mặt Tây đến địa giới huyện Vĩnh-Thuận là 1 dặm.

Mặt Nam đến địa giới huyện Thanh-Tri (thuộc phủ Thượng-Tin) là 6 dặm.

Mặt Bắc đến địa giới huyện Đông-Ngân (thuộc tỉnh Bắc Ninh), đối ngạn với sông Nhị Hà, là 3 dặm. Về đời Hán là huyện Long Biên; đến đời Tống-Hiếu-Tôn (454-457) mới trích đặt ra huyện Tống-Bình. Sau đổi ra quận Tống Bình. Đến thời nội thuộc nhà Minh (1414-1427 đổi là huyện Đông-Quan. Đến đời Quang Thuận (1460-1470) triều Lê Thánh Tôn, lại đổi là Vĩnh Xưởng. Sau cùng mới đổi là Thọ-Xưởng. Đến đời Gia Long triều Nguyễn, huyện này do phủ Hoài Đức kiêm lý. Đến năm Minh Mạng thứ 12

(1831), mới đặt chức Tri huyện, đổi làm thông hạt, lĩnh 8 tổng, có 115 thôn phòng.

Theo hai tài liệu trên, chúng ta thấy rằng Thọ-Xưởng ở Bắc Việt, vùng Thăng Long (Hà Nội). Huyện Thọ-Xưởng gồm từ khu vực Nhà Thờ Lớn Hà Nội ra tới Đồn Thủy. Như thế thì "tiếng chuông Thiên-Mụ" và "canh gà Thọ-Xưởng" khó mà đi đôi với nhau cho được. Vì lẽ đó, câu hát bình dân để cho hợp với phong cảnh Thăng Long nghìn năm văn vật; phải mang hình thức:

*"Gió đưa cành trúc la-đà,  
Tiếng chuông Trấn-Vũ, canh gà Thọ-Xưởng".*

## II.-TIẾNG CHUÔNG TRẤN-VŨ

Trấn-Vũ đây là đền Trấn-Vũ, tức Quán Trấn-Vũ, thờ Huyền-Thiên Trấn-Vũ. Đền này ở đầu đường Cổ-Ngự, cũng gọi là đền Quan-Thánh, Hà Nội. Nguyên trước, vị thần này là một đạo sĩ ở núi Vũ Đang và tên gọi là Chấn-Vũ, một vị Thái Tử của nước Tinh Lạc (một nước của tiên ở giữa biển, về phía tây nước Nguyệt-Chi, hoặc Nhục-Chi, thuộc Ấn Độ, vào thời của Hoàng-Đế (2697-2596 trước Tây Lịch), bên Trung Hoa. Thần Chấn-Vũ sang nước Nam khu trừ những quỷ quái ở núi Vũ Đang thuộc làng Thụy Lôi, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh (Bắc Việt); cho nên người ta cũng có dựng đền thờ thần là đền đức Vũ-Đang Nguyên-Quân.

Sách "Lĩnh Nam Trích-Quái" có chép rằng lúc đầu đời vua Thái-Tổ nhà Lý (1010), người ta có dựng một cái đền thờ ở gần Hồ Tây, để thần khu trừ các loài tinh cáo trắng chín đuôi phá hại dân cư vùng này. Do đó, người ta ước đoán rằng quán Trấn-Vũ đã có từ thời nhà Lý, như có thấy ghi chép trong các bia xây dựng năm thứ 10 đời Tự-Đức (1857) và năm thứ 5 đời Thành-Thái (1893).

Theo Đại Nam Nhất Thống Chí, quyển "Tỉnh Hà-Nội", mục Tự-quán, Quán này ở phường Thụy-Chương, huyện Vĩnh-Thuận. Thờ đức Trấn-Thiên-Chân Vũ-Đế-Quân dựng từ niên hiệu Vĩnh-Tri đời Lê (1676-1680). Đến khoảng năm niên hiệu Chính-Hòa (1704) có sửa lại, và đúc tượng đồng cao 8 thước 2 tấc ta, cân nặng 6.600 cân, tay mặt

thì chống gươm trên lưng con rùa, có con rắn quấn chung quanh. Thần rất linh thiêng. Ông Trang-Nguyên Đăng-Công-Chất có soạn bài văn khắc vào bia. Đây trước nguyên là Trấn-Vô-Quán, đến triều Nguyễn năm Minh-Mạng thứ hai (1821) vua ngự du Bắc tuần có cúng vào đền 50 lạng bạc. Đến năm Minh-Mạng 21 (1840) mới đổi là Trấn-Vô-Quán và sai quan đến tế, lại để cúng một áo tở lông vàng. Đến năm Thiệu-Trị thứ hai (1842, vua lại ngự giá tuần hành ra chơi, có cúng một đồng tiền vàng và một áo lông tở vàng, lại cấp cho một biển đồng khắc bài thơ ngự chế và cúng một đôi câu đối vóc. Xét ở Việt-sử thời vua An-Dương-Vương nước Thục, thì có con tinh gà trắng và phục quý cũ thường lui tới ở núi Thất-Điêu-Sơn Thần mới hiển thánh ở núi Xuân-Lôi thuộc tỉnh Bắc Ninh trừ được hết những quái đảng ấy. Vua mới lập miếu ở cửa Bắc-Đô-Thành để thờ, phía sau quán có đền thờ đức Văn-Xương để quan.

Quán Trấn-Vũ đã được xếp hạng cổ tích do Nghị Định ngày 16.5.1925 và được giao cho Viễn-Đông Bắc-Cổ Học-Viện trông coi. Năm 1941, Viện này có cho đặt hai con voi ở cửa đi vào (1)

Trở về câu hát bình dân nói trên, chúng ta rời xứ Bắc vào miền Trung, viếng thăm chùa Thiên-Mụ.

### III.-CANH GÀ THỌ-KHỦNG

Chùa Thiên-Mụ là cổ tích có lẽ xưa nhất của người Việt tại miền Thuận Hóa. Đại-Nam Nhất-Thống-Chí chép rằng năm Tân-Sửu (1601), Thái tử Gia-Dụ Hoàng-Đế, tức Nguyễn-Hoàng, ngự hành đến xã Hà-Khê, thấy có gò bằng đột-khởi, hình như đầu rồng ngó lại, trước có trường giang, sau có bình hồ, cảnh trí giai-thắng, nhân đó vua hỏi người ở đây, họ bảo rằng: "Gò này rất linh dị, từng truyền khi xưa có người ban đêm trông thấy một bà già mặc áo đỏ quần xanh, ngồi trên gò ấy nói: "Đáng lẽ có ông chân-chủ đến làm chùa chỗ này cho tụ linh khí để cùng cổ long mạch". Nói xong, bà biến đi mất, nhân đó mới gọi là núi Thiên-Mụ. Vua nhận cho chỗ ấy có linh khí, bèn dựng chùa đặt tên là chùa Thiên-Mụ. Đời Hiền-Vương Nguyễn-Phúc-Tần, năm 1665, có trùng tu chùa. Đời Quốc-Chúa Hiếu-Minh Nguyễn-Phúc-Chu, năm 1710, có đúc chuông lớn, năm

1715 có chế bi-văn khắc vào đá dựng nơi bên sông.

Theo "Ô-Châu Cận-Lục" của Dương-Văn-An, chùa này ở phía Nam xã Hà-Khê, huyện Hương-Trà, ở trên đỉnh núi, dưới gối dòng sông, ngoài ba nghìn thế giới, xa nơi trần tục, trong gang tấc mà gần chốn thiên tri, khách tàn bộ đến nói du ngoạn, tự nhiên phát thiên tâm, tiêu tục lự, ấy là cảnh trí Phường-Trượng vậy.



Từ bên chùa Thiên-Mụ nhìn sang bên kia sông Hương là gò Long-Thọ.

Gò Long-Thọ, ở xã Nguyệt-Biêu, huyện Hương-Thủy, gò dựa bờ phía Nam sông Hương, đối diện với gò Thiên-Mụ. Tên cũ là Thọ-Khang Thượng-Khố. Danh từ Thọ-Khang cũng có thể đọc trại là Thọ-Khủng; vì thế mà câu ca bình dân nói trên cũng có khi mang hình thức như sau:

*Gió đưa cành trúc la-dà,  
Tiếng chuông Thiên-Mụ, canh gà Thọ-Khủng.*

Tương truyền trên gò này xưa kia có nhà cửa, và người ta đã từng đem tạm quân ở đây, những quan tài của:

- Anh-Tông Hiếu-Nghĩa Nguyễn-Phúc-Trần (1687-1691);
- Hiến-Tông Hiếu-Minh Nguyễn-Phúc-Chu (1691-1725);
- Túc-Tông Hiếu-Ninh Nguyễn-Phúc-Trừ (1725-1738) và
- Thế-Tông Hiếu-Vô Nguyễn-Phúc-Khoát (1738-1765)

cho nên cũng có người sửa đổi câu hát bình dân như sau:

*Gió đưa cành trúc la-dà,  
Tiếng chuông Thiên-Mụ, canh gà Thọ-Cường.*

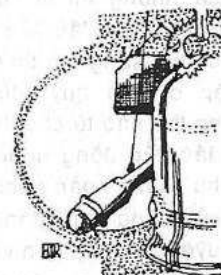
Xem như trên, chúng ta thấy có một câu hát bình dân có thể "di cư" từ Bắc chí Nam, xa xuôi ngàn dặm, và được tu chỉnh tùy theo phong cảnh, thủy thổ, trạng huống và tâm sự của người đương thời.

Nói một cách khác, những câu hát bình dân cũng phát sinh, trưởng thành, di chuyển và biến hóa như những sinh vật. Những câu hát ấy cũng theo con người mà đi đây đi đó, khi thì qua khe lội suối, khi thì leo núi băng ngàn, từ Thăng Long tới Thuận Hóa, rồi lần theo bờ biển Nam Hải để cập bến Cửu Long Giang, cùng chia xẻ ngọt bùi với đoàn người phiêu lưu mạo hiểm. Và một khi đến xứ Đồng Nai, câu hát bình dân kia hẳn phải biến hóa phần nào cho hợp với cảnh tình, thủy thổ, để mang lấy hình thức cuối cùng và mới mẻ của nó là:

*Gió đưa cành trúc la-dà,  
Tiếng chuông Xá-Lợi, canh gà Thủ-Thiên.*

### ● THÁI VĂN KIỂM

(1) Chúng ta không nên nhầm lẫn Đền Trấn-Vũ với Chùa Trấn-Quốc. Chùa này ở bán đảo gần giữa Hồ Tây, trước gọi là An-Quốc, xây trên bãi cát ở phía Bắc cầu Long-Biên bây giờ. Về sau bị lụt năm 1615, tức là năm thứ 16 đời Hoàng-Định nhà Lê (1600-1619), dân phường Yên-Phụ (sau sáp nhập hộ thủ nhất thành phố Hà Nội) mới dời vào dựng trên nền cũ đền Hàm-Nguyên của nhà Trần (trên bãi rùa phía Đông-Nam hồ). Đến đời Chính-Hòa (16800-1704), người ta đổi tên chùa làm Trấn-Quốc; tên này đến đời Thiệu-Trị, vào năm 1842, lại đổi làm Trấn-Béc, hiện còn biển sơn thếp vàng ghi tên chùa của vua ban, nhưng dân chúng vẫn thường quen gọi là chùa Trấn-Quốc.





# Mùa Thu trong thi ca

**T**rời Cali mấy hôm nay giống như cô gái đang độ xuân thì, hay giận hờn vu vơ, hay buồn vui bất chợt. Mỗi buổi sáng nắng rực rỡ trên hàng cây, buổi chiều đã kéo mây bàng bạc u ám cả bầu trời. Một chút gió heo may đã thổi về đủ cho lòng chúng ta chùng xuống với chiếc lá rơi nhẹ trên mặt hồ tĩnh lặng như gương. Dẫu không nhìn thấy đâu đây "Một chiếc lá ngô đồng vừa rơi, mọi người đã nhìn thấy mùa thu trở về" (Ngô đồng nhất điệp lạc. Thiên hạ cộng tri thu). Chỉ thấy sương khói xây thành cũng đủ cho lòng nhau se sắt đón thu sang. Đã hơn hàng tỷ năm từ khi có sự hiện hữu trái đất nảy trong vũ trụ mệnh mông, mùa thu đã ra đi và trở lại biết bao nhiêu tỷ lần theo chu kỳ tuần hoàn của tạo hóa. Mùa thu, cái thời tiết lãng mạn trữ tình của thiên nhiên đã trở thành đề tài tuyệt diệu vô tận trong kho tàng văn chương nghệ thuật của nhân loại. Nó đã tạo nên bao nhiêu thi hào thi bá lỗi lạc đông tây kim cổ. Không có một nhà khảo cứu văn học thế giới nào, tổng hợp cho hết được những áng văn chương toàn bích ca ngợi mùa thu. Vì hầu như trong tất cả những thi sĩ của mỗi quốc gia khi mới bắt đầu yêu thơ và chọn con đường sáng tạo thi ca như một nghiệp dĩ cao quý, đều xác quyết không thể nào từ chối hấp lực tuyệt vời đầy xúc động nghệ thuật của mùa thu. Hàng ngàn năm trước, khi địa vị của dòng thơ Đường được đánh giá tuyệt đỉnh của nền văn học Trung Hoa, đã khai mở từ thời sơ

Đường dưới thời Vua Cao Tổ năm Vũ Đức Nguyên Niên đến thời kỳ Văn Đường dưới thời vua Chiêu Tuyên Đế, kéo dài lịch sử Đường Thi lên đến cả ngàn năm. Tuy nhiên những bài thơ ca ngợi mùa thu của Lý Bạch, Vương Duy, Lưu Vũ Tích, Giả Đảo, Thôi Hiệu, Vương Hàn, Đỗ Phủ... cho đến bây giờ chúng ta có dịp đọc lại vẫn cảm nhận cái thâm hậu, kỳ tuyệt cao khiết biết dường nào. Đêm thu, trăng lặn, quạ kêu, sương đầy trời, hàng phong bên sông, ngọn lửa thuyền chài hắt hiu, nửa khuya tiếng chuông chùa ngân nga làm rung động sóng nước, Trương Kế đã viết nên bài thơ để đời:

Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên  
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên  
Cô Tô thành ngoại Hàn San tự  
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền

(Phong Kiều Dạ Bạc)

Trăng tà, tiếng quạ kêu sương  
Lửa chài, cây bến sầu vương giấc hồ  
Thuyền ai đậu bến Cô Tô  
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa  
Hàn San

(Tản Đà)

Một cảm tác về đêm trăng mùa thu bơi thuyền ở Hồ Động Đình của Lý Bạch:

Động đình hồ tây thu nguyệt huy  
Tiêu, Tương giang Bắc tảo hồng phi  
Túy khách mãn thuyền ca Bạch trử  
Bất tri sương lộ nhập thu y

Trăng thu soi sáng Động Đình  
Tiêu, Tương một giải, chim hồng sớm bay  
Đầy thuyền khách hát như say  
Băng quên áo thấm sương đầy móc thu

(Chi Diễm)

Những thi văn tài lỗi lạc của thế giới văn chương Tây Phương thường được nhắc nhở đến nhiều nhất là Charles Beaudelaire, Paul Verlaine, Anatole France... đã sáng tác nhiều thi phẩm ca ngợi mùa thu diễm tuyệt. Chính những trường phái thi ca lãng mạn, tượng trưng vào cuối thế kỷ 19 ở Pháp đã tạo nên những

ảnh hưởng sâu đậm, đối với các thi sĩ Việt Nam như trường hợp của Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư, Thế Lữ, Huy Cận, Vũ Đình Liên... tạo thành văn học sử của trường phái thơ mới ở thời điểm tiền chiến. Chúng ta hãy lắng nghe bài thơ tả cảnh thu của Huy Cận:

Nai cao gót lẩn trong mù  
Xuống rừng nẻo thuộc nhìn thu mới về  
Sắc trời trôi nhạt dưới khe  
Chim đi, lá rụng cành nghe lạnh lùng  
Sầu thu lên vút song song  
Với cây hiu hắt, với lòng quạnh hiu

Mùa thu đã thực sự vực dậy trong tiềm thức chúng ta những kỷ niệm êm đềm của một thời tuổi trẻ. Những cơn phố tịch liêu. Những tháp cổ rêu phong. Những am mây sâu thẳm. Những tiền kiếp u trầm có nhau. Những tảng đá xanh trầm mặc. Những hàng cây tĩnh tâm khoác áo sương mù. Những ngọn đỉnh gió hú hoang tịch ngàn năm. Trong cuộc trường chinh ngôn ngữ hiện hữu với bao nhiêu thăng trầm theo mệnh số, chúng ta đã bao nhiêu lần gọi thu về đuổi nắng chói chang đi. Những buổi chiều thu đậm ướt nỗi buồn vơ vẩn, cảm dỗ ta bằng nỗi quạnh hiu, bằng những chiếc lá vàng rơi trên lối về lẻ loi như cánh hạc xa bầy:

Em không nghe mùa thu  
Dưới trăng mờ thổn thức?  
Em không nghe rạo rức  
Hình ảnh kẻ chinh phu  
Trong lòng người cô phụ?  
Em không nghe rừng thu  
Lá thu kêu xào xạc  
Con nai vàng ngơ ngác  
Đạp trên lá vàng khô  
(Tiếng Thu - Lưu Trọng Lư)

Trong Thi Nhân Việt Nam xuất bản từ năm 1941, Hoài Thanh – Hoài Chân đã nhận định về nhà thơ Lưu Trọng Lư: "... Lưu Trọng Lư có những bài thơ cứ vương vấn trong trí tôi hằng tháng, lúc nào cũng như văng vẳng bên tai. Bởi vì thơ Lưu nhiều bài thực không phải là thơ, nghĩa là những công trình nghệ thuật, mà chính là tiếng lòng thổn thức cùng

hòa theo tiếng thổn thức của lòng ta..."

Không phải chỉ có nước Trung Hoa cổ là một mùa thu bát ngát, ở xứ Việt Nam mùa thu vẫn tạo nên những cảnh trí thật mơ màng quyến rũ đầy chữ. Bằng chứng đối với văn nhân thi sĩ nước ta trong suốt cuộc hành trình phát huy văn hóa dân tộc, để tài mùa thu vẫn ghi nhận vượt trội hơn những cảm hứng so với số lượng sáng tác những mùa khác trong năm. Với cảnh trời thu man mác thơ mộng, sương khói lãng đãng giăng khắp núi đồi, đã thoảng hiện nào nề trong *Đoạn Trường Tân Thanh* của cụ Nguyễn Du, trong *Chinh Phụ Ngâm Khúc* của Đặng Trần Côn và Đoàn Thị Điểm, trong *Bích Câu Kỳ Ngộ* của Vô Danh Thị,... trong những bài *Thu Ẩm*, *Thu Diệu* của Tam Nguyên Yên Đổ, trong thơ của thi sĩ Tân Đà Nguyễn Khắc Hiếu chan chứa những nỗi niềm thu bi thiết:

*Ngọn gió thu phong rụng lá vàng  
Lá bay hàng xóm lá bay sang  
Vàng bay mấy lá năm già nữa  
Hờ hững ai xui thiếp phụ chàng  
Ngọn gió thu phong rụng lá hồng  
Lá bay tường bắc lá sang đông  
Vàng bay mấy lá năm hổ hết  
Thơ thần kia ai vẫn đứng trông*  
(Gió Thu)

Xuân Diệu, một trong những nhân vật tiên phong của phái thơ mới, chống lại những khuôn mòn sáo cũ, câu nệ quá đáng vào niêm luật tù túng không tạo cho hồn và ý thơ bay bổng lên đỉnh cao của nghệ thuật. Nếu nói đến thơ tình thì Xuân Diệu được công nhận trải qua thời gian vài thập niên ông vẫn giữ địa vị đặc thù trên thi đàn Việt Nam. Tuy nhiên về cảm xúc sáng tác từ gợi ý mùa thu, Xuân Diệu cũng tạo nên những thành tích đáng kể qua những thi phẩm như: *Nguyệt Cầm*, *Nhị Hồ*, *Ý Thu...* và *Đây Mùa Thu Tới*:

*Rạng liễu điều hiu đứng chịu tang  
Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng  
Đây mùa thu tới – mùa thu tới  
Với áo mơ phai dệt lá vàng*

*Hơn một loài hoa đã rụng cành  
Trong vườn sắc đỏ rửa màu xanh  
Những luống run rẩy rung rinh lá  
Đôi nhánh khô gầy xương mỏng manh*

*Thỉnh thoảng nàng trắng tự ngần ngơ  
Non xa khỏi sự nhạt sương mờ  
Đã nghe rét mướt luồn trong gió  
Đã vắng người sang những chuyến đò...*

*Mây vẫn từng không, chim bay đi  
Khí trời u uất hận chia ly  
Ít nhiều thiếu nữ buồn không nói  
Tựa cửa nhìn xa, nghĩ ngợi gì?...*

Từ khi tuổi vừa chớm yêu đương, tôi đã có những nỗi buồn vu vơ khi tiết trời se sắt lạnh, lá bàng rơi trên lối đi về trong thành phố cổ kính mái phố rêu phong chứng tích của một thuở "Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo. Ngõ cũ lâu đài bóng tịch dương" (Huyện Thanh Quan).

Trong thơ Chế Lan Viên, ông vẽ nên những cảnh điêu tàn, niềm luyến tiếc đến một thuở vàng son, oanh liệt ngày xưa. Ông có trí tưởng tượng phong phú, tuy nhiên những chữ ông diễn tả giản dị, đơn sơ nhưng không đánh mất nét thơ mộng bất ngờ. Chúng ta hãy lắng nghe những lời than thở của tâm trạng nào nề đón thu sang:

*Chao ôi! Thu đã tới rồi sao?  
Thu trước vừa qua mới độ nào!  
Mới độ nào đây, hoa rạn vỡ  
Nắng hồng choàng áp dây bàng cao*

*Cũng mới độ nào trong gió lộng  
Nến lau bùng sáng núi lau xanh  
Bướm vàng, nhè nhẹ bay ngang bóng  
Những khóm tre cao rũ trước màn*

*Thu đến đây! Chừ, mới nói rằng?  
Chừ đây, buồn giận biết bao ngân?  
Tìm cho những cánh hoa đang rụng  
Tôi kiếm trong hoa chút sắc tàn!...*  
(Thu – Chế Lan Viên)

Qua đến câu chuyện tình thu buồn của T.T.KH với những tâm sự nào nề ẩn chứa một cách xót xa cay đắng trong những bài thơ *Hai Sắc*

*Hoa Ty Gôn, Bài Thơ Thứ Nhất, Đan Áo Cho Chồng, Bài Thơ Cuối Cùng...* đã hơn một thời gây nhiều xúc động trong giới văn học:

*... Từ đây, thu rồi, thu lại thu  
Lòng tôi còn giá đến bao giờ  
Chồng tôi vẫn biết tôi thương nhớ  
Người ấy, cho nên vẫn hững hờ...*

*... Tôi vẫn đi bên cạnh cuộc đời  
Ái ân lạnh lẽo của chồng tôi  
Mà từng thu chết, từng thu chết  
Vẫn giấu trong tim bóng một người...*

*... Nếu biết rằng tôi đã lấy chồng  
Trời ơi! Người ấy có buồn không?  
Có thắm nghĩ tới loài hoa vỡ  
Tựa trái tim phai tựa máu hồng?*

Tất cả vật chất hiện hữu trong thế gian này sẽ hủy hoại qua thời gian. Chỉ có thế giới siêu tưởng mới là nơi chốn thi nhân hy vọng gởi gắm ít nhiều khổ đau miên viễn. Như trường hợp thi sĩ Đinh Hùng đã đào sâu trong huyết mộ dĩ vãng, để tìm lại bóng hình yêu dấu của người tình muôn thuở:

*... Trời cuối thu rồi – Em ở đâu?  
Nằm bên đất lạnh chắc em sầu  
Thu ơi! Đánh thức hồn ma dậy  
Ta muốn vào thăm nắm mộ sầu!*

*... Em mộng về đâu  
Em mất về đâu  
Từng đêm tôi nguyện, tôi cầu  
Đây màu hương khói là màu mắt xưa*  
(Gửi Người Dưới Mộ)

Bốn bề bát ngát buồn hiu hắt, những cảnh khô khảnh khi in trên nền trời trắng đục chẳng khác nào bức tranh thủy mặc của thiên nhiên quá tuyệt vời, chỉ có mắt nhìn của nghệ sĩ mới khám phá ra từ ngàn năm tác phẩm vĩ đại đó. Chúng ta không ngạc nhiên đã thẩm thấu trong tâm hồn những nhà văn nhà thơ Thanh Tịnh, Thế Lữ, Hồ Dzếnh, Thâm Tâm... Và mãi cho đến thời kỳ hậu chiến, chúng ta khám phá càng nhiều hơn những tác phẩm lừng lẫy của thi đàn văn học miền Nam.

Trong cái thế giới ngôn ngữ thi ca đầy mê hoặc của Bùi Giáng, ông đã tạo nên cái sắc thái hòa hợp đầy kỳ

ảo thần tình của hai dòng văn học uyên bác đông tây trong những thi tập *Mưa Nguồn, Lá Hoa Cỏn, Ngàn Thu Rớt Hột, Đêm Ngắm Trăng*... và hơn hàng ngàn bài thơ ông sáng tác gần nửa thế kỷ, ông như một biểu tượng thiên tài lỗi lạc của văn học hiện đại. Trong số lượng thơ mệnh mông đó, mùa thu cũng đã khiếm nhượng xuất hiện bàng bạc trong tâm hồn thi sĩ:

... Phải là nguyệt giữa đêm rằm?  
Nguyên tiêu lăng đăng lá nằm ngẩn ngơ  
Kể từ hằng thủy ban sơ?  
Kể từ sơ thủy về tờ vẽ trang?  
Kể từ thu tạ lên đàn?  
Rừng phong thu đã quan san nhuộm màu?  
Phải rằng đó trước kia sau?  
Hay là sau trước còn tao ngộ gì?

Bước vào cái không khí đầy ảo giác mơ hồ, trữ tình của Nguyên Sa. Thơ tình của ông đã thoát khỏi những bần khoản, siêu hình. Tình yêu hiển lộ thánh hóa trong một phối cảnh thiên nhiên tuyệt vời của mùa thu kiêu diễm:

Tôi đã gặp em từ bao giờ  
Kể từ nguyệt bạch xuống đêm khuya  
Kể từ gió thổi trong vừng tóc  
Hay lúc thu về cánh nhận kia?

Có phải em mang trên áo bay  
Hai phần gió thổi, một phần mây  
Hay là em gói mây trong áo  
Rối tỏ cho làn áo trắng bay?

Có phải mùa thu sắp sửa về  
Hay là gió lạnh lúc đêm khuya  
Hay là em chọn sai màu áo  
Để nắng thu vàng giữa lối đi?

Có phải rằng tôi chưa được quen  
Làm sao buổi sáng đợi chờ em  
Hay từng hơi thở là âm nhạc  
Đàn xuống cung trầm, mắt nhớ thương

Buổi tối tôi ngồi nghe sao khuya  
Đi về bằng những ngón chân thưa  
Và nghe em ghé vào giấc mộng  
Vành nón nghiêng buồn trong gió đúa

Tôi không biết rằng lạ hay quen  
Chỉ biết em mang theo nghề thường  
Cho nên cặp mắt mờ hư ảo  
Cả bốn chân trời chỉ có em  
(Tương Tư)

Trong sinh hoạt thi ca ở hải ngoại... Du Tử Lê, nhà thơ được công nhận như một thi sĩ hàng đầu viết về tình yêu hiện nay. Ông có sức sáng tạo phong phú, mỗi năm đều trình làng dăm ba tác phẩm thơ văn. Riêng trong thi tập "*Ở Chỗ Nhân Gian Không Thể Hiểu*", Du Tử Lê xuất sắc với nhiều bài thơ ca ngợi mùa thu tình ái, ngôn ngữ mới lạ, phù thủy, lôi cuốn và mê hoặc. Chúng tôi yêu nhất "*Bài Nhân Gian Tháng Tám*" của ông:

Buổi chiều xám chỗ ngồi tôi tháng tám  
Em dung nhan như một vết dao  
Trong trí nhớ của một người khánh tận  
Núi sông người thoáng chốc cũng hư hao

Em mười bảy bước chân vào tháng chạp  
Hàng cây khô vai gọi lá hai hàng  
Đâu sự thật cảnh đời tôi đã xé  
Em đi qua, chỉ thức dậy điều tàn

Đêm cao ốc bàn tay buồn, mắt lạng  
Gió mưa đi tít tận trời nào  
Môi tháng sáu bao dung hồn phiêu bạt  
Em tin không? Tôi chết ngọt ngào

Em bước xuống cuộc đời tôi âm đạm  
Với bình minh, mười bảy vết son tươi  
Kẻ khánh tận, cuối cùng soi trí nhớ  
Trong bài thơ tháng bảy đã chia hai

Nếu em biết có lần tôi đã hỏi  
Tôi đợi ai cuối cuộc chơi này?  
Như tháng tám đi qua người sẽ khuất  
Riêng vết son còn đỏ nấu môi cười

Bài thơ nhỏ gói nỗi sầu vô hạn  
Đường chim đi, nghìn dặm có ai tìm  
Em không thể thì thôi đừng nắng, gió  
Củi than riêng, tôi đốt một mình

*Đêm tháng tám, chỗ ngồi tôi lửa cháy*

Đến lúc tình yêu được quan niệm sâu xa hơn, vượt thoát ra khỏi những trần trở khổ đau của định mệnh. Tình thương mới đích thực rộng lớn thăng hoa giữa con người với con người. Đó mới là giây phút hạnh phúc, sứ mệnh giác tha độ lượng của người nghệ sĩ, luôn luôn muốn đề cao cái đẹp vĩnh cửu của tâm hồn.

Giữa cảnh trí tiêu điều mùa thu, một người ở tù nhiều năm trở về thăm lại làng xưa, nhà thơ Tô Thùy Yên đã giữ được tâm bình lặng không gợn chút hận thù vì tâm đã ngộ, chỉ có tình thương mới hóa giải hận thù. Ông đã thẩm thấu triết lý sâu sắc của người phương Đông.

...Ta về cúi mái đầu sương điểm  
Nghe nặng từ tâm lượng đất trời  
Cám ơn hoa đã vì ta nở  
Thế giới vui từ mỗi lẻ loi

... Ta về như lá rụng về cội  
Bếp lửa nhân quần ấm tối nay  
Chút rượu hồng đây, xin rưới xuống  
Giải oan cho cuộc biển dâu nầy

... Ta về như hạc vàng thương nhớ  
Một thuở trần gian bay lướt qua  
Ta tiếc đời ta sao hữu hạn  
Đành không trải hết được lòng ta  
(Ta Về – Tô Thùy Yên)

Mang tâm trạng của kẻ tha hương lúc nào cũng nhớ về cố xứ thân yêu. Nhà thơ Tuệ Nga đã biểu hiện nỗi niềm nhớ nhung trong những thi phẩm xuất bản ở hải ngoại. Không ngộ đồng mà cũng vọng tưởng như "ngô đồng lác đác" trong lòng khi trời hiu hắt thu sang:

Ngô đồng lác đác báo Thu sang  
Vườn cũ hoa xưa có điểm vàng  
Khói loạn bốn phương sáu ngút ngút  
Gió cuồng tám hướng hận mang mang

Mực hoen lòng giấy tình ngăn lối  
Bút đọng niềm thương lệ ố vàng?  
Sương tuyết nhạt nhòa Trăng cổ độ  
Nghe chiều thế sự sóng âm vang...

(Thu Sơ)

Hàng đêm chúng ta nhìn lên bầu trời lấp lánh hàng muôn triệu vì sao, đâu có biết những thiên hà xinh đẹp thơ mộng đó, xa cách chúng ta hàng chục tỷ năm ánh sáng, có nhiều thiên hà đã mất hút từ lâu, hôm nay chúng ta mới nhìn thấy ánh sáng. Những biến thiên của vũ trụ cũng chỉ là những hiện tượng sắc không, nên thời tiết mùa thu của mỗi năm thường thay đổi. Tuy nhiên, những tác phẩm ca ngợi mùa thu thì vĩnh cửu, vượt thời gian.

Cứ mỗi năm, khi bước chân trẻ thơ rộn rã trên đường đến lớp học hay reo vui với nhịp trống múa lân giữa muôn sắc màu lộng lẫy, của những chiếc lồng đèn thấp sáng mừng đón Tết Trung Thu, theo truyền thống Dân Tộc, tâm hồn người tha hương cũng xao xuyến băng khuâng, tưởng nhớ đến những chuỗi ngày thơ ấu trên quê hương Việt Nam thanh bình.

Con đường quen thuộc, buổi sáng đi qua, buổi chiều trở lại như nhịp đập buồn bã của trái tim người lữ khách già nơi nghìn dặm quê người. Giữa những hàng cây thay lá gần hai mươi năm qua rỗng rã, miệt mài, trầm lặng. Cũng như sáng hôm nay, chính ta khám phá mùa thu đã hiện ngang trở về, thông thả, bình an theo mây trời hạ xuống nhân gian, từng bước lựa là êm ả đầy quyến rũ trữ tình. Lòng ta cũng rạo rức yêu với thu. Nói thầm với thu sao mà dễ thương quá như thuở ban đầu tỏ tình với em hồn nhiên và trong sáng như hoa cỏ trong khu vườn đầu yêu, nơi một góc trời Đà Nẵng đầy thơ mộng. Nếu hiểu được thời gian và không gian là khoảnh khắc vô thường, thì ta đang ở Cali hay phương trời nào khác, mùa thu vẫn không bội phần từ trong tâm thức thủy chung với nỗi đau của đất trời nơi cố quận thân thương. •



## Buồn Tàn Thu

(Cảm tác theo Buồn Tàn Thu của Văn Cao và Tiếng Hát Vượt Thời Gian)

*Em vẫn biết thời gian đi rồi không trở lại  
Không gian biến hình cho mở ước một  
thoáng tàn phai  
Nhưng ngày đi đêm tới... dấu ngày tháng  
mãi hững hờ  
Niềm thương nhớ vẫn triền miên... đáng  
ngập tràn mi mắt  
Em vẫn biết tình yêu kia chợt say rồi chợt  
mất  
Một thoáng ngỡ ngàng những nụ hôn đời  
vội trời chạt mắt môi...  
Rồi mãi quanh em những dấu chân của  
kỷ niệm vẫn không rời  
Và xuân đi... thu đến, gió hôn nhẹ chọt lá  
vàng rơi!*

*Em lặng lẽ âm thầm nghe thời gian buồn  
trở bước  
Trời chòm thu sao nghe lòng nay đã sang  
thu  
Trăng mãi cao vời vợi buồn không tỏ nên  
lời  
Và muôn triệu nghìn sao phút chốc... là  
muôn trùng xa cách!  
Em biết anh sẽ đi nên lòng vẫn không lời  
oán trách  
Và thời gian là tháng năm của ngày đêm  
trông ngóng...  
Nhưng sao anh ơi!  
Thu vội đến nay rồi thu cũng đã vội đi  
Như yêu thương kia trong ánh mắt đã vội  
phai tàn  
Và... thôi tình em đó  
Rồi cũng như những chiếc lá chợt ủa  
vàng  
Rồi chết lịm dần... tan tác với mỗi một  
đáng thu phai...*

**Hoàng Ngọc Quỳnh Giao**  
(Trích trong Vàng Hương Mộng Ngọc)

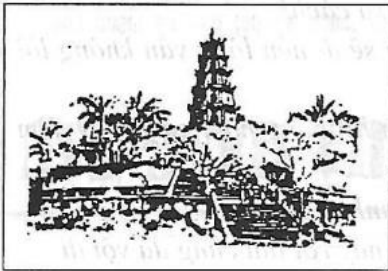
Biên khảo về

# Thừa Thiên Huế

**LSG:** Chúng tôi đang tìm hiểu chút ít, để viết về Thừa Thiên-Huế, cống hiến cho đồng giả đồng hưởng tưởng lâm Nhân mùa Phật Đản 2544, chúng tôi xin giới thiệu 4 ngôi chùa lớn ở Cố Đô Huế thay vì bài viết về Như Lai Đản Sinh như những năm qua (trích trong tác phẩm *Những Ngôi Chùa Cổ Việt Nam* và *Danh Lam Nước Việt* của Võ Văn Tường và Trần Thị Minh Nguyệt (là nghĩa tế và ái nữ của chúng tôi). Chúng tôi sẽ lần lượt giới thiệu các Giáo Đường và Chúng Viện Huế, khi có đầy đủ tài liệu vào các kỳ tới.  
Trần trọng.

## Chùa Thiên Mục (Linh Mục Tự)

*Gió đưa cành trúc la đà  
Tiếng chuông Linh Mục canh gà  
Thọ Xưởng*



Câu ca dao từ bao đời đã để lại trong lòng người dân Huế và du khách đến Huế hình ảnh một cảnh chùa thơ mộng.

Chùa tọa lạc trên đồi Hà Khê, thuộc xã Hương Long, thành phố Huế.

Trong *Ô Châu cận lục* viết đời Mạc, đã thấy ghi chép chùa Linh Mục được Chúa Nguyễn Hoàng cho tái thiết vào đầu thế kỷ 17. Theo truyền thuyết, năm Tân Sửu (1601, Đuan Quốc Công Nguyễn Hoàng nhân đi du ngoạn núi non, sông biển, khi đặt chân đến đây, thấy phong cảnh tuyệt đẹp, địa thế thật tốt. Vua nghe kể có người trông thấy

một bà già đầu tóc bạc phơ, mặc áo đồ quần xanh ngồi chơi ở đỉnh gò mà nói: "Rồi đây sẽ có chân Chúa đến dựng chùa ở nơi này để tụ linh khí mà làm bền cho long mạch". Nói xong, người đàn bà biến mất. Từ đó, dân chúng gọi tên núi là Thiên Mục Sơn, và Chúa Nguyễn Hoàng cho dựng lại chùa, viết biển đề "Thiên Mục Tự" (đến đời Vua Tự Đức, chùa được đổi tên là Linh Mục tự). Ban đầu chùa còn đơn sơ, chưa có những công trình kiến trúc và mỹ thuật nổi tiếng. Năm 1665, Chúa Nguyễn Phúc Tần cho trùng tu chùa, qui mô kiến trúc còn nhỏ.

Năm 1695, Thiền sư Thạch Liêm tức Thích Đại Sán, người Chiết Tây, Trung Quốc, thuộc phái Tào Động, được Chúa Nguyễn mời sang Việt Nam lập đại giới đàn. Ngài là một danh nhân đời nhà Thanh, đã được Chúa Nguyễn Phúc Chu mời làm trụ trì chùa Thiên Mục. Tháng 7 năm 1696, trước khi trở về Trung Quốc, Ngài đã truyền giới Bồ-Tát cho Chúa Nguyễn Phúc Chu, ban đạo hiệu là Thiên Túng Đạo nhân, nối pháp đời thứ 30 Tào Động chánh tông. Từ chùa Thiên Mục và chùa Khánh Vân (Huế), Ngài có công truyền bá Thiền phái Tào Động ở đàng Trong. Năm 1710, Chúa Nguyễn Phúc Chu cho đúc quả đại hồng chung nặng 3285 cân, là một tác phẩm mỹ thuật quý giá. Tiếng chuông chùa từ đây đã an nhiên trong lòng người dân xứ Huế, đã đi vào thơ ca.

## Thiên Mục Chung Thanh

*Cao cường cổ sát trấn tiền xuyên  
Nguyệt tưởng thường viên tự tại thiên.  
Bách bát hồng thanh tiêu bách kiệt  
Tam thiên thế giới tình tam duyên.  
Tăng hoàng ngọc nhật u minh cảm  
Liêu lượng dần tiêu đạo vị huyền  
Phật tích Thánh công thủy hải vũ  
Thiện nhân tặng quả phổ cai diên.*  
(Thiệu Trị ngự đề)

Nghĩa là:

## Tiếng chuông chùa Thiên Mục

*Gò cao chùa cổ bên sông,  
An nhiên nguyệt tưởng mặt vòng tròn  
quả hồng.  
Niệm tan phiền não sâu thẳm,  
Ba ngàn thế giới tình đường ba sinh.  
Chuông rền cảm giới u minh,  
Ban mai tiếng tụng hiển linh đạo  
huyền.  
Thánh công Phật tích lưu truyền,  
Nhân lành quả tốt khắp miền nước  
non.*

(Nguyễn Quảng Tuân dịch)

Năm 1714, Chúa Nguyễn Phúc Chu lại tiếp tục cho xây dựng thêm nhiều công trình huy hoàng, tráng lệ. Đó là lần trùng tu qui mô nhất gồm: cổng tam quan, điện Thiên Vương, điện Ngọc Hoàng, điện Thập Vương, nhà thuyết pháp, lầu Tăng Kinh, lầu chuông, lầu trống, nhà Văn Thủy, nhà Trí Vị, nhà thiền, điện Đại Bi, điện Dược Sư, Tăng phòng... Chúa lại cho mở an cư kiết hạ trong vườn Tỳ Da suốt ba tháng, và cho người sang Trung Quốc thỉnh Tam Tạng Kinh Luật, Luận Đại Thừa hơn một ngàn bộ đem về lưu giữ tại chùa. Vào đầu thế kỷ 19, các Vua nhà Nguyễn như Gia Long, Minh Mạng đã cho trùng tu, sửa sang chùa. Giữa là điện Đại Hùng, phía sau là điện Di Lạc, điện Quan Âm và lầu Tăng Kinh. Hai bên là điện Đại Hùng và điện Thập Vương.

Đến năm 1844, Vua Thiệu Trị cho dựng tháp Tử Nhân (về sau đổi tên là tháp Phước Duyên), bảy tầng, cao 21 thước, bằng gạch, mỗi tầng thờ một pho tượng Phật. Đã 150 năm qua, tháp Phước Duyên ngày nay soi bóng xuống dòng sông Hương, gây nhiều cảm xúc khó tả cho biết bao du khách đến với Cố Đô. Trước tháp, Vua cho dựng đình Hưởng Nguyễn ba gian, sườn bằng gỗ chạm khắc tinh xảo. Hai bên, dựng hai nhà bia ghi kiến trúc tháp Phước Duyên, đình Hưởng Nguyễn và nhiều bài thơ của Vua Thiệu Trị.

Qua đầu thế kỷ 20, chùa bị hư hỏng nặng do cơn bão năm Giáp Thìn (1904). Vua Thành Thái đã cho trùng tu chùa vào năm 1907 và cho đến ngày nay, qua công lao của Hòa Thượng Thích Đôn Hậu cùng nhiều Tăng, Ni, Phật Tử, du khách xa gần, ngôi chùa cổ Thiên Mục được xây dựng lại, tuy không còn qui mô lớn như trước, nhưng vẫn trang nghiêm, hùng tráng.

Du khách đến thăm chùa, sau khi bước lên 15 bậc tam cấp ở cổng tam quan sẽ gặp nền đá của đình Hưởng Nguyễn xưa kia và tháp Phước Duyên. Hai bên đình Hưởng Nguyễn cũ có hai nhà bia, và hai bên tháp Phước Duyên có một nhà bia và một nhà chuông thời Chúa Nguyễn Phúc Chu. Sau lưng tháp là một tấm bia nhỏ.

Sau khi tham quan các công trình có tính chất lưu niệm ở khu vực phía ngoài, du khách vào phía trong của Nghi Môn cũng được bao quanh bằng khuôn tường xây đá. Ở đây có các điện Đại Hùng, điện Địa Tạng, điện Quan Âm, nhà Trai, nhà khách, vườn hoa. Sau cùng là tháp mộ Hòa Thượng Thích Đôn Hậu nằm giữa vườn thông.

Điện Đại Hùng ở chùa Thiên Mục được bài trí đơn giản. Tượng Đức Phật Di Lặc được tôn trí ở tiền điện, hai bên có chuông và khánh đá. Ở căn giữa, trong án thờ được chạm khắc công phu và sơn son thếp vàng lộng lẫy là tượng Tam Thân (Pháp thân, Ứng thân, Hóa thân), phía trước là tượng Đức Phật Thích Ca. Ngoài cùng là bàn chuông, mõ. Gian hai bên thờ Đức Bồ Tát Văn Thù, Bồ Tát Phổ Hiền.

Du khách đến chùa không quên đến bên trái tháp Phước Duyên, xem bài minh ở tấm bia được dựng vào năm 1715, thời Chúa Nguyễn Phúc Chu, ca ngợi danh lam cổ tự bậc nhất này.

... Phía Nam nước Việt chừ, núi sông đẹp dễ,  
Ngôi chùa hùng tráng chừ, cửa Thiên nắng chiếu,  
Tánh vốn trong sạch chừ, nước chảy róc rách,  
Đất nước an ổn chừ, bốn cảnh thanh nhàn.



### Chùa Từ Đàm

Quê hương tôi miền Trung  
Sớm hôm chuông chùa nhẹ rung...  
Ôi, uy nghiêm bóng chùa Từ Đàm  
Nói yêu thương phát nguồn từ Đạo Vàng...

Tiếng nhạc nhẹ nhàng của bài hát Từ Đàm quê hương tôi của Nguyễn Thông nhắc nhở biết bao du khách đã từng đến thăm Huế không bao giờ quên những phút thú thái, tĩnh lặng của tâm hồn ở ngôi chùa cổ danh tiếng này.

Chùa Từ Đàm tọa lạc ở đường Từ Đàm thuộc phường Trường An, thành phố Huế.

Chùa do Thiền sư Minh Hoàng - Tử Dung (đời thứ 34 dòng Lâm Tế) khai sơn vào cuối thế kỷ 17, đời Vua Lê Hy Tông, trên đồi Long Sơn.

Nguyên chùa có tên là chùa Ấn Tôn. Vào đầu thế kỷ 18, năm 1703, Chúa Nguyễn Phúc Chu đã ban cho chùa tấm biển "Sắc Tứ Ấn Tôn Tự". Đến năm Thiệu Trị nguyên niên (1841), chùa được đổi tên là Từ Đàm để tránh tên húy của vua.

Hơn 150 năm qua, chùa Từ Đàm đã gắn bó thiết thân với đời sống tinh thần người dân xứ Huế nói riêng, với Phật tử miền Trung nói chung.

Nói yêu thương phát nguồn Đạo Vàng,  
Qua bao giông tố chùa Từ Đàm tôi vẫn còn...

Chùa đã được các vị trụ trì tiền bối cho trùng tu sửa chữa nhiều lần, đó là Hòa Thượng Thiệt Vinh, Đại sư Tế Ngũ kế tục Ngài Minh Hoàng Tử Dung. Đến thế kỷ 19, Hòa Thượng Đạo Trung và Đại sư Từ Vân đã tổ chức trùng kiến ngôi chùa, đúc đại hồng chung. Sang nửa đầu thế kỷ 20, Sư bà Diệu Không đã có thời gian trùng tu, lập chùa Từ Nữ năm 1932. Sau một thời gian, Hội Phật Học Trung Việt đặt trụ sở ở chùa, đã tổ chức xây ngôi chánh điện mới theo kiểu "chùa hội".

Năm 1939, bà Karpelès, Tổng Thư Ký Viện Phật Học Phnom Penh (Campuchia) đã thỉnh một cây bồ đề được chiết cành từ cây bồ đề nơi Đức Phật Thích Ca thành đạo ở Ấn Độ tặng cho chùa, đem trồng ở sân trước.

Hơn nửa thế kỷ trôi qua, cây bồ đề đã tạo bóng uy nghiêm cho ngôi chùa và che mát cho hàng triệu người Phật tử, khách tham quan.

Ôi uy nghiêm bóng chùa Từ Đàm,  
Nói Bắc Nam nối liền một nhà...

Vào năm 1951, chùa là nơi họp 51 đại biểu Phật Giáo toàn quốc chuẩn bị thống nhất Giáo Hội Phật Giáo. Tại đại hội này, Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết được suy tôn làm Hội Chủ. Và cũng trong đại hội này, lá cờ Phật Giáo thế giới lần đầu tiên đã được treo ở chùa.

Đến năm 1961, chùa được Hòa Thượng Thích Thiện Siêu cùng với Hội Phật Học tổ chức xây dựng các cơ sở phụ của chùa. Đây là ngôi chùa với những công trình kiến trúc hiện đại nhưng vẫn giữ đường nét truyền thống, theo kiến trúc "chùa hội" mẫu mực.

Quê hương tôi là đây,  
Sớm hôm hương trầm nhẹ bay,  
Vấn vương lời kinh chiều nay với đây...  
Ôi, thân yêu bóng chùa Từ Đàm, Từ Đàm ơi!

Lời ca vang trong tận đáy lòng của những ai còn lưu giữ những kỷ niệm về mái chùa thân yêu này.



### Chùa Thuyền Tôn (Thiên Thai Thuyền Tôn tự)

Đàn hoa lạc khủ hữu du hương

Hương thơm của hoa úm đàn mai mãi mãi thơm ngát như đạo của Thiền sư Liễu Quán tỏa sáng muôn đời  
Ngài Liễu Quán húy Thiệt Diệu, quê ở Sông Cầu (Phú Yên), ra Thuận Hóa

vào cuối thế kỷ 17. Thiền sư khai sơn chùa Thuyền Tôn vào khoảng năm 1708, lúc bấy giờ chỉ là một am tranh, nơi xây ngôi bảo tháp của Ngài hiện nay, và ở cổng tháp đã khắc ghi câu trên. Thiền sư đã biệt xuất một bài kệ truyền cho các đời kế tiếp đặt pháp danh :

Thiệt tế đại đạo, tánh hải thanh trừng  
Tâm nguyên quảng nhuận, đức bản từ phong  
Giới định phước huệ, thể dụng viên thông  
Vĩnh siêu trí quả, mật khế thành công  
Truyền tri diệu lý, diễn xướng chánh tông  
Hạnh giải tướng ứng, đạt ngộ chơn không.

Nghĩa là:

Đường lớn thực tại, biển thể tính trong  
Nguồn tâm thâm khắp, gốc đức vun trồng,  
Giới định cùng tuệ, thể dụng viên thông,  
Quả trí siêu việt, biểu thấu nên công,  
Truyền giữ lý mẫu, tuyên dương chính tông,  
Hành giải song song, đạt ngộ chơn không.

(Nguyễn Lang dịch)

Chùa Thuyền Tôn hiện nay tọa lạc ở thôn Ngũ Tây, xã Thủy An, thành phố Huế. Chùa được dựng bên trái núi Thiên Thai, nên còn có tên là Thiên Thai Thuyền Tôn Tự.

Vào khoảng giữa thế kỷ 18, Chưởng Thái Giám Mai Văn Hoan đã vận động tiền của để xây dựng ngôi chùa quy mô, cách thảo am khoảng một cây số. Đại hồng chung được đúc vào thời kỳ này, có khắc niên hiệu Cảnh Hưng thứ 8 (1747). Chùa đã được bà Lê Thị Tạ phát tâm trùng tu vào năm 1808.

Các vị kế tục trụ trì chùa trong buổi đầu là Tế Hiệp, Tế Mẫn. Sau đó là các vị Đại Huệ, Đại Nghĩa, Đạo Tâm. Theo dòng kệ truyền thừa, kế tiếp là các vị Đạo Tại, Tánh Thiện, Hải Nhuận, Thanh Liêm, Thanh Đức.

Đến năm 1937, Hòa Thượng Trừng Thủy - Giác Nhiên đã tổ chức đại trùng tu ngôi chùa. Hòa Thượng đã có nhiều công lao trong công cuộc chấn hưng Phật Giáo ở nửa đầu thế kỷ 20. Từ năm 1973, Hòa Thượng đã đảm nhận trọng trách Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất đến năm 1979 thì viên tịch, thọ 102 tuổi.

Chùa Thuyền Tôn bảo lưu được đường nét kiến trúc cổ và hệ thống thờ tự

truyền thống. Ở chánh điện, án giữa thờ Phật Tam Thân, phía trước là tượng Đức Phật Thích Ca. Tiền án thờ tượng Bồ Tát Chuẩn Đề hai bên là ảnh vẽ Bồ Tát Văn Thù và Bồ Tát Phổ Hiền.

Tiếp đến là bàn chuông, mõ. Án tả thờ Bồ Tát Quan Âm, hai bên có Ngai Xá Lợi Phất và Ngai Ca Diếp, Án hữu thờ Bồ Tát Địa Tạng. Ngoài ra còn có hai án thờ Thập Điện Minh Vương ở hai bên vách. Phía ngoài là hai bàn thờ Hộ Pháp và Quan Thánh.

Từ tam quan đi vào mé phải ngôi chùa, căn phòng của Hòa Thượng Giác Nhiên ngày xưa vẫn còn đó. Bức chân dung của Ngài đã gây sự cảm nhận thanh thoát, gần gũi và niềm tin kính vô hạn. Từ cửa phòng của Ngài, nhìn ra ngôi bảo tháp, cảnh quan ngôi chùa và ngọn núi Thiên Thai, lòng khách lâng lâng khó tả.

Đến viếng chùa năm xưa, nhà thơ Nguyễn Du cũng mang nỗi lòng đó:

... Cổ tự thu mai hoàng điệp lý  
Tiền triều tăng lão bạch vân trung  
Khả liên bạch phát cung khu dịch,  
Bất dữ thanh sơn tưởng thủy chung.

Nghĩa là:

Chùa cổ lá vàng thu phủ kín  
Triều xưa mây trắng sãi già rồi  
Thưởng cho đầu bạc còn vững lụy  
Cùng với non xanh trót phụ lời.  
(Phan Khắc Hoan và Lê Thuộc dịch)

Thật vậy, ngày nay du khách và Phật tử đến chùa, sẽ được tận hưởng một cảnh quan đầy thiên vị:

Bảo đặc trường minh, bất đoạn môn  
tiền lưu lục thủy,  
Pháp thân độc lộ, y nhiên tọa lý khán  
thanh sơn.

Nghĩa là:

Mở báu dài kêu, chẳng dứt trước cửa  
dòng biếc chảy,  
Pháp thân lộ rõ, tự nhiên ngồi đó ngắm  
núi xanh.  
(Trưởng Ngọc Tường dịch)

✱

### Chùa Báo Quốc (Sắc Tứ Báo Quốc tự)

Nước Hàm Long đã trong lại ngọt  
Em thương anh rày có Bụt chứng tri.

Dừng chân ở giếng Hàm Long để tận hưởng những giây phút mát mẻ nhờ

những gàu nước trong trẻo được kéo lên ở độ sâu hơn 4 thước, du khách sẽ thanh thần khi bước lên những bậc cấp vào chùa Báo Quốc trên đồi Hàm Long.

Tọa lạc ở đường Báo Quốc thuộc phường Phường Đúc, thành phố Huế, chùa Báo Ân ban đầu có tên là Hàm Long Sơn, Thiên Thọ Tự, do Thiền sư Giác Phong dựng vào cuối thế kỷ 17, đời Chúa Nguyễn Phúc Tần. Đến năm 1747, Chúa Nguyễn Phúc Khoát ban cho chùa tám biển "Sắc Tứ Báo Quốc Tự" có ghi dòng chữ: "Quốc Vương Từ Tế đạo nhân ngự đề".

Vào thời Nguyễn, chùa đã được trùng tu nhiều lần. Năm 1808, Hoàng hậu Hiếu Khương cho tái thiết ngôi chùa, xây tam quan, gác đại hồng chung, bảo khánh... và đổi tên là chùa Thiên Thọ. Thiền sư Phổ Tịnh được cử làm trụ trì trong thời gian này.



Năm 1824, Vua Minh Mạng ngự thăm chùa và sắc lấy tên "Báo Quốc Tự". Nhà vua đã tổ chức đại giới đàn tại chùa nhân lễ Vạn Thọ tử tuần đại khánh vào năm 1830.

Đến năm 1858, do chùa bị hư hỏng nhiều, Vua Tự Đức và Hoàng Thái Hậu Từ Dũ đã ban tiền trùng tu ngôi chánh điện và các công trình khác. Chùa đã được liên tục trùng tu, mở rộng đến cuối thế kỷ 19.

Trong phong trào chấn hưng Phật Giáo vào những năm 1930, chùa đã có nhiều đóng góp về mặt đào tạo tăng tài cho Phật Giáo. Năm 1935, trường Sơ Đẳng Phật Học được mở tại chùa. Đến năm 1940, trường Cao Đẳng Phật

Học cũng lại được mở tại đây. Chùa trở thành một trung tâm đào tạo Tăng Ni cho đến ngày nay.

Năm 1957, Giáo Hội Tăng Già Thừa Thiên và Ban Quản Trị chùa đã tổ chức đại trùng tu ngôi chùa. Hòa Thượng Thích Trí Thủ, vừa là Giám đốc Phật Học đường, vừa là trụ trì chùa, đã có những đóng góp to lớn cho Phật Giáo nói chung và cho việc tái thiết ngôi tổ đình trang nghiêm với những nét kiến trúc cổ kính nói riêng. Chùa được xây dựng kiểu chữ "Khẩu" trong khuôn viên rộng khoảng 2 mẫu tây. Qua cổng tam quan cổ kính, đồ sộ, du khách đi qua một sân rộng, đến sân trong trồng nhiều cây tùng và các cây cảnh khác, có lan can bao bọc. Phía trái là khu tháp Tổ, cổ nhất là tháp Ngài Giác Phong, xây năm 1714, cao 3 thước 30. Ở tiền điện có 4 trụ đắp rồng nổi, ở thành bậc tam cấp cũng có đôi rồng, hai vách trang trí hoa văn bằng mảnh sành rất công phu.

Điện Phật được bài trí tôn nghiêm. Các tượng thờ đều đặt trong khung kính. Án thờ cao nhất ở gian giữa là tượng Phật Tam Thân và hai bộ kinh tạng Đại Thừa. Trước tượng Tam Thân là bảo tháp thờ xá lợi Phật. Án thờ kế là tượng Đức Phật Thích Ca, hai bên là tượng An-Nan và Ca-Diếp. Án ngoài cùng đặt một bộ kinh Pháp Hoa, hai bên là chuông, mõ. Án hai bên thờ Đức Phật Dược Sư và Bồ Tát Quan Âm. Đây là cách thờ tự đã được sửa đổi từ khi Hòa Thượng Phước Hậu được phong Tăng cang và trụ trì chùa Báo Quốc vào năm 1939. Còn trước phong trào Chấn Hưng Phật Giáo, chùa Báo Quốc cũng như đa số các chùa cổ ở Huế đều chịu ảnh hưởng thuyết "Tam giáo đồng nguyên".

Từ năm 1959, trong khuôn viên của chùa, trường Tiểu Học Hàm Long được thành lập do Thầy Thiên Ân làm Hiệu Trưởng. Đến năm 1961-1962, trường mở thêm bậc Trung Học do Thầy Thân Trọng Hy làm Hiệu Trưởng. Kế tiếp Hiệu Trưởng là các Thầy Trưởng Như Thung, Thích Phước Hải, Thích Thiện Hạnh, Thích Đức Thanh, Thích Hải Ấn. Ban đầu trường có tên là Trường Trung Tiểu Học Tú Thục Hàm Long, sau đổi tên là Trường Bồ Đề Hàm Long, hoạt động đến năm 1975.

Ngày nay, tên trường Hàm Long chỉ là một kỷ niệm ngọt ngào như nước giếng Hàm Long, những đóng góp của chùa Báo Quốc về mặt giáo dục thật đáng ghi nhận. •

**Bài tham luận**  
**của Thượng Tọa Thích Bảo Lạc**  
**Tổng Thư Ký Hội Đồng Điều Hành**  
**G.H.P.G.V.N.T.N**  
**tại Úc Đại Lợi - Tân Tây Lan**

Đại Hội khoáng đại kỳ II - GHPGVNTN - Hoa Kỳ - Văn Phòng II - Viện Hóa Đạo, chùa Cổ Lâm thành phố Seattle, tiểu bang Washington - Hoa Kỳ. Phiên họp khoáng đại II, từ 9 giờ 45 phút đến 12 giờ thứ sáu ngày 1 tháng 9 năm 2000.

Thuyết trình đoàn gồm có:

- Hòa Thượng Thích Chánh Lạc, Chùa Như Lai, Colorado, Hoa Kỳ.
- Hòa Thượng Thích Minh Tâm, Chùa Khánh Anh, Paris, Pháp.
- Thượng Tọa Thích Bảo Lạc, Chùa Pháp Bảo, Sydney, Úc Đại Lợi.

**ĐỀ TÀI: SỬ MẠNG HOẰNG PHÁP**

Hơn lúc nào hết, sử mạng hoàng pháp là của tất cả những người con Phật, hưởng về tương lai, mở rộng và toàn diện để huy động được toàn tâm vào sự nghiệp phụng sự đạo pháp hữu hiệu.

Trước tiên, sử giả hoàng pháp phải hy hiến cả thân mạng suốt cả cuộc đời như đức Phật Thích Ca trải qua 49 năm hành đạo, là một bài thuyết pháp hùng hồn sống động và là gương sáng cho chúng ta thực hành trong thời đại khoa học siêu tốc hôm nay.

**I. Sử giả hoàng pháp**

Tự nguyện dẫn thân vào trọng tâm giáo hóa đặt ở một điểm xuất phát duy nhất: sự sống. Sự sống hiện thực chính mình và của mọi người qua ngôn từ, hành vi và tư tưởng tạo thành bài pháp sống động, hàm xúc và phong phú, trong đó không một lời nói nào mà không phải là lời nói Như Thật. Ta có sống đúng như thật thì mới đạt được con người nói riêng, mọi loài nói chung trở về trong quỹ đạo đích thực của nó, không để cho bất cứ một thành kiến nào - dù là thành kiến được ngụy trang với danh xưng chân lý - làm bế tắc mạch nguồn mà khai thông cho dòng SỐNG bất tận hài hòa, an lạc và giải thoát.

Sử giả hoàng pháp phải thể hiện đầy đủ:

**1/ Đức tính nhẫn nại:** nhẫn nại là đức tính thiêng liêng cao cả của người mẹ giàu lòng nhân ái đối với các con thơ của mình, là sợi dây vô hình gắn chặt tình mẫu tử với nhau. Tính nhẫn nại đi kèm theo lòng chịu khó và khoan dung để nhìn sự việc dưới con mắt che chở, cảm thông và tha thứ. Nhờ lòng kiên nhẫn đã giúp biết bao nhiêu người vượt qua nguy khó và thành công trên đường đời thật hoàn hảo. Nguyễn Bá Học nói: "đường đi khó không khó vì ngăn sông

cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông" đó không phải nhắc ta đức tính nhẫn nại là gì? Và ngoài ra ta nên nghĩ tới tinh thần tự giác.

**2/ Tinh thần tự giác:** là tự đề cao cảnh giác trong mọi tư tưởng, lời nói không để việc sai điều ác bùng bít làm hại. Muốn thế phải tự sửa sai những việc khiếm khuyết điều bất thiện toàn.

- Không nên tự dễ dãi và tha thứ cho mình
- Phải mở rộng lòng tha thứ và dễ dãi với người
- Can đảm vạch trần lỗi quấy để khắc phục sửa sai
- Luôn nói lời chánh ngữ
- Và không vạch lỗi quấy của người.

**3/ Bất khuất trước mọi nghịch cảnh:** đây là tinh thần vô úy, là pháp đầu trong sáu pháp lục độ của người thực hành Bồ Tát hạnh. Như người quân tử trong đạo Khổng thể hiện: "phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất" (nghĩa là: giàu sang không đắm nhiễm, nghèo hèn không thay lòng đổi dạ và không khuất phục trước mọi thế lực).

**4/ Đến và đi không lưu dấu vết:** người hành đạo như áng mây trong bầu trời, như cánh nhạn bay qua dòng sông không lưu lại dấu vết. Sử giả hoàng pháp nơi nào cần thì đến, nơi nào mời gọi thì đi, không nệ gian lao, chẳng tử khó nhọc. Khi xong phận sự lại giữ áo ra đi tới một nơi chốn khác, như qua bài Gót Đạo Sĩ với những câu như sau:

*Gót đạo sĩ bốn phương trời rảo buồm  
Côi ta bà đâu chẳng phải nhà ta  
Một mình đi với bình bát ca sa  
Đói xin ăn dưới gốc cây nằm ngủ  
Mùi phú quý mặc ai người hưởng thụ  
Bã vinh hoa ta nào có sá gì  
Chỉ một lòng tu niệm đạo tử bi  
Chỉ hoàng hóa hành tri thiền nào đoạn ...*

Vì chí hướng, vì hạnh nguyện, người tăng sĩ Phật Giáo Nhật Bản gọi là Un Sui, Un là mây, Sui là thủy; mây bay trên bầu trời, nước luân chuyển dưới đất. Hai hình ảnh linh động này gặp chung lại để diễn tả hành trạng của người tăng sĩ hàm nhiều ý nghĩa tượng thanh và tượng hình qua sử mạng hoàng pháp lợi danh.

**II. Sử mạng hoàng pháp**

Trước đây nửa thế kỷ chúng ta quan niệm sử mạng hoàng pháp là chỉ người tăng sĩ đảm trách. Nếu hiểu hoàng pháp không chỉ là việc giảng giải giáo pháp mà còn nhiều khía cạnh khác như dịch kinh, trước tác, bình luận, và nhiều bộ môn nghệ thuật như ca, vũ, nhạc, kịch, trà đạo, hoa đạo, kiếm đạo v.v... thì công cuộc hoàng pháp thuộc "nhân minh" trong ngũ minh qua tiến trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học không vì tư lợi, là một phương cách hoàng pháp hữu hiệu. Như vậy, sử mạng hoàng pháp là chung cho cả hai chúng xuất gia:

**1/ Tỷ kheo:** người tăng sĩ đã thọ 250 giới, tuổi đủ 20 và qua tiến trình tu học đem ứng dụng giáo pháp vào đời không bị ngăn ngại để lợi ích tha nhân



2/ Tỳ kheo ni hay Sư cô: người nữ tu Phật giáo đã thọ 348 giới và có khả năng hành hoạt và tuổi đủ 20 như Tỳ kheo tăng; cũng có thể ra ứng xử trong vai trò hoằng pháp.

Ngoài hai chúng xuất gia, đệ tử Phật còn hai chúng tại gia:  
3/ Người nam cư sĩ đã quy y và thọ giới gọi là Ưu Bà Tắc: Vì còn mối lo gia đình người nam Phật tử chưa hy sinh trọn vẹn thì giờ và tâm lực vào việc hoằng pháp, đều có thể góp phần đắc lực trong vai trò hoằng pháp. Trong lịch sử truyền bá đạo Phật, có những vị Ưu Bà Tắc trong sứ mạng hoằng pháp nổi bật là vua Asoka của Ấn Độ (thế kỷ thứ ba trước Tây lịch), Sotoku Taishi (Thánh Đức Thái tử của Nhật Bản) vào thế kỷ thứ 6 (574-622) Tây lịch, Vua Trần Nhân Tông của Việt Nam, thế kỷ thứ 13, đã là những gương hoằng pháp tiêu biểu của thời đại.

4/ Người nữ cư sĩ đã quy y và thọ giới gọi là Ưu Bà Di: Cũng như thành phần Nam cư sĩ, Ưu Bà Di luôn bận rộn nếp sống gia đình chưa thể tận lực cống hiến tài năng và sức dẻo dai của mình vào việc hoằng pháp; cũng có thể đóng góp hiệu quả trong vai trò này bằng sự nhiệt thành và khéo léo của mình.

### III. Phương tiện và đối tượng hoằng pháp

Chúng ta đang ở thời kỳ vô cùng thuận tiện của những phương tiện truyền đạt giáo pháp một cách nhanh chóng, hiệu quả qua:

1/ Các hệ thống truyền thông đại chúng như: truyền thanh, truyền hình, báo chí, mạng Internet, CD Rom.

2/ Tổ chức diễn giảng công cộng, theo từng lớp, nhóm, thâu âm qua băng cassette, thâu hình video, v.v...

3/ Lập ban phiên dịch Đại Việt tạng, trước tác, sáng tác thi ca, âm nhạc.

4/ Phục hoạt nghi lễ cổ truyền Phật giáo như các nghi chẩn tế, tán thính với đầy đủ nhạc cụ, nhạc nhi.

5/ Giảng dạy giáo lý tại các trường công lập và tư thục từ tiểu học tới trung học.

6/ Mở trường đào tạo cán bộ, giảng viên Phật học có khả năng chuyên biệt.

7/ Tổ chức lễ Phật tại các nhà tù, có phần thuyết giảng đặc biệt; cũng như biểu tặng kinh sách đến tù nhân.

8/ Mở đại học Phật giáo chuyên ngành Phật học hay tôn giáo ti giáo.

### IV. Kết luận

- Nếu Giáo Hội thành lập một giảng sư đoàn thì việc hoằng pháp có tác dụng vô cùng rộng lớn và sự lợi lạc cũng không phải nhỏ.

- Mỗi một tăng ni hay cư sĩ là một sứ giả hoằng pháp, tùy tâm nguyện cống hiến có thể là toàn thời hoặc bán thời gian.

- Bản hoài của chư Phật và chư Tổ là hoằng pháp lợi sanh, thì vai trò của người con Phật (xuất gia) phải dẫn thân và ý thức "Hoằng pháp thị gia vụ", tận lực suốt cả cuộc đời hành đạo. Như vậy là chúng ta đã phần nào báo đáp được hồng ân chư Phật và Thầy Tổ vậy.

Chân thành cảm ơn chư tôn đức, quý đại biểu

Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát

Thích Bảo Lạc

Trích bài thuyết trình về

## "Giáo Dục Tăng Ni và Phật Tử tại Đại Hội Khoáng Đại II của GHPGVNTN, VP II Viện Hóa Đạo tại Hoa Kỳ vào ngày 01.9.2000"

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Ngưỡng bạch Hòa Thượng Phó Viện Trưởng

Viện Hóa Đạo GHPGVNTN

Kính bạch chư Tôn Đức

Kính thưa toàn thể quý Đạo Hữu và quý Phật Tử

Trong kỳ Đại Hội Khoáng Đại kỳ II lần này chúng con (tôi) được phép trình bày với quý Ngài và quý vị một đề tài có liên quan đến sự tu học và phụng dưỡng tổ chức để hưởng đến một kết quả cụ thể cho cả 2 giới Tăng Sĩ và Cư Sĩ. Đó là: "Sự Giáo Dục Tăng Ni Phật Tử".

Thông thường bất cứ ai trong chúng ta cũng không thể tự hào rằng, không nhờ sự đào tạo, hướng dẫn, giáo dục mà thành người được; nhất là một người Tăng Sĩ để leo lái tổ chức của Giáo Hội, hoặc một cư sĩ thuần thành để hỗ trợ cho Giáo Hội trên mọi phương diện về đường lối phát triển mang tính cách nhân bản của Đạo Phật.

Giáo có nghĩa là dạy, chỉ bày; dục có nghĩa là hướng đến, mong muốn để trở thành. Vậy giáo dục có nghĩa là hướng dẫn mọi người hướng đến một mục đích đã định sẵn có cơ bản văn hóa.

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất chúng ta tại quốc nội cũng như hải ngoại xưa kia và ngày nay đã đóng góp vấn đề này cho quê hương và Giáo Hội qua nhiều hình thức khác nhau như: đào tạo Tăng tài qua các Phật Học Viện, Trường Trung Học Bồ Đề, Đại Học Phật Giáo v.v... Đối với người cư sĩ Phật Tử, Giáo Hội cũng đã quan tâm hướng dẫn qua các khóa tu học ngắn hạn như Bát Quan Trai Giới và những buổi hội thảo ngắn hoặc dài hạn v.v... Nhưng ngày nay chúng ta đang sinh sống tại ngoại quốc. Do đó, chúng con (tôi) xin đề nghị Giáo Hội có một chương trình Giáo Dục và đào tạo cho Tăng Ni cũng như Phật Tử theo kinh nghiệm của bản thân của chúng con (tôi) gần 30 năm qua sống tại Hải Ngoại này.

#### A.- Đối với Tăng Ni :

Như tất cả chúng ta đều biết, Tăng Ni là những bậc thế gian trụ trì Tam Bảo. Ngoài việc thể hiện giới đức trang nghiêm, tu hành nghiêm mật; người Tăng Sĩ cũng cần phải có một trình độ học vấn về Đời cũng như về Đạo khả dĩ, ít nhất là cấp bậc đại học thì mới mong hướng dẫn được quần chúng một cách có hiệu quả.

Ở ngoại quốc ngày nay nếu chúng ta thực hành theo lối Giáo Dục Ngũ Minh của Phật Giáo mà chư Phật, chư Tổ trong quá khứ đã thực hành, thiết tưởng cũng đã đầy đủ. Tuy

nhiên chúng ta vì hoàn cảnh địa lý hoặc kinh tế khó khăn, chúng ta chưa có cơ hội để thực hiện trọn vẹn ý nghĩa này.

Ngược lại chúng ta có một môi trường rất rộng và thoáng để chấp nhận một lối giáo dục của Tây Phương theo tinh thần Tây học và lấy Đạo Học Đông Phương để ứng dụng vào lối sống hằng ngày, thì chắc rằng chúng ta sẽ gặt hái được nhiều thành quả tốt đẹp hơn.

Ở hầu hết các nước Âu, Mỹ, Á ... nơi mà chúng con (tôi) đã có cơ hội đi qua, tại các Đại Học lớn đều có phân khoa Tôn Giáo học và Phật học; nếu một vị Tăng hay Ni sau khi được thể phác xuất gia, có trình độ tú tài, có thể ghi danh hoặc thi vào những phân khoa này không khó khăn mấy; nhất là phải được sự đồng ý của vị Thầy Bổn Sư, hưởng những Tăng Ni trẻ này đến mục tiêu ấy.

Theo chúng con (tôi) nghĩ rằng : Đạo Phật không chỉ nằm thuần túy trong phạm trù của khoa học Tôn Giáo, mà người Tăng Sĩ có thể vươn vai cao rộng hơn nữa ở các phân khoa như triết học, giáo dục, ngôn ngữ v.v... thì chúng ta vẫn có một vị trí xứng đáng và nhất định để khi tốt nghiệp có thể đi làm việc sau này.

Thế hệ đi trước tại ngoại quốc này là một thế hệ hy sinh, dấn thân để làm một chiếc cầu nối giữa quá khứ và tương lai; nên chúng ta đã mất rất nhiều thì giờ cho việc xây dựng cơ sở chùa chiền, ổn định đời sống tu học cho Phật Tử. Do vậy mà bản thân các vị trụ trì về phần ngôn ngữ cũng như thể học rất khó để mà thành tựu các học trình. Ngoại trừ những vị Tăng Ni chỉ thuần có vấn đề học tập.

Nhưng đến thế hệ thứ 2 và thứ 3 thì không thể tiếp tục kế thừa như thế hệ thứ nhất ở ngoại quốc đã đi qua. Vì lẽ thời gian luôn luôn thay đổi thì sự tiến hóa của con người không thể dừng lại một chỗ được. Do vậy xin đề nghị rằng quý Thầy, quý Cô Bổn Sư của những Tăng Ni kế thừa đó phải khuyến khích cho đệ tử của mình vào trường Đại Học để được huấn luyện.

Dĩ nhiên khi đệ tử thì chẳng mấy ai chỉ mong đệ tử mình chỉ giúp những công việc lật vật của chùa, mà chắc chắn rằng vị Bổn Sư nào cũng mong rằng đệ tử của mình sẽ trở thành lương đồng của Phật Giáo, cho nên không thể khư khư giữ đệ tử của mình ở lại chùa, mà phải hy sinh những cái gì đáng hy sinh, nhất là thời gian cho đệ tử của mình đi học.

Về phương tiện học cũng như nhu cầu của một sinh viên Tăng hay Ni cũng đa dạng; nhưng không đến nỗi một vị Bổn Sư không thể chu toàn tại trường Đại Học được. Đó là vấn đề học phí, nơi ăn chốn ở v.v... Còn vấn đề tinh thần cũng không kém phần quan trọng hơn. Vì lẽ vị Thầy Bổn Sư bao giờ cũng là nơi nương tựa cho Tăng Ni mỗi bước vào ngưỡng cửa của Thiên Môn. Đây là một trợ duyên không thể nào thiếu được.

Có nhiều Thầy Cô phải ở nội trú tại Đại Học mỗi học được; nhưng cũng có nhiều vị, trường ở gần chùa lại tiện lợi hơn. Khi về lại chùa có cơ hội trau dồi thêm nội điển; nhưng chúng con (tôi) cũng biết được tâm lý của nhiều nghiên cứu sinh ít muốn điều này. Vì ở chùa có quá nhiều công việc để làm. Nếu không làm thì lương tâm cắn rứt, mà dành nhiều thì giờ cho chùa thì việc học lại ngưng trệ.

Vì vậy chúng con (tôi) xin đề nghị rằng : Các Tăng Ni Sinh trẻ có thể đi học ở trường 4-6 tiếng. Về chùa tu học cho mình 2 đến 4 tiếng, thế là vừa. Vì lẽ dễ hiểu là tuổi trẻ đi học luôn luôn có giới hạn, còn công việc làm thì không có giới hạn bởi thời gian. Ví dụ người Tăng Sĩ trẻ có thể đi học cho đến 40 tuổi. Sau tuổi đó ra phục vụ cho Giáo Hội chừng 20 năm. Lúc lớn tuổi lo nhập thất để tịnh tu, dịch kinh, dịch sách vẫn là điều lý tưởng vô cùng.

Ngoài ra cũng có một số quý Tăng Ni trẻ không thích chương trình thể học thì cũng nên tìm một nơi nào đó có chương trình giáo dục đào tạo tương đối khả dĩ để nương theo như một chương trình Phật Học Viện, quả là điều cũng đáng tán thán biết bao. Những điều không nên quên là ngoại ngữ. Hai ngôn ngữ không kém phần quan trọng đối với người tu sĩ trong hiện tại khi chúng ta ở ngoại quốc này là Anh Văn và Hoa Ngữ. Đây là 2 ngôn ngữ thực dụng trong cuộc sống tu học của một học tăng vậy.

Xin nhấn mạnh một điều là không nên quan niệm chùa chiền, tu viện là nơi chỉ để đi dưỡng tinh thần, hoặc cầu an thụ động, mà ngôi chùa đó, tự viện đó ngoài đời sống tin ngưỡng ra, phải có một lối sống văn hóa cao, vì chúng ta đang sống trên các nước có nền văn minh nhất nhì trên thế giới này.

Những vị lớn tuổi cũng có thể xuất gia tu học và dĩ nhiên vị Thầy Bổn Sư cũng là nơi nương tựa vững chắc nhất. Thầy Bổn Sư sẽ giúp đỡ những gì cần thiết nhất cho một hành giả tu theo pháp môn mình đã lựa chọn. Xin trình bày thật với Thầy của mình, không có gì ngần ngại cả.

Sự học không giúp mình giải thoát được; nhưng muốn mở cánh cửa giải thoát, không thể thiếu sự học được. Do đó con đường tương lai của Giáo Hội, đầu chúng ta đang sống ở Đông, Tây, Nam, Bắc của quả địa cầu này, chúng ta không thể quên trách nhiệm làm Thầy này đối với đệ tử xuất gia của mình được.

Mỗi một thế hệ sẽ khác hơn. Khoa học càng ngày càng tiến bộ và đổi mới, thì sự học tập của những thế hệ Tăng Sĩ trẻ trong tương lai cũng không thể dừng bước tại đây. Do vậy chúng tôi xin đề nghị có những vị Bổn Sư cũng không nên mặc cảm khi đệ tử của mình có sở học hơn mình. Vì điều đó thật ra là phúc đức lớn của tông môn mình, chứ đâu có gì mà ngần ngại phiền trách.

## B.- Sự Giáo Dục đối với Cư Sĩ :

Chúng tôi vẫn thường hay quan niệm rằng : hai giới xuất gia và tại gia cũng giống như hai cái cánh của một con chim Đại Bàng. Đại Bàng sẽ cất cánh khi nào có đủ điều kiện. Đó là 2 cánh đầy đủ. Nếu Đại Bàng gãy cánh, đầu cho cánh phía trái hay cánh phía phải cũng đau lòng vô cùng, sẽ làm ảnh hưởng đến bà mẹ Việt Nam, đến Tổ Quốc Việt Nam và đến chư Tổ Sư đã dày công truyền đạt từ nhiều đời rồi.

Có nhiều tự viện giữa Tăng Sĩ và Cư Sĩ có rất nhiều vấn đề. Vị Tăng Sĩ thì trách cứ những vị Cư Sĩ không thuần thành. Trong khi đó các vị Cư Sĩ thì đi rí tai nhau là Thầy mình thế này, thế nọ, mà chẳng ai trong chúng ta không tự trách mình rằng : chính mình thiếu tu và thiếu phúc.

Ở nhiều buổi giảng công cộng chúng tôi cũng đã trình bày quan điểm này như sau : Ngày nay chúng ta ở Hải Ngoại này cái gì chúng ta cũng thừa cả. Ví dụ như dư áo, dư quần,

dù giầy, dù dép. Thừa tiền, lấm bạc v.v... nhưng chắc chắn một điều chúng ta vẫn còn thiếu tu nên mới sinh ra nông nổi ấy. Do từ niềm khắc khoải này, cho nên chúng con (tôi) xin đề nghị một số phương hướng giáo dục cho các Phật Tử Cư Sĩ như sau :

Mỗi năm tại mỗi châu lục, Giáo Hội chúng ta nên tổ chức nhiều khóa tu khác nhau. Ví dụ như tu gieo duyên, tu học Phật Pháp, tu bát quan trai v.v... mỗi lần như thế từ 2 ngày đến 10 ngày hoặc nửa tháng và mỗi năm được như vậy nhiều lần thì quý hóa biết là bao. Nhiều người trong chúng ta ai cũng bảo rằng tôi không có thì giờ, tôi không có điều kiện v.v... nhưng sự chết thì nó không hẹn giờ với chúng ta đâu. Từ thần đến thì phải đi, đâu có cơ hội để mà than thở nữa.

Cũng xin đừng tự nghĩ rằng chỉ có một mình mình mới đảm nhận được công việc đó, còn kẻ khác thì không. Điều ấy do tính ý lại và người lãnh đạo kia chúng tôi rằng không có sự tin tưởng đối với thuộc hạ của mình. Có một ông Giám đốc của một hãng lớn kia, bao nhiêu việc ông cũng phải ôm đồm hết và ông ta luôn luôn tuyên bố rằng : không ai có thể thay thế cho ông được; nên ông không có thì giờ để đi tu học hay tham dự những chương trình của Giáo Hội đề ra; nhưng có ngờ đâu ngày hôm sau, ông ta bị tai nạn chết. Thế là 2 ngày sau hãng kia đã có một ông Giám đốc mới rồi. Từ đó suy ra, không phải không có ta là vũ trụ này phải dừng lại đâu. Vì lẽ ta chỉ là một hạt cát rất nhỏ trong vũ trụ này.

Người Cư Sĩ, Phật Tử tại gia cũng cần tu học và giữ giới như người xuất gia và học hạnh của người xuất gia thì mới hiểu được giới thể, giới tánh, giới tướng là gì, ví như Ưu Bà Tắc Giới Kinh, Bồ Tát Thiện Giới v.v... đã dạy, nhằm trang nghiêm Phật tánh nơi Tăng Sĩ và Cư Sĩ. Có như thế sự hiểu biết nhau, thông cảm nhau mới sâu sắc hơn. Khi người Cư Sĩ có tu học, có thực hành giới luật thì mới thông cảm sự giữ giới có giá trị như thế nào.

Giáo Hội cũng nên mời những vị Giáo Thọ có sức tu và sức học cao thâm rộng rãi đến để hướng dẫn cho những khóa tu này. Và bao giờ cũng vậy, đức chúng vẫn như hải. Khi có chư Tăng vân tập đông đủ nói những đạo tràng thanh tịnh thì chư Phật Tử nương tựa vào đó để thành tựu những công đức của mình và đặc biệt là sự kính trọng, thông cảm, hiểu biết với chư Tăng càng ngày càng gần gũi hơn và sẽ không bao giờ có cảnh Thầy tố trò, trò tố Thầy như giai đoạn trong hiện tại đã xảy ra khắp nơi trên các châu qua báo chí và truyền thanh cũng như truyền khẩu. Chỉ vì chúng ta thiếu để ý đến vấn đề giáo dục cho những người Phật Tử ngay từ lúc ban đầu.

Xã hội này ngày xưa hay ngày nay cũng vậy, nó không bắt đầu khởi đi từ một tổ chức to lớn, từ một cộng đồng có quy củ trước, mà tất cả đều khởi đi từ con số không trước, rồi đến một, hai, ba. Vì thế, mỗi đơn vị cá nhân trong gia đình rất quan trọng; nếu cá nhân có tu học, tín sâu, hiểu rộng nơi 3 ngôi báu thì chắc chắn rằng gia đình ấy sẽ hạnh phúc và từ đó sẽ lan ra thêm trong gia đình, thôn ấp, làng xã và cuối cùng là xã hội. Lúc bấy giờ sẽ không cần tìm kiếm sự an lạc và hạnh phúc ở đâu xa cả mà ở chính nơi đây và ở tự mỗi con người.

Ở nước ta chưa có vấn đề tu gieo duyên, nghĩa là tu ngắn hạn cho người tại gia như ở các nước Nam Tông trên thế giới, để người tại gia có cơ hội gần gũi tiếp xúc với đời sống tu hành. Ngày nay có một vài nước trên các châu đã thực

hiện được điều này và kết quả cho thấy không xấu đi chút nào, mà ngược lại là càng khác. Vì trong số tu gieo duyên ấy, sẽ có nhiều người phát tâm xuất gia cũng như hộ đạo một cách nhiệt thành.

Quan niệm ngày xưa và ngay cả bây giờ đối với người Việt Nam ở trong cũng như ngoài nước là : rất cung kính đối với những bậc xuất gia chân tu thực học; nhưng nếu rủi ro người xuất gia ấy có một chút tỳ vết gì đó, hay không tu được nữa, vì nghiệp duyên phải ra đời, thì người Phật Tử có một cái nhìn không thiện cảm mấy. Đây là một điều sai trái vô cùng. Vì lẽ, nếu bảo là nghiệp thì mỗi người phải tự chuyển nghiệp của mình, chứ chẳng ai giải nghiệp cho mình ngoại trừ mình cả và việc xuất gia tu đạo là điều tự nguyện, chứ chẳng phải bị bắt buộc. Do đó giữa đường không tiếp tục được nữa cũng giống như chúng ta không mang nặng được một gánh nặng trên vai, thì chúng ta có quyền để gánh ấy lại nơi người trong kiếp sống luân hồi này, chẳng có lỗi gì cả. Nếu tiếp theo trong cuộc sống này hay ở một kiếp lai sinh nào đó, con đường giải thoát ấy muốn tiến tu, thì cá nhân kia phát nguyện đi tiếp nữa để cho trọn nẻo luân hồi. Theo chúng con (tôi) không có tội lỗi gì cả. Thế mà đã có biết bao nhiêu tăng sĩ sau khi ra đời rồi, đâu còn dám đến chùa nữa; cũng chỉ vì sự giáo dục từ tưởng này cho chính người tu cũng như cho Phật Tử tại gia còn rất giới hạn và mờ hồ.

Giáo Hội chúng ta cũng nên khuyến khích cho nhiều Phật Tử thọ tại gia Bồ Tát Giới. Vì có thọ giới và giữ giới thì mới cảm nhận được giới pháp rất cao cả và ai trong chúng ta cũng phải có bổn phận thực hành giới luật, chứ không phải giới luật chỉ để dành riêng cho người Tăng Sĩ.

Đức Phật ngày xưa đã chẳng phải dạy chúng ta là gì? Ngài bảo rằng : Đệ Tử của ta gồm 2 hạng - Người xuất gia có bốn phạm hoàng pháp lợi sanh và kẻ tại gia có bốn phạm hộ trì Tam Bảo. Nếu chúng ta thực hiện theo con đường giáo dục này, chắc chắn chúng ta sẽ không có vấn đề. Vì ngày nay có nhiều vị xuất gia không làm nhiệm vụ của mình mà đi làm một nhiệm vụ khác, ngoài nhiệm vụ hoàng pháp. Còn người tại gia thì ngược lại, vì bao giờ cũng đông hơn người xuất gia. Do đó có nhiều nói, người tại gia đảm nhận luôn nhiệm vụ của người xuất gia, như thuyết giảng, hướng dẫn lễ nghi v.v... Đây là một sự giáo dục nghịch hướng. Kính mong chư Tăng đoái hoài lại việc này. Dĩ nhiên người Cư Sĩ cũng có quyền học hỏi mọi phạm vi mà giới luật cho phép; trong khi đó chư Tăng Ni lại hững hờ với nhiệm vụ của mình, quả là một điều đáng nói biết bao.

Nhìn lại lịch sử Phật Giáo Trung Quốc, Phật Giáo Nhật Bản, Triều Tiên, cũng như các nước Đông Nam Á châu khác, Việt Nam chúng ta phải tự thẹn thùng. Vì lẽ trong quá khứ chúng ta không thiếu những bậc chân tu hiền đức; nhưng trong hiện tại chúng ta hầu như bị thất truyền. Ngày nay ít có bậc chân tu như Tây Tạng, Bhutan. Do vậy mà bao nhiêu chúng đồng duyên đã xảy ra dồn dập đó đây và kết quả là Phật Giáo chúng ta bị nạn. Chung cho cả Giáo Hội, chứ chẳng phải riêng cho một cá nhân nào.

Con người mà không có giáo dục là một con người thiếu văn hóa. Một tổ chức mà đường hướng giáo dục không rõ ràng thì chắc chắn rằng tổ chức ấy sẽ không bao giờ phát triển lớn mạnh được. Do đó, một Giáo Hội như GHPGVNTN của chúng ta gồm nhiều tổ chức khác nhau ngồi lại và nhiều thành phần nhân sự khác nhau để hợp thành, do vậy phải

cần có một đường lối rõ ràng hơn, để mọi người lấy đó làm khuôn mẫu trong việc tu học cũng như hộ trì Phật Pháp.

Nhìn khắp năm châu, nhân tài Việt Nam chúng ta không thiếu. Đâu đâu cũng có nhiều người, nhất là những người Phật Tử tại gia đang nắm giữ nhiều chức vụ then chốt trong nhiều tổ chức. Họ có nhiều cơ hội để thăng hoa trong đời sống cá nhân; nhưng Phật Giáo chưa nhờ cậy hết được những người Phật Tử Cư Sĩ tri thức này. Lê này do đâu, xin kính nhờ những nhà xã hội học và phân tâm học phân tích đùm. Có phải vì chúng ta có nhiều người tài giỏi quá; nên chúng ta không thể đứng chung dưới một vòm trời chăng? hay mỗi tự ngã của mỗi cá thể quá cao, chúng ta không thể nào nắm bắt được? Kính xin quý Ngài và chư vị lưu tâm về vấn đề này.

Một nền giáo dục nhân bản của Phật Giáo cho bây giờ và mai hậu phải kiện toàn những thiếu sót bên trên và dĩ nhiên là còn nhiều điều phải làm hơn nữa đối với những nhà giáo dục, những nhà tôn giáo luôn có tâm đối với tiền đồ của Phật Giáo và dân tộc. Mong rằng chúng ta không nên dậm chân tại chỗ. Chúng ta phải luôn luôn ý niệm rằng : Thời gian luôn thay đổi thì mọi nhân duyên, mọi pháp cũng phải chuyển động thay đổi theo. Chúng ta không được phép an nghỉ một nơi, khi hoàn cảnh chung quanh ta đều có nhiều chuyển động.

Trên đây là những ý nghĩ thật nhỏ nhoi, chúng con (tôi) xin đóng góp một chút ít ý kiến thô thiển của mình cho con đường phát triển của Giáo Hội và vì thế nếu có nơi nào không ổn, kính mong quý Ngài và quý vị niệm tình hộ thủ cho.

#### C.- Kết luận

Một con ngựa chạy đầu giỏi bao nhiêu đi chẳng nữa; nhưng nếu không có người cầm cương hay, thì ngựa kia cũng khó mà đạt được mục đích. Một đầu máy xe lửa thật là tốt mà mang theo những toa xe cũ kỹ, hoặc ngược lại, thì chắc rằng đi chưa đến đích đã có nhiều cơ phận của xe lửa bị rã rời. Vì thế muốn được hoàn hảo, cả hai đều phải cộng tác hỗ tương cho nhau thì mới thành tựu được. Ở đây cũng thế, người Tăng Sĩ luôn luôn cố gắng học hỏi, trau dồi đức hạnh của mình, trong khi đó người Cư Sĩ luôn luôn khiêm cung, biết kính tin ngôi Tam Bảo thì cả hai đều được an lạc và hạnh phúc. Giáo Hội sẽ được trang nghiêm và nổi như Đúc Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 đã nói là : sự an lạc người ta không thể đi mua ở ngoài chợ được.

Chúng con (tôi) xin cầu nguyện cho Đại Hội được thành công viên mãn và mong rằng những đóng góp ý kiến thô thiển của chúng con (tôi) về nền giáo dục của Tăng Ni và Phật Tử ngày nay tại Hải Ngoại chỉ là một thiện ý của cá nhân. Nếu có gì còn thiếu sót kính xin chư vị tôn túc và quý Phật Tử hữu tâm chỉ bày cho.

**Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát**

Kính nguyện

**Thích Như Điển**



*Chư tôn Đức Tăng Ni khắp năm Châu và 2000 Phật Tử tham dự Đại Hội Khoáng Đại II GHPGVNTN / Văn Phòng II Viện Hóa Đạo tại Hoa Kỳ vào ngày 31.8 và 1+2+3.9.2000 tại chùa Cổ Lâm Seattle.*



*Thượng Tọa Thích Như Điển đang thuyết trình trước Đại Hội*



*Thượng Tọa Thích Như Điển và Đạo Hữu Toàn chủ toạ phiên khoáng đại 8 - Đề tài : Đề án Phật sự.*



# Những bài thơ tình mùa thu *Hồ Xuân Hương và Nguyễn Du*



**M**ùa thu mùa của thi ca lãng mạn, trong số thơ chữ Hán mới tìm được, Hồ Xuân Hương viết bốn bài thơ về mùa thu, khó mà xếp các bài thơ này vào thời điểm nào. Ngày xưa chưa có báo chí, để thơ được gửi đến người đọc không quen biết, một bài thơ thường là một bức thư tâm tình với một người nào đó, hay cho các bạn cùng trong tao đàn đọc. Các bài thơ này Hồ Xuân Hương viết cho ai? tôi thử tìm các bài thơ về mùa thu của Nguyễn Du ra sao thì bắt ngờ tìm thấy có bốn bài thơ cũng về mùa thu có những chữ, những hình ảnh để khóc, thiên lý, thanh chiên, tây phong trong thơ Hồ Xuân Hương được lặp lại trong thơ Nguyễn Du, xét lại ý tứ từng câu, thì ra đó là những bài thơ Nguyễn Du và Hồ Xuân Hương gửi cho nhau, ta thử tìm về tâm sự hai người, qua những bài thơ viết trong mùa thu. Thơ khác với bức thư là người viết biểu tượng hóa bằng hình ảnh, bằng điển tích, ví dụ bức thư ngày nay viết: anh đi rồi, em ở lại, nghe tiếng đế buồn như

muốn khóc những ngày tháng qua. Trong bài thơ Xuân Hương viết: *Bóng nhận về đầu mây ở lại, đế trùng như khóc nước trôi hồ.*

Trong Lưu Hưởng Ký, Xuân Hương viết bài Thu Dạ hữu hoài gửi Nguyễn Du, câu bóng nhận về đầu mây ở lại, nhận là Nguyễn Du đã bay xa, mây là Xuân Hương còn ở lại. Bài này có lẽ viết khoảng năm 1794 sau khi Nguyễn Du về Hồng Lĩnh. Bài thơ tôi dịch như sau:

## ĐÊM THU CẢM HOÀI

*Đêm tàn người thức lòng ngổ ngẩn,  
Rượu lạnh lâu mây bạc ánh tà,  
Nước chảy, gió đùa trở giọt ngọc,  
Hoa hoa, nguyệt nguyệt, nổi lòng ta,  
Xuân vắng vẻ,  
Xuân húng chẳng nhiều ư?  
Bóng nhận về đầu mây ở lại,  
Đế trùng như khóc nước trôi hồ,  
Đêm tàn nên lo.*

Nguyễn tác phiên âm Hán-Việt

## THU DẠ HỮU HOÀI

*Dạ thâm nhân tỉnh độc trú trú,  
Vân lâu tửu lãn ngân hoàn bán,  
Thủy khoát phong trường ngọc lậu có,  
Hoa hoa nguyệt nguyệt chủ nhân ngó,  
Xuân tịch tịch,  
Xuân húng bất đa hồ?*

*Nhận ảnh hà quy vân trụ trụ,  
Trùng thanh như khóc thủy không lưu,  
Tuế án tu liên.*

Đêm tàn, Xuân Hương còn thức lòng ngổ ngẩn nhớ thương chàng đi xa, nói lâu mây chung rượu tiễn đưa không ai uống đã lạnh, nửa vầng trăng tà chiếu lóng lánh, nước chảy, gió vẫn thổi mãi, giọt nước trong hồ đồng rơi đều. Hoa hoa, hay trăng trắng tự lòng Xuân Hương, lòng Xuân Hương vắng vẻ, húng Xuân Hương không nhiều ư? Bóng chàng như chim nhận bay về đầu, chỉ còn lòng em như mây ở lại. Chỉ còn nghe tiếng đế trùng than khóc dòng nước trôi mãi, đêm tàn lòng thêm lo...

Nguyễn Du đã phúc đáp bằng bài Thu Dạ I. Chàng đã nghe tiếng đế trùng than khóc nơi tưởng đồng, vì mây ở lại nên nói này bầu trời lạnh ngắt không một vầng mây. Tôi dịch như sau:

## THU DẠ I

*Đầy trời sao sáng, bạc sương dâng,*

*Đế lạnh tưởng đồng thâm thiết buồn,  
Vạn dặm tiếng thu rung lá rụng,  
Một trời khí lạnh vắng mây vương,  
Già rồi tóc bạc lòng thêm xót,  
Ở mãi non xanh chẳng chán chường  
Ngán nỗi bên trời lòng khách mệt,  
Suốt năm nằm bệnh Tuế giang tàn.*

Nguyễn tác phiên âm Hán-Việt

## THU DẠ I

*Phồn tinh lịch lịch lộ như ngân,  
Đông bích hàn trùng bi cánh tân,  
Vạn lý thu thanh thổi lạc điệp,  
Nhất thiên hàn sắc tảo phù vân,  
Lão lai bạch phát khả liên nhữ,  
Trú cửu thanh sơn vị yếm nhân,  
Tối thị thiên nhai quyện du khách,  
Cùng niên ngộ bệnh tuế giang tàn.*

Đầy trời sao sáng, sương móc trắng như bạc, tưởng đồng đế gặp lạnh kêu buồn thảm chua xót. Bầu trời một màu lạnh ngắt không một làn mây. Mây ở lại hết bên em rồi, anh chỉ là cánh nhận đón cơn trong trời lạnh giá. Thấm thoát thời gian qua nhanh tuổi càng cao, tóc bạc trông đáng thương, ở mãi nơi đây núi xanh chưa chán người, người đi chơi xa bên trời lòng em mỏi mệt, suốt năm nằm bệnh bến Tuế giang; Không rõ sông Tuế nơi đâu, tên gọi một nhánh sông nhỏ nơi Hồng Lĩnh chẳng?

Xuân Hương đã phúc đáp Nguyễn Du bằng bài Thu Vũ, nàng đã khóc khi nghe Nguyễn Du bệnh cả năm, tóc đã nhuộm bạc...

Bài Thu Vũ tôi dịch như sau :

## MƯA THU

*Trời thăm mây giăng tối mịt mùng,  
Mưa thu tí tách nhỏ ngoài sân,  
Cây khô dài ngắn rời hàng lệ,  
Tàu chuối vàng tôi tiếng chặm nhanh,  
Ngâm dứt đế mê sầu vạn dặm,  
Buồn giăng quạnh quẽ nỗi năm canh,  
Khuê phòng riêng khổ người nhan sắc,  
Một phiến sầu vương vẽ chẳng thành.*

Nguyễn tác phiên âm Hán-Việt

## THU VŨ

*Thiên cách vân âm thăm bất minh,  
Tiểu tiêu thu vũ lạc nhàn đình,  
Đoản trường khô thụ chi đầu lệ,*

*Thu cấp hoàng tiêu điệp thượng thanh,  
Ngâm đoạn đề mê thiên lý mộng,  
Sâu khiên liêu tịch ngũ canh tình,  
Thâm khuê tối khổ như hoa diện  
Nhất phiến sầu dung họa bất thành.*

Trời cách mây mù ảm đạm mờ mịt, lòng em như mây, những mây đầy trời ảm đạm mù mịt, tí tách mưa thu rơi trên sân vắng, đầu cành cây khô giọt lệ dài ngắn, trên lá chuối vàng tiếng thứa mau. Ngâm xong đề mê giấc mơ nhỏ thường chàng cách xa ngàn dặm, sầu vấn vương giăng mắc mối tình năm canh, nơi khuê phòng người nhan sắc, mặt như hoa đau khổ vô cùng, một mảnh lòng sầu vẽ mãi không thành.

Nguyễn Du viết bài Thu Dạ, bài II, ý tủ tâm sự với Xuân Hường. Nhắc lại nỗi lòng nhỏ thường nàng xa cách vạn dặm. Tôi dịch như sau:

## ĐÊM THU II

*Mốc trắng sưởng thu giăng mịt mù,  
Điêu hiu cây cỏ bến giang thành  
Đèn khuya quạnh quẽ đêm dài ngóng  
Vắt tóc lo hoài chí nhật tan  
Vạn dặm giang sơn dài nỗi nhớ,  
Bốn mùa mây nước ngâm ngùi trông,  
Chôm lạnh mỗi hay không áo khổ,  
Tiếng chày khuê phụ bóng chiếu phong.*

Nguyễn tác nguyên âm Hán-Việt

## THU DẠ II

*Bạch lộ vi sưởng thu khí thâm,  
Giang thành thảo mộc cộng tiêu sâm,  
Tiến dăng độc chiếu sở trường dạ,  
Ác phát kinh hoài mặt nhật lâm.  
Thiên lý giang sơn tần trường vọng,  
Tứ thời yếu cảnh độc trầm ngâm,  
Tảo hàn dĩ giác vô y khổ,  
Hà xử không khuê thối mộ châm.*

Tiết bạch lộ tháng tám, hơi thu đã già qua tháng chín là tiết sưởng dăng, không phải chỉ lòng em đầy mây mù đầu, lòng anh cũng lạnh lẽo sưởng dăng mờ mịt, cây cỏ quanh thành nơi bến sông điêu hiu, bên đèn khuya quạnh quẽ. Vắt tóc như Chu Công bận lo việc nước vừa gội đầu vừa tiếp sĩ phu, phải vắt tóc ba lần mới gội xong, lo cho cái chí nguyện tàn phai theo ngày tháng, non sông nghìn dặm

tưởng nhỏ đến mà buồn, phong cảnh bốn mùa thay đổi riêng mình ngâm ngùi buồn, trời chớm lạnh mỗi hay không áo là khổ, nghe tiếng chày người khuê phụ đập vải trong chiều, lòng nhỏ đến nàng nơi khuê phòng ngóng trông.

Rồi một mùa thu khác, Xuân Hường gửi đến Nguyễn Du bài Cổ Kinh Thu Nhật. Tôi dịch như sau:

## NGÀY THU KINH ĐỒ CŨ

*Thấm thoát đường thu ánh nguyệt tà,  
Chốn xưa rượu chuốt chén phồn hoa,  
Dòng Tô nước cuốn về tây mãi,  
Tam Đảo trời quang vọng bắc xa,  
Đèn nguyệt, chấn xanh thường vật cũ,  
Sướng buồn mốc trắng đọng bên nhà,  
Lần này gặp lại càng mong nhỏ,  
Khách cũ năm tàn mãi thế a ?*

Nguyễn tác phiên âm Hán-Việt

## CỔ KINH THU NHẬT

*Nhiễm nhiễm chính đồ thu nguyệt tà,  
Nhất bôi hoàn đối cữu phồn hoa,  
Nhất Tô thủy lạc tây lưu tận,  
Tam Đảo tinh quang bắc vọng xa,  
Đẳng nguyệt thanh chiên bi cố vật,  
Sướng tiền bạch lộ lạc thủy gia,  
Thử lai tương đối trùng tương úc,  
Khách cũ niên thâm nại nhục hà ?*

### Chú thích:

Thanh chiên: chấn xanh, bằng len hay dạ bông để đắp cho khỏi lạnh. Vương Hiên Chi đời Tấn, đêm thấy kẻ trộm vào nhà lấy nhiều đồ vật. Ông ung dung bảo tên trộm rằng: "Lấy gì thì lấy, nhưng cái chấn xanh là vật cũ của nhà ta, nên bỏ trả lại ta". Về sau người ta dùng chữ "thanh chiên" để chỉ những nhà dòng dôi nhọ học.

Thấm thoát đã bao mùa thu qua bóng trắng xế bóng, tuổi càng cao, nơi chốn cũ phồn hoa, nhỏ xưa cùng uống rượu với nhau, một dòng sông Tô Lịch chảy về tây, dòng nước như vô tận, trời quang đặng bóng núi Tam Đảo trông rõ phía bắc xa xa, dưới đèn trăng, thường chấn xanh vật cũ ngày xưa, di sản cha ông dòng dõi nho học, sướng buồn xuống mốc trắng đọng bên nhà, sướng không chỉ ở nơi anh, mà sướng cũng rơi nơi em, đọng quanh nhà. Nếu

lần này gặp lại, càng thêm mong nhỏ, năm sắp hết, anh vẫn mãi xa thế a ?

Nguyễn Du, bài Khai Song số 45, có dùng lại điển tích Thanh Chiên và cũng ý mùa thu. Bài này trả lời bài Cổ Kinh Thu Nhật của Xuân Hường. Nguyễn Du vẫn khư khư giữ cái chấn xanh, tấm lòng yêu thương nàng, và cho biết đang chữa bệnh, nên chậm phúc đáp. Bài Khai Song, tôi dịch như sau:

## MỒ CỬA SỔ

*Trước nhà cảnh vật đã ra sao ?  
Mồ cửa ngày nhân sinh ý nhiều,  
Sáu tháng gió tung, bằng lượn mãi,  
Một sân mưa đọng kiến bò cao,  
Chấn xanh vật cũ khư khư giữ,  
Tóc bạc hùng tâm lưỡng nghẹn ngào,  
Trở bệnh hãy còn lo chạy chữa,  
Biết chi thu tử đến nhà nao ?*

Nguyễn tác phiên âm Hán-Việt

## KHAI SONG

*Môn tiền yên cảnh cận như hà,  
Nhân nhật khai song sinh ý đa,  
Lục nguyệt bồi phong bằng tí địa,  
Nhất đình tịch vũ nghĩ di oa,  
Thanh chiên cữu vật khổ trần tích,  
Bạch phát hùng tâm không đốt ta,  
Tái bệnh thượng tu điều nhiếp lực,  
Bất tri thu tử đáo thủy gia ?*

### Chú thích:

Đốt ta: Lấy làm lạ mà than thở, Ân Hạo đời Tấn làm quan bị truất, cả ngày cứ lấy tay viết lên không bốn chữ "đốt đốt quái sự", chà chà việc lạ. Nguyễn Du dùng điển này để tỏ ý mình sẵn mối hùng tâm mà bạc đầu không thành sự nghiệp thì cũng lấy là lạ.

Cảnh vật trước nhà nay ra sao, thong thả mở cửa sổ thấy cảnh vật tươi vui, lâu nay anh nằm đóng cửa chẳng biết trời trăng gì cả, sáu tháng qua như gió lớn chim bằng bay mãi không nghỉ, sân đọng nước mưa kiến phải dời tổ đi lên cao, anh như cánh chim bằng gặp gió lớn còn bay mãi chưa gặp thời, xã hội còn đầy những kẻ thấp kém như loài kiến, gặp cơn nước lụt bò lên cao, ăn trên ngồi trước. Dòng dõi nho gia như chiếc chấn xanh vật cũ, vẫn khư khư giữ mãi, giấy rách giữ lấy lề, giữ cái thanh danh cha ông mình, tóc bạc rồi, tài năng, chí khí mình như thế mà

chưa làm được việc gì thật là quái lạ. Bệnh tái phát anh đang lo chạy chữa, nên chậm phúc đáp bài thơ mùa thu em đã gửi...

Xuân Hương lại gửi Nguyễn Du một bài khác. Bài Thu Nhật Túc Sự của Xuân Hương, tôi dịch như sau:

#### NGÀY THU TỨC CẢNH

*Đêm qua lạnh lạnh gió tây về,  
Giậu cúc đìu hiu tuyết chứa đì,  
Mưa nặng sông chia mờ mặt nước,  
Mây trôi núi biếc vẽ đường mi.  
Sen tàn hé cuối làn xuân rớt,  
Liễu rũ hương thừa áo biếc che,  
Chim hót nổi mình ai có thấu,  
Lời lòi còn đọng mỗi tình quê.*

Nguyễn tác phiên âm Hán-Việt

#### THU NHẬT TỨC SỰ

*Tây phong tạc dạ áp hàn chi,  
Ly cúc tiêu sớ tuyết vị phi,  
Mật vũ tà si phân thủy diện,  
Cô vân miêu chúc viễn sơn mi,  
Liên dư tàn hạ lưu xuân đới,  
Liễu bang dư hương lão thúy y,  
Đề điểu mạc phi tri ngã hưởng,  
Thanh thanh trường đọng cổ hưởng tử.*

Ngọn gió tây đêm qua mang lạnh về, giậu cúc đìu hiu dù không có tuyết, mưa rơi nặng mặt nước sông mờ mịt, mưa dứt, trở trời một đám mây, núi như có ai vẽ đường viền nét mi, sen tàn cuối mùa hạ còn lưu một chút hương xuân, cây liễu còn che áo biếc màu xanh hướng mùa cũ, chim hót có thấu chẳng côi lòng mình, mỗi lời còn đọng mỗi tình thường nhỏ quê.

Trong thơ Nguyễn Du tây phong ám chỉ quân Tây Sơn đem quân ra Bắc, Nguyễn Du cũng có bài Thu Nhật Ký Hùng cũng mở đầu bằng chữ Tây Phong, bài thơ này đáp lại bài Thu Nhật Túc Sự của Hồ Xuân Hương, tôi dịch như sau:

#### NGÀY THU CẢM HỨNG

*Gió Tây mỗi đến khách chưa về,  
Khí lạnh mùi phần dạ tái tê,  
Nước cũ non sông trời lặn ngấm,  
Quê người thân thể gửi mây che,  
Cái già chột sọ, nay đã đến,  
Thu đến nổi nổi, đêm trước nghe,  
Tự trách bạc đầu ta vụng tính,*

*Lá vàng rơi rụng rụng đầu hè.*

Nguyễn tác phiên âm Hán-Việt

#### THU NHẬT KÝ HỨNG

*Tây phong tái đáo bất quy nhân,  
Dốn giác hàn uy dĩ thập phần,  
Cổ quốc hà sơn khan lạc nhật,  
Tha hương thân thể thác phù vân,  
Hốt kinh lão cảnh kim triều thị,  
Hà xử thu thanh tạc dạ văn,  
Tự trách bạc đầu khiếm thu thập,  
Mãn đình hoàng lạc điệp phân phân.*

Gió tây mỗi đến với người chưa về, mà đã thấy khi trời lạnh lắm, non sông nước cũ trông bóng chiều tà, nơi quê

người thân thể mặc cho đám mây trôi nổi, giạt mình chột sọ cái cảnh già đến, đêm qua tiếng thu ở đầu nổi lên, cười mình đầu bạc vụng thu xếp. Đây sân lá vàng rụng tới bờ.

Từ những dẫn chứng trên, có thể xác định được các bài thơ trên Nguyễn Du và Hồ Xuân Hương viết cho nhau trong khoảng thời gian những mùa thu 1794-1796.

#### Tài liệu tham khảo:

- Thơ chữ Hán Nguyễn Du, Văn Học, 1965.
- Bùi Hạnh Cẩn - Hồ Xuân Hương - Thơ chữ Hán, chữ Nôm và Giai thoại - Nxb VNTP, 1995. •

## Vàng bay thu chớm



*Vườn tri nhỏ vẫn xanh hoài mộng tưởng  
Áo thu mờ thoáng hiện giữa chiều say  
Biết mong đợi nên nơi lòng còn vương  
Chút băn khoăn theo hướng gió thu bay*

*Thu rất mong song chiều vàng hiu hắt  
Bước chân còn dỗi mắt đại vẫn vương  
Mơ chút nắng hong mùa hoang dã lạnh  
Đợi mai về thay nắng mỗi quê hương*

*Nhưng lạnh bạt vẫn hàn lên năm tháng  
Niềm nhỏ nhưng hạn hán suốt côi dòi  
Buồn vẫn bám theo với ngàn thu quanh  
Vương bóng chiều đã nhạt tóc xanh với*

*Vườn quê vắng nắng còn về hong lại  
Chi thuyền ta trôi lạc giữa biển khơi  
Nên không biết đến nơi nào hiện tại  
Đôi tay còn mong hái cánh hoa xuân*

*Chiều mơ ước còn đậu ngoài biển trắng  
Buổi tìm theo núi chán lối lên đường  
Khi ngồi lại nghỉ bên rừng hoang vắng  
Bóng tôi nhòa như đám giữa màn sương*

*Thân ải lạnh vẫn trùng vây muôn hướng  
Chút tình xưa cũng lạc mất cuối rừng  
Giờ tìm lại vẫn hoài còn mộng tưởng  
Nên ngàn đời thường tiếc mãi bao dung*

• Đan Hà

# Thượng tọa TUỆ SỸ, TRÍ SIÊU

## những thiên tài lỗi lạc

### TUỆ SỸ, MỘT NHÂN TÀI CỦA VIỆT NAM

Thầy xuất gia từ thuở còn thơ và sống ở Lào, làm chủ tiểu Sa Di sớm chiều kinh kệ, công phu bái sám, đó là bốn phận của người làm đệ tử, trong nếp sống nhà chùa. Dù chùa ở Lào hay Việt Nam cũng vậy, tụng kinh học luật là điều chính yếu của người xuất gia tu Phật. Bằng bản chất thông minh, thiên tư từ thuở nhỏ, cho nên sau khi xuất gia, Thầy đã miệt mài học hỏi kinh điển, siêng năng nghiên cứu nghĩa lý đạo mầu. Có lần được nghe quý Ngài kể lại, thời gian sống nơi chùa Lào, suốt ngày Thầy ở dưới bàn tượng Phật Bốn Sư thờ nơi chánh điện, để học kinh luật, sớ tra luận nghĩa, mà quý sư Lào sau một thời gian dạy dỗ, đã thấy được trí tánh thông minh của Thầy, biết được đây là bậc kỳ tài, là ruộng cội của Phật Giáo, mà chư sư Lào không đủ khả năng dạy nữa. Để không làm mai một thiên tư trác việt, trí tuệ tuyệt vời, các vị Bồ sư Lào đã gởi Thầy về Việt Nam, cho quý Hòa Thượng tiếp tục hướng dẫn, dạy dỗ.

Thầy được đưa về Huế, cùng tu học với quý chú Tăng và thành đạt sở học một cách nhanh chóng, như con phượng hoàng khi đã đủ lông cánh tung bay giữa trời cao, như rồng thiên vẩy vung nơi biển sâu, sóng lớn. Do vậy, sau một thời gian tham học với chú Tổ Đức về phần kinh luật và chú Nho, Thầy đã thông suốt và tự mình phát huy sở học mà không cần thầy dạy. Từ đó, Thầy tiếp tục vân du tham học ở chú bậc kỳ tài, hữu danh đường thời, lần hồi Thầy đã vào Sài Gòn để tiếp tay xây dựng và giáo dục đàn em, học trò của mình. Dĩ nhiên, lúc bấy giờ Thầy đã trở thành bậc giáo sư lịch lãm, trí thức bậc chúng. Là vị giáo sư gương mẫu, nòng cốt của Đại Học Vạn Hạnh, mà cứ mỗi lần gặp nhau thăm hỏi, những người đồng nghiệp đều gọi Thầy là "chú Sỹ" vì Thầy còn quá trẻ.

Thầy phụ trách dạy tại Đại Học Vạn Hạnh chương trình triết học Tây phương, văn học Đông phương, luận đề Phật giáo: triết học Tánh Không, Trung Quán luận, A Tỳ Đạt Ma, đại cương Thiên Quán... Mặc dầu ở vào lứa tuổi đôi mươi, nhưng Thầy đã đóng góp một phần không nhỏ trong nền văn hóa, giáo dục của nước nhà và Thầy đã xuất sắc hơn trong lãnh vực ngôn ngữ: sinh ngữ và cổ ngữ. Thầy tự học, rèn luyện lấy chính mình vì vậy

mọi người ai cũng kính mến, thán phục và có nhiều bạn vong niên dưới mái trường Đại Học Vạn Hạnh.

Là một trong những vị tu sĩ trẻ dẫn đầu với kiến văn quảng bác, được sự ngưỡng mộ của nhiều thế hệ Tăng sinh, sinh viên. Thầy là vị tu sĩ trẻ nhất, tự học, tự nghiên cứu và thấu đạt, thông suốt nền triết học Đông Tây. Một trí tuệ vô sư trí, một vị Thầy không sư cho chính mình. Thầy đã nghiên cứu thâm sâu vào mọi lãnh vực kinh, luật, luận, xuyên qua những cánh đồng giáo lý mênh mông, bát ngát, khó hiểu, sâu xa, đôi khi một kiến văn xuất chúng, mới thể nhập được, nhưng đối với Thầy dường như không khó khăn gì.

Thầy đã đón đao đột kích phá tung nền triết học tánh không, khai quật và trình bày giá trị sâu thẳm tận cùng từ tướng Trung Quán, phiên dịch giảng giải Trí Độ luận, để từ đó, hình ảnh chú Tổ Đức, luật sư nổi tiếng, vang danh oai đức như Tổ Long Thọ, người bấy giờ tôn xưng là Đệ nhị Thích Ca, Đề Bà, Vô Trước, Thế Nhân, Mã Minh, Huyền Trang, La Thập, Tăng Duệ, Tăng Triệu... dường như quá gần gũi, quen thân với Thầy. Vì tất cả các tác phẩm trước tác, dịch thuật của chú Tổ, như là sách gối đầu giường của Thầy, còn Tam Tạng kinh điển, bộ Đại Tạng, chẳng bộ nào mà Thầy không dở đọc. Người viết đã học với Thầy, sau đó cùng Thầy làm việc dịch thuật Trung A Hàm, Kinh Pháp Cú, tuyển tập Nikāya A Hàm... qua những năm 75-77 tại Viện Cao Đẳng Hải Đức Nha Trang và 80-84 tại Tu Viện Quảng Hương Già Lam cũng là nơi thư viện Vạn Hạnh (Vô Di Ngụy, Phú Nhuận) mới thấy được khả năng, trí tuệ trác việt của Thầy. Kinh, luật, luận, Tam Tạng giáo điển, hầu như Thầy nằm lòng tự kiếp nào. Có lẽ trong lòng sinh tử vô tận, đã có bao đời Thầy đã là Thiên sư, Pháp sư, Luận sư, cho nên mỗi khi hỏi đến những pháp số, ý kinh, nghĩa luận trong Đại Tạng, Thầy đều dờ đúng số trang, số quyển, số dòng. Phải làm việc chung với Thầy mới biết được tính cần mẫn, ý chí kiên quyết, tự lập để xây dựng cho chính mình của Thầy. Hầu như bất cứ thời điểm nào Thầy cũng học, cũng nghiên cứu, cũng nghiên ngẫm, cũng đọc kinh điển, thi văn, kinh thi, kinh dịch, triết lý, tha ca; cũng tự học âm nhạc: dưỡng cầm, vĩ cầm; cũng tự tập viết chữ Nho: chữ Thảo của Vương Hy Chi; đọc thơ của Lý Bạch, Đỗ Phủ, Tô Đông Pha...

Thầy sống thanh bạch, đón sớm, đêm ngày miệt mài, trầm mình trong thế giới tâm linh, tư tưởng, triết học, thi ca, ngôn ngữ, nên không còn thời giờ nghỉ đến cách ăn mặc, bề ngoài như kẻ khác. Do vậy, trên người của Thầy, luôn luôn với bộ áo nhật bình 4 vạt úa màu với thời gian, dài tới đầu gối, khi dạy học cũng như lúc ra ngoài. Đáng người tuy nhỏ nhắn, nhưng khối óc thì vĩ đại, thông minh thiên phú. Chính vì bản chất thông minh đó mà tên Tuệ Sỹ là do Thầy tự đặt, sau khi hiểu và thông đạt được tư tưởng tu chứng của Thiên sư Tuệ Trung Thượng Sỹ, đời Trần, Thầy đã lấy tên Tuệ Sỹ, trong bốn chữ Tuệ Trung Thượng Sỹ. Khi đặt pháp danh của Thầy là Nguyên Chứng có lẽ Ôn Già Lam đã thấu hiểu được tâm tư của Thầy, tài nghệ khác thường hơn người đời, như rồng thiêng vẩy vung nơi đại hải, nên lắm lúc cũng bất chừng khi tâm thức vung dậy, như trận cuồng phong xô giạt phá đổ mọi thành trì, chuông ngai, trở lực của thế giới trí thức, liễu tri thế gian, mở bày một chân trời giải thoát của tâm hồn Đại Sỹ, bao la, vô cùng tận. Do vậy, nhìn vào đời sống của Thầy thật đơn giản nhưng sung túc, cặm cụi nhưng thư thái, nhiệt tâm nhưng buông xả, mà Thầy thường dạy anh em Tăng sinh viên, như "hạt xả không trì", như hạt bỏ ao hoang, không luyến lưu, tham đắm mọi hình thái của cuộc đời.

Từ trí tuệ hơn người, Thầy đã đi bằng đôi chân dân tộc, đạo pháp, khai quật và tỏ bày con đường tự do, hạnh phúc cho quê hương Việt Nam; mang tinh thần triết lý văn học vào cuộc đời thăng hoa sự sống; phát triển và trao truyền tinh thần triết học của luận, thực nghiệm tu chứng của kinh và hành trì nghiêm mật của luật cho nếp sống Tăng sinh trẻ, Thầy đã sống bằng giá trị thực tiễn của lẽ sống phụng sự, hy sinh, gương mẫu nhằm hướng đến chân trời kiến văn cho tất cả mọi người.

### BÓNG NGƯỜI TRÊN ĐÌNH NÚI

Dùng chân đứng lại trên ngọn đồi Trại Thủy, như hình con dơi đang xòe cánh, Thầy đã sống bình lặng qua bao tháng ngày êm đêm, giản dị, gần gũi, thân thương như hòa tâm cùng cỏ cây, vách đá, gió núi, và hương vị nước mặn của sóng biển. Lần đầu tiên gặp Thầy, như đã nói trên, trong cung cách thật dung dị, chiếc quần màu cà-phê tái nhạt, chiếc áo nhật bình đã sờn vai theo năm tháng mà lại ngăn ngùn, đầu tóc hơi dài hơn bình thường, thật phù hợp, ăn tiếp với nhau từ đầu đến chân. Tuy nhiên, một điểm nổi bật trên khuôn khổ ấy là đôi mắt sâu và sáng quắc. Nhìn vào đôi mắt ấy như hai hố thăm của tư tưởng, khó ai có thể dò tới



đáy sâu của hố thẳm là bao nhiêu. Trong tận cùng của hố thẳm ấy, là một trời trắng sao vẫn học, triết học, đạo lý... tiềm tàng ngút ngàn mù khơi, như sóng biển trên dòng Chiết Giang; thâm u, cô tịch như hòn Lô Sơn mà Thầy đã dịch trong bộ Thiên Luận.

Giờ học đầu tiên Thầy giảng về nền triết học Tây phương qua các tư tưởng Henry Miller, Jean Paul Sartre, Engel, Platon... nghe sao mà khó hiểu vô cùng những có gì là lạ, lý thú trong cách giảng dạy của Thầy, không cần sách vở, chỉ nói và nói. Nói như dòng thác đổ từ trên cao, vì đầu nguồn của dòng thác chứa đầy nước, được sung mãn vô kể, do vậy, cứ đổ hoài mà không bao giờ vơi. Thầy đem tất cả sở học, kiến thức trao truyền lại cho anh em; tuy nhiên, anh em Tăng sinh khó có thể thấu đạt được hết những gì Thầy đã truyền giảng. Từ chân trời phương Tây đến góc biển phương Đông, bao nền Triết học Khổng Tử, Lão Tử, Trang Tử, Kinh Dịch, Đạo Đức Kinh, Kinh Thi; văn học Trung Hoa, Đào Tiềm, Hàn Dũ, Tô Đông Pha... Các thi hào, thi bá như một cánh đồng văn học đầy hoa thơm cỏ lạ mà Thầy là con ong đang bay đi hút mật trên cánh đồng nhiều hoa thơm cỏ lạ đó, để rồi luyện thành mật sáp nuôi dưỡng tinh thần, đời sống tâm linh. Là một đại sĩ trưởng thành trên nền tảng giáo lý giác ngộ giải thoát xuất thế gian, được hấp thụ và thể nhập tư tưởng giáo pháp siêu phàm của bậc Đạo sư, từ đó Thầy quán triệt qua các giáo nghĩa Hoa Nghiêm, một thể giới quan trùng trùng vô tận; giá trị đích thực tu chứng tử địa vị phàm phu, đắc thành Phật quả của kinh Pháp Hoa; tử yếu nghĩa vô ngã, phá trừ, đập nát cái vô chấp ngã, để nhơn pháp câu không của Bát Nhã; tử đỉnh núi Lăng Già của vua Dạ Xoa đến cánh đồng A Hàm nguyên thủy, từng bước chân đi của Đức Phật, hầu như Thầy theo dõi trọn vẹn, trên lãnh vực trí tuệ thế gian, và chính nơi đây, chỉ đợi đến giây phút tối hậu, cánh cửa tâm linh bật mở, chân trời giải thoát bao la hiện bày, và con người của thế nhân bật dứt.

Suốt thời gian bốn năm Trung đẳng Chuyên khoa, 70-74, ngày hai buổi dạy học, như một trách nhiệm mặc nhiên, mà Thầy tự xem đó như là lẽ sống trên tinh thần phụng sự, trao truyền kinh nghiệm tu học cho tất cả. Thầy tận tụy trong từng giờ dạy học, Thầy chia sẻ những hiểu biết, tâm tình với anh em Tăng sinh trên đồi, tháp sát vào những buổi chiều, sau giờ cơm chung của đại chúng. Thầy kể chuyện không mấy có duyên lắm những rất rộn rã và khôi hài, trong những lúc đó, đôi mắt Thầy to tròn lên gần như gấp đôi diễn đạt và biến chuyển theo tình tiết câu chuyện, lời kể lúc nào cũng

thâm thúy nhưng đầy vẻ hài hước, vui tươi. Thầy làm việc gần như không biết mệt, thức thật khuya nhưng dậy sớm, bên cạnh tách cà-phê giúp Thầy thêm tỉnh táo để tuân trào những dòng tư tưởng, triết lý, thi ca cho thời đại, đóng góp những tinh hoa văn học cho dân tộc, con người.

Vấn chưa đủ trên phạm trù xây dựng, cung phụng văn học, nghệ thuật, giáo dục, đạo học, mà còn đích thân lăn xả vào xã hội để gần gũi với con người trong từng miếng ăn, giấc ngủ. Thầy đã thể hiện điều này qua cuộc chiến mùa hè đỏ lửa 1972. Hàng trăm ngàn người tỵ nạn từ Ban Mê Thuột, Pleiku đổ xuống, từ Quảng Trị, Thừa Thiên tràn vào, tạm trú tại các trường trại, từ tiểu học đến trung học, từ thực hay công lập đều được trưng dụng cho làn sóng người tỵ nạn các tỉnh địa đầu giới tuyến và vùng cao nguyên Trung phần, già trẻ, lớn bé, đàn ông, đàn bà gánh gồng chịu đựng, người mất cha, kẻ mất chồng, làm than, có cực trong cảnh màn trời chiếu đất. Thầy cùng anh em học Tăng tình nguyện đi cứu trợ, từ Nha Trang ra Vạn Giã, Tu Bông xin gạo, tiền, vật thực về phân phối cho đồng bào. Thầy tự lái chiếc xe Jeep của Viện mà chẳng ai dám tin tưởng tí nào, vì từ trước tới giờ Thầy chưa bao giờ lái xe, những vì tinh thần tưởng thân tưởng trợ, lá lành đùm lá rách, và chí nguyện của Bồ Tát hành Bồ Tát đạo không cho phép Thầy không thể hiện. Thấy vậy, anh em học Tăng lại càng xả thân cho công cuộc cứu trợ, người đào giếng ngoài Đồng Đế, kẻ căng lều, mang vật thực, sẵn sóc vết thương, người chở gạo, tài thuốc men, cấp cứu, mà hình ảnh Thầy như một chiến tướng giữa đám quân binh, vì đồng bào lúc bấy giờ không có hàng ngũ trật tự gì nữa, cảnh tượng như ong vỡ tổ, tay xách nách mang, đạp nhau mà chạy. Máu chảy ruột mềm, chính trong cảnh huống này mới thấy được tấm lòng cứu độ, lợi tha trước vận mạng đen tối của quốc gia dân tộc. Thầy đã phát huy con đường Bồ Tát đạo ngày càng rộng rãi, thành thang hơn nữa, cũng chính vì vậy mà sau này, ngày 02.4.1984, Thầy đã bị bắt và lãnh bản án tử hình ngày 30.9.1988 tại Tòa án Nhân dân Sài Gòn.

Thời gian như âm thầm trôi đi dưới mái Phật Học Viện thân yêu đầm ấm, tình Thầy trò như được quyện lại bên nhau mà mỗi lần trời mưa, sáng sớm Thầy trò xuống nhà bếp nấu nước sôi pha trà, thì thấy cô Bảy đã xong nồi cơm sáng cho đại chúng, còn ông Đông thì ngồi trên cái đôn gần bếp để sưởi ấm, những hình ảnh thật đơn sơ, mộc mạc, và chính trong những giờ phút đó mới thấy thật gần gũi, cảm thông, tình nghĩa. Ngồi bên bếp lửa

bập bùng cháy sáng, tiếng lửa kêu tí tách, nhìn xuống chân đồi, vườn rau, luống cải của viện, cạnh chùa Phước Điền, để nghe Thầy đọc thơ:

*Vác cuốc xuống lưng đồi  
Nắng mai hồng trên môi  
Phường đông mặt trời đỏ  
Mùa hạ không mây bay...  
Buồm vàng trên vách đá  
Tịch tịch cảnh chùa xưa  
Chim chóc từ viễn phố  
Tình không rặng núi mờ...*

Từ âm điệu, từ khung cảnh, bên bếp lửa hồng, ấm cúng, ngồi nghe giọt mưa rơi dưới mái hiên, như hình ảnh một Thiền sư ngồi gõ nhịp thời gian, người viết làm bốn câu thơ tặng Thầy:

*Bếp lửa hồng Thiền sư ngồi gõ mõ  
Bình tâm không động giọt sương  
trong  
Ai khởi ánh lửa chiều đông  
Hở lòng lãng tử chốc mòng phiêu du.*

Đây chính là thời gian bình thản, yên lòng để lo việc học, thi cử mãn khóa, tiếp tục lên cao đẳng, thi hình ảnh Thầy lại càng kề cận, chăm sóc, lo lắng cho anh em học Tăng hơn nữa. Thầy đã soạn thảo chương trình, bài giảng, học liệu để mở ra chân trời Cao Đẳng Chuyên Khoa mà ước nguyện của quý Ông, quý Thầy mong thành đạt, để mở ra kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của dịch thuật, người lãnh đạo trực tiếp là Thầy. Tất cả mọi nỗ lực được thành như ý nguyện, tấm bằng hiệu Viện Cao Đẳng Phật Học Hải Đức Nha Trang được dựng lên nơi đầu đường, cạnh chùa Núi, Linh Phong Cổ Tự. Và cũng chính từ ngày hôm đó, thời gian ấy, Thầy bận rộn nhiều, phần học vụ làm Thầy không có thời gian như trước. Ban ngày lo soạn chương trình, bài vở, hoặc dịch thuật, trước tác và phụ tá cho Hòa Thượng Viện Trưởng, ban đêm đến giờ hồ canh ngồi Thiền thì Thầy lại mặc áo tràng, bày giờ thì Thầy đã có đủ áo quần đàng hoàng như quý Thầy khác mà không như trước, một nghệ nhân, hay du sĩ, dĩ canh chúng ngồi Thiền, nhìn qua lỗ trống cửa mỗi phòng trên dãy nhà cư xá Tăng sinh viên, nằm ven triền đồi Trại Thủy gần gác chuông. Những đêm mưa gió, từ biển khơi thổi vào đập nát cả lá hoa sườn đồi, nhưng Thầy vẫn không bỏ giờ canh Thiền đại chúng.

Thời gian của năm thứ nhất cao đẳng cũng là thời gian chiến tranh bùng nổ dữ dội, chiến trận tổng tấn công của bộ đội Bắc Việt, xâm chiếm từ các vùng cao nguyên Trung phần, từ các tỉnh Dầu Giây, Xuân Lộc, Củ Chi, miền Tây, và miền Đông Sài Gòn. Trong khi đó, từ các tỉnh địa đầu vì

tuyến 17 cũng mất dần an ninh, và cuối cùng là bộ đội Bắc Việt tiến chiếm dần miền Nam.

Trước ngày 30.4.1975, quân đội Việt Nam Cộng Hòa đã rút lui, bỏ nòng trên các tuyến đường quốc lộ I, chẳng có ai kiểm soát, thành phố Nha Trang bỏ trống, các phi đội, khu trục Không Quân ở phi trường Nha Trang được lệnh bay vào phi trường Phan Rang để tử đó mang bom ra đội Cầu Xóm Bông, cắt đứt đường tiến quân của Bắc Việt. Thì lại một lần nữa Thầy và anh em học Tăng làm nghề cứu thương, xuống bệnh viện toàn khoa Nha Trang, những bệnh nhân nào hơi khỏe mạnh, hay đi đứng được thì đã di tản, còn lại những bệnh nhân nặng thì vẫn nằm đó, vì lúc đó không còn bác sĩ, y tá trực nữa, mạnh ai nấy lo liệu, bệnh viện, trường ốc, cứ xá, chợ búa như nhà không chủ. Trong cảnh nước mất nhà tan này, Thầy lại lẫn xả vào vùng lửa đạn để cứu giúp đồng bào, an ủi bệnh nhân, thương binh, trẻ mồ côi lạc mất gia đình cha mẹ, để bồi đắp tinh thần trong cuộc đời khổ lụy này.

Trước tình thế mỗi ngày rối ren, khủng hoảng, chưa biết phải xử trí như thế nào, ngay tối hôm đó, anh em học Tăng gặp Thầy tại thư viện, quây quần bên nhau, mong tìm phương pháp giải quyết, có anh em đề nghị Thầy nên di tản, chúng ta không thể ở lại được nữa. Khi ấy, anh em cứ ngỡ là Thầy sẽ đồng ý, chấp nhận cho anh em tự do đi, hay là cùng đi tập thể, nào ngờ Thầy nhìn tất cả anh em, rồi nói bằng giọng cương quyết: "Tôi vẫn còn đây, quê hương và đất nước này còn cần đến anh em nhiều hơn nữa. Chúng ta không thể trốn chạy khi dân tộc, đạo pháp đang gặp cảnh điêu linh". Qua lời nói khẳng khái đó, ai nấy đều nhìn nhau mà bàng hoàng. Trong cái bàng hoàng thăm thẳm kính phục tấm lòng sắt son, hy sinh đời mình để chia xẻ nỗi tang thương vận nước. Một con tim nóng hổi đang ấp ủ, che chở hàng triệu con tim đang thiếu máu.

Đây là thời điểm đánh dấu sự quyết định dứt khoát của Thầy là phải ở lại trên mảnh đất quê hương này. Dân tộc, đạo pháp còn cần sự có mặt của Thầy. Ngày nào dân tộc còn lầm than, quê hương còn khốn khổ thì ngày đó còn có những đôi tay, khối óc như Thầy để cày xới, gieo rắc hạt mầm yêu thương, để vơi đi sự thù hận, để thấy trên quê hương còn có những bông hoa tươi thắm tô điểm, thêm hương, khởi sắc giữa cánh đồng hoang, lau sậy gầy guộc. Thầy là hiện thân của đóa hoa tình thương nguyện ở lại để thọ nhận thương đau cùng với cái thương đau của dân tộc, nguyện dẫn thân vào nơi khốn cùng, của cơn phong ba bão tố để đưa con thuyền

đạo pháp đến bến bờ bình yên. Sự ở lại của Thầy mang nhiều ý nghĩa của một tâm hồn đạo sĩ, thi sĩ, văn nhân, và tự tình con dân nước Việt. Là mấu chốt, là yếu điểm vàng son của chặng đường lịch sử dân tộc và đạo pháp. Thầy ở lại vì còn hàng triệu người còn ở lại. Thầy không đi vì chung quanh Thầy còn nhiều đôi tay giơ lên réo gọi Thầy. Quê hương Việt Nam, dân tộc giống nòi, ngàn năm Tổ Quốc, còn hiện rõ hình bóng chủ vị anh hùng liệt nữ, một thời chống xâm lăng giữ yên bờ cõi, một Lý Thái Tổ, Lê Đại Hành, Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông... là những vị Phật tử mang hừng vị giáo pháp giải thoát giác ngộ vào nơi trận mạc, giữa chốn ba quân, trong cơn quốc biến để tu tập và giáo hóa. Một đại tướng Trần Hưng Đạo, Lý Thường Kiệt, Nguyễn Trãi... là những bậc thiên sư, bằng đôi tay mạnh, trái tim nóng để an bang xã tắc, thì có lý do nào để ra đi? Đó là những hình ảnh hào hùng của người dân Việt. Còn đạo Phật Việt thì sao? Tử thuở đầu đời, những bước chân chập chững của chủ vị Pháp sư, Tổ Đức gieo rắc ánh đạo màu vào lòng dân tộc, trên mảnh đất Luy Lâu thân yêu, một Ngài Khổng Tăng Hội, Chi Cương Lương, Mậu Bác... hay vào thời cận đại, Tổ Phước Huệ, chùa Tháp Tháp, Tổ Liễu Quán, Phú Yên, Bồ Tát Quảng Đức, ngọn lửa bình đẳng, tự do tín ngưỡng, đã thắp sáng bao thập niên qua. Những hình ảnh đó sừng sững như tường đồng, vách sắt trong mỗi nhịp-thở con tim của Thầy, và hình ảnh của một thế hệ, một chặng đường lịch sử của đạo pháp còn cần sự tiếp tay của Thầy, còn cần lời nói của Thầy, còn cần ngọn bút thiên tài của Thầy để viết nên những trang sử vàng son, oai hùng của thời đại. Và đến giờ này, thật sự Thầy đã viết nên những dòng sử mệnh đó.

Sau sự quyết định của Thầy, tất cả anh em học Tăng đều vui vẻ ở lại tiếp tục làm việc dưới sự hướng dẫn của Thầy. Lúc bấy giờ, Viện đã đóng cửa, một số anh em đã trở về với Thầy Tổ, số còn lại lo công việc dịch bộ Trung, Tăng Nhứt và Tạp A Hàm. Tuy nhiên, sau khi hoàn thành bộ Trung A Hàm thì hoàn cảnh lại không cho phép. Lý do, người thì phải đi lao động xã hội chủ nghĩa, kẻ đi làm thủy lợi, kinh tế môi... sản xuất các hợp tác xã, nói chung là không còn có thì giờ để ngồi xem kinh, trước tác gì nữa. Và cũng chính trong thời điểm này, 1976, đời sống giữa anh em với Thầy cũng cách xa. Thầy cũng phải đi lao động, làm rẫy tại Vạn Ninh, Vạn Giã, vui với cỏ cây, khoai sắn, lúa mạ, vườn tược, làm xúc cảm hồn thơ của Thầy, và tập thơ "Soi Đê" được ra đời. Nhưng có lẽ, điều mà Thầy nhìn thấy mạnh mẽ và thiết thực nhất là quê hương bị tàn phá, dân

tộc bị lầm than, đạo pháp bị bức bách, cả một thế hệ trẻ bị vong bản vì nền cai trị chuyên chính độc tài cộng sản đang ngự trị và bạo hành đất nước, cho nên Thầy càng thấy buồn cho tiền đồ đạo pháp, vận mạng quốc gia sẽ ra sao? Lúc này trông Thầy như cánh hạc trong đêm, khi gặp khi không, vì Thầy thường ở nơi cái chòi bằng tranh, "Soi Đê" của Thầy tại Vạn Giã, để ngày thì vác cuốc làm rẫy, tía bắp, trồng rau, đêm thì nằm nghe núi rừng u tịch, tiếng côn trùng rì rả, để mèn ni non dưới lòng đất mới. Tiếp xúc với mảnh đất gầy gò quê hương, qua chứng tích điêu tàn loang lổ trên đất mẹ, không cầm được lòng đau thương, tủi phận cho giống nòi Hồng Lạc, cho những hạt giống tinh anh, siêu việt của dân tộc bị mai một, và cho những cái gì của hàng ngàn năm lịch sử bị tàn phá, quê hương lùi dần vào bóng đêm, và tâm tình của Thầy như lời thơ "Mười Năm Trong Cuộc Lữ" :

*Ngọn gió đưa anh đi mười năm phiêu lãng*

*Nhìn quê hương qua chứng tích điêu tàn*

*Triều đông hải vẫn thi thắm cát trắng  
Chuyện tình người và nhịp thở của Trường Sơn*

*Mười năm nữa anh vẫn làm li phố thị  
Yêu rừng sâu nên khỏe mắt rừng rùng*

*Tay anh vói trời cao chim chiều rủ rì  
Đời lênh đênh thu cánh nhỏ bên đường*

*Mười năm sau anh băng rừng vượt suối*

*Tim quê hương trên vết máu giữa đồng hoang*

*Chiều khói nhạt như hồn ai còn hận tử*

*Từng con sông từng huyết lệ lan tràn  
Mười năm đó anh quên mình sậy yếu*

*Đôi vai gầy tử thuở dựng quê hương  
Anh cúi xuống nghe núi rừng hợp tấu  
Bản tình ca vô tận của Đông Phương  
Rời ngày ấy anh trở về phố cũ*

*Giữa con đường còn rợp khói tang thương*

*Trong mắt biếc mang nỗi hồn thiên cổ*

*Vẫn chân tình như mưa lữ biên cuồng*

Từ Nha Trang ra Vạn Giã khoảng 60 cây số, Thầy đã đi về bằng những chuyến tàu đêm, âm thầm lặng lẽ trong tâm tư lắng đọng nên Thầy ít nói hơn khi xưa. Có lúc Thầy đóng cửa phòng ở một mình cả tuần không có nước. Thầy chỉ uống nước chanh đường, hoặc nước lạnh, thỉnh thoảng mới thấy Thầy đi bách bộ bên ngoài.

Trông Thầy gầy hẳn, nhưng trên khuôn mặt luôn luôn phảng phất một niềm riêng sâu kín, thiêng liêng qua ánh mắt. Một tâm sự, nỗi niềm dường như không thể nói cùng ai, dù thời gian ấy vẫn có Hòa Thượng Viện Trưởng, Thượng Tọa Giám Sự, Thượng Tọa Phó Viện Trưởng, cùng anh em học Tăng. Có lẽ, tất cả không ai có thể hiểu và cảm thông được nỗi lòng chất chứa, tràn đầy những tâm sự mà chẳng biết tỏ cùng ai, nên Thầy đã dùng đến vần thơ để diễn đạt :

*Ta làm kẻ rong chơi từ hỏn độn  
Treo gót hài trên mái tóc vào thu  
Ngồi đếm mộng đi qua từng đợt lá  
Rũ mi dài trên bến cỏ sừng khô  
Vi lêu lổng mười năm dài gối mộng  
Ôm tình già quên bằng tuổi hoàng hôn  
Rời một sáng nghe chim rừng đối giọng  
Người thấy ta xô giặt bóng thiên thần  
Đất đỏ thắm nên lòng người hăm hở  
Đá chứa mòn nên lòng dạ trở vô  
Thành phố nợ bởi mưa phùn nắng quái  
Nên mười năm quên hết mộng giang hồ.*

*Này đêm rộng như khe rừng cửa biển  
Hai bàn tay vén lại tóc tổ xưa  
Miền đất đỏ trắng đã gãy vịnh viễn  
Tử vu vô trong giấc ngủ mở hồ  
Một lần định như sao ngàn đã định  
Lại một lần nông nổi vết sa cơ  
Trời vẫn vậy vẫn mây chiều gió tĩnh  
Vấn một đời nghe kể chuyện không như  
Để sống chết với diêu tàn vỡ vĩnh  
Để mắt mù nhìn lại cuối không hư  
Một lần ngại trước thông già cung kính  
Chẳng một lần làm lơ không ư ?  
Ngày mai nhè ta chờ mi một chuyến  
Hai bàn tay vén lại tóc tổ xưa*

*Đôi mắt ưỡt tuổi vàng cung trời hội cũ  
Áo màu xanh không xanh mãi trên đôi hoang  
Phút vội vã bỗng thấy mình du thủ  
Thấp đèn khuya ngồi kể chuyện trăng tàn  
Từ núi lạnh đến biển im muôn thuở  
Đỉnh đá này và hạt muối đó chứa tan  
Cưỡi vôi nắng một ngày sao chóng thế  
Nay mùa đông mai mùa hạ buồn chẳng?  
Đến tóc bạc tuổi đời chưa đủ  
Bụi đường dài gót mỗi đi quanh  
Giờ ngó lại bốn vách tường ử rừ*

*Suốt nguồn xa ngược nước xuôi nguồn.*

Rồi từ đó, xuôi ngược, trải qua bao nhiêu thác ghềnh, biển cổ của quê hương, xứ sở, mỗi người một ngã, hàng vạn lối chông gai; tuy nhiên người viết vẫn còn cái duyên tao ngộ với Thầy, mà trải qua bao năm tháng cùng Thầy làm việc, phiên dịch đánh máy kinh điển, Trung A Hàm, sưu tra tuyển tập Nikaya - A Hàm, Kinh Pháp Cú... tại thư viện Phật Học Viện Nha Trang. Tất cả những kỷ niệm đó còn đậm nét trong tâm khảm để đến hôm nay được tiếp tục những gì còn dang dở của một thời đèn sách, miệt mài bút nghiên.

Sau khi Viện Cao Đẳng Hải Đức Nha Trang đóng cửa như đã nói trên. Ôn Già Lam vẫn mang hoài bão phụng sự, giáo dục thế hệ trẻ. Để hoàn thành ước nguyện đó, Thầy là một trong những người nòng cốt cho sự tiếp nối chương trình cao cấp bốn năm của lớp học thành, trải qua bốn năm vừa làm việc vừa học hành trong sự lo lắng mà nhiều đêm cả chùa chẳng ai ngủ được, vì công an soát hộ khẩu một hai giờ khuya, anh em học Tăng phải leo lên trần nhà để trốn.

### **CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN KẾT ÁN TỬ HÌNH HAI THƯỢNG TỌA THÍCH TUỆ SỸ - PHẠM VĂN THƯỜNG VÀ THƯỢNG TỌA TRÍ SIÊU - LÊ MẠNH THẮT**

Một buổi sáng mùa xuân, cuối tháng 3 năm 1984, khi trời êm ả, cảnh vật êm đềm, tĩnh lặng cũng như bao nhiêu thời khóa công phu và lạy Sám mỗi sáng. Ôn Già Lam và đại chúng xong thời lễ tụng 108 biến Hồng danh. Về phòng, Ôn uống trà và điểm tâm. Sau giờ điểm tâm, là việc làm thường nhật, tưới nước, quét sân, cho cá ăn... Nhưng sáng hôm nay Ôn đã không làm việc đó, vì có lệnh công an mời lên họp trên Mật Trận Tố Quốc, do vậy Ôn đi từ sáng sớm. Sau khi Ôn đi rồi thì công an vào soát chùa Già Lam, đồng lúc bên Viện Phật Học Vạn Hạnh cũng bị soát. Họ, công an, bắt quý Thầy vào ngồi phòng khách, không được đi lại, một số công an khác lên phòng Thầy Tuệ Sỹ và Nguyên Giác kê hai Thầy lên xe và chở đi, không nói một lời từ biệt. Và bên Vạn Hạnh cũng không khác, cùng một thủ thuật, họ bắt Thầy Trí Siêu và Thầy Như Minh cũng kê ra xe rồi chạy mất. Có điều thật dễ thấy là mạng lưới công an đã bao vây chùa Già Lam và Vạn Hạnh từ sáng sớm, cũng như họ đã toan tính trước, vì vậy, bên chùa Già Lam thì họ mời Ôn đi họp sớm, còn bên Vạn Hạnh thì Ôn Minh Châu cũng đã đi họp mấy hôm ở

Hà Nội, cho nên cả hai đều vắng mặt hai Ôn, mục đích để họ dễ bề hành sự.

Nói đến Thầy Thích Trí Siêu - Lê Mạnh Thát, một sử gia, một nhà văn hóa lớn, một học giả uyên bác, tinh thâm ngôn ngữ học, Phật học. Người viết cũng đã một thời gian làm việc với Thầy tại thư viện Vạn Hạnh, 1981-1984, công trình khảo cứu, sưu tra làm bộ bách khoa Phật Học Đại Từ Điển cho Ôn Già Lam. Thầy cũng bình dị không kém gì Thầy Tuệ Sỹ, cuộc sống đơn sơ của một nhà đạo sĩ. Vóc người nhỏ, vôi vàng trán cao, bóng nhụi, biểu lộ một sự thông minh xuất chúng. Dáng đi của Thầy, không giống như người thường, đôi tay hơi khung lên và xăm xăm tối, chữ viết của Thầy còn khó đọc gặp mấy lần chữ viết của Thầy Tuệ Sỹ. Có lần Sư cô Huệ Khướng, thư ký đánh máy tại thư viện, người đã bị bắt cùng ngày với quý Thầy, đọc bản thảo của Thầy không hiểu, cô hỏi Thầy, Thầy trả lời: "*Chữ nghĩa văn chương là của con người, sao lại không hiểu?*", bằng giọng Quảng Trị khó nghe, rồi Thầy tiếp tục đọc, viết, không nói gì nữa, cô Khướng cũng chẳng dám hỏi thêm. Thầy làm việc thật cặm cụi, có những đêm thức trắng bên chõng kính, sách, sử liệu cổ. Thầy không ngừng phát kiến, lục đạo những chứng tích, di tích xa xưa, mà một thời đã bị mai một. Địch thân Thầy đi về các ngôi chùa cổ ở miền Tây, hay miền Trung, để đọc lại những bản kinh, lịch sử được viết tay bằng chữ Nho, mà theo năm tháng gần như mực nát, những đó chính là những tài liệu vô giá trong công trình khảo đính văn học sử, lịch sử Phật Giáo Việt Nam. Qua những công bố những sử học mới nhất của Thầy, ngay cả Bộ Văn Hóa Hà Nội cũng phải tham kiến với Thầy, dù họ chẳng ưa gì những sự khám phá mới mẻ này. Vào những năm đầu sau ngày 30.4.1975, Bộ Văn Hóa Thành phố Hồ Chí Minh mời Thầy công tác, giảng huấn, nhưng sau một thời gian, họ thấy trí tuệ của Thầy vượt họ quá xa, sự hiểu biết lịch lãm, kinh nghiệm chuyên môn sâu sắc, nên thôi, và cũng từ thời gian đó, công an theo dõi Thầy cho đến ngày Thầy bị bắt và bị kết án tử hình. Có lần Thầy ra Phật Học Viện Nha Trang, cùng Thầy Tuệ Sỹ, hai người đi bộ xuống biển rồi chiều về, đi ngang qua Sở công an thành phố, được mời vào ngủ lại đêm, sáng mời về. Hỏi ra, Thầy nói: "*Họ không biết mình là ai nên bắt nhất một đêm muỗi cắn quá chùng*". Nói xong, Thầy cười tự nhiên.

Ngoài thiên tư, bẩm chất của một nhà sử học, đạo học, nghiên tầm Đại Tạng kinh điển. Thầy còn là một Bác sĩ Y khoa tốt nghiệp tại Hoa Kỳ, mà qua thời gian thân phụ Thầy là Ôn Trí Lưu, Giám tự Linh Mục, Huế, bệnh nằm trong

phòng Thầy, Viện Vạn Hạnh, tự tay Thầy chăm sóc thuốc men, cơm cháo. Thầy cùng thân phụ là đệ tử của cố Đại Lão Hòa Thượng Chánh Thủ Kỳ kiêm Xử Lý Viện Tăng Thống, Hòa Thượng Thích Đôn Hậu.

Thân thế và sự nghiệp của hai Thầy khác hẳn với tất cả mọi người. Thầy Tuệ Sỹ là đệ tử của Hòa Thượng Viện Trưởng Viện Hóa Đạo Thích Trí Thủ, có một sự nghiệp văn học lung lay, giáo pháp thông suốt, liễu tri, thờ văn đầy ắp trong tư tưởng. Còn Thầy Trí Siêu như trên đã nói, cả hai là những ngôi sao sáng dưới bầu trời Việt Nam, là tinh hoa nước Việt, là những cây bút tác việt, tuyệt luân của Phật giáo, chính những yếu tố đó mà hai bản án tử hình đã tròng vào cổ hai Thầy. Cộng Sản không thể làm ngờ và để tự do cho những con người ưu tú như vậy. Đọc lịch sử hình thành từ những ngày đầu tiên của Cộng sản Quốc tế, đến đường lối xây dựng xã hội chủ nghĩa Việt Nam hôm nay, ai cũng thấy tầng lớp công nông đứng lên cướp chính quyền, đấu tố giai cấp thượng lưu, trí thức, địa chủ, phú thương. Do vậy, sự hiện diện của hai Thầy trong xã hội chủ nghĩa không có lý do gì tồn tại được, mà đã không thể tồn tại được thì chế độ Cộng Sản phải làm gì? Đây là lý do đề ra bản án tử hình. Nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam kết án tử hình hai Thầy là mặc nhiên công nhận với thế giới về việc đàn áp Phật giáo.

Ngay sau ngày 30.4.1975, Cộng sản đã ra lệnh tịch thu tất cả sách báo miền Nam trước 30.4.1975 từ mọi lãnh vực: triết học, kinh tế, chính trị, tôn giáo, xã hội, âm nhạc... họ cho rằng sách báo của miền Nam là bồi bút của "Mỹ-Ngụy", chất chứa những tư tưởng phong kiến, đồi trụy, và bắt phải hủy bỏ. Lúc bấy giờ, vì đau lòng thương tiếc bao công trình văn hóa của đất nước nên nhiều nơi sách vở được cất vào bao bố và đem ra ngoài rẫy cất giấu, thời gian sau coi lại, mỗi một đã ần rách nát. Cộng Sản Việt Nam đã hủy hoại nền văn hóa dân tộc. Đối bút của hai Thầy đã đóng góp một phần không nhỏ cho nền văn học đường đại, khơi dậy một chặng đường lịch sử văn học, sử học và nghệ thuật nước nhà.

Hai con người, bốn hình ảnh, vữa củu mang sứ mệnh con dân tộc Việt, đang đứng trước vực thẳm của thời đại mới, thời đại hủy diệt, tàn phá, lạc hậu, bần cùng và nghèo đói; hai Thầy phải làm gì cho sự tồn vong của đất nước? Vừa gánh nặng trên vai cộng cuộc khai phá và phát huy con đường giáo pháp "Duy Tuệ Thị Nghiệp" để tiếp nối ngọn đèn chánh pháp mà mấy ngàn năm qua, Tổ Tổ tướng truyền, trong sứ mệnh của người tu sĩ Phật giáo. Dân tộc lâm than, đang sống dưới sự dọa dẫm ép của chế độ, hai Thầy cũng

không thể đành lòng ngó lơ. Đạo pháp trong cơn pháp nạn, hai Thầy không thể bỏ gối xuôi tay. Hai Thầy đã thể nhập vào đời, như hình ảnh Thiên sư chống tích trượng xuống núi, đem tâm thân già tạc hiến dâng cho đại cuộc. Ngày hai Thầy bị bắt mang đi và kết án tử hình, là ngày chế độ Cộng Sản Việt Nam tuyên bố cho thế giới biết rằng: Xã hội chủ nghĩa Việt Nam không gìn giữ chủng tích sử học, không thừa truyền nền văn hóa dân tộc, tự phát bởi những tấm lòng, ước mơ xây dựng một nền văn hiến, văn phong cho đất nước. Bản án đó đã hủy diệt những danh tài trẻ tuổi với nhiều ước mơ và lý tưởng siêu xuất khỏi chốn đọa đày, nô lệ hóa của xã hội chủ nghĩa. Vì lửa tuổi của hai Thầy đại diện cho tầng lớp thế hệ trẻ, mang nhiều hoài bão, vướn đôi tay ôm choàng Tổ Quốc vào lòng, bằng khối óc no tròn tình tự nòi giống tổ tiên.

Bản án tử hình hai Thầy đã đánh động lòng tâm thế giới, khiến mọi người từ quốc nội đến hải ngoại, từ Liên Hiệp Quốc đến Hội Ân xá Quốc Tế, tất cả đều lên tiếng yêu cầu nhà nước Cộng Sản Việt Nam phải hủy bỏ bản án tử hình phi nhân, vô đạo. Cộng Sản Hà Nội kết án tử hình hai nhà tu sĩ Phật Giáo, những người đã nuôi dưỡng lòng tử bi, mang tình thương, ban vui cứu khổ; khơi dậy ngọn đuốc trí tuệ, thắp sáng đến tận cùng tự mỗi lương tâm của con người. Đối với hai Thầy, những người mang đạo tâm vì dân vì nước thì bản án đó có nghĩa gì khi phải hy sinh thân mạng trên nền tảng chân lý, cứu khổ độ mê. Chết để cho bao người được sống, để làm viên sỏi lót đường cho bao người bước tới. Chết như là tiếng sóng ngầm của đại dương làm các loài thủy tộc tỉnh giấc mở hóa rồng thiêng bay cùng mây trắng. Chết như cơn địa chấn làm sụp đổ mặt đất này. Người đã đứng trên đỉnh núi Lăng Già của A Bà Tu La Vương, dùng mọi thủ ngôn ngữ, văn từ, thi ca, âm nhạc để tự trang nghiêm mình, trang nghiêm quốc độ, cùng với sinh mệnh hơn 70 triệu dân, vì lòng Bi nguyện, hai Thầy có sức tự tại bằng giá trị thực nghiệm Tánh Không, thì bản án tử hình có làm run rẩy chân lông, sợi tóc? Hai Thầy đã liễu giải nhơn pháp đều vô ngã, phiền não và sở tri, thanh tịnh tịnh không, mà sanh khởi lên tâm đại bi. Nếu không vì đại bi tâm, thì hai Thầy đâu cứu mang từ tội, nhưng tất cả chỉ vì hoa đốm giữa hư không, mấy chốc có không, thiên, thiên lưu thiên biến.

Chế độ Cộng Sản đã không thấy rõ thực chân, thực tướng dòng máu Đại Cồ Việt. Dòng máu của chú anh linh Thánh Tử Đạo, đã tuổi lên từng ngọn cỏ, đọt cây làm xanh tươi non sông gấm vóc. Lý tưởng tử đại giai không, đem nắm xương tàn bón phân hoa lá

cũng có ích cho đất trời mù khơi, sương tuyết. Tất cả đều cứu mang từ tính vô tình và hữu tình đồng thành Phật đạo, thì đâu sa gì một chút còn con sanh đi từ độ. Chỉ có Cộng Sản mỗi chấp thủ, bảo thủ, định thủ những tư kiến chủ nghĩa của cái nhìn không qua khỏi mũi cho nên củu mãi ghim chặt súng đạn, gươm đao, và cho đó là sức mạnh vô cực đối kháng để bảo tồn danh vọng, địa vị. Sự sát hại xem như cứu cánh, kết án tử hình xem như giải pháp tối thượng thì đó chính là ảo ảnh của lương trí, mà trước mặt là hố sâu đưa cả chế độ xuống vực thẳm. Một thế giới mù lòa vì không có văn hóa, văn học, văn phong, văn mỹ. Xã hội chủ nghĩa Việt Nam chưa hề có một nền văn hóa thuần túy dân tộc, phụng sự cái hay, cái đẹp, cái thanh cao, tinh khiết con người. Họ giết người vì tự ái thua kém của mình. Giết người để thấy cái khôn của người không còn phải chúng kiến, chưởng tai gai mắt. Giết người là để chôn đi hết mọi chủng tích của sự hiểu biết, thông minh, trí thức con người. Và họ giết người vì không cùng đường hưởng, chủ trương với chế độ. Bản án tử hình năm xưa, 1988, nơi hai Thầy là chứng nhân một oan nghiệt của chế độ Cộng Sản Việt Nam mà mãi mãi ngàn sau, qua những dòng lịch sử dân tộc, đàn cháu con, hậu sinh sẽ biết thế nào là tội trạng của chế độ Cộng Sản đối với Phật Giáo.

Suốt một dòng lịch sử dân tộc và đạo pháp, trải qua những chặng đường thăng trầm, vinh nhục của đất nước, mấy nghìn năm qua có thể nói thời đại Cộng Sản Việt Nam là thời đại đầu tiên tuyên án tử hình đối với giới tu sĩ Phật giáo mà hai Thầy đã phải nhận lãnh. Bản án tử hình cũng nói lên sự thật cho mọi người biết rằng: **Có chế độ xã hội chủ nghĩa thì không có Phật Giáo, hoặc nếu có để chỉ để làm vì.** Cộng sản đâu biết rằng tử ngục nước đầu nguồn, cha ông, tổ tiên đã ẩn trái cây giải thoát của Phật Giáo, đã uống dòng nước thanh hương từ bi của đạo Phật mấy nghìn năm qua, mà ngày nay là đàn con cháu lại nhổ gốc cây, bứng tận rễ, tát cạn suối nguồn, quấy phá tanh hôi. Người ta thường nói: "Con hôn cha là nhà có phúc", nhưng quê hương Việt Nam thật kém phúc, vì nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam đã làm đảo lộn mọi trật tự gia đình, xã hội, mọi đạo đức, lễ nghĩa. Họ đã hủy hoại mọi nền tảng lễ nghi, nhân phẩm đến văn hóa, văn học, văn minh của dân tộc qua những hành động áp bức, khủng bố, vô nhân và hủy diệt tất cả sách báo miền Nam. Cộng Sản Việt Nam đã làm hoen ố những trang sử Việt. ●

■ Thích Nguyên Siêu

# Câu chuyện Y HỌC

Bác Sĩ Trưởng-Ngọc-Thanh &  
Được Sĩ Trưởng-Thị Mỹ-Hà

## Viêm-sung gan do siêu vi trùng (Virus-Hepatitis)

### Ý nghĩa việc tiêm chủng ngừa hepatitis A và B

**T**hời gian thật ngắn ngủi, từ lúc bệnh nhân được chuyển vào bệnh viện cho đến khi được tin báo của đồng nghiệp cho biết là "không còn kịp nữa", chỉ kéo dài được hơn 2 tháng.

Bệnh nhân của chúng tôi ở vào lứa tuổi 30, còn rất trẻ không có tiền-án-bệnh đáng kể. Lần tìm đến Bác sĩ sau cùng với "triệu chứng chung chung": mệt mỏi, hơi bị mất ký, thỉnh thoảng đau ở bụng về bên phải, hay toát mồ hôi, ăn kém ngon, có khi sốt đến 38,5 độ C, đau nhức ở bắp thịt... như những lần cảm cúm khác. Khi khám nghiệm, điều gây sự chú ý cho chúng tôi là tròng trắng mắt bệnh nhân hơi vàng. Khám nghiệm siêu âm ghi nhận gan to hơn bình thường nhưng không đáng kể. Kết quả thử nghiệm máu cho thấy khả năng đông máu giảm rõ rệt, các dấu tổ gan (Transaminasen) GPT, GOT, AP và Bilirubin tăng đến đáng ngại. Khám nghiệm huyết học siêu vi trùng B, tiếp theo, cho thấy HBs Ag, Anti Hbc IgM và Hbe Ag. Dù được chuyển viện và điều trị kịp thời nhưng do các tế bào gan mất hoạt động ở dạng tiền cấp tính (subakutes Leberversagen), những ngày sau cùng bệnh nhân ở trạng thái hôn mê do nhiễm độc máu, cũng như gây đến việc thận mất khả năng lọc máu...

I. Các dạng thái, triệu chứng và cách điều trị viêm-sung gan do siêu vi trùng

Bên cạnh các tác nhân gây viêm, sung, số cứng gan như rượu, độc chất (Isoniazide, Paracetamol), ký sinh trùng (sốt rét, sán lá, thường hàn), phản ứng viêm gan do tự nhiễm (Autoimmunhepatitis), siêu vi trùng (Coxsackie, Lassafieber, Zytomegalie...), nấm độc (Knollenblätter-pilz = Amanita) thì các nhóm siêu vi trùng A, B, C, D, E và G có ý nghĩa dịch học và bệnh học đáng kể. Đến nay, người ta biết được 6 nhóm chính kể trên dựa vào thành phần cấu trúc của Acid nhân, đường truyền bệnh, dạng gây bệnh.

Tùy vào khả năng hoạt động của hệ thống kháng thể, sức đề kháng cũng như những liên hệ cấu trúc di truyền giữa siêu vi trùng và cá thể bị nhiễm, Hepatitis xuất hiện ở các dạng thái khác nhau, từ nhẹ với triệu chứng như bị cảm cúm, cho đến gây tử vong do gan bị thoái biến mất khả năng hoạt động. Thường thì qua 3 giai đoạn:

- **Giai đoạn đầu:** Với các triệu chứng như kém ăn, mệt mỏi, buồn nôn, ói mửa hoặc sốt. Không thêm thuốc lá dù nghiệm, vài thay đổi ở da như ngứa ngáy nổi mẩn đỏ, đau nhức khớp.

- **Giai đoạn vàng da:** Sau đó độ một tuần, thì da bị nhiễm vàng, đầu tiên ở tròng trắng mắt, nước tiểu có màu đậm và phân màu nhạt đến trắng. Lúc này bệnh nhân cảm thấy dễ chịu hơn, gan to và đau ở vùng gan. Thời gian này thường kéo dài từ 1 đến 2 tuần.

- **Giai đoạn bình phục** tiếp theo sau, xảy ra ở 90% trong số bệnh nhân. Số còn lại (10%) chuyển sang hoặc giai đoạn mãn tính tiềm ẩn (persistierende Hepatitis) hoặc mãn tính hoạt động (chronisch aktive Hepatitis). Số bệnh nhân này thường là mầm truyền bệnh về sau.

#### A. viêm gan do siêu vi trùng A (HAV, Hepatitis epidemica, Picorna)

**Cấu trúc và dịch học:** Siêu vi trùng A có cấu trúc Acid nhân là vòng xoắn đơn RNA, trước kia được xếp vào nhóm siêu vi trùng đường ruột. Thường tìm thấy trong phân, máu, mật và gan của người bị nhiễm bệnh. Chỉ gây bệnh ở loài người và khỉ. Xuất hiện địa lý và truyền dịch ở những vùng nhất định như ở Châu Á, Ấn Độ, Phi Châu, Địa Trung Hải và Bắc Mỹ. Truyền bệnh trực tiếp từ người qua người, nước uống, hoặc gián tiếp qua đường phân-miệng, chất thải qua nước hoặc qua thực phẩm (hào, sò, ốc...). Siêu vi trùng A chỉ bị hủy diệt ở nhiệt độ cao (100 độ C).

**Triệu chứng:** Thời gian nhiễm bệnh tiềm ẩn kéo dài từ 2 đến 6 tuần.

Có từ 50 - 90% người bị bệnh không có triệu chứng rõ rệt như vàng da. Thường chỉ gây rối loạn tiêu hóa, buồn nôn, kém ăn, mệt mỏi, đau nhức khớp hoặc sốt nhẹ như bị cảm cúm.

Sau khi nhiễm bệnh thường bệnh nhân được miễn nhiễm suốt đời (lebenslange Immunität).

**Định bệnh:** Xét nghiệm máu (Transaminasen, Bilirubin, Blutbild, yếu tố đông máu). Ba tháng sau khi nhiễm bệnh nhân còn thải ra siêu vi trùng A qua đường phân.

**Điều trị:** Bệnh không chuyển qua thời kỳ mãn tính hoặc ác tính gây nguy hiểm đến tính mạng như ở siêu vi trùng B. Có thể dùng các loại thuốc chống nôn mửa, giảm đau quặn (Buscopan®, Vomex®). Cần nghỉ ngơi tĩnh dưỡng, ăn uống các thức ăn nhẹ, ít mỡ, kiêng rượu. Trong thời gian cấp tính, bệnh nhân phải cách ly với người chung quanh.

#### B. Viêm gan do siêu vi trùng B (HBV = Inokulationhepatitis, Hepadnaviridae, Serumhepatitis)

**Cấu trúc và dịch học:** Acid nhân với cấu trúc vòng xoắn đôi DNA chỉ bị hủy hoại ở nhiệt độ cao và thật lâu, trước đây người ta tìm thấy ở nhóm siêu vi trùng này có liên hệ họ hàng với siêu vi trùng tìm thấy ở Vịt Bắc Kinh, loài sóc đất. Đường truyền bệnh chủ yếu trực tiếp qua máu (truyền máu và các sản phẩm từ máu, dụng cụ y khoa, kim xăm mình, chích ma-túy cùng một kim) hoặc tiếp xúc trực tiếp (giao hợp). Cũng có sự truyền bệnh qua việc ăn uống chung, xử dụng chung bàn chải đánh răng, hôn nhau... dù rất hiếm, được mô tả đến. Trong tất cả các dịch thể của bệnh nhân (máu, nước miếng, mật, tinh trùng, nước tiểu) đều tìm thấy kháng sinh HBs Antigen.

Người mẹ truyền bệnh cho trẻ sơ sinh trong lúc sanh đẻ. Về sau, nhóm trẻ em này thường mang bệnh mãn tính. Do thế sau khi sanh các trẻ sơ sinh này phải được chủng ngừa hoạt động và thụ động.

Ở Châu Á, những vùng Địa Trung Hải tỷ lệ dân bị nhiễm siêu vi trùng B lên đến 80%. Ở đây câu hỏi được đặt ra, có thể ruồi, muỗi và các ký sinh trùng khác là đường truyền bệnh gián tiếp chăng? ngoài đường truyền bệnh trực tiếp từ người qua người hoặc qua các dứa phẩm biến chế từ máu (qua đường tình dục đặc biệt ở nhóm mai dâm, đồng tình luyến ái, chích ma-túy. Nhóm bệnh nhân phải nhận các dứa phẩm từ máu, phải lọc máu, các tù nhân sống chung một phòng, trong gia đình có người mang bệnh mãn tính, qua người mẹ trong lúc sanh đẻ...).

**Dạng thái bệnh lý:** Tùy sức đề kháng của từng cá thể, Hepatitis chuyển dạng ở các hình thái khác nhau như: mang mầm bệnh không có triệu chứng, nhiễm cấp tính, chuyển sang giai đoạn mãn tính gây chai gan hoặc ung thư gan cho đến ác tính gây chết người trong thời gian ngắn.

Trong nhóm bị viêm mãn tính, thì bệnh chai gan (Leberzirrhose) có thể phát triển sau 15 năm sau đó.

Có sự kiện chưa giải thích được, có những liên hệ nào giữa các bệnh nhân bị viêm nhiễm mô liên kết và sưng mạch (Kollagenose mit Panarteritis) và siêu vi trùng B, do việc tìm thấy trong mô liên kết của nhóm bệnh nhân này có các Antigen siêu vi trùng B.

Cá thể bị nhiễm gan siêu vi trùng B mãn tính thường không có triệu chứng rõ rệt. Acid nhân của siêu vi trùng B được chuyển nhập vào các tế bào gan bị nhiễm. Việc này tác tạo những biến đổi cấu trúc di truyền và gây ung thư ở những tế bào gan này (Hepatozelluläres Karzinom).

**Triệu chứng và cách định bệnh:** Như ở Hepatitis A, khi bị vàng da bệnh nhân cảm thấy dễ chịu hơn.

Trong huyết thanh hiện diện HBs Ag, HBe Ag, Anti HBc - Ig M trong thời gian cấp tính. Sau đó 10 tuần có sự xuất hiện Anti-HBe.

Từ lúc nhiễm bệnh đến phát bệnh kéo dài từ 1 đến 6 tháng.

Bệnh nhân thường không bị cách ly như ở Hepatitis A.

**Điều trị:** Tăng sức đề kháng của cá thể qua việc ăn uống, nghỉ ngơi, dinh dưỡng. Cung cấp các sinh tố, khoáng chất cần thiết, kiêng các loại rượu bia. Không được dùng các loại thuốc như: Barbiturate, Cumarine, Immunsuppressiva, Phenylbutazon.

Trong giai đoạn mãn tính hoạt động, dựa vào kết quả xét và thử nghiệm máu, tế bào gan (Biopsie) điều trị kết hợp với Alpha-Interferon (Intron A ®, Roferon®) và Nucleosidanaloga như Fanciclovir ợ hoặc Lamivudin ợ, kéo dài qua nhiều tháng. Điều trị với Somatostatinanologen (Octreotid ®) kéo dài được thời gian sống trong giai đoạn ung thư.

Các được thảo trích từ Mariendistelfrüchten như Silymarin (Legalon ®, Silicur ®), được chất Ornithiaspartat (Hepa-Merz ®) cũng gây ảnh hưởng tốt với khả năng hoạt động của gan.

**C. viêm gan do siêu vi trùng c (HVC, Flavivirus, Non-A-Non-B-Hepatitis)**

Acid nhân dạng xoắn đơn RNA, truyền bệnh chủ yếu qua đường máu và dịch thể.

Thời gian tim bệnh từ 2 tuần đến 6 tháng.

Có đến hơn nửa số bệnh nhân chuyển qua thời kỳ mãn tính và gây đến tử vong.

Cho đến nay chưa có thuốc chủng ngừa.

Trong máu bệnh nhân có HCV - RNA gây truyền nhiễm cao.

Vì kháng thể Anti-HCV được tạo ra sau khi bị nhiễm bệnh sau 3 tuần, nên phải kiểm soát thử nghiệm máu nhiều lần để tìm bệnh.

Có liên hệ giữa ung thư gan sau khi nhiễm Hepatitis C.

Cách điều trị như ở Hepatitis B, hiện có 6 dạng thể di truyền khác nhau.

#### **D. Viêm gan siêu vi trùng D (Hepatitis D)**

Chỉ tìm thấy ở bệnh nhân đã bị nhiễm siêu vi trùng B.

Thường có ở vùng Địa Trung Hải, Balkan, Amazonas, Á Châu Cận Đông.

Cho đến nay, điều trị với Alpha-Interferon chỉ có giá trị tạm thời.

Siêu vi trùng D có cấu trúc Acid nhân RNA không toàn phần.

Thời gian tim bệnh từ 1 đến 6 tháng.

#### **E. Viêm Gan siêu vi trùng E (Calciviridae, HEV)**

Dạng cấu trúc nhân vòng xoắn đơn RNA. Truyền qua đường phân - miệng (fäkal-oral) như Hepatitis A.

Thời gian tim bệnh từ 10 đến 60 ngày.

Thường xuất hiện ở Ấn Độ, Nepal và Rußland, cũng như ở vài nước Phi Châu và Mexico.

Triệu chứng gây tái sốt cao độ, cách nhật giống như sốt rét, đau bụng, tiêu chảy, ói mửa. Đến nay cho thấy tử vong thường ở phụ nữ trong thời gian thai nghén (từ tháng thứ 6).

Trong máu xuất hiện Anti-HEV.

Thường thì bệnh nhân lành bệnh và không chuyển qua thời kỳ mãn tính.

Biện pháp ăn kiêng, giữ gìn sức khỏe và tăng cường thể lực xem là cần thiết.

#### **F. viêm gan do siêu vi trùng G (HGV)**

Siêu vi trùng G có liên hệ họ hàng với Hepatitis C.

Cấu trúc RNA.

Truyền bệnh qua đường máu, trong lúc sanh đẻ, hoặc qua đường tình dục.

Không gây chết người, không chuyển sang dạng mãn tính..

## **II. Cách tiêm chủng ngừa viêm gan do siêu vi trùng A, B.**

Cho đến nay chỉ có thuốc chủng ngừa siêu vi trùng A và B. Ngoài cách phòng tránh tiếp xúc trực tiếp, điều kiện vệ sinh, chủng ngừa được xem là biện pháp hữu hiệu nhất.

Thường thuốc tiêm chủng chỉ gây phản ứng nhẹ nơi vùng tiêm. Tiêm chủng dưới hình thức hoạt động và thụ động.

**1. Chủng ngừa Hepatitis A:** Vi siêu vi trùng A không có ở dạng mãn tính, gây chết người và tỷ lệ biến chủng gây ra do sự hủy hoại tế bào gan rất thấp (< 1%) cũng như được truyền bệnh chủ yếu do thực phẩm, nước uống không nấu chín kỹ nên việc tiêm chủng không cho là cần thiết lắm. Tại Đức, khuyến cáo tiêm chủng chỉ dành cho những người đi du lịch ở những xứ nhiệt đới với điều kiện vệ sinh thấp kém (Châu Á, Phi Châu, Nam Mỹ, Địa Trung Hải).

Thuốc chủng thụ động Immunglobulin G tử huyết thanh người như Beriglobin ® tiêm một mũi, hiệu quả nhanh, hoặc hoạt động như Vagta (Havrix ®) chứa chất Đạm bất hoạt động, tiêm 2 lần (mũi đầu 2 tuần trước khi đi du lịch, mũi thứ 2 sau đó 6 tháng). Có giá trị bền vững lâu dài (độ 10 năm).

Cho đến nay, cá thể được tiêm chủng phải tự chi trả phí tổn này.

Bệnh nhân đã nhiễm Hepatitis C và B, bị bệnh gan, cần được tiêm chủng A. Cũng như cá thể đến hoặc đã ở những vùng nhiễm Hepatitis A.

**2. Chủng ngừa Hepatitis B:** Từ năm 1982, khi thuốc chủng ngừa Hepatitis B được cho phép sử dụng trên CHLB Đức thì chỉ có những người hành nghề liên quan đến y dược (Bác sĩ, Y tá, Nghiệm chế viên phòng thí nghiệm, khám nghiệm máu...) cũng như các bệnh nhân (phải nhận máu hoặc thành phần trong máu, bệnh nhân lọc máu...) được tiêm chủng Hepatitis B miễn phí. Các nhóm người khác phải tự trả chi phí này.

Bệnh viêm gan siêu vi trùng chịu sự kiểm soát trực tiếp của các Sở Y Tế địa phương trực thuộc.

Cho đến nay việc tiêm chủng miễn phí tại Đức chưa được thực hiện. Đây là một lầm lẫn lớn và là một tiết kiệm không đúng chỗ.

Dù có khuyến cáo của Tổ chức Y tế thế giới (WHO) từ năm 1992, cho mãi đến tháng 10.1995 Ủy ban Tiêm ngừa Thường trực Liên Bang (STIKO) mới có chương trình tiêm chủng ngừa Hepatitis B cho trẻ sơ sinh sau tháng thứ 3 và trẻ em trên 11 tuổi, miễn phí.

Hiện nay tỷ lệ nhiễm bệnh trên thế giới lên tới mức báo động, hơn 300 triệu, nhiều nhất ở các sắc dân Châu Á, Phi, Nam Mỹ cũng như Nam và Đông Âu. Ở Đức hàng năm có thêm độ 25.000 trường hợp nhiễm Hepatitis B. Tiền thuốc và phí tổn cho một bệnh nhân Hepatitis ở giai đoạn cấp tính có thể lên tới 5.000 Đức Mã cho một ngày.

Dựa theo nguyên tắc chủng ngừa hoạt động, thành phần thuốc chủng B là kháng sinh bề mặt bất hoạt động của siêu vi trùng B (HBs Ag).

Trong gia đình có người bị Hrpatisit thì tất cả các thân nhân phải được tiêm chủng ngừa và kiểm soát.

#### **Liều lượng và cách tiêm chủng:**

Với Gen H - B - Vax ®, Engerix B ®, gồm 3 mũi tiêm với thời gian cách nhau là 4 tuần và 6 tháng sau mũi tiêm đầu (hoặc 3 lần cách nhau một tháng). Thuốc được tiêm sâu vào bắp thịt bả vai hoặc bắp thịt đùi ở trẻ em.

Thường thì có đến 60% cá thể có đủ kháng thể cần thiết được tạo ra sau mũi tiêm thứ 2. Bốn tuần sau mũi thứ 3 nên kiểm soát Anti-HBs.

Nếu Anti Körperititer > 100 IE/l thì lần tiêm chủng bổ túc độ 10 năm sau đó.

Có những trường hợp, có những cá thể cần được tiêm đến mũi thứ 4 hoặc 5 (< 10 IE/l).

Trong trường hợp bị nhiễm lây cấp tính (bị thương do kim chích của bệnh nhân Hepatitis) ở cá thể chưa được tiêm chủng hoạt động và thụ động.

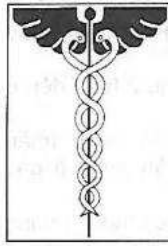
#### **3. Chủng ngừa Hepatitis A và B:**

Thuốc chủng ngừa kết hợp (Twinrix ®) với ưu thế rõ, tiện, chỉ cần 3 mũi. Trong đó siêu vi trùng A ở dạng bất hoạt động với kháng sinh bề mặt của siêu vi trùng B sản xuất qua kỹ nghệ di truyền men.

\*

Biết được tầm quan trọng, ý nghĩa của việc tiêm chủng cũng như các biến chứng và hậu quả của việc truyền bệnh do các nhóm siêu vi trùng gan, cho đến nay, chủng ngừa vẫn là phương thức hữu hiệu nhất để ngừa chống siêu vi trùng viêm gan.

Các dược phẩm dùng điều trị thường kèm theo các tác dụng và biến chứng phụ và kết quả điều trị tùy thuộc vào từng cá thể, cho đến nay vẫn chưa đạt được ở mức khả quan và hứa hẹn lắm. ●



# Trang Y Học

## CHẤT CHỐNG OXY HÓA LÀ GÌ ?

Chất chống oxy hóa là chất có tác dụng bẻ gãy phản ứng dây chuyền sinh hóa tạo ra qua các gốc tự do trong cơ thể, cản trở sự nguy hại cho tế bào. Chất chống oxy hóa chống lại kẻ thù hung hăng tấn công các tổ chức, cơ cấu của bắp thịt, xương, mô trong cơ thể. Nó nắm bắt lấy các gốc tự do trước khi có tác nhân này gây hại. Bởi vì các gốc tự do là những phân tử hay nguyên tử thiếu một âm điện tử (electron), vì thế chúng hành động hung hăng qua phản ứng hóa học cướp giật lấy âm điện tử của các phân tử láng giềng lân cận để phản ứng dây chuyền tiến triển, nó tấn công cấu tạo tế bào (chất béo, chất đạm). Gốc tự do như là tác nhân dẫn đến bệnh ung thư, xơ cứng động mạch, đục thể thủy tinh, tăng quá trình lão hóa.

Cơ thể con người không thể nào tránh khỏi sự tạo thành gốc tự do, vì gốc tự do xuất hiện tự nhiên trong quá trình trao đổi chất tế bào, phân chia tế bào. Thông thường các cơ quan trong cơ thể ngăn chặn kim hãm những phân tử hung hăng gốc tự do này bằng chất chống oxy hóa trong đó được kể đến là chất điều tố (Enzym) như Superoxiddismutase và glutathionperoxidase, vitamin E, vitamin C, beta Caroten (tiền vitamin A).

### Vitamin bảo vệ cơ thể ra sao ?

Beta Caroten chuyển các gốc tự do thành dạng nhiệt năng. Vitamin E có tác dụng bảo vệ thành phần chất béo màng tế bào, acid béo, đặc biệt các thành phần này là nạn nhân của gốc tự do, vitamin E bổ sung cung cấp chính âm điện tử của nó cho gốc tự do. Bù lại, vitamin C làm tái sinh vitamin E bằng cách cung cấp một âm điện tử và bản thân nó không hề trở thành gốc tự do.

Khi cơ thể có sự rối loạn cân bằng như khi sự tạo thành nhiều gốc tự do hay số lượng chất chống oxy hóa trong cơ thể giảm. Nguyên nhân sự tăng gốc tự do có thể do hút thuốc và một số dược phẩm, do tia nắng mặt trời, ozon và

không khí ô nhiễm, viêm sưng kinh niên (mãn tính), nhiễm trùng, sự chịu đựng lo âu bất thường cơ thể. Nguyên nhân sự giảm chất chống oxy hóa có thể do thiếu một vitamin, dinh dưỡng không đúng, nhưng cũng có thể do bệnh bộ phận tiêu hóa. Trong những trường hợp này cần bổ sung vitamin cho cơ thể.

### ● QUỲNH HOA sưu tầm

#### Lời Tòà Soạn:

*Chúng tôi vừa mới nhận được 3 Toa Thuốc do ông Lý Thiếu Cào sưu tầm và dịch ra Việt ngữ gửi tặng :*

1. Toa thuốc hiệu nghiệm trị bệnh Tiểu Đường
2. Toa thuốc hiệu nghiệm trị bệnh Huyết Áp Cao
3. Toa thuốc hiệu nghiệm trị bệnh Phong Thấp

Chúng tôi mỗi kỳ báo (kể từ VG số 119) sẽ lần lượt cho đăng một toa thuốc để quý vị độc giả tùy nghi sử dụng và chúng tôi cũng thay mặt độc giả báo Viên Giác xin cảm ơn ông Lý Thiếu Cào.

## Toa thuốc hiệu nghiệm trị bệnh tiểu đường

(Tại Bệnh viện Nhân Dân Bắc Kinh)

Hồng đơn sâm	4 đồng cân
Đông trùng thảo	4 "
Lão thực địa	4 "
Chính hoài sơn	4 "
Ô bắc thi	4 "
Thò ty tử	3 "
Thiên y	2 "
Xích tiểu đậu	6 "
Kim cầu tích	6 "
Thù ô phiến	6 "
Trí mẫu	4 "
Mạch đông	3 "

Dùng 3 bát nước đun sôi 8 phút, cách ngày uống 1 thang, uống liền 3 thang.

*Cảm nhận*

# về một bài thơ Hán văn của tác giả VŨ KÝ

VÔ ĐỀ

*Hoành khan thành lĩnh trắc thành phong  
Lãnh tử phong thanh hạc lệ đồng  
Ngộ ngã lương bằng tri lý tưởng  
Khắc châu cầu kiếm kỳ nam song  
Tiêu kim thuốc thạch tinh thành sở  
Sơn thủy tri âm đoái nguyệt tông  
Khí tượng vạn thiên hà sở kỳ  
Ưu nhi bất thức tuệ xuân phong*

VŨ KÝ

無題  
風回想楚從忘房  
城喚理南誠月所春記  
測鶴知蘄精兌何慧武  
嶺聲朋劍石音千識  
城風良求鏢知萬不  
看子我良求鏢知萬不  
橫浪遇刻銷山水氣憂

CHÚ GIẢI TỬ NGŨ CỦA TỪNG CÂU

**- Câu thứ nhất:**

Trắc: đo lường, quan sát.  
Tuần tử, Khuyến học:  
*Thí chi do dĩ chi trắc hà dã.*  
Tỷ dụ như thế để đo lường sôngngòi vậy.  
Hán, Dương Hùng, Thái huyện kinh:  
*Dạ tác trắc âm, trú tác trắc dưỡng.*  
Đêm thì quan sát bóng tối (khí âm), ngày thì quan sát ánh  
mặt trời (khí dương).  
Phong:  
-phong khí, phong tục.  
-phong độ, tác phong.  
-thanh thế, khí thế.

**- Câu thứ hai:**

Lãnh tử: người đi đây đó không có nghề nghiệp, sở cử chính  
đáng.  
Phong thanh:  
-phong giáo, phong khí tốt đẹp.  
-danh tiếng, tiếng tăm.  
Hạc lệ: hạc minh, hạc kêu.  
Thế Thuyết Tân Ngũ, Vũ Hối:  
*Lục Bình Nguyên (Cổ) Hà Kiều bại, vị Lữ Chí sở sàm, bị tru.*  
*Lâm hình thân viết: Dục văn Hoa Đình hạc lệ, khả phục đắc  
hồ ?*

Lục Cố thất bại ở Hà Kiều, vì lời tấu sàm của Lữ Chí mà bị  
giết. Đến khi bị hành hình than rằng: Muốn nghe chim hạc  
hót ở Hoa Đình liệu có được nữa không?  
Người sau dùng điển *Hoa Đình hạc lệ*, hay *hạc lệ* để nói lên  
tình cảnh gặp phải nguy hại.  
Dữu Tín, Ai Giang Nam phú:  
*Hoa Đình hạc lệ, khả Hà Kiều chi khả văn.*  
Chim hạc kêu ở Hoa Đình, há có thể nghe tiếng ấy ở Hà  
Kiều.

Hán, Vương Sung, Luận Hành, Biến động:  
*Dạ cập bán nhi hạc lệ, tối tưởng án nhi kê minh.*  
Sắp nửa đêm mà hạc kêu, gần sáng mà gà gáy.  
-Tuy nhiên cũng có thể hiểu bốn chữ phong thanh hạc lệ lấy  
ra từ điển tích sau:

Tấn Thư, Tạ Huyền truyện:  
*Phù Kiên chúng hào bách vạn, liệt trận lâm Phi Thủy,  
Huyền dĩ binh bát thiên thiệp thủy, Kiên chúng bồn hội, khí  
giáp tiêu thuận; văn phong thanh hạc lệ, giai dĩ vi vuông sú.*  
Quân của Phù Kiên hàng trăm vạn, dàn trận ở sông Thi  
Thủy, Tạ Huyền dẫn tám ngàn quân qua sông, quân của  
Phù Kiên chạy vội vứt bỏ áo giáp khi giới; nghe tiếng gió  
tiếng chim hạc kêu, đều cho rằng quân của nhà vua tới.  
Người sau dùng điển này để diễn tả:  
-ngghi sợ rất nhiều.  
-tự kinh hãi phiến nhiều.

**- Câu thứ ba :**

Ngộ: -tướng phùng, không hẹn mà gặp.  
Kinh Thi, Trịnh Phong, Dã hữu mạn thảo:  
*Giải cầu tường ngộ,*  
*Thích ngã nguyện hề.*  
*Gặp nhau yêu thích,*  
*Mãn ý ta chữ.*



-tiếp đãi  
Hán Thủ, tử ngũ, Khoái Thông truyện:  
*(Hàn) Tín viết: Hán ngộ ngã hậu, ngộ khả khả kiến lợi nhi  
bối ân hồ !*  
Hàn Tín nói: Nhà Hán tiếp đãi ta rất hậu hĩ, ta há thấy lợi mà  
vong ơn sao !  
Luồng bằng: -bạn tốt.  
Kinh Thi, Tiểu Nhã, Thường lệ:  
*Mỗi hữu luồng bằng,  
Chung dã vô nhung.*  
Thường có bạn tốt,  
Nhiều không lớn lao.  
Tấn, Đào Tiềm, Đinh vân, thi:  
*Luồng bằng du mạc,  
Tao thủ diên trử.*  
Bạn tốt đi xa,  
Gai dầu mời đứng.  
Lý tưởng:  
tin tưởng vào đạo nghĩa, yên lành tốt đẹp, bình trị...

**- Câu thứ tư :**

Khắc châu cầu kiếm: Đánh dấu vào thuyền tim gươm.  
Lã Thị Xuân Thu, Sát kim :  
*Sở nhân hữu thiệp giang giả, kỳ kiếm tự châu trung dọa ử  
thừa, cử kế kỳ châu viết: Thị ngô kiếm chi sở tông dọa.*  
*Châu chỉ, tông kỳ sở kế giả nhập thủy cầu chi, châu dĩ  
hành hĩ, nhi kiếm bất hành, cầu kiếm nhược thủ, bất diệc  
hoặc hồ ?*  
Có người nước Sở đi qua sông, thanh gươm của người đó từ  
trong thuyền rơi xuống nước. Người đó đánh dấu vào thuyền  
nói: Gươm của ta rơi ở chỗ này. Thuyền ngừng, theo chỗ  
đánh dấu mà xuống nước tìm gươm. Thuyền đi mà thanh  
gươm không đi, tìm như vậy, chẳng là mơ hồ lắm sao?  
Người sau dùng điển này để chỉ tính cố chấp, nông cạn,  
không thông sự tình, câu nệ, không giảng giải đúng thực tế.  
Kỳ: tìm kiếm, cầu mong.  
Trang Tử, Tề vật luận:  
*Bất hồi kỳ thủy chi kỳ sinh hồ.*  
Không hồi lúc trước đã cầu mong sống vậy.  
Nam song: cửa sổ phía Nam.  
Ồ đây tác giả muốn nói đến hình ảnh của bậc nhân quân,  
quân tử ngồi ngoài mặt hướng Nam chẳng?  
Tuy nhiên, nếu kỳ *nam* là tiếng danh từ kép thì có nghĩa là  
cây gỗ trầm.  
*Kỳ nam song* là cửa sổ bằng gỗ trầm.  
Nếu vậy thì chữ kỳ này viết khác hẳn chữ kỳ là tìm, cầu  
mong.

**- Câu thứ năm :**

Tiêu kim: -nấu chảy kim loại  
Hoài Nam Tử, Lãm minh:  
*Nhuộc phù dĩ hỏa tiêu mộc dã, nhân sử tiêu kim, tác đạo  
hành hĩ.*  
Đường như lấy lửa đốt cây vậy. Nhân đây lấy lửa nấu chảy  
kim loại, là nguyên lý thực hành vậy.  
Thuốc thạch: nung đá.  
Thành ngữ: Thuốc thạch lưu kim. Trời nóng tựa như đốt đá  
vàng. Ý nói sự nhiệt tình hăng hái mãnh liệt.  
Hoài Nam Tử, Thuyên ngôn:

*Dại nhiệt thuốc thạch lưu kim, hỏa phát vi ich kỳ liệt.*  
Nóng thật nhiều nung đá chảy vàng, lửa càng thêm mãnh  
liệt.  
Tinh thành: chân thành, thành thật.  
Trang Tử, Ngủ phủ:  
*Chân giả, tinh thành chí chí dã, bất tinh bất thành, bất năng  
động nhân.*  
Đời thật là tinh, thực đến rất mực vậy, không tinh, không  
thực, không cảm động nổi người.  
Vương Sung, Luận Hành, Cảm hư:  
*Tinh thành sở giả, kim thạch vi khuy.*  
Thành thật tăng thêm, đá vàng thì khuyết.  
Sở: phối bày rõ ràng, bày tỏ, chính tề, ngay ngắn.  
Kinh Thi, Tiểu Nhã, Tân chi số diên:  
*Biên đậu hữu sở,*  
Cái biên đựng hạt đậu ngay ngắn.

**- Câu thứ sáu :**

Sơn thủy: -núi và nước. Cảnh vật tự nhiên.  
Văn Tuyển, Nam triều, Tống, Tạ Linh Vận, Thạch bích tinh  
xá hoàn hồ trung tác, thi:  
*Hôn đản biến khí hậu,  
Sơn thủy hàm thanh huy.*  
Sớm tối khí hậu đổi,  
Nước non chứa ánh trong.  
-sông núi. Đồng nghĩa với *Sơn Hà, Giang Sơn*  
-núi cao sông sâu.  
Thành ngữ: *Ca sơn lưu thủy = Lưu thủy cao sơn.* Núi cao  
nước chảy, nước chảy núi cao.  
Liệt Tử, Thang vấn:  
*Bá Nha thiện cổ cầm, Chung Tử Kỳ thiện thính.*  
*Bá Nha cổ cầm, chỉ tại cao sơn. Chung Tử Kỳ viết:  
Thiện tại, nga nga hề nhược Thái Sơn, Chí tại lưu thủy.*  
*Chung Tử Kỳ viết: Thiện tại, duong duong hề nhược Giang,  
Hà.*  
*Tử Kỳ tử, Bá Nha tuyệt huyền, dĩ vô tri âm.*  
Bá Nha giỏi gảy đàn cầm. Chung Tử Kỳ giỏi nghe tiếng đàn  
cầm. Bá Nha gảy đàn cầm, chỉ hưởng ở núi cao. Chung Tử  
Kỳ nói: Tuyệt thay, cao ngất dường như núi Thái Sơn. Bá  
Nha gảy tiếp, chỉ hưởng ở dòng nước. Chung Tử Kỳ lại nói:  
Tuyệt thay, mệnh mộng dường như Trường Giang, Hoàng  
Hà.  
Tử Kỳ chết, Bá Nha cắt dây đàn, vì không có người tri âm.  
Người sau dùng điển này để nói về người tri âm khó gặp,  
hay khúc nhạc cao diệu tuyệt vời. Dùng từ tri âm thay cho từ  
tri kỷ.  
Kim, Đồng Giải Nguyên, Tây Sướng, tử:  
*Bất thị tần tranh hạp chúng thính,  
Cao sơn lưu thủy thiếu tri âm.*  
Chẳng phải đàn tranh nghe hợp chúng  
Núi cao nước chảy ít tri âm.  
Thành ngữ: *Sơn minh thủy tú = Sơn thanh thủy tú.*  
Nước non trong sáng đẹp đẽ. Giang san tươi đẹp.  
Thành ngữ: *Sơn cùng thủy tận = Thủy cùng sơn tận...* Núi  
sông tới tận đầu nguồn không còn lối đi nữa.  
Thành ngữ: *Sơn cao thủy trường.* Núi cao sông dài. Ý muốn  
chỉ người có phẩm chất đức hạnh cao cả, tiết tháo cao  
khiết...  
Thành ngữ: *Sơn cao thủy đế.* Núi cao nước cạn. Ý muốn nói  
đến sự bất hạnh của cuộc đời, như tử vong.

Thành ngữ: *Sơn cao thủy hiểm = Sơn cao lộ hiểm = Sơn trường thủy viễn = Sơn dao thủy viễn*. Sự gian nan hiểm trở của đường đi, đường đời.

Tri âm: biết về âm luật. Nói rộng: biết mình, biết lòng người...

Lưu Hiệp, Văn Tâm Điều Long, Tri âm:

*Tri âm kỳ nan tai! Âm thật nan tri, tri thật nan phùng, phùng kỳ tri âm, thiên tài kỳ nhất hồ!*

Hiểu biết âm thật khó thay! Âm thật khó biết, biết thật khó gặp, gặp được người biết âm thật, ngàn năm có một!

Đoái: vui vẻ, thích thú.

Kính Dịch: Quê Đoái, Soán truyện:

Đoái, duyệt dã. Đoái, vui vẻ vậy.

#### - Câu thứ bảy :

Khí tượng: cảnh sắc tự nhiên, hiện tượng.

Lương Thứ, Từ Miển truyện, Đáp khách dụ:

*Bộch vấn cổ vãng kim lai, lý vận chi thường số;*

*Xuân vinh thu lạc, khí tượng chí định kỳ.*

Nghe xưa đi nay lại, đó là lý lẽ thông thường;

Mùa xuân tươi tốt mùa thu héo tàn, thời kỳ định sẵn của cảnh sắc tự nhiên.

Tống, Phạm Trọng Yêm, Nhạc Dường Lô ký:

*Hàm viễn sơn, thôn Trường Giang, hạo hạo đăng đăng, hoành vô tế nhai, triêu huy tịch âm, khí tượng vạn thiên thủ tặc Nhạc Dường Lô chi đại quan dã.*

Ngậm núi xa, nuốt Trường Giang, mệnh mông bát ngát, ngang không bờ, sớm sáng đêm tối, cảnh sắc muôn ngàn, đây là cái nhìn tổng quát của lầu Nhạc Dường vậy.

Tống, Nghiêm Vũ, Thượng Lương Thi Thoại, thi biện:

*Thi chi pháp hữu ngữ, viết thể chế, viết cách lực, viết khí tượng, viết hứng thú, viết âm tiết.*

Phép thơ có 5, gọi là: Thể chế (thể thơ...), cách lực (phong cách...), khí tượng (cảnh huống, tình thái...), hứng thú (cảm hứng, thích thú...), âm tiết (tiết điệu, nhạc điệu...).

Kỳ : Sở.

Kính Thủ, Đa phương:

*Nhĩ thượng bất kỳ ử hung đức.*

Thích chẳng sợ cái đức xấu.

Tả Truyện, Chiêu thập tử niên:

*Sát nhân bất kỳ vị tặc.*

Giết người chẳng sợ là giặc.

-Kính trọng, tôn kính.

Tả Truyện, Chiêu nguyên niên:

Phi kỳ hà kỳ.

Chẳng kiềm chế, tôn kính biết bao.

#### - Câu thứ tám :

Tuệ: -quét.

Văn Tuyển, Ban Cố, Đông Đô phú:

*Qua thiên tuệ vân.*

Ngọn gió quét mây.

Dịch xuôi

#### **KHÔNG ĐỀ**

*Nhìn ngang đầu thành thì lượng được khí thế của thành,*

*Thanh danh của kẻ lãng tử cũng tựa như tiếng hạc kêu.*

*Bạn hiền tiếp đãi ta, biết được lý tưởng của ta đang theo,*

*Vì cái tính cầu nệ nên chỉ cầu mong ở bậc chân nhân ngồi ở cửa sổ phía nam mà thôi.*

*Nhiệt tình hăng hái có thể làm tiêu tan đá vàng, sự chân thành ấy thật rõ ràng,*

*Núi cao dòng nước mênh mông ấy là tri âm tri kỷ vậy, mặt trăng vui vẻ trôi theo.*

*Muôn ngàn hiện tượng của trời đất, thật đáng tôn kính biết bao,*

*Lo nghĩ mà không biết quét sạch căn phòng tuổi đẹp (thì cái lo ấy cũng bằng không).*

#### **Cảm Nhận:**

Đây là bài thơ tác giả làm khi bước vào tuổi bát tuần, với hơn nửa thế kỷ dẫn thân đầu tranh theo lý tưởng cách mạng, mặc dù đã nhiều lần vào tù ra khám, không thể còn hoạt động như thời son trẻ, nhưng vẫn kiên quyết đi trọn con đường đã theo bằng cả tâm hồn, bằng cuộc sống, bằng ngôi bút, bằng văn hóa...

Hai câu đầu cho thấy quá trình lịch lãm của tác giả, và đã xa với hẳn môi trường quê hương trở nên người *thất thổ* thì còn khác chi *tiếng hạc kêu* trong tình cảnh bất khả.

Hai câu thực, có lẽ tác giả muốn sử dụng phép đối không ràng buộc chặt chẽ vào từ ngữ... mà ý tại ngôn ngoại chăng?

Gặp đồng chí đúng nghĩa đồng chí, cùng yêu thương nhau qua lý tưởng, qua hình ảnh hào hùng của Ngọn Lửa Thiêng Yên Bái. Trong khi đó vẫn còn có một số không đúng thật danh nghĩa đồng chí mà chỉ còn là chấp nê, mê muội!

Hai câu luận đối chỉnh, hay, hàm súc: Tấm lòng kiên trinh ấy có Nước Non chúng giám, ghi nhận, có đồng chí cảm thông và vui vẻ cùng nhau đi tiếp và mong ước toại nguyện.

Hai câu kết:

Nguyễn Du xưa đã nói:

*Đoạn trường ai có qua cầu môi hay!*

(Đoạn Trường Tân Thanh)

Với tuổi đời đã lặn lội nhiều trong mọi tình huống, được thấy sự biến thiên linh diệu của thiên nhiên, của trời đất, tác giả càng tỏ lòng vừa sợ hãi vừa kính trọng, để rồi đưa ra lời khuyên cho cả chính mình cũng như cho thế hệ đi sau: Lo nghĩ nhưng phải biết cách làm sao cho hiện thực tươi đẹp, còn nếu lo nghĩ chỉ là lo nghĩ thì cũng uổng thôi!

Đây có thể xem như bài thơ tâm huyết trong buổi cuối đời của một chiến sĩ nhìn ngược về thân thế sự nghiệp của mình, tràn đầy thẳng thắn, vinh nhục, thành bại; tuy thế vẫn có nhiều ray rứt thao thức ở ngày mai và vẫn nuôi bao nhiêu kỳ vọng về tương lai, nhiều mộng tưởng thành công cho lý tưởng ở các thế hệ sắp đến.

Gọi là một chút cảm nhận khi chú giải bài thơ.

Xin được dịch thoát theo chủ quan như sau:

#### **KHÔNG TÊN**

*Ngó ngang lượng thế đầu thành*

*Làm thân lữ khách đồng thanh hạc gào*

*Bạn hiền lý tưởng biết bao*

*Bỏ đi cố chấp trông vào cửa nam*

*Nhiệt tình hăng hái rõ ràng*

*Nước Non biết tỏ trắng vàng tỏa theo*

*Đất trời muôn vẻ kính nhiều*

*Lo mà không biết những điều làm hay!*

Nguyễn Việt Nữ

# CHUYÊN con voi

*Con voi con voi  
Cái voi đi trước  
Hai chân trước đi trước  
Hai chân sau đi sau  
Còn cái đuôi thì đi sau chót...*

Tại sao con voi có cái... vòi ? Nhà khoa học Ann Gaeth, thuộc đại học Melbourne của Úc đã làm cuộc nghiên cứu để cho người ta kết luận rằng tổ tiên voi là động vật sống dưới nước. Cái vòi chính là cái mũi dài, là ống thở. Năm 1993, nghiên cứu các bào thai voi từ 58 - 166 ngày, bà Gaeth nhận thấy các bào thai voi đều có những bộ phận kỳ lạ gọi là néphrostome. Đó là ống thân hình phễu chỉ có ở các loài cá nước ngọt, ếch nhái, loài bò sát đẻ trứng và loài động vật hữu nhũ; không có một loài động vật có vú nào khác lại đẻ con có néphrostome như voi và néphrostome này chỉ xuất hiện trong giai đoạn đầu phát triển của phôi thai rồi sau đó biến mất. Khoa học Ann Gaeth kết luận rằng, do sự thay đổi nhiệt độ trong cơ thể, tổ tiên loài voi đã từ giữa cuộc sống dưới nước, gửi cuộc sống nơi rừng già cách đây 30 triệu năm.

Vậy mà giờ đây "tại Việt Nam, voi đang đối diện với tình trạng diệt chủng".

Nhận xét này của Frank Momberg, quản lý chương trình của Nhóm Bảo Tồn Quần Động Vật và Hoa Cỏ Quốc Tế của Anh Quốc.

Frank Momberg báo động: "Các nhà cầm quyền địa phương hiện đang làm nhiều quyết định phát triển mà không đếm xỉa gì đến môi sinh. Chúng ta phải ra tay hành động, hay là sẽ không còn thấy một con voi rừng nào chỉ trong vòng vài năm ngắn ngủi nữa thôi!".

Việc giết voi không bị xem là bất hợp pháp, do đó việc săn voi lấy ngà đã góp phần diệt chủng loài voi.

Mặc dầu đã bị giết trên 1500 con, đàn voi hoang khổng lồ giống Á Châu

thường rong ruổi khắp nơi cách đây 10 năm, ước lượng vẫn hãy còn đến 2000 con trên toàn quốc.

"Bầy voi Tánh Linh" chính anh lính canh nạn cháy rừng tại Tân Phú thấy gồm khoảng 60 con thường di chuyển từ rừng Tân Phú, lội qua sông La Ngà mà vào tỉnh Bình Thuận kế bên. Momberg cho biết "bầy" voi Tánh Linh chỉ còn vẹn còn có năm con. Rừng khác, chỉ còn một con, nên ông không còn dám dùng chữ "bầy" voi cho Việt Nam được nữa!

Vòi số voi trong đàn quá ít, nhóm bảo tồn voi buộc phải lai giống, và như thế bầy voi Việt Nam thật sự không còn sống sót về mặt di truyền học nữa. Thực tế số ít voi hoang còn sót lại là vì chúng không có ngà, nếu có, đã bị giết hết cả. Các cửa hiệu quảng cáo công khai các nữ trang, đồ chạm bằng ngà voi. Trong tình hình đất nước nghèo đói hiện nay, ai có tiền mua nữ trang bằng ngà? Thi ra Xã Hội Chủ Nghĩa làm cho voi tuyệt chủng để phục vụ giới tư bản mà trước đây họ quyết tiêu diệt tận gốc rễ!

Nhóm nghiên cứu quốc tế cho biết việc dân số gia tăng bộc phát cũng đưa loài voi tới chỗ bị tận diệt. Chỉ trong vòng vài năm, có khoảng 30 ngàn người đã đến định cư tại khu rừng núi Tánh Linh. Từ đó môi trường thiên nhiên của bầy voi đã bị triệt hạ qua việc phá rừng tham lam để lấy gỗ, đất rừng thành khu dân cư, đất ruộng biến thành đồn điền cà-phê hay hạt điều.

Trong thập niên qua, việc phá rừng được coi như là quốc nạn vì quốc sách khai hoang trồng lúa rẫy của Nhà nước từ Bắc đến Nam, đi đâu voi cũng không có chỗ sống !

Voi cần muối và lương thực nên đã tìm đến khu dân cư tìm nguồn sống. Khi voi tấn công nhà ở, dân phải đem muối cất xa chỗ ở. Voi tìm vào bếp ăn cà tro đốt bằng tre trong các bếp lửa. Sự hãi trước tình trạng voi tấn công, dân làng đã đào hào, đào mương chế ra các loại bẫy và nhiều phương pháp khác để đuổi voi, trong đó có cả những loại súng rĩa và súng phóng hỏa chế bằng tay. Ông Momberg cho biết những thủ này càng làm cho lũ voi Tánh Linh trở thành dữ tợn hơn, đến nỗi hễ thấy người ngoài đồng là chúng xông ngay vào tấn công, vì thế người ta trở thành rất ghét voi vì chúng phá hại mùa màng, giết hại thân nhân họ.

Thành thủ, cũng vì bản năng sinh tồn mà voi và người từ xưa vốn gần gũi

nhau, nay đã trở thành thù địch nhau! Đàn voi Việt gốc Á Châu này từng là phường tiện chuyên chở, nơi chung từng được huấn luyện để làm việc trong rừng, từng là những "chiến sĩ" hữu dụng trong thời kháng chiến; hay ít nhất, chúng cũng là những con vật dù sống trong rừng hoang mà con người có thể đến gần những vô hại.

Bài báo loan tin này là tờ Việt Mercury ngày 31.12.1999 tại San José, California, dịch từ bài của tác giả Mark McDonald, thông tin viên của báo Mercury News, một nhật báo Anh ngữ có số xuất bản lớn nhất ở vùng thung lũng điện tử Hoa Vàng và nằm trong hệ thống truyền thông khắp nước Mỹ. Ở mục "Phúc Trình Đặc Biệt", bài báo đăng cái tựa to : "**Những Chú Voi Cuối Cùng Trên Đất Nước Việt Nam**".

Nhà báo Marl McDonald, có văn phòng tại Việt Nam đã gặp một du kích quân Việt Cộng, và nhập đề bài báo như vậy:

*"TÂN PHÚ - Rừng um tùm tre và đa, rậm đến độ ban ngày ban mặt, vòm lá đã phủ tối om. Nhưng lúc ấy lại còn là gần nửa đêm, chủ du kích Việt Cộng trẻ tuổi đang lăm lăm đi lòn dưới tàng cây vắt ngang con đường mòn mà cu cậu tuẩn tiểu.*

*Tiến vài bước, nghe tiếng động, cu cậu nhìn lui. Hóa ra cái tàng cây lại là một chú voi nghênh ngang đứng dạng giữa đường. Cậu du kích đã đi lợt thom dưới bụng con voi ấy.*

*Du kích Phan Trung Kiên từng có dịp chứng kiến các bộ tộc ít người dùng voi kéo đạn dược và vũ khí cho Việt Cộng, nhưng lại chưa hề có dịp thấy một con voi nào trong thiên nhiên. Kiên cho biết là Kiên đã sợ đến té khò. Nhưng đấy là chuyện xưa. Ba mươi năm trôi qua, nay Kiên đã là một viên chức tù quân đội chuyển sang. Vòi tu cách Thu Trường có quan phát triển nông nghiệp và nông thôn tỉnh Đồng Nai, Kiên là một trong những viên chức cán bộ chịu trách nhiệm về sự tiêu diệt loài voi rừng ở Việt Nam".*

Chính vì tin này đăng trên báo Anh ngữ Mercury News tại Hoa Kỳ, nên Thủ Tướng Việt Cộng Phan Văn Khải đã và đang mỗi ngày tiếp nhận hàng loạt thư tử và điện thư e-mail của các nhóm bảo vệ thú quyền tại Hoa Kỳ, đòi

hỏi phải bảo quản những chú voi cho thích đáng. Bài báo viết rằng ông Mombert đã phát biểu: "Đây là vấn đề danh dự quốc gia" và "Người Việt Nam không muốn cho quốc tế thấy là họ đang để cho loài voi tuyệt chủng".

Người Mỹ sanh ra và lớn lên trong cái nôi dân chủ sẵn có, không thể nào họ hiểu mẫu tin nhỏ trên đây đã đưa ra nhiều hệ quả quan trọng của Xã Hội Chủ nghĩa mà chưa hề hiện ra trong tư tưởng tự do của họ:

Trước hết nếu là kỹ giả Việt Nam, nhà báo Mark McDonald, sẽ bị kiện ra tòa, bị bồi thường thiệt hại, vì luật báo chí hiện hành tại Việt Nam, trừng phạt báo chí loan tin dù là TIN THẬT, nhưng người bị thiệt hại vì tin thật đó vẫn bị tội nếu "khổ chủ" kiện đòi bồi thường. Thiệt hại cho cá nhân mà luật còn "bảo vệ" đến thế; huống hồ gì đây là tin thật làm thiệt hại đến danh dự quốc gia! Đó còn là tội "phản quốc"; tù tội dân sự bị phạt tiền, sẽ đổi qua tội hình sự bị phạt tù, và tội "phản quốc" của Việt Cộng có thể bị tuyên án tử hình. Tùy tình hình chính trị, vi tuyên án thuộc loại này, thẩm phán xử án luôn luôn phải "thình án" tù Trung Ương Đảng Cộng Sản.

Luật Báo Chí phạt tội Loan Tin Thật này của Việt Cộng không áp dụng cho báo chí ngoại quốc, nhưng nhà báo Mark McDonald có thể bị trục xuất vì loan tin có hại đến danh dự quốc gia; nhưng may mắn là tin này đã được thế giới chú ý, nên Nhà nước Việt Cộng chưa dám ra tay trắng trơn như vậy. Để yên kỹ giả Mỹ này, Việt Cộng còn có lợi là có thể nhờ tin đó, túi tham những của Cộng Sản sẽ được căng phồng lên thêm với ngân khoảng 600.000 Mỹ kim một năm để bảo tồn các chú voi từ quỹ viện trợ của các Tổ chức Bảo vệ Thú Quyền Quốc Tế.

Nhà nước Phan Văn Khải để yên cho Mark McDonald và Mombert loan tin - dù có mất mặt "anh hùng" thật đấy - nhưng đổi lại có đồng đô-la rừng rinh là được rồi!

Cho nên Nhà nước Trung ương chỉ đáp lại lời kêu gọi của thế giới rằng "Chính phủ rất quan tâm đến công tác bảo tồn loài voi rừng, nhưng lại không có tiền để mà thiết lập ra những chương trình bảo tồn thích hợp và thực hiện được". (Lời tuyên bố này giống như lời Việt Cộng than khi Hoa Kỳ đề cập đến việc tìm kiếm người Mỹ mất tích (MIA) trước đây, rằng: chúng tôi rất quan tâm...

nhưng chúng tôi không có tiền... khiến Hoa Kỳ đổ hàng chục triệu Mỹ kim vào và cũng chính một nữ kỹ giả báo Mercury News này khám phá ra việc ăn chặn tiền Mỹ để tìm xác Mỹ của Việt Cộng. Nhà báo Nữ này từ đó không thấy viết tin về Việt Nam nữa; hẳn bà đã bị trục xuất). Thế giới tự do có thể chưa biết rành Cộng Sản Việt Nam, chủ người Việt Nam, ngay cả những người có trên 50 tuổi đảng, vẫn biết rành: Cộng Sản Việt Nam coi nhân quyền còn không ra gì, huống chi là thú quyền!

Bản tin trên còn cho ta thấy về khả năng của cấp lãnh đạo các ngành của chế độ Cộng Sản Việt Nam mà thế giới vẫn minh nhất là người Hoa Kỳ không thể nào hiểu được: chiến tranh đã chấm dứt từ năm 1975, nhưng Việt Cộng còn duy trì một quân số mà theo ông Bùi Tín viết, là đông nhất thế giới, nếu tính theo tỷ số dân và tình trạng kinh tế. Các quân nhân này đều là đảng viên Đảng Cộng Sản, giải ngũ ra biết làm sao sống? Họ được chuyển sang hoạt động trong các ngành chuyên môn, tùy theo lúc đi vào bộ đội hay trước đó, họ có làm việc tại cơ quan nào. Chính chúng tôi thấy năm 1975, có anh bộ đội biệt phái làm bảo vệ cho Bệnh Viện Chợ Rẫy, được đi học bổ túc văn hóa lớp sáu, còn hỏi chúng tôi giúp giải bài toán đại số; bỗng anh biệt tâm khoảng sáu tháng, khi trở về đã mặc áo trắng và được gọi là Y-sĩ!

Tướng tự như vậy, mà hiện nay đa số Kỹ sư, Bác sĩ, Thẩm phán v.v... trong nước còn thiếu nợ bằng... Trung Học Phổ Thông! "Nợ" này được Nhà nước cấp giấy phép hẳn hoi.

Chủ du kích Phan Trung Kiên được chuyển từ bộ đội sang cơ quan dân sự, và hiển nhiên là vì cao tuổi đảng viên nên giữ chức Thủ Trưởng cơ quan phát triển nông nghiệp, chủ khả năng quản trị hành chánh của một cấp chỉ huy và kiến thức chuyên môn về nông nghiệp không phải là điều kiện tiên quyết trong việc bổ nhiệm chức vụ của Kiên. Cho nên Frank Mombert đã kết luận rằng: "Kiên là một trong những viên chức chịu trách nhiệm về sự tiêu diệt của loài voi rừng ở Việt Nam" vì "nhà cầm quyền địa phương đang làm nhiều quyết định phát triển mà không đếm xỉa gì đến môi sinh".

Hiện tại guồng máy cai trị của Nhà nước Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam là do

những quân nhân cao tuổi đảng như Phan Trung Kiên nắm giữ. Họ trị nước trên sự "nề nang công chiến đấu" của nhau, bỏ rơi hoàn toàn địa hạt tài năng chuyên môn, tức coi nhẹ lợi ích của người dân; cho nên bất cứ cơ quan bộ phận nào cũng hư nát do trình độ chưa vượt quá Trung Học phổ thông của các "Thủ Trưởng".

Hiện nay dù có "thay đổi" theo kinh tế thị trường, thì cũng chỉ có các quan Đảng và gia đình họ độc quyền làm doanh nhân chủ còn ai vô nữa? Dụng cụ cơ bản cho một nền kinh tế là tiền, là tín dụng, tức ngân hàng. Liệu những ông quan theo binh nghiệp thuở chưa xong bậc Tiểu Học này, nay biết gì về sổ tiêu sản, tích sản phức tạp của ngành gọi là quản trị ngân hàng không? Có biết gì về định chế để đứng thế chấp không? Có biết gì về quyền lợi, trách nhiệm của một công ty xuất nhập cảng trách nhiệm hữu hạn không? Chắc chắn họ không biết gì cả hay chỉ biết lôm bôm. Thế mà họ làm trưởng cơ quan cả đấy!

Cho nên Việt Nam Cộng Sản cứ liên tục xảy ra những việc vô nợ tín dụng, và bán môn bãi, tiền ngân hàng cho vay toàn những công ty ma quý như vừa xảy ra năm 1999, vụ Epcó-Tân Trường Sanh v.v...; đến khi ăn chia không đều tổ nhau ra tòa thì ngân hàng nhà nước đã mất đi số vốn cả trên 4.000 tỷ đồng!

Tài nguyên đất nước lọt vào túi tham những cá. Rốt cuộc chỉ có toàn dân là nghèo khổ thêm, nghèo khổ vạn lần hơn những tên tù tham những! Thế giới ít biết dân Việt đang sống dưới chế độ "quân phiệt" với cái trí tuệ rỉ sét của cái gọi là "tử tưởng Hồ Chí Minh".

Bây giờ xin trở lại chuyện "con voi con voi" để chúng mình cái độ rỉ sét ấy.

Vì đâu mà con voi rừng hoang do chính lời thú nhận của cán binh VC Kiên, đã dùng kéo vũ khí cho Việt Cộng nay lại "gây chiến tranh" làm náo loạn đất nước Cộng Sản?

Cũng như con người, những địa chủ kháng chiến, những bà mẹ chiến sĩ miền Nam trong thời chiến hoặc làm lẫn, nhẹ dạ hoặc bị khủng bố, đã nuôi nấng và che chở cho Việt Cộng. Khi chiến thắng, chính Việt Cộng đã tịch thu ruộng đất, của cải của họ trong chính sách gọi là "Hợp tác xã nông nghiệp", "cải tạo tư sản" v.v...; thân phận con voi cũng thế.:

Trong thời chiến, dù bị B52 dội, dù bị thuốc khai quang làm trụi lá rừng mà

Việt Cộng luôn miệng cáo buộc Hoa Kỳ đã làm hư hoại môi sinh Việt Nam, những bằng chứng cho thấy đàn voi khổng lồ Á Châu vẫn bình yên, rừng vẫn còn rậm lá đến nỗi con voi đứng sò sò giữa đường mà Phan Trung Kiên không thấy, đa chui lót dưới bụng voi! Thế mà trong thời bình, chính bàn tay Việt Cộng phá hoại môi sinh còn khủng khiếp hơn bom đạn và thuốc khai quang của Mỹ. Chính Việt Cộng đã cướp mất rừng và tiêu diệt đàn voi trong thời bình!

Cha đẻ của chế độ chính trị "lấy oán báo oán" này là Hồ Chí Minh, dưới những chiến dịch Giảm Tơ, Cải Cách Ruộng Đất, Phá Rừng Trồng Rẫy v.v... Kết quả, hàng chục ngàn đảng viên trung kiên bị giết, hàng trăm ngàn thường dân miền Bắc bị chết đói. Nay tuy Hồ đã chết, nhưng "tứ tưởng" Hồ vẫn làm rừng hoang chày máu và đàn voi rừng không còn nơi sinh sống. Chính cái "tứ tưởng Hồ Chí Minh" đã gây cuộc chiến giữa người với người rồi người với voi!

Chuyện voi ở Việt Nam, xa Mỹ Châu nửa vòng trái đất, nhưng cảm xúc rất gần, vì báo chí Việt Mỹ hải ngoại thường loan tin về nạn phá rừng liên tục ở Việt Nam, làm cho số phận của những chú voi lang thang không có rừng để sống và cuộc chiến giành lại cuộc sống của loài thú rừng hoang vốn hữu dụng, hiền lành nhưng bất hạnh đã bị Việt Cộng tiến hành loại trừ, bị con người ghét sợ.

Không sợ hãi sao được khi báo cáo cử liên tục cho biết voi về làng giết chết nông dân, thợ săn và người khai thác gỗ rừng. Riêng năm 1999 có cả 6 người bị voi sát hại, chưa kể một ông ở Tân Phú còn đang trong tình trạng nghiêm trọng vì bị nứt sọ sau khi bị voi tấn công.

Nhà nước Việt Cộng hoàn toàn bất lực, chỉ thấy tờ Thanh Niên trong nước thuật rằng các viên chức lâm nghiệp tỉnh Bình Thuận sẽ cống hiến muối hột để trấn tĩnh những con voi sát nhân, tấn công nhiều khu đông dân cư trong tỉnh, giết chết 6 người trong lúc chúng đi tìm kiếm muối một cách vô vọng và nạn phá rừng trong tỉnh đã đưa đến tình trạng thiếu muối thiên nhiên cho voi liếm. Các viên chức trong tỉnh cho biết, vì thèm muối, voi đã kéo đến các căn nhà tại các làng ven rừng để tìm nhai cả những quần áo thấm mồ hôi, hoặc phá các nhà bếp để kiếm muối. Tờ Thanh Niên cho biết mỗi tuần 250 kilô muối dự trữ sẽ rắc tại những chỗ

mà người ta tìm thấy có vết chân mới của voi.

Tờ báo không cho biết ai sẽ trả tiền muối để thỏa mãn nhu cầu thèm muối của các chú voi cuối cùng này?

Việt Cộng cho đó là kỳ công của họ, khi đối câu tục ngữ "Ngọt mật chết ruồi" bằng câu "Mặn muối tỉnh voi" mà không hề áp dụng câu "chữa bệnh phải chữa tận gốc".

Gốc đây là việc đồn rừng. Hiện tượng voi thèm muối phải vào nhà dân làm dân kinh hoàng chống lại voi cả bằng súng phóng hỏa. Momberg cho biết tất cả các biện pháp chống voi đều làm cho lũ voi trở thành dữ tợn. Rắc muối trấn tĩnh voi bột hung hăng chỉ là trị cái ngọn.

Trị gốc là phải di chuyển voi đến địa điểm khác còn rừng cây và phải tức khắc ngưng phá rừng. Công tác này cần chuyên viên về thú rừng và cần tiềnđã dành, nhưng kể cả việc ưu tiên có thể làm, không cần tiền và kỹ thuật, Việt Cộng cũng không làm nổi. Đó là trước hết cần sự hợp tác và hiểu biết về môi sinh của các nhà chức trách các tỉnh lân cận. Điều này không cần tiền, nhưng Việt Cộng cũng không làm được, vì các quan Đảng cai trị các tỉnh liên hệ đều cùng một... giai cấp trí tuệ như Thủ tướng Phan Trung Kiên cả! Voi không còn rừng để ở, chúng cần kiếm nước, thực phẩm và bạn tình mới nên thường di chuyển từ tỉnh này sang tỉnh khác, mà hai Ty Lâm Nghiệp hai tỉnh Đồng Nai và Bình Thuận không cộng tác với nhau, không chia công tác chung cho nhân viên kiểm lâm, chưa hề soạn thảo kế hoạch bảo vệ chung giữa đôi bên. Chính họ thú nhận là thiếu sự hợp tác (còn thì đưa phá rừng trồng cà-phê nữa là...) và không hề có ý định di chuyển voi.

Năm 1993 có một chuyên viên được thuê từ Tân Gia Ba sang để thủ điều khiển việc di chuyển nhóm 13 con voi thuộc bầy Tánh Linh, nhưng ông ta đã bị voi đập chết trong lúc cố bắn một mũi tên tẩm thuốc mê vào một trong những con voi ấy. Trước khi chết vì kiệt lực, sinh vật nào cũng vùng vẫy bám sống lần cuối cùng. Đó là hiện tượng voi trở thành hung tợn sau thời gian dài thiếu muối. Mười hai con trong nhóm này sau đó đều đã chết, một con duy nhất còn sống sót được đóng cũi rước về Sở Thú Sài Gòn!

"*Thế là tất cả trở thành tai họa, mọi sự tiêu tan*". Đó là lời than thở của chuyên viên bảo tồn Quần Động Vật Quốc Tế Momberg.

Vi tin voi tấn công người trên đây là năm 1999, thì ngày 16.6.2000 báo chí lại loan tin 4 voi rừng về Hàm Tân, Bình Thuận, phá hủy căn lều của một cặp vợ chồng nông dân và giày chết đứa bé 6 tuổi con của họ!

Bản tin cũng nhấn mạnh là hơn mười năm trước đây người ta có thể đến gần voi mà không bị hại, nhưng khi người ta tấn công chúng (giết để lấy ngà) và rừng rú môi trường thiên nhiên của voi đã bị thu hẹp vì nạn đồn cây rừng, bầy voi này từ tỉnh Lâm Đồng kéo sang Bình Thuận và trở thành voi sát nhân! Rồi theo tin AP, đầu tuần lễ tháng 8 vừa qua, khoảng 100 dân làng Hàm Tân, Bình Thuận, phải tản cư, dựng lán trại ở tạm, cạnh một con đường tỉnh lộ, cách nơi cư ngụ của họ khoảng 8 cây số. Số nông dân này chỉ dám trở lại săn sóc nương rẫy của họ vào ban ngày, là lúc loài voi nghỉ ngơi. Phần lớn số dân này từ tỉnh khác tới Bình Thuận định cư.

Vậy rõ ràng việc "muối mặn tỉnh voi" đã hoàn toàn thất bại, và nạn voi tuyệt chủng chỉ là chuyện thời gian. Nhưng không phải chỉ là loài voi mà loài người cũng sẽ bị tuyệt chủng luôn! Vì việc phá rừng không hề giảm, mà cứ tăng dần do di dân đồn rừng làm rẫy.

Lòng đất trở thành trống rỗng, không có rễ cây, giữ nước, mùa mưa chỉ cần nước ngập dưới mức bình thường cũng trở thành nạn lụt lớn. Nạn lụt Hồng Thủy miền Trung tháng 11 năm 1999 làm hàng triệu người bị đói lạnh; mười năm sau chưa xây lại đủ trường học, bệnh viện, đường xá v.v... cho đủ nhu cầu. Thì từ tháng 7.2000 đến nay, vùng đồng bằng sông Cửu Long miền Nam và cả sông Hồng Hà miền Bắc đã bị lũ lụt, mực nước lên cao hơn mực bình thường gần 4 thước. Hàng chục mẫu ruộng, hàng ngàn nhà đã chìm trong biển nước.

Người Việt Nam sẽ bị tuyệt chủng vì đói! Tội lỗi do ai gây ra? Chắc chắn phải là lỗi của người lãnh đạo bắt chước Mao Trạch Đông làm Cải Cách Ruộng Đất và cải tạo núi rừng!

Nhắc đến tội lỗi là nhắc đến xung tội và Sám Hối. Đọc chuyện "Con Voi và Con Người" ngay vào mùa trăng rằm tháng 7 năm Canh Thìn. Đứng vào mùa Vu Lan Báo Hiếu, mùa của cầu an, cầu siêu và sám hối...

Với hình ảnh voi và người chết đói đến sắp tuyệt chủng và bước vào chùa Lễ Phật trong mùa Vu Lan đầu thiên niên kỷ, người Phật tử nghĩ gì?

Đầu tiên hẳn là hình ảnh con voi trắng biểu tượng cho nghiệp kiếm cung và chiến thắng. Trước khi tu thành Phật, Thái Tử Tất Đạt Đa vẫn vô song toàn. Lúc 14 tuổi, chàng đã chiếm giải nhất trong các môn thi bắn cung, đánh kiếm, cưỡi ngựa và tập tạ trong đại hội thể thao của vương quốc. Giải thưởng là một con voi trắng do công nương Da Du Đà La (Yasodhara) được cử dẫn tới cho Thái Tử. Trai tài gái sắc quen nhau ở dịp này và sau đó cưới nhau. Vị Thái Tử quán quân cỡi Bạch Tượng đi một vòng trong thành Ca Tỳ La Vệ (Kapilavattu) trước sự hoan hô vang dội của mọi người.

Sự thắng trận và được người đẹp đặc biệt chiêm ngưỡng của Thái Tử Tất Đạt Đa đã khiến người em họ Đề Bà Đạt Đa (Devadatta) tăng lòng ganh tị, chàng bước tới mấy bước, nắm lấy vòi con bạch tượng, dùng hết sức bình sanh, đấm con voi một đấm như trời giáng vào chỗ yếu. Bạch tượng đau quá, ngã quy xuống.

Thái Tử trách nhẹ Đề Bà Đạt Đa: "Em làm thế không tốt" rồi chàng đưa tay xoa bóp chỗ đau và an ủi con voi. Con vật bị đòn oan vì tâm địa ác độc của Đề Bà Đạt Đa từ từ đứng dậy được và nghiêng đầu tôn kính Thái Tử. Tất Đạt Đa leo lên mình voi và đấm rúc bắt đầu diễn hành giữa tiếng hoan hô vang dậy...

Khi Thái Tử đắc đạo thành Phật, cũng chính Đề Bà Đạt Đa thả voi điên tấn công mong giết Phật giành quyền lãnh tụ tăng đoàn. Nhưng Đức Phật đã hàng phục được voi điên và không ai bị thiệt mạng.

Thì ra trên 2.500 năm về trước, con voi xử Phật cũng hiền lành và hữu dụng với con người đến nỗi ngoan ngoan để người đẹp dẫn đi trao cho Thái Tử giữa rừng người náo nhiệt mà voi cũng không tấn công người. Nhưng voi lại cũng là nạn nhân của lòng ganh ghét, tham lam, ác độc của con người làm cho voi đau đớn, điên cuồng mà trở thành hung tợn với con người.

Nhưng Đức Phật từ bi đã hàn phục được voi điên và cải hóa được tâm địa gian ác của Đề Bà Đạt Đa; còn dưới mái nhà Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam hiện thời, cả voi và người đang đi lặn vào cõi chết mà không một quyền lực nào kèm hãm lại được.

Vì đó là chế độ vô thần, chỉ có Cộng Sản là Quốc Giáo mà Giáo Chủ Hồ Chí Minh nhất quyết cho rằng chỉ có giáo điều Mác-Lênin của đệ tam quốc tế mới giải phóng dân tộc và đưa tới xã

hội không có người bóc lột người, trong khi chính ông ta nhìn nhận lúc đó thật sự chẳng biết quốc tế Cộng Sản đệ tam, đệ nhị hay đệ nhị rưỡi là gì ??

Thảm họa diệt vong của đất nước bắt nguồn từ sự vô minh của họ Hồ.

Để phá bỏ vô minh của con người; không biết mà nhất định cho chủ thuyết của mình là đúng, thuyết của người khác là sai và sinh tranh cãi ban đầu nhẹ nhàng, sau nổi nóng nói nặng nhau, lên án nhau, thóa mạ nhau và đưa đến chiến tranh; Đức Phật cũng dùng chuyện con voi trong ngụ ngôn sau đây: Ngày xưa có một ông vua thật ngộ nghĩnh. Ông cho mời những người mù trong xứ đến. Vua cho dắt tới một con voi và bảo họ sờ voi và cho biết con voi như thế nào?

Đây là những người mù từ khi mới sinh ra. Có người sờ chân voi, nói voi giống cái cột nhà. Có người sờ đuôi, nói voi giống cái phất trần. Có người sờ tai voi, nói voi giống cái rổ. Có người sờ ngà voi, nói voi giống cái cọc. Có người sờ bụng voi, nói voi giống cái bò chửa thóc. Có người sờ đầu voi, nói voi giống cái lu nước. Ngồi lại với nhau, những người mù này không ai đồng ý với ai về hình thù của con voi. Họ cãi nhau kịch liệt suýt đánh nhau. Ông vua thấy thế rất lấy làm thích thú.

Qua chuyện "Người mù sờ voi" này, Đức Phật dạy rằng: *"những gì quý vị thấy hay nghe chỉ là một phần của sự thật, nếu ta cho đó là toàn thể sự thật tức là ta bóp méo sự thật. Người tu học phải có tâm khiêm nhượng, biết rằng cái thấy, cái hiểu của mình còn nhỏ bé, và mình cần nỗ lực học hỏi và tinh tiến thêm mãi. Người tu học phải có tâm cởi mở, biết rằng nếu cố chấp vào tri kiến hiện tại, cho đó là chân lý tuyệt đối, thì mình sẽ bị kẹt và sẽ đánh mất cơ hội tiếp xúc với chân lý của thực tại nhiệm mầu".*

Thật vậy, khiêm nhượng và cởi mở là hai điều kiện thiết yếu để tiến bộ và sống hòa đồng trong gia đình, ngoài xã hội tránh xung đột đưa đến chiến tranh. Khiêm nhượng để biết mình chưa hiểu hết mọi khía cạnh của vấn đề, nhờ đó tránh tự cao để tìm tòi thêm nhiều điều hay của người khác mà mình chưa biết. Cởi mở để hiểu lý lẽ của người khác, đặt mình vào trường hợp người khác để thông cảm họ. Một khi hai phe tranh cãi nhau mà cảm thông được lý lẽ nhau, không ai cho

minh là duy nhất đúng thì cuộc sống sẽ an lạc thanh bình.

Vào thập niên 1920, Hồ Chí Minh mới học hết cấp Tiểu Học, tiếng Pháp chưa rành, đọc sách tất nhiên không hiểu hết, nhất là sách chính trị; không hiểu thấu đáo một chủ thuyết, chỉ đi dò đường, mà lại nhân danh "yêu nước chống Pháp" cuồng bức toàn dân phải theo con đường mò mẫm của mình, đã vậy hễ ai đi lệch đường mình đã vạch ra, nếu không bị giết thì cũng bị tru dập không cất đầu lên nổi! Chính sách cai trị bằng sự sợ hãi đó là đưa đất nước, người và vật tới chỗ diệt vong ngày nay... !

Mà hậu quả chưa dừng lại ở đây. Vì Cộng Sản chủ trương tiêu diệt tôn giáo, thì lời Chúa, lời Phật dạy để con người sống chung hòa bình với nhau đã bị thay thế bằng giáo điều "đấu tranh giai cấp" cả thế kỷ nay.

Tất cả đều do Hồ Chí Minh, tên tội đồ của dân tộc Việt Nam gây ra.

Nhân mùa Vu Lan báo hiếu, người Phật tử cần báo hiếu trước nhất với Tổ Tiên Dân Tộc, bằng cách thực hiện lời dạy của Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang trong Thông Điệp Phật Đản đầu thiên niên kỷ: *"Trong một đất nước mà Phật Pháp được lưu truyền đã gần 2000 năm, thì người Phật tử phải cảm thấy sự thiếu sót của mình trong việc nhắm mắt tu hành mà không biết đến những thống khổ của đồng bào chung quanh, không thấy trách nhiệm của mình trước những bất an và những tệ nạn của xã hội".*

Nhắm mắt tụng niệm để cầu phước cho riêng mình mà làm ngơ với nỗi khổ niềm đau của muôn người, muôn thú khác là làm ngược lại lời Phật dạy. Tu như vậy vẫn có tội như thường. Vì *im lặng trước tội ác chính là tội ác.*

*Đức Giáo Hoàng Phao-Lô Đệ Nhị cũng có Thông Điệp kêu gọi giáo hội và những người con Chúa hãy dọn mình thống hối vì đã im lặng trước tội ác diệt chủng của Hitler v.v...*

Tha thiết mong mùa Vu Lan đầu thiên niên kỷ mới này tất cả tín đồ các tôn giáo cầu xin Sám Hối tội đã thờ ơ không tham gia diệt trừ tội ác Cộng Sản. Sám Hối xong thì bắt tay ngay vào việc chống Cộng để cứu muôn loài, muôn thú khỏi bị diệt chủng. ●

# Nhân cái chết của một trùm mật vụ

C hế độ Đông Đức cũ dựa vào ba cột trụ để thống trị dân chúng: khủng bố đàn áp công dân qua bộ máy an ninh mật vụ là một, tuyên truyền xuyên tạc mạt ly phương Tây là hai và hù dọa bằng hình ảnh người anh em vĩ đại Xô Viết sẵn sàng giúp đỡ bảo vệ chính quyền nhân dân trong trường hợp hai cột trụ một và hai thất bại là ba.

Cái cột trụ ba đổ nhào trước tiên qua đường lối cải cách của Michail Gorbatschow, tuy rằng thoạt đầu giới lãnh đạo cộng sản Đông Đức đã tỏ ra không mấy lo ngại vì hy vọng triều đại Gorbatschow sẽ không tồn tại lâu dài.

Cái cột trụ hai gãy gục khi hàng vạn người Đông Đức tràn qua biên giới Hung-Áo ngày 11.09.89, sau những làn sóng tự nạn chiếm cứ các toà đại sứ Tây Đức ở Prague, ở Warsaw, thực hiện hình thức bỏ phiếu bằng chân và bằng xe.

Cái cột trụ nhất đứng vững lâu nhất. Nó chỉ lung lay khi chính người dân Đông Đức bắt đầu không còn sợ chế độ Stalinit nữa để đưa ra những khẩu hiệu đấu tranh mới *Chúng ta là nhân dân* (Wir sind das Volk) và *Chúng ta ở lại đây* (Wir bleiben hier). Kiến trúc sư đầu não của cây cột trụ thứ nhất là Erich Mielke.

\* \* \*

\*

Như tất cả các chế độ toàn trị khác (trong đó tất nhiên có cả Việt Nam), chế độ cộng sản Đông Đức cũ nâng ngành an ninh lên cấp Bộ và người chỉ huy ngành đó nhận chức trách Bộ Trưởng, mang quân hàm cấp Tướng.

Bộ An Ninh Quốc Gia (MfS, Ministerium für Staatssicherheit) bố trí một mạng lưới chằng chịt những tay chân mật báo, điệp chi, gián điệp, an ninh, tình báo, đặc công trên khắp lãnh thổ hai nước Cộng hoà Dân chủ Đức (Đông Đức) và Cộng Hoà Liên Bang Đức (Tây Đức). Nó gieo rắc kinh hoàng, khủng khiếp lên người dân sống trong nhà tù lớn xã hội chủ nghĩa. Là thủ lĩnh Stasi (Staatssicherheit viết tắt) từ 1957 đến 1989, Erich Mielke tổ chức trên ba thập niên một đội ngũ đông đảo nhân viên, rải kín họ ra khắp Đông Đức, không chỗ nào chừa trống. Stasi là thanh gươm của Đảng, nó có chức năng duy nhất bảo vệ quyền lực của Đảng. Giường máy kèm kẹp truy bức đó quy tụ 92.000 nhân viên chính thức và 170.000 cộng tác viên bán chính thức (Inoffizielle Mitarbeiter, IM). Sau ngày nước Đức thống nhất, người dân Nhật Nhĩ Man vừa kinh sợ vừa ghê tởm khi được biết là thành phần xã hội nào cũng có thể là IM: chính trị gia, luật sư, thẩm phán, thường gia, cầu thủ, nội trợ v.v.. Có người phát hiện rằng chính vợ mình đã là IM, chuyên báo cáo với Stasi nhất cử nhất động của mình. Nói chi đến bạn bè, bà con; ai cũng có thể là IM soi mói, rình mò, dò la, theo dõi, do thám, nghe ngóng rồi phản ảnh, báo cáo, tố giác, chỉ điểm. Chức năng âm thầm và đê tiện của đám sai nha đó đã biến hai chữ cái viết ghép IM thành một đồng nghĩa của Satan, Mephisto. Có người phải mất chức, tử chức vì đã trót là IM. Có người khờ cổ cải chính khi bị nghi ngờ là IM. Có người đành thú nhận đã từng là IM nhưng được tha thứ vì lâm vào cảnh bị cưỡng ép chủ không hề tự nguyện. Ngoài ra, Mielke còn tổ chức hệ thống gián điệp và phản gián len lỏi vào mọi cơ quan chính trị quân sự của phương Tây mà điển hình nhất là Günter Guillaume nằm vùng ngay trong Phủ Thủ Tướng Tây Đức khiến Willy Brand đành tử chức năm 1974 khi nội vụ đổ bể và Rainer Rupp bí danh Topas ẩn mình trong Bộ Tham Mưu Trung Ương của NATO, từng cung cấp tin tức tình báo quân sự cho Đông Đức trong mười bảy năm rông rã! Erich Mielke và Chủ tịch Đảng Erich Honecker rất thân cận nhau, trong đời tư cũng như trong công vụ. Dầu vậy, Mielke vẫn cứ âm thầm thu thập tài liệu chiêu họa, bí mật gom góp báo cáo phưởng hại về người đồng chí ruột thịt này!

Erich Mielke xuất thân là lái buôn vận tải. Thành tích lập công dâng đảng đầu tiên của ông ta là ám sát hai nhân viên cảnh sát ở Berlin năm 1931; sau đó, trốn sang Liên Xô cũ. Đệ nhị Thế chiến kết thúc, Mielke trở về Đông Đức và leo thang rất nhanh trong bộ máy quyền lực cộng sản. Năm 1957 trở thành Bộ Trưởng An Ninh Quốc Gia thứ ba và cuối cùng. Mielke trực tiếp nắm công tác thanh lọc đảng; vào hai thập niên 50 và 60, từng đạo diễn nhiều phiên toà xử án tử hình những đồng chí đảng viên khác chính kiến.

Tuy vậy, năm 1989, cả Mielke lẫn cơ quan Stasi đều không nhận thức được sự biến chuyển của tình hình. Mielke vào thời điểm đó vẫn là một lãnh tụ cao niên cực kỳ bảo thủ và ngoan cố, chủ trương đàn áp thẳng tay mọi hành động hay phong trào chống đối. Sau khi nước Đức thống nhất, đồng hồ số chất ngất của Stasi do cơ quan Gauck (Gauck-Behörde) quản lý. Cơ quan này đã phát hiện là Stasi có kế hoạch xây dựng những trại tập trung an trí nhằm quản thúc câu lưu hàng loạt các thành phần đối lập. Đối với công dân Đông Đức tham gia biểu tình đòi tự do dân chủ, Mielke từng lớn tiếng hăm dọa: "Đánh cho nhừ tử lũ heo đó đi." (*Haut sie doch zusammen, die Schweine!*). Dầu vậy, phong trào phản kháng cứ càng ngày càng bành trướng: ví dụ ở Leipzig ngày 02.10.89 có 20.000 người biểu tình, ngày 09.10 có 70.000, ngày 16.10 có 120.000 và ngày 23.10 có 300.000. Stasi thoát đầu hung hăng đàn áp những ngày 09.10, trước khí thế mãnh liệt của quần chúng, không dám can thiệp nữa. Cho nên ngày 18.10 Erich Honecker bị lật nhào. Ngày 18.03.90, lần đầu tiên bầu cử tự do Quốc Hội được tổ chức ở Đông Đức. Trong một phiên họp Quốc Hội sau đó, Erich Mielke xuất hiện trước công chúng lần cuối cùng với câu nói để đời thứ hai, khiến cử tọa đồng thanh rộ lên phản đối và cười nhạo: "*Ich liebe euch doch alle.*" (Nhưng tôi yêu thương tất cả bà con mà). Mielke tỏ ra hoàn toàn lạc hậu trước thời cuộc và thời thế. Tháng 11.1989 Mielke bị tước bỏ tất cả chức vụ và bị bắt sau đó ít lâu. Tháng 02.1992 Mielke phải ra toà không phải để trả lời về các tội trạng trong cương vị lãnh tụ Đông Đức mà vì bị truy tố về vụ mưu sát hai cảnh sát viên năm 1931. Mielke đóng vai già lão bệnh tật, luôn luôn đội sùm sụp chiếc mũ dạ,

nói năng run rẩy, nghe ngóng nghễnh ngãng. Sau hai mươi tháng thụ lý nội vụ và sáu mươi hai năm sau thời điểm phạm pháp, Mielke bị toà án tiểu bang Berlin tuyên phạt sáu năm cấm cố và ngồi tù tại nhà lao Berlin-Moabit, ở đây Mielke là phạm nhân cao tuổi nhất. Mielke được miễn tố tội liên đới trách nhiệm trong những vụ sát nhân nơi chân bức tường vì tháng 09.1994, toà phán quyết Mielke không đủ sức khoẻ tham gia tiến trình xét xử. Ở tù hai phần ba thời gian câu lưu về tội giết hai cảnh sát viên, Mielke được toà khoan hồng cho tại ngoại; hơn nữa, còn được lãnh 2.000 DM bồi thường vì ba tháng cấm cố do tội hình gây tử vong cho công dân nơi chân bức tường mà toà đã phán quyết miễn tố.

Ngày thứ hai 22.05.2000, Mielke chết âm thầm cô đơn trong một nhà chăm sóc người già ở Berlin-Hellersdorf, thọ được 92 tuổi. Bước chân cuộc đời Mielke coi như chỉ toàn giẫm lên tử thi đồng loại. Dầu vậy, những người cùng chung sống với Mielke trong Viện Dưỡng Lão đều nhận xét là ông ta không hề tỏ ra hối hận về quá khứ đẫm máu của mình. Những năm tháng cuối cùng của cuộc đời, Mielke chỉ toàn nhắc lại dĩ vãng khi có kẻ đối thoại, còn không thì chỉ ngồi thủ nhìn qua cửa sổ ngắm cuộc sống Berlin đang diễn ra, Berlin ngày nào là trung tâm quyền lực của chính ông ta. Trong một cuộc phỏng vấn, Mielke nói được câu thủ ba đề đời của mình: "Ich führe ein unnützes Leben." (Tôi sống một cuộc đời vô dụng).

Báo chí Đức bình luận rằng cái chết của Mielke không đáng nhỏ nửa giọt nước mắt, rằng những tội ác của Mielke vẫn phải được tiếp tục điều tra phanh phui nhằm đáp ứng đòi hỏi công lý và đạo đức của những nạn nhân cả ở Đông lẫn Tây Đức.

Linh hồn Erich Mielke giờ đây đang làm gì, đang ở đâu? Chờ đầu thai đi làm một loài súc sinh nào đó, theo lời dạy Đức Thích Ca? Đang được tẩy uế tội ác theo niềm tin Do Thái giáo? Trình diện trước Thượng Đế để Ngài phán xét hành trạng theo tín lý đạo Hồi? Đang ở tình tội lỗi, đang chịu cảnh luyện ngục theo Thiên Chúa giáo?

\* \*  
\*

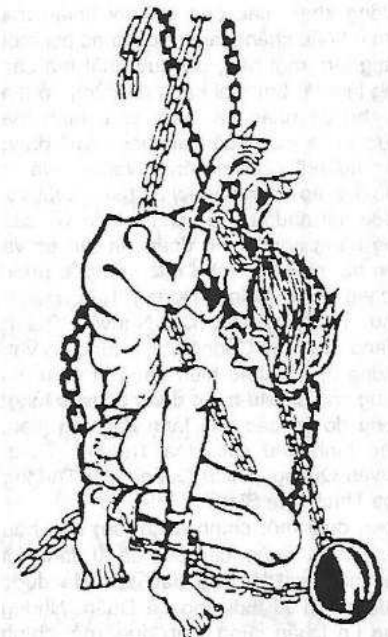
Bốn mươi năm lịch sử quốc gia Đông Đức cũng là bốn mươi năm lịch sử hoạt động đối lập và bốn mươi năm lịch sử đàn áp đối lập. Hoạt động liên tục và đàn áp liên tục. Nhưng kể từ cuối thập niên 70, lực lượng đối lập càng ngày càng phát triển cả về nhân sự lẫn tổ chức. Thoạt tiên là những phản kháng thuộc lĩnh vực văn hoá. Rồi hướng đấu tranh trở nên đa dạng, lan toả sang phạm vi bảo vệ hoà bình và bảo vệ môi sinh. Kế đến các giáo hội đứng ra làm đầu tàu, đầu não. Mặt khác, giới trẻ càng ngày càng ý thức rõ trách nhiệm và chức năng của mình, càng ngày càng tỏ ra bất bình đối với chế độ toàn trị độc đảng. Tuy Stasi cũng thành công trong công tác nội vận lũng đoạn các tổ chức đối lập và trong rất nhiều trường hợp, từng tàn bạo đàn áp những thanh thế các phe phái đối kháng vẫn cứ càng ngày càng bành trướng, song song với những biến chuyển ở các quốc gia lân cận.

Năm 1989, cả Đông Đức lẫn Tây Đức đều cùng kỷ niệm bốn mươi năm thành lập. Tuy nhiên tình hình ở Đông Đức dưới sự khống chế của đảng cộng sản SED với thủ lĩnh Honecker cứ càng ngày càng xấu đi. Trong khi hàng vạn công dân Đức trốn chạy qua biên giới Hung Gia Lợi và Tiệp Khắc thì lực lượng đối lập tại quốc nội cứ mỗi ngày mỗi mạnh. Chỉ vài hôm sau ngày "quốc khánh", hàng trăm ngàn người tụ tập biểu tình bất bạo động chống bạo quyền áp bức. Rồi sáng kiến đấu tranh mới này sinh: dân Đông Đức đòi thống nhất với Tây Đức. Khẩu hiệu thuở ban đầu *Wir sind das Volk* (Chúng ta là nhân dân) được đổi thành *Wir sind ein Volk* (Chúng ta là một dân tộc). Các lực lượng đối lập cứ tiến dần từng bước như thế, để đi đến giai đoạn đòi hỏi cải cách dân chủ. Kết quả: Bàn Tròn (*der Runde Tisch*) qui tụ các tập thể phản kháng và đảng cộng sản SED cùng các tổ chức vệ tinh đạt được chiến thắng quyết định đầu tiên khi bức bách Stasi phải giải tán, khi đòi hỏi biên soạn được hiến pháp dân chủ và tổ chức bầu cử quốc hội tự do.

Người dân Đông Đức đã biết lợi dụng được cả thời lẫn thế. Và nhất là họ thấy rất rõ rằng chỉ có họ mới đòi được tự do cho họ. Cho nên họ đã chuyển hướng và chuyển hóa hình thức đấu tranh. Thoạt đầu là bỏ nước ra đi bằng mọi giá, kể cả bằng sinh mạng bản thân. Nhưng rồi đến một thời điểm nhất định, họ không bỏ

phiếu bằng xe bằng chân nữa, họ bỏ phiếu bằng tay bằng miệng. Họ quyết định ở lại để đấu tranh, *wir bleiben hier*.

Chúng ta cũng đã từng cả triệu triệu người bỏ phiếu bằng chân, bằng thuyền, bằng máy bay. Chúng ta đã liều mình thực hiện giai đoạn thứ nhất, giai đoạn kế tiếp thuộc về đồng bào quốc nội. Tuy nhiên nếu như người dân Việt Nam trong nước không tự mình tranh đấu, nếu như tuổi trẻ Việt Nam trong nước không can đảm dấn thân thì Trần Quốc Hoàn đã sống một cuộc đời không vô dụng như Erich Mielke. Y sống cuộc đời hữu dụng vì đã bảo vệ được đảng của y. Để đảng của y ngồi lên đầu lên cổ dân tộc. Để dân tộc cúi đầu qui gối mang cái nhục lạc hậu và yếu hèn. Cộng đồng hải ngoại Việt Nam đã hình thành qua hành động thách thức số mệnh, qua quyết định mạo hiểm ly hương. Cộng đồng hải ngoại Việt Nam trong cảnh sống lưu vong trên những vùng đất không hề hiếu khách đã đứng được vững và ngay khi mới lại hồn, đã dốc lòng yểm trợ phong trào đấu tranh quốc nội. Nhưng nếu quốc nội không ý thức được vai trò và trách nhiệm của mình thì chữ S trên bờ Thái Bình Dương sẽ còn lâu mới được như mảnh đất nhìn ra Bắc hải. Và đến ngày nào tội ác của những tên Việt cộng chỉ đạo các vụ ám sát Dân biểu Trần Văn Văn, Viện Trưởng Nguyễn Văn Bông, Bộ Trưởng Lê Minh Trí, Giáo sư Trần Anh v.v.. mới chịu sự phán xét của ngành Tử Pháp Việt Nam Tự Do?





# Thư ngỏ gửi ông Lê Khả Phiêu và Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam

Kính gửi:

- Ông Lê Khả Phiêu, Tổng Bí Thư Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam;  
- Bộ Chính Trị và Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam  
Số 1 phố Nguyễn Cảnh Chân, Hà Nội, Việt Nam.

Tôi là **Nguyễn Hùng Gy**, Đảng Bộ Trưởng Đảng Bộ Đông Đức của Đảng Nhân Dân Hành Động Việt Nam, Ủy Viên Trung Ương Đảng, Hội Viên của Hội Phật Tử Việt Nam Tự Nạn Cộng Sản tại Cộng Hòa Liên Bang Đức, với pháp danh Thiện Tâm, hiện cư ngụ cùng gia đình tại Kopernikus Str.61 - 08058 Zwickau, CHLB Đức, gửi bức Thư Ngỏ này tới cùng toàn thể các Ủy Viên Bộ Chính Trị và Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam để bày tỏ mối quan tâm, lo ngại tới tình hình đất nước và đề nghị tới cùng toàn thể Đảng Cộng Sản của ông và Chính phủ Việt Nam một số yêu cầu cấp bách nhằm cải thiện đất nước về các mặt: Chính trị, Xã hội, Kinh tế, Văn hóa, các mối quan hệ trong xã hội khác v.v...

Trước hết cần phải nói ngay là: tình hình Việt Nam chẳng có gì thay đổi theo chiều hướng tốt đẹp hơn kể từ khi ông lên nắm quyền Tổng Bí Thư. Cũng giống như các đời Tổng Bí Thư, Chủ Tịch Nước và Thủ Tướng khác, các ông chỉ nói nhiều mà làm ít hoặc chẳng làm gì cả hoặc nói một đằng làm một nẻo, cái duy nhất mà các ông làm là: tìm mọi cách để củng cố địa vị cho cá nhân và ê-kíp của mình mà thực tế là củng cố cái "nồi cơm" đang "lên hương" của nhà ông. Ngoài ra là ra sức đàn áp những người có tâm huyết với nước đất nhưng khác chính kiến với các ông bằng những thủ đoạn rất tàn ác và hèn hạ, nhỏ mọn như các nhà yêu nước Hoàng Minh Chính, Hoàng Tiến, Hà Sĩ Phu, Tiểu Đạo Bào Cự, Nguyễn Thanh Giang, Vũ Huy Cưỡng v.v... cùng vô vàn những người khác hiện đang bị cầm giữ trong các nhà tù hoặc đang bị giam lỏng, trong đó có các nhà lãnh đạo tôn giáo, điển hình như các Hòa Thượng: Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ, Thượng Tọa Thích Tuệ Sĩ v.v...

Theo đuổi một chính sách làm chủ hầu cho Trung Quốc, các ông đã tự đánh rơi cái mặt nạ "độc lập dân tộc" đã được giương lên từ thời ông Lê Duẩn. Nhưng ông Lê Duẩn cũng theo đuổi một chính

sách làm tôi tớ cho Nga Xô thì có khác gì đâu? Các ông đã được gì trong chính sách đó? Được sự ủng hộ và giúp đỡ của Trung Quốc để bảo vệ ngôi báu! Còn đất nước Việt Nam? Tiếp tục bị nhận chìm trong đói nghèo và lạc hậu! Mỗi năm Trung Quốc chỉ nhiều tỷ Nhân Dân Tệ (tiền Trung Quốc) để làm lễ liệt toàn bộ nền kinh tế vốn đã rất ẻo lạt ở trong nước, bằng việc xuất khẩu hàng công nghiệp nhẹ giá rẻ mạt cho vào Việt Nam, cùng một lúc mũi tên nhắm vào nhiều đích: Bắt Việt Nam phải lệ thuộc vào Trung Quốc, làm phá sản tất cả các xí nghiệp sản xuất hàng may mặc, đồ gia dụng và công nghệ nhẹ khác, đổ ra đường hàng triệu lao động dư thừa, biến họ thành những con buôn hàng lậu Trung Quốc vào Việt Nam, xi ke ma túy, đi, điếm, lừa đảo v.v... Bật đèn xanh cho các tập đoàn kinh tế người Hoa ở Singapore, Thái Lan, Mã Lai, Hồng Kông đầu tư vào lãnh địa ăn chơi trác táng ở Việt Nam như: nhà hàng, khách sạn... thực chất là làm tha hóa hầu hết đội ngũ cán bộ lãnh đạo nhất là lãnh đạo về kinh tế ở Việt Nam, làm mất ruộng toàn bộ hệ thống nhân sự cốt cán, biến xã hội Việt Nam thành một xã hội thú dữ, chỉ biết có tiền, đạo đức suy đồi, nhân cách không có...

Nhất cử nhất động mọi vấn đề quốc gia đều phải hỏi ý kiến Trung Quốc, khiến họ can thiệp rất sâu vào công việc nội bộ của trong nước, kể các vấn đề về nhân sự. Hiệp định biên giới Việt-Hoa vừa được ký kết là một sự bán rẻ tổ tiên, đất nước cho nước lớn, theo đó Việt Nam phải cắt đi khoảng 8 huyện để bù trả cho phía Trung Quốc, để đổi lại cho Trung Quốc ủng hộ Lê Khả Phiêu trỗi cử Tổng Bí Thư trong khóa tới (có kèm thêm cả chức Chủ Tịch Nước).

Hết lòng ca ngợi: Trung Quốc, Liên Xô, Cu Ba và ca ngợi luôn cả những tên trùm khủng bố quốc tế như: Saddam Hussein của Iraq hay Milosevic của Jugoslaviên... Vậy mà đến khi trong nước có lũ lụt, hạn hán, đói kém hay khốn khổ gì thì chẳng thấy mấy ông anh hay ông bạn vĩ đại nào ra tay cứu giúp cả mà chỉ thấy toàn những tên "Đế quốc, Thực dân" sẵn lòng ửng cườ như: Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Hòa Lan, Bỉ v.v... Rõ ràng là các ông đã mù quáng hay cố tình bán rẻ đất nước và dân tộc để đổi lấy chức vị và đô-la cho cá nhân mình.

Hiệp định thương mại Việt-Mỹ đáng lẽ đã được ký kết cách đây 4 năm, nhằm mang lại một chút sinh khí cho người dân Việt Nam. Theo đó, nạn thất nghiệp sẽ được giảm bớt do các xí nghiệp liên doanh của Hoa Kỳ đầu tư vào, hàng hóa với chất lượng cao được đưa qua với giá cả phù hợp và quan trọng nhất là Hoa Kỳ sẽ ưu tiên nhập hàng công nghệ nhẹ, gia dụng và hàng may mặc, hàng da... của Việt Nam nhằm thúc đẩy và làm sống lại nền công nghiệp truyền thống này, bấy lâu nay bị "ông anh vĩ đại" tiêu diệt. Ngoài ra là hàng chục triệu lao động sẽ có việc làm hợp pháp với mức lương phù hợp, thay vì phải đi buôn bán mánh mung, lừa

đảo hay đi điếm, xi ke ma túy, cướp giết... thì họ có công việc ổn định hàng ngày và cùng tử đầy, tệ nạn xã hội được giảm xuống, con người sống lương thiện hơn, tình người hơn, các mối quan hệ trong xã hội được cải thiện...

Song, vì bị Trung Quốc o bế và dọa dẫm nên Việt Nam không dám ký (trong khi Trung Quốc thì đã ký từ lâu), chẳng bao giờ Trung Hoa muốn một nước Việt Nam giàu mạnh ở cạnh họ, đó là bản chất từ muôn đời nay. Sau hàng chục lần (kể cả ông Lê Khả Phiêu) sang cầu cạnh, lay lục thì Trung Hoa mới đồng ý nhưng với điều kiện: Hiệp định phải bị hạn chế và cắt bỏ rất nhiều. Thiết thời vẫn thuộc về phía nhân dân Việt Nam.

Khoản nợ nước ngoài hàng chục tỷ Mỹ kim (bao gồm phần lớn là các ngân hàng thế giới), không có khả năng chi trả, các ông lãnh đạo của Đảng Cộng Sản và Chính phủ Việt Nam đã tròng lèn cổ người dân nhằm vỗ béo cho tài khoản của các ông hiện gửi ở các ngân hàng Thụy Sĩ và Mỹ?

Chiến dịch chống tham nhũng và buôn lậu, ma túy như kiến gài voi chẳng nhằm nhò gì vì cũng thật dễ hiểu là các ông trùm tham nhũng và buôn lậu (kể cả buôn lậu ma túy) lại nằm ngay trong Bộ Chính Trị hoặc Trung Ương Đảng..., một số tên bị bắt hoặc tù hình chỉ là vật tế thần cho các ông mà thôi.

Chiến dịch "chinh đốn Đảng" cũng đang là trò cưỡi cho các đàn em cấp dưới vì 100% các cán bộ có chức quyền ở Việt Nam đều tham ô, hối lộ, hủ hóa... Vậy thì bài trừ ai? Họca chỉ là một dịp để chúng thanh trừng những người tốt mà không cùng phe cánh mà thôi.

Tóm lại, bằng các chính sách sai lầm và độc đoán hiện nay, các ông đang dung túng cho một sự sụp đổ của chính mình ngày một dâng lên như nước vỡ bờ mà chẳng một con đê nhỏ nhoi, yếu ớt nào của lòng tự trọng, của lòng yêu nước hay "trách nhiệm nào ngàn cân" nổi.

Cũng chính từ quan điểm: muốn xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh bằng chính bàn tay, khối óc của người Việt Nam, dựa vào sự ủng hộ về tinh thần và vật chất của các nước lớn và hào hiệp như Mỹ, Nhật Bản và khối Cộng Đồng Âu Châu, tôi đề nghị ông Tổng Bí Thư và Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam một số điểm như sau:

1. Thực thi ngay chế độ đa nguyên, đa đảng về chính trị, tự do, dân chủ thực sự cho Việt Nam.
2. Thả ngay và vô điều kiện những tù nhân chính trị hiện còn bị giam giữ tại Việt Nam và chấm dứt hoàn toàn việc đàn áp, khủng bố những người khác chính kiến, những nhà lãnh đạo tôn giáo.
3. Sau thời gian 2 năm kể từ khi đảng phải khác không thuộc Đảng CSVN công khai hoạt động thì mở cuộc tổng tuyển cử

tự do ở trong nước bao gồm tất cả các đảng phái.

4. Thành lập một chính phủ nhiều thành phần để huy động tối đa trí tuệ của người dân Việt từ khắp nơi trên thế giới.

5. Chấm dứt chính sách làm tôi đòi cho Trung Quốc để không bị lệ thuộc vào họ.

6. Thiết lập các mối quan hệ và bang giao mật thiết với Mỹ, Nhật Bản và các nước trong khối Cộng Đồng Âu Châu (EU) thể hiện bằng các Hiệp định Thương mại song phương và các hiệp định khác mà theo đó: Việt Nam là một thành viên để nhận được sự ủng hộ tối đa của họ, kể cả trong trường hợp bị Trung Hoa khiêu khích thì cũng có các hiệp định bảo vệ.

7. Mở ngay cuộc đối thoại với các nhà lãnh đạo các đảng phái của người Việt ở hải ngoại và các nhà yêu nước ở trong nước để cùng tìm ra các giải pháp cho đất nước hiện đang ở thời kỳ khủng hoảng về nhiều mặt.

8. Thẳng tay trấn áp mọi loại tội phạm ở trong nước từ: tham ô, hối lộ cho tới buôn lậu, ma túy, điếm... để làm trong sạch xã hội. Thẳng tay loại trừ những phần tử chóp bu những giũ vai trò "Bố Già" bảo kê cho đàn em hoạt động theo kiểu bạch tuộc.

9. Thực thi một chính sách phúc lợi xã hội, nhằm chăm lo cho: người già cô đơn, người bệnh tật, trẻ em mồ côi, tật nguyền, các cá nhân và gia đình nghèo khi không có khả năng tự nuôi sống hoặc chữa bệnh những bệnh nhân nặng hoặc bệnh éo le... cần có sự quan tâm của chính quyền và xã hội. Không nên "khoán trắng" việc này cho các tổ chức từ thiện vì sức "bao" của họ không xuể;

10. Thực thi chế độ tự do báo chí, có báo tử nhân nhằm thực hiện thông tin nhiều chiều đến nhân dân, chống bưng bít như hiện nay, nhằm kiểm soát và phát hiện các việc làm sai trái của các cơ quan hành pháp và cơ quan kinh tế... giúp người dân tố tụng và bảo vệ quyền lợi của họ.

Trên đây là tất cả những sự thật về một bức tranh toàn cảnh tồi tệ về xã hội Việt Nam mà các ông đã góp phần bồi đắp cùng 10 đề nghị bức bách nhằm cải thiện tình hình đất nước. Tôi hy vọng là các ông hãy đón nhận nó với một thái độ trân trọng và cầu thị. Ngoài ra, nếu các ông nhìn nó với một lăng kính chụp mũ (phản động) hoặc thù nghịch thì cũng đồng nghĩa với việc tiếp tục phá hại đất nước và con người Việt Nam.

Kính  
**Nguyễn Hùng Gy**

## Thoảng nghe, trong gió

(Thay lời chia buồn cùng anh Phù  
Vân và gia đình - 5.7.2000)

Con nơi đất khách quê người,  
Nghĩ tin Mẹ đã xa rồi ... đường  
gian...  
Mẹ về với chốn vĩnh hằng,  
Để con ở lại... lệ tràn bờ mi..!  
Thoảng nghe, trong gió thăm thi,  
Nghe như lời dặn: "Mẹ đi! Đùng  
buồn!"  
Hết mưa, đến nắng trào tuôn,  
Mẹ đi thanh thoát... giữa nguồn  
hương sen...!  
Cuộc đời lắm những bon chen,  
Cũng thành hư ảo.. sang, hèn -  
Mà chi !!!

● **Trần Kim Lan**  
Hannover 22.8.2000

## PHÂN ƯU

Được tin trẻ

### THẦY THƯỢNG TỌA THÍCH THIÊN THÔNG

đã viên tịch ngày 30.6.2000 tại  
Hannover, Đức Quốc. Hưởng  
dường 58 tuổi.

Chúng con xin thành kính chia  
buồn cùng tang quyến và nguyện  
cầu chư Phật hộ độ Giác Linh Cố  
Thượng Tọa được siêu sanh Tịnh  
Độ nơi Niết Bàn.

Gia đình Phật Tử Nguyễn Minh  
Tám cùng các Phật Tử đã được  
Thượng Tọa giảng pháp và truyền  
lễ thọ Bát Quan Trai cùng Thầy  
Thượng Tọa Thích Như Điền trong  
hai ngày 17 và 18.6.2000 tại Niệm  
Phật Đường VIÊN-Ý. Chúng con  
xin tri ơn Người mãi mãi.

**Nam Mô A Di Đà Phật**

## Thơ Bùi Đăng Khuê



### Có một điều

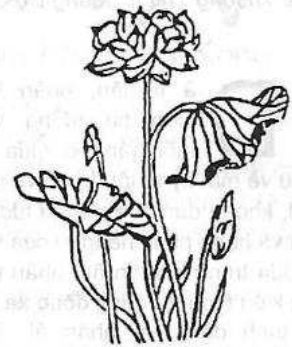
Trong tim tôi sâu thẳm  
Có một điều không tên  
Một điều luôn rất lạ  
Dẫu tháng ngày đã quen.

Một điều như làm lỡ  
Nhưng chẳng muốn đổi thay  
Một điều luôn muốn giấu  
Lại sợ người không hay.

Một điều luôn ngóng đợi  
Mà cứ như tình cờ  
Một điều đang có thực  
Vẫn ngỡ là trong mơ.

Tôi sẽ không hề rời  
Thêm tôi nhiều gió bay  
Để tìm tôi sâu thẳm  
Là mây hồng chiều nay

(Trong thi tập **Mây Bay**)



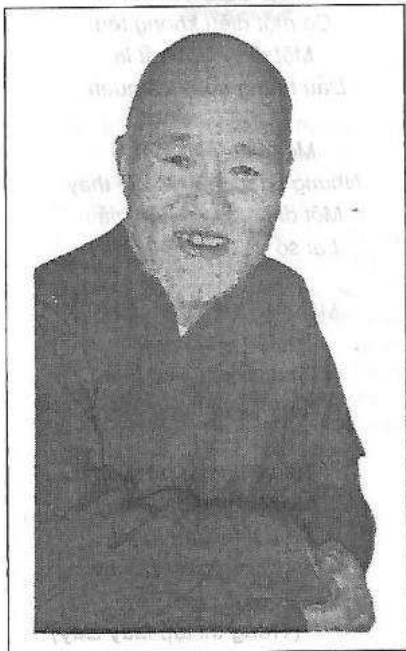
## Lạy Phật

(Tặng anh Liêm)

Ngẩng nhìn Bờ Tát lệ trào rơi  
Nguyện cũ, duyên xưa đã bao đời  
Trước đấng Từ Tôn con cúi lạy  
Nghe lòng phiền não bỗng nhẹ với

● **PHÚC MINH** Cú Sĩ

# Vấn đề nhân quyền



Hòa Thượng Thích Quảng Độ

Đã từ lâu, nhân loại luôn tin tưởng vào mỗi gắn bó giữa sự kiến hiệu về mặt kỹ thuật, tự do về mặt chính trị, khoan dung về mặt tư tưởng, văn hóa và hạnh phúc riêng tư của mỗi người. Dựa trên niềm tin ấy, nhân loại hy vọng kiến tạo một cộng đồng xã hội tự do, bình đẳng và nhân ái. Thế nhưng, trải qua suốt thế kỷ XX, nổi bật hạnh lớn nhất của loài người không phải là nghèo đói khốn cùng, mà là cực quyền chuyên chế. Đến lúc tự do thắng độc tài, dân chủ thắng chuyên chế, ai ai cũng tưởng rằng nhân loại sẽ bước sang một thời đại mới, thời đại dân chủ hòa bình! Nhưng đó đây độc tài vẫn còn sống sót và tiếp tục gieo rắc tai họa, cho nên lời kêu gọi bảo vệ nhân quyền trở nên một vấn đề cấp bách. Thế thì thế nào là nhân quyền?

Nhân quyền bao gồm các quyền thiên nhiên bất khả xâm phạm và thiêng liêng nhất của con người. Phù

nhận hoặc khinh miệt nhân quyền là nguyên nhân gây đau khổ cho cộng đồng quốc gia và tạo điều kiện tốt cho nhà cầm quyền độc tài tham nhũng.

Xin đôn cử vài yếu tố nhân quyền chính yếu:

- 1- Mỗi người sinh ra đều tự do bình đẳng trước pháp luật. Phân chia xã hội thành nhiều thành phần, nhiều đẳng cấp chỉ nhằm tạo lợi ích chung mà thôi.
- 2- Mục tiêu của các đoàn thể chính trị, các đảng phái là bảo vệ các quyền thiên nhiên không bao giờ mất hiệu lực của con người. Các quyền ấy là tự do, tư hữu, an ninh, chống áp bức.
- 3- Tự do có nghĩa là làm bất cứ điều gì, miễn sao không tác hại đến người khác. Do đó, việc thực thi nhân quyền phải nằm trong giới hạn do luật định cùng lúc bảo đảm cho mọi thành viên xã hội được hưởng thụ quyền ấy.
- 4- Không ai có thể bị kết tội, bắt giam cầm, ngoại trừ trong những trường hợp do luật định. Cần phải trừng trị những ai yêu cầu, ra lệnh, thi hành hoặc nhờ người khác thi hành những lệnh độc đoán.
- 5- Luật pháp biểu hiện ý dân. Mỗi công dân hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp qua các đại diện, đều có quyền đóng góp vào công cuộc tổ chức luật pháp. Luật là luật chung cho mọi người trong vấn đề bảo vệ cũng như trừng phạt. Tất cả công dân đều có quyền đạt phẩm tước, được chọn vào các ngạch trật, việc làm ở các cơ quan công cộng tùy theo khả năng, tài năng và phẩm cách.
- 6- Mỗi người đều có tự do biểu lộ quan điểm của mình, ngay cả tín ngưỡng.
- 7- Trao đổi tư tưởng là một trong những quyền quý giá nhất. Mỗi công dân đều có thể nói, viết, tự do ấn hành nếu không lạm dụng quyền tự do ấy.

8- Bảo đảm nhân quyền cần đến một lực lượng công cộng. Lực lượng này được thành lập nhằm vào lợi ích chung, không phải riêng cho những ai được giao phó điều hành lực lượng ấy.

9- Quyền tư hữu là quyền không thể tước đoạt, trừ trường hợp vì lợi ích công cộng do luật định, nhưng với điều kiện tiên quyết là phải bồi thường thỏa đáng.

10- Xã hội nào không bảo đảm nhân quyền, không thành lập chế độ nhân quyền lập pháp, tư pháp và hành pháp, xã hội ấy không có Hiến Pháp.

Kể từ khi đa số chế độ độc tài chuyên chế sụp đổ ở phía Đông và phía Nam địa cầu và Mỹ thắng chiến tranh lạnh, giai đoạn tiếp nối là giai đoạn kinh tế thị trường toàn cầu do Mỹ điều hành, bảo vệ. Nền kinh tế thị trường này thu nhận, thậm chí bao che các chế độ độc tài còn sống sót. Cho nên vấn đề nhân quyền trở nên một vấn đề nóng hổi. Trước uy lực của thị trường, trước sức mạnh của các cường quốc, ai ai cũng tự hỏi bảo vệ nhân quyền phải chăng là một lý tưởng cao đẹp?

Cũng như mọi năm, năm nay Trung Quốc, Liên Bang Nga nhờ sử dụng một thủ tục tố tụng nên thoát khỏi sự khiển trách của Ủy Ban Bảo Vệ Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc. Liên sau đó, các tổ chức phi chính phủ như AMNESTY INTERNATIONAL, HUMAN RIGHTS WATCH đều đánh dấu hỏi còn có bao nhiêu nạn nhân nữa phải hy sinh, vì người ta có những thái độ trái với nhân đạo nhân danh điều gọi là chính trị ngoại giao thực tiễn? Vì khiếp nhược hoặc vì quyền lợi, một số quốc gia có khuyhnh hướng quay lưng làm ngơ trước sự vi phạm nhân quyền ở nhiều nơi. Người ta đồng lòng thỏa hiệp không làm mất lòng các cường quốc, như thế cấp giấy phép cho bất cứ chính quyền nào cũng có thể làm bẽ tắc mọi công tác bảo vệ nhân quyền. Tìm kiếm đồng thuận thay vì kết án bạo lực là mục tiêu thịnh hành hiện nay.

Các chế độ độc tài chuyên chế Á Châu như Trung Quốc, Việt Nam Cộng Sản dựa trên truyền thống văn hóa đặc thù để bác bỏ nhân quyền. Riêng Hà Nội khẳng định nhân quyền là một vấn

để nội bộ quốc gia, mang đối chiếu nhân quyền với chủ quyền. Đảng Cộng Sản Việt Nam lên án những cá nhân nào, những tổ chức nào, những chính phủ nào xen vào nội bộ, như thể để tụt tiện hà hiếp dân tộc Việt Nam.

Những nhân quyền là những quyền có giá trị tuyệt đối bất cứ nơi đâu, ở bất cứ thời đại nào. Nhân quyền không còn là một bài toán nội bộ quốc gia. Bất chấp chủ quyền, can thiệp vào nội bộ để bảo vệ nhân quyền cũng là một hình thức nhân quyền.

Giữa lúc tự do dân chủ, các hội đoàn, các nhân sĩ, chính khách tha thiết với hòa bình, nhiệt tình tranh đấu cho sự sống còn của nhân quyền, thì Hòa Thượng Thích Quảng Độ được tuyển chọn dự giải NOBEL Hòa Bình năm 2000. Để áp đảo vị MAHATMA GANDHI Việt Nam này, trong quá khứ Hà Nội dùng mọi biện pháp như giam cầm 15 năm, bẫy giờ quản thúc tại gia, cấm giảng dạy hoặc trục xuất một nhân viên chính thức Liên Hiệp Quốc đến viếng thăm Ngài v.v.

Hiện nay trên thế giới, chắc không ai nổi bật bằng Ngài trong công cuộc tranh đấu chống lại một đảng phái đồng hóa với nhân dân, với thủ đoạn tung ra khẩu hiệu "dân làm chủ" để nắm giữ một quyền lực không giới hạn, lấn át hầu hết những khát vọng của người dân, áp bức nhân quyền, trong cuộc đối đầu với ý thức hệ Cộng sản, một ý thức hệ tự cho mình đại diện một chân lý đứng trên quyền lợi tối thượng của quốc gia dân tộc. Ngài dùng sách lược bất bạo động đường đầu với bạo quyền. Bất bạo động cũng như lý tưởng là một giải pháp ép buộc đối thủ một mình phải mang nặng điều xấu điều quấy. Sự nghiệp của Ngài chứng minh một cách hùng hồn Phật Giáo không phải là nha phiến đầu độc xã hội, mà là lưới gươm sắc bén chặt đứt mọi phiền não đưa đến cho nhân loại. Như một mũi giáo của dân tộc Việt Nam tung thẳng vào đảng Cộng sản với một thách đố trên 3 khía cạnh xã hội, chính trị, đạo lý: Dẫn thân vào công tác xã hội trước sự bất lực của Nhà nước. Bảo vệ quyền làm người, góp phần vào việc kiến tạo hòa bình. Một điểm tựa tinh thần vững chắc cho đa số mất niềm tin trước một thiếu số mãi lo vinh thân phì da.

Tuy nhiên, dự giải là một chuyện, trúng tuyển là chuyện khác, bởi sự bỏ

phiếu quyết định trao giải thường trước nhất phụ thuộc vào những lý do đôi khi không dính dáng chi lắm đến nhân quyền! Lý do kinh tế chiến lược chẳng hạn.

Trước đây, Hội đồng duyệt xét giải NOBEL Hòa Bình dự định trao giải cho nhà đối lập Trung Quốc Ngụy Kinh Sinh. Nhưng Bắc Kinh gây áp lực, cuối cùng giải thưởng lọt vào tay Hội Y Sĩ Không Biên Giới. Một tổ chức nhân đạo, nhưng chỉ đáp ứng vào một lãnh vực xây dựng xã hội nào đó.

Vậy thì trong trường hợp Hòa Thượng Thích Quảng Độ, nếu người ta xem tranh đấu bảo vệ nhân quyền là một cuộc tranh đấu về vang nhất, xứng đáng nhất. Bao gồm nhiều lãnh vực cần thiết để bảo vệ đời sống con người, xây dựng xã hội thì Ngài sẽ vinh danh đi vào lịch sử.

Trong mọi trường hợp, tên Ngài nằm trên danh sách ủng hộ viên cũng tạo ra một niềm hân diện cho dân tộc Việt Nam, cộng đồng người Việt tỵ nạn nói chung, cho Phật Giáo Việt Nam nói riêng. Ngài là người thứ hai sau Đức Đạt Lai Lạt Ma có thể gióng lên tiếng nói bắt buộc thế giới phải chú ý đến.

Ở nơi nào mà người ta ngăn cản quần chúng phát biểu quan điểm, dùng bạo lực cản trở sự phổ biến tư tưởng, sự trao đổi ý kiến đối lập, ngăn cấm tự do tin ngưỡng, đàn áp tôn giáo, nơi ấy không bao giờ an lạc, thịnh vượng và mầm mống phản kháng vẫn âm ỉ cháy trong lòng những ai luôn cứu mạng quyền căn bản sống tự do bình đẳng.

Vì không bao giờ có Hòa Bình nếu không có Nhân Quyền. Tranh đấu cho Nhân Quyền là tranh đấu cho Dân Chủ Hòa Bình. Có Hòa Bình là có tất cả.



## Qua Chùa 1



*Qua chùa đếm lá thu rơi  
thu rơi mấy lá buồn tôi mấy cành  
trời còn một chút mây xanh  
cảm ơn chuông vọng tiếng linh  
yêu xưa...*

*Tình yêu đã hóa thành thơ  
còn đây mấy chữ có chờ rơi  
theo?  
ngắn ngủi nắng sáng mưa chiều  
cái chi còn lại buồn hiu mỗi  
người ?*

*Qua chùa cái bóng nường tôi  
cái thân muốn ngã xuống đời  
thật êm  
lá vù mấy chiếc bay lên  
hồn bay với lá nằm quên chỗ  
nào ?*

*Qua chùa lạc lối chiêm bao  
hình như còn một đời sau để về?  
chuông ngày xưa kín sơn khê  
chuông ngày nay vọng não nề  
không gian...*

Huệ Thu



tin

# THẾ GIỚI

**T**rong mấy tháng gần cuối của năm 2000, trên thế giới đã xảy ra nhiều chuyện vừa thiên tai, vừa nhân tai (do con người gây ra) làm tổn hại người và vật chất không sao lường được như cháy rừng ở Mỹ, ở Hy Lạp; máy bay rớt; tàu ngầm bị nổ dưới đáy đại dương v.v... và v.v...

## ● MỸ

**Cháy rừng.** Bắt đầu từ nạn hạn hán ở các Tiểu Bang Nebraska, Florida, Georgia, Colorado, New Mexico v.v... đã làm cỏ khô. Khi bị một tia sét đánh, lửa bắt cháy cỏ khô, từ đó lan sang qua cháy rừng. Cuộc cháy quá to lớn này không dập tắt được vì nó cháy lan mau không thể tưởng tượng được! Mỹ phải cầu cứu đến những chuyên viên chữa cháy của Úc sang trợ giúp, nhưng chỉ chặn đứng được một phần nào mà thôi. Theo lời một chuyên viên chữa cháy nói, thì phải đợi đến mùa Đông tuyết rơi mới dập tắt được hoàn toàn các đám cháy!

Các nhà chăn nuôi và trồng trọt các phần đất hạn hán hay ảnh hưởng do các đám cháy sẽ gặp rất nhiều khó khăn về nước và cỏ cho những đàn bò hàng ngàn ngàn con!

## Duy trì sự hiện diện quân lực Mỹ tại Á Châu

Theo lời phát ngôn viên Ngũ Giác Đài, ông Kenneth Bacon cho biết thì hiện còn quá sớm để nói điều gì sẽ xảy ra cho lực lượng quân sự Mỹ hiện đồn trú tại Nam Hàn sau khi Nam và Bắc Hàn thống nhất. Nhưng ông cũng cho biết rõ ràng là Mỹ có ý định duy trì sự hiện diện quân sự tại Á Châu.

Theo ông K. Bacon thì cuộc họp thượng đỉnh của hai lãnh tụ Nam và Bắc Hàn vừa qua đã có rất nhiều hứa hẹn, nhưng việc chấm dứt sự thù hận đã trải dài hơn nửa thế kỷ của hai bên cũng phải chờ thời gian và thiện chí.

Sau cuộc họp lịch sử giữa Kim Đại Trọng và Kim Chánh Nhật, Tòa Bạch Ốc đang chờ xét các biện pháp giải tỏa sự trừng phạt đối với Bắc Hàn.

Biện pháp thiện chí đầu tiên là Mỹ tặng cho Chương Trinh Thực Phẩm Thế giới 50.000 tấn lúa mì để cứu trợ khẩn cấp cho Bắc Hàn.

## ● BẮC HÀN - NAM HÀN

Sau cuộc họp thượng đỉnh, Kim Nhật Thành ra lệnh cho giới truyền thông nhà nước thay thế các bài mang nội dung đả kích Nam Hàn bằng những tin tức thời sự quốc tế. Các loa phóng thanh tuyên truyền của Đảng đặt dọc theo vĩ tuyến 38 đã ngưng hoạt động. Để đáp lại thiện chí của Bắc Hàn, Nam Hàn đã quyết định ngưng các chương trình phát thanh tuyên truyền chống phá Bắc Hàn và hứa hẹn sẽ hành động nhanh chóng đối với các điều đã thỏa thuận tại cuộc họp ở Bình Nhưỡng.

Một trong những thử nghiệm đầu tiên là sự trở về an toàn trong vùng biển phía Nam của một tàu đánh cá Nam Hàn đi lạc quá lằn ranh biển về phía Bắc. Trước kia chắc chắn chiếc tàu có hai ngư phủ này sẽ bị bắt và cho là gián điệp, thì nay nhà cầm quyền Bắc Hàn thả cho về!

Ngày 15.9.2000, lễ khai mạc Thế Vận Hội mùa hè 2000 tại Sydney (Úc), hai đoàn lữ sĩ Nam và Bắc Hàn cùng đứng chung dưới một lá cờ trắng trên chỉ có bản đồ Hàn Quốc màu xanh. Khi hai đoàn diễu hành qua khán đài, trên 100 ngàn khán giả đứng dậy vỗ tay vang dội từng chập để hoan nghênh sự tạm thống nhất này.

Hy vọng hai họ KIM, cùng một Tổ sinh ra, sẽ tìm mọi cách chấm dứt nửa thế kỷ thù hận, để cho các gia đình bị phân ly có cơ hội đoàn tụ, để nhân dân hai miền bắt tay nhau xây dựng lại một phần đất bị hoang tàn đổ nát dưới sự thống trị của chế độ Cộng Sản. Hãy chọn con đường tươi sáng, con đường hợp với xu thế thời đại mà đi hồi Kim Nhật Thành!

## ● ĐÀI LOAN

Ông Lin Chong Pin, Phó Chủ Tịch Hội Đồng Hoa Lục Sự Vụ, cầm đầu phái đoàn gồm 4 người đến thăm Mỹ. Mở đầu cuộc viếng thăm, ông lên tiếng kêu gọi quốc tế đóng góp ý kiến để cuộc đối thoại giữa Hoa Lục và Đài Loan được mở lại.

Bà Tasi Ing Wei, Chủ Tịch Hội Đồng Hoa Lục Sự Vụ, trước đây đã biểu lộ sự hoan nghinh Mỹ trong vai trò tạo điều kiện thuận lợi để Đài Loan mở các cuộc thảo luận với Hoa Lục, nhưng bà không muốn Mỹ giữ vai trò trung gian trong các cuộc thảo luận. Riêng Mỹ thì

cũng đồng ý là nên để cho hai bên thù nghịch dần xếp các điểm bất đồng với nhau và Mỹ sẽ tôn trọng bất cứ thỏa thuận nào đôi bên đã đạt được.

Từ khi ông Trần Thủy Biển được bầu làm Tổng Thống Đài Loan, ông đã đưa ra lời kêu gọi là Mỹ hãy có thêm những trao đổi chính thức ở cấp cao giữa đôi bên.

Đáp lại lời kêu gọi này, Tổng Thống Clinton đã gửi một người bạn thân là Bộ Trưởng Rodney Slater sang Đài Loan tham dự khóa họp thượng mai thượng niên giữa các doanh nhân Mỹ và Đài Loan.

Được biết Mỹ là nước bạn hàng đứng hàng đầu danh sách của Đài Loan và Đài Loan là nước bạn hàng đứng vào hàng thứ 7 của Mỹ trong năm 1999.

## ● INDONESIA (NAM DƯƠNG)

Theo báo Suara Pembaruan, xuất bản tại Jakarta, tường thuật lại lời ông Bộ Trưởng Tư Pháp Mazuki Darusman, là 1/3 tài sản lên đến gần cả tỷ Mỹ kim của gia đình cựu Tổng Thống Suharto được tìm thấy ở các ngân hàng Hoa Kỳ và Âu Châu.

Trong suốt 32 năm thống trị Nam Dương, với chính sách độc tài gia đình trị ông đã biến thủ hàng chục tỷ Mỹ kim.

Mỗi đây thông tấn xã Antara cho biết chính quyền có thể khoan hồng cho ông cùng thân nhân ông, nếu ông hoàn số tiền đã biến thủ cho công quỹ. Nhưng dân chúng thì muốn đưa ông cùng con cái ông ra tòa xét xử đảng hoàng, nếu ông và thân nhân ông có tội thì sẽ bị trừng phạt theo luật định dù là một cựu Tổng Thống. Còn ông vô tội thì xin đừng đã động gì tới ông nữa. Việc làm này rất cần thiết để chứng tỏ nước này thật sự tự do dân chủ.

## ● PALESTINE - DO THÁI

Tổng Thống Palestine, ông Yasser Arafat, tố cáo Thủ Tướng Do Thái, ông Ehud Barak, là thiếu thiện chí hòa bình. Hai cấp lãnh đạo này đã gặp nhau nhiều lần, nhưng hận thù vẫn còn thù hận.

Mặc dù tình hình căng thẳng giữa hai nước, Mỹ nhất quyết làm đủ mọi cách, kể cả hăm dọa v.v... để đạt được hòa bình ở Cận Đông trước nhiệm kỳ Tổng Thống của Clinton chấm dứt vào cuối năm nay.

Việc này khó có thể thực hiện được, vì sự bất đồng chính kiến giữa đôi bên quá to lớn - Chẳng hạn như thành địa Jerusalem Do Thái muốn dùng làm thủ đô; còn Palestine thì muốn được chia một phần v.v...

Hãy chờ xem kết quả các kỳ họp thượng đỉnh sắp tới. Ai cũng mong mỏi cho hai nước này được hòa bình để

cho dân chúng đôi bên khỏi phải mỗi ngày mỗi đổ máu và chết chóc.

### ● GIÁN ĐIỆP

Cựu Đại tá trong quân đội Mỹ, ông George Trofimoff (73 tuổi), đã bị Cục Điều Tra Liên Bang (FBI) Mỹ bắt giữ tại một khách sạn ở thành phố Tampa (Florida) sau khi gặp một nhân viên FBI giả dạng một điệp viên Nga đến gặp gỡ để trao tiền. Ông G. Trofimoff bị cáo buộc làm gián điệp cho Liên Xô và Nga trong suốt 25 năm. Giới chức trách cho hay ông đã thu đắc những tin tức quân sự mật trong lúc làm việc với tư cách dân sự trong quân lực Mỹ tại Tây Đức. Những tin tức đó gồm tài liệu, hình ảnh, âm bản và thông tin liên quan đến quốc phòng Mỹ. Việc làm gián điệp của ông đã được Liên Xô ca ngợi và cấp bằng khen là người can đảm và hy sinh cho đất mẹ Xã Hội Chủ Nghĩa ! Vì cha mẹ ông là người Nga, sinh ông ra tại Đức, trở thành công dân Mỹ năm 1951.

### Bi phạt 13 triệu đô-la

Tổ hợp Công ty Lockheed Martin, chuyên sản xuất các sản phẩm cao cấp cho ngành không gian Mỹ, đã bị Bộ Ngoại Giao Mỹ phạt 13 triệu Mỹ kim vì đã chuyển giao cho Trung Cộng các dữ kiện kỹ thuật mật về vệ tinh. Số tiền phạt này là một phần của sự dàn xếp giữa đôi bên đối với việc Lockheed vi phạm đạo luật kiểm soát xuất khẩu vũ khí. Trong số tiền này có 8 triệu tiền mật, và 5 triệu Công ty Lockheed dùng để cải thiện các thủ tục an ninh ngăn chặn các vụ tẩu tẩu sẽ xảy ra. Trong vòng 8 tháng tới, hãng Lockheed phải hoàn tất việc thiết lập một hệ thống theo dõi tốt hơn đối với việc chuyển giao các tin tức thuộc loại mật và Bộ Ngoại Giao được quyền vào hệ thống này để kiểm soát.

Lockheed bị chính phủ Mỹ kiện vì đã vi phạm 30 lần đạo luật kiểm soát xuất khẩu vũ khí khi chuyển giao cho hãng Asiasat ở Hồng Kông một số tài liệu kỹ thuật mật.

### ● HẢI TẶC

Theo tin từ Luân Đôn cho biết là nạn cướp biển đang hoành hành một cách đáng sợ trên khắp các mặt biển, luôn luôn là một đề tài làm nhức nhối cho những thuyền ngược xuôi trên biển cả.

Trong 6 tháng đầu năm 2000, có trên 1.000 chiếc tàu bị cướp bóc. Theo sự điều tra của cơ quan bài trừ hải tặc thì có 5 băng chảnh đang hoạt động trên khắp các đại dương, trong số này có 3 băng do người Tàu điều khiển.

### ● PHÁP

**Máy bay rớt.** Ngày 25.7.2000, khoảng 17 giờ 10, chiếc máy bay hành khách hiệu "Concorde" của hãng Hàng Không Pháp (Air France) vừa mới cất cánh chưa đầy 5 phút tại phi trường Charles De Gaulle đã rớt cháy. Tất cả 113 người, gồm phi hành đoàn và hành khách mà hầu hết là các nhà tỷ phú, triệu phú người Đức đều bị chết cháy thành than !

Máy bay Concorde là loại máy bay hành khách siêu âm duy nhất có tốc độ bay 2.149 cây số/giờ tức Mach 2,1, bay cao 15 cây số, sản xuất trên 20 năm, lần đầu tiên bị rớt. Giá vé Concorde rất đắt, gấp 3, 4 lần giá vé máy bay thường. Do đó những người đi loại Concorde là những người giàu có hoặc giám đốc các đại công ty.

Phi cơ vừa khởi chạy trên phi đạo để lấy tròn cất cánh với vận tốc trên 400 cây số/giờ thì tại đài kiểm soát báo cho phi công trưởng biết là động cơ phản lực phía trái có lửa phát ra. Phi công trả lời là đã nhận biết nhưng không thể nào thắng lại được vì vận tốc quá cao, hơn nữa mũi phi cơ đã bắt đầu hồng khôì mặt đất. Khi phi cơ vừa cất được cánh, phi công định bay một vòng tròn rồi đáp trở lại, nhưng không kịp, đâm đầu xuống đất nổ tung bốc cháy.

Tai nạn thảm khốc này làm rúng động cả nước Pháp. Thủ Tướng Liên Bang Đức, ông Gerhard Schröder, đang nghỉ hè, tức tốc bay về tham dự lễ truy điệu cùng với Tổng Thống Pháp, ông Chirac.

Sau khi tai nạn xảy ra, có nhiều giả thuyết được nêu lên:

1. Động cơ bị phát cháy, trước đó bị trục trặc, đã cho kiểm tra và sửa chữa, nhưng có lẽ không phát hiện được sự cố kỹ thuật, hoặc làm việc cầu thả.

2. Một bánh xe bị nổ, viên thép bên trong bung ra mạt xát vào thành thùng chứa xăng làm lủng thùng, xăng chảy ra bốc cháy.

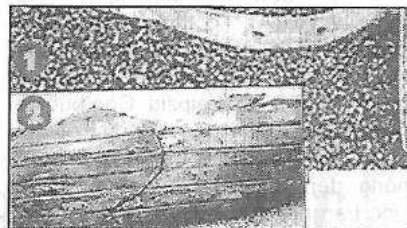
3. Khám phá cuối cùng của Văn Phòng Điều Tra Tai Nạn (Bureau Enquêtes Accident, gọi tắt là BEA) chứng minh là có một miếng kim khí dài 43 cm, có thể là của một chiếc máy bay nào đó rớt trên đường bay trước khi chiếc Concorde khởi chạy để cất cánh. Khi chiếc Concorde chạy ngang miếng kim khí, sức hút làm miếng kim khí bay và chạm vào thùng xăng, làm lủng thùng, xăng bị chảy ra, gặp sức nóng của động cơ phản lực nên bốc cháy.

Hiện Ủy Ban Đặc Biệt Điều Tra đang kết thúc hồ sơ để chứng minh coi miếng kim khí giết người này xuất phát từ đâu ? của một máy cất cò ? của một xe chữa lửa tại phi trường hay của một chiếc máy bay khác và nguyên nhân gây ra tai nạn ?

Ngày 25.8.2000, BEA đã đưa ra một bằng chứng cụ thể để chứng minh nguyên nhân gây ra tai nạn thảm khốc này hầu xác định rằng đoàn phi công không có lỗi.

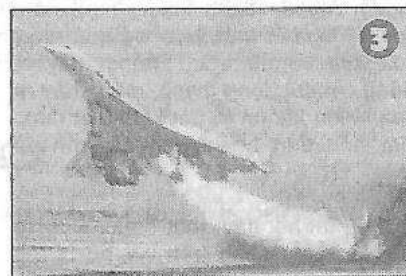
Diễn tiến tai nạn của chuyến bay AF 4590 làm 113 người chết, trong đó có 97 người Đức:

1. Một miếng kim khí dài 43 cm, ngang từ 29 đến 34 mm, chính giữa có lỗ nhỏ cách cách khoảng không đều, nằm trên phi đạo đã cắt đứt bánh xe bên trái gần động cơ phản lực một đường dài độ 32 cm (xem hình vẽ 1 và 2).



2. Bánh xe bị bể, miếng cao-su bên trong có thép nặng khoảng 4 kg văng ra bay đập vào thùng chứa xăng bên cánh trái, làm thùng xăng bị lủng, xăng chảy ra bốc cháy.

3. Chiếc Concorde đang chày ở thùng xăng chỗ không phải ở động cơ phản lực khi vừa cất cánh khỏi mặt phi đạo (xem hình số 3).



Qua sự chứng minh cụ thể trên đây đã đánh tan mọi giả thuyết lúc ban đầu. Trắng đen đã rõ. Bây giờ còn đang điều tra xem miếng kim khí này xuất phát từ đâu ? tại sao lại nằm trên phi đạo ? Hãy chờ xem kết quả.

### ● ĐỨC

Ngày 3.10.2000, là ngày kỷ niệm 10 năm Thống Nhất Nước Đức. Chính quyền Đức định sẽ tổ chức tại Leipzig nơi mà trước đây 10 năm đã xảy ra những cuộc xuống đường long trời lở đất liên tiếp hằng tuần, rồi hằng ngày để đòi hỏi cộng sản dưới sự lãnh đạo của Honecker phải chấp nhận cho người dân được tự do xuất ngoại, đập bỏ bức tường ô nhục, thực hiện Tự Do Dân Chủ v.v...

Theo nguồn tin từ báo chí tiết lộ là Ban Tổ Chức không có ý định mời cựu Thủ Tướng Liên Bang, ông Helmut Kohl,

tham dự ngày lịch sử này, mặc dù ông là người đã viết lên ngày lịch sử huy hoàng này cho nước Đức. Ban Tổ Chức nghĩ rằng, ông Kohl không nên có mặt trong ngày trọng đại này vì vụ tiền tặng (Spendenaffaire).

Ông Kohl tuyên bố là sẽ tẩy chay không tham dự. Nếu ông không tham dự để đọc diễn văn thì ngày lễ này mất đi rất nhiều ý nghĩa và giá trị của nó và uy tín của nước Đức cũng bị sút giảm đối với các nước bạn.

Bắt hỏi được điều này nên Ban Tổ Chức một mặt gửi giấy mời đến ông Kohl, một mặt nhờ bà Merkel, tân Chủ Tịch Đảng CDU, cố thuyết phục ông Kohl nên thay đổi ý định. Cuối cùng ông Kohl hứa là sẽ tham dự buổi lễ ngày 3.10.2000 tại Leipzig. Còn buổi lễ tại Quốc Hội Liên Bang thì ông Kohl đã trả lời rõ ràng và dứt khoát là ông sẽ không đến để cùng các đồng viện trước bạn nay thù nâng ly chúc mừng ngày Thống Nhất.

### Nazi - Khủng bố

Trong những ngày tháng gần đây, đám đầu trọc (Skinheads), đám khuynh hữu cực đoan đã xuống đường khủng bố, đánh chết người ngoại quốc, không coi pháp luật ra gì.

\* Tại Brandenburg, đám đầu trọc đã xông vào phòng anh Omar Ben Noui (người Algeria đang xin tỵ nạn) hăm dọa đánh chết anh. Noui sợ quá nhày qua cửa sổ để trốn, chẳng may bị kiếng cắt đứt động mạch, máu chảy ra quá nhiều không ai hay, khi biết được đưa anh đến bệnh viện thì anh đã chết.

\* Cũng tại nơi đây, một người Đức vô gia cư, đang sống trên vỉa hè bị tên đầu trọc Gunnar Doege đánh chết. Hiện tên này đang bị truy tố ra tòa.

\* Tháng 6.1999, anh Alberto Adriano (39 tuổi), người Mozambik cũng bị đám này đánh chết tại Dessau. Anh Adriano chết để lại một người vợ Đức và hai đứa con còn nhỏ dại. Thủ phạm trong vụ giết người này gồm có 3 tên: Enrico Hilprecht (24 tuổi), Frank Mietbauer (16 tuổi) và Christian Richter (16 tuổi). Ngày 30.8.2000 tòa đã kêu án phạt tên Hilprecht tù chung thân (Lebenslang) (nước Đức đã bỏ án tử hình từ lâu), còn hai tên kia, mỗi tên 9 năm tù ở. Đây là một án phạt tù nặng nhất từ trước tới nay đối với những tên hữu khuynh cực đoan đảng viên của Đức Quốc Xã.

Ngày 31.8.2000, trong cuộc thăm viếng các Tiểu Bang phía Đông (DDR cũ), Thủ Tướng Liên Bang, ông Gerhard Schröder, đã đích thân đến đặt vòng hoa tại địa điểm của Adriano bị giết chết.

### \* Thủ phạm



↑  
9 năm tù ở.  
**Frank Mietbauer**  
(16 tuổi), thuộc  
nhóm khuynh hữu  
quá khích.



↑  
Tù chung thân.  
**Enrico Hilprecht**  
(24 tuổi) thành viên  
Đức Quốc Xã



↑  
- 9 năm tù ở.  
**Christian Richter**  
(16 tuổi), nhóm hữu  
khuynh cực đoan.



↑  
- Gunnar Doege,  
thuộc nhóm  
Skinhead  
(đầu trọc).

### \* Nạn nhân



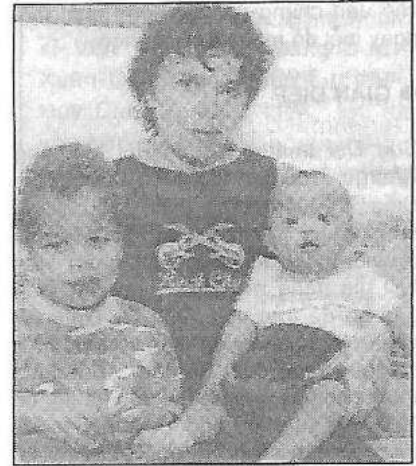
† Omar Ben Noui



† Alberto Adriano



† Nơi nằm chết của người Đức vô gia cư do  
Gunnar Doege giết



- Quả phụ Angelika Adriano (43 tuổi) và hai  
đứa con thơ, đang buồn rầu nhìn về một  
tướng lai vô định.

\* Tại Bad Langensalza (Thüringen), 20 tên thuộc đảng viên Đức Quốc Xã, từ 17 - 21 tuổi, đã tấn công gây thương tích 4 người Nga gốc Đức. Cảnh sát đã tóm cổ được 7 tên.

\* Tại Potsdam, một nhà báo người Anh bị một tên đầu trọc tấn công, vừa đánh vào mắt vừa hô to "Ausländer raus!" (Người ngoại quốc cút đi!). Tên này hiện đang bị truy tố ra tòa.

\* Một đám đầu trọc săn đuổi em bé da màu (13 tuổi) từ Berlin đến Ostseebad Nienhagen. Em bé này đi nghỉ mát trong một trại do Cơ Quan Từ Thiện giúp đỡ trẻ em tổ chức (Kinderhilfswerks). Chúng liệng đá vào người em, làm em bị thương, xong chúng chạy trốn.

Những sự việc trên đây chỉ là một thiểu số thuộc thành phần thất học, vô nghề nghiệp, nghiện ngập gây ra. Nhưng nếu chính quyền không có biện pháp ngăn chặn kịp thời nó sẽ lan rộng rất nhanh và sẽ làm giảm rất nhiều uy tín của nước Đức trên chính trường quốc tế.

Người viết xin đặt câu hỏi với những người Đức có đầu óc hẹp hòi, kỷ thị, bài ngoại là :

- Tôi đến ở xứ anh, anh coi tôi là người ngoại quốc, anh bài trừ.

- Vậy anh đến xứ tôi, tôi xem anh là người gì ? cũng là người ngoại quốc và tôi có hành động thiếu ý thức như anh đã làm ở nước anh thì anh sẽ nghĩ sao?

Xin các người chịu khó động não suy nghĩ một chút, tôi tin chắc rằng các người sẽ không còn hành động bất nhân như trên. Trong một thế giới mở rộng, toàn cầu hóa, chúng ta hãy:

**Rộng lượng khoan dung cho nhau  
thay vì căm thù oán ghét nhau !**

## ● CHÍNH TRỊ GIA NĂM 2000

Dưới sự bảo trợ của Tổng Thống Mỹ, ông Bill Clinton, đồng thời là cựu thành viên Viện New Yorker Stiftung "Appeal of Conscience" (Sự kêu gọi của lương tâm) đã quyết định tặng ông Gerhard Schröder, Thủ Tướng Cộng Hòa Liên Bang Đức danh hiệu danh dự là "Chính Trị Gia năm 2000" (Statesman of the year 2000 - Staatmann des Jahres) vì sự hoạt động để thực hiện Dân Chủ của ông trên bình diện quốc tế.

Cựu Bộ Trưởng Ngoại Giao, ông Kissinger, (được mệnh danh là người đi đêm trong chiến cuộc Việt Nam, đã bán đứng miền Nam cho cộng sản) sẽ trao giải trong một buổi dạ tiệc vào ngày 7.9.2000 tại New York.

Nhân dịp này, thay mặt Ban Biên Tập báo Viên Giác và Cộng Đồng Người Việt tại Đức, chúng tôi xin chung vui và chúc mừng sự thành công của ông trên chính trường quốc tế.

### Tiền trở cấp cho châm cứu (Akupunktur)

Báo Thế Giới Ngày Chủ Nhật (Welt am Sonntag) vừa loan tin là kể từ nay chi phí cho việc chữa bệnh bằng châm cứu sẽ không được quỹ bảo hiểm sức khỏe (Krankenkasse) trả tiền. Cơ quan Bảo hiểm Liên Bang (Bundesversicherungsamt) đã không cho phép các quỹ bảo hiểm sức khỏe trả tiền cho phương pháp chữa trị này. Ai muốn chữa trị bằng "Châm Cứu" sẽ phải tự mình trả chi phí.

## ● EXPO

Mặc dầu có nhiều sự cải tiến hầu lời cuốn người đến xem, như giảm giá vé vào cửa, đậu xe khỏi tốn tiền, kéo dài thêm giờ đóng cửa, các thức ăn cũng đại hạ giá v.v... nhưng số người vào xem EXPO cũng không được đông đảo như sự mong mỏi của Ban Tổ Chức. Trong mùa Hè mà như vậy, sang mùa Thu mưa gió cả ngày, cộng thêm Thế Vận Hội tại Sydney (Úc) khai mạc kể từ 15.9.2000 kéo dài đến 30.9.2000 thì số người đi xem EXPO lại càng ít hơn. Theo sự dự trù của Ban Tổ Chức, thì sẽ bị lỗ trên dưới khoảng 2.000 triệu Đúc Mã, tức là 2 tỷ ! Số tiền lỗ này hiện đang được tranh cãi là ai phải đài thọ ? Liên Bang hay Tiểu Bang Niedersachsen ? Nhưng dù Liên Bang hay Tiểu Bang thì cũng là tiền thuế của dân cả !

Theo báo chí cho biết, thì Viện Thẩm Kế (Rechnungshof) sẽ kiểm tra lại tất cả mọi chi thu từ trước tới nay mới biết được hủ thật ra sao, chỗ Ban Tổ Chức củ than lỗ hoài ai biết đâu mà tin.

### Sáng kiến mới của SPD

Theo tin báo chí cho biết thì trong tương lai rất gần, 750 ngàn đảng viên thuộc đảng SPD sẽ nhận được một cái cạt đồ từ Trung Ương Đảng gửi cho từng người. Với cái cạt đồ này, sở hữu chủ được hưởng mọi sự ưu đãi, có nghĩa là được bớt giảm tiền khi đi du lịch, đóng bảo hiểm, ở khách sạn, thuê hay mua xe. Đảng SPD đã ký xong hợp đồng với những chủ nhân các ngành được ghi trên.

Đây là một sáng kiến mới của Đảng SPD nhằm lưu giữ cũng như thu hút những tân đảng viên. Rồi đây CDU, FDP, Grüne, CSU cũng sẽ tìm một phương cách nào đó để nâng đỡ đảng viên của mình. Khi đó chỉ những người không nằm trong đảng nào thì sẽ bị thiệt thòi !

### Thất nghiệp

Căn cứ vào sự phục hồi và tăng trưởng từng bước nền kinh tế hiện nay, Thủ Tướng Liên Bang, ông Gerhard Schröder (SPD), dự trù và tin tưởng rằng đến năm 2002, con số người thất nghiệp sẽ xuống thấp hơn con số 3,5 triệu người.

### Phía Đông

Thị Trưởng Berlin, ông Eberhard Diepgen (CDU), đòi hỏi chính quyền Liên Bang phải trả lương công chức ở phía Đông (tức DDR cũ) bằng lương công chức ở phía Tây. Vì đất nước đã thống nhất trên 10 năm, mọi sự cách biệt giữa Đông và Tây phải được san bằng.

### Neonazis

Trưởng khối Dân Biểu Hạ Viện, ông Peter Struck (SPD) tuyên bố là Đảng SPD sẽ đề nghị cấm không cho những thanh niên hữu khuynh cực đoan có bằng lái xe. Biện pháp này là một trong những biện pháp cứng rắn của nhà nước nhằm chặn đứng những phần tử quá khích bãi ngoại.

### VW

Giá xăng hiện giờ đang leo thang từng ngày. Do đó hãng VW sẽ cho xuất xưởng kể từ tháng 11/2000 một loại xe tiết kiệm xăng. Xe này tên là "Lupo FSI" tiêu thụ 4,9 lít xăng cho 100 cây số. Giá mỗi chiếc là 29.500 Đúc Mã.

## ● NGA

Thành ngữ Việt Nam có câu "Họa bất đồn hành" có nghĩa là tai họa ít khi đi một mình (thường tới đần dập). Câu này đúng với trường hợp của nước Nga. Trong một tháng mà hai tai nạn đã xảy ra như sau :

- Ngày 12.8.2000, chiếc tàu ngầm nguyên tử mang tên "KURSK", tối tân nhất thế giới, chủ lực của hạm đội Bắc

Hải (Nordmeerflotte) bị nổ chìm ở Barentssee vùng hải cảng Murmansk gần hải phận Na-uy.

- Ngày 27.8.2000, cái tháp truyền hình tại Moskau biểu tượng cho quyền lực của Cộng Hòa Liên Bang Sô Viết trước kia và cho Nga ngày nay bị cháy.

### KURSK

Chiếc tàu ngầm này đang trên đường thao dượt, lặn sâu trên 100 thước ở Barentssee thì có hai tiếng nổ dữ dội liên tiếp từ tàu phát ra. Tiếng nổ này do đài kiểm soát của Na-uy và tàu Mỹ ghi nhận được. Tuy nhiên chính quyền Nga vẫn giữ bí mật để tự tìm cách cứu cấp. Nhưng đến ngày 14.8.2000, nhằm không thể tự cứu và giấu nhem được nên Bộ Trưởng Quốc Phòng, ông Igor Sergejew, mới chính thức loan báo là tàu Kursk bị tai nạn chìm, trên tàu có 118 người không biết tình trạng ra sao ? Ông kêu gọi quốc tế giúp đỡ.

Chiếc Kursk đang chìm trong vùng biển bị động dữ dội, nên những toán cấp cứu đặc biệt của Nga không thể nào thi hành được nhiệm vụ.

Sau đó toán đặc nhiệm của Na-uy dùng tàu lặn nhỏ, lặn sâu xuống mới ghi nhận được như sau :

- Phần mũi của chiếc tàu bị nổ tung.

- Các cửa cấp cứu bị kẹt không thể mở ra được.

- Thủy thủ đoàn không có dấu hiệu gì là còn sống sót, tất cả đều bị tử vong.

- Toán cấp cứu đã gõ vào thành tàu và giữ một phút im lặng để tưởng nhớ đến những người xấu số.

Thoạt đầu chính quyền Nga cho rằng tàu Kursk đụng vào một vãn thạch (Meteorit) to lớn nằm dưới đáy biển, cũng có thể đụng phải một chiếc tàu ngầm khác. Nhưng hai giả thuyết này đều bị ông Sergej Schekow, thành viên của Ủy Ban Điều Tra bác bỏ. Ông cho biết là hình như Hải Quân Nga cho thử một loại vũ khí mới trên tàu Kursk. Vậy vũ khí mới này là loại gì ?

Đó là loại ngư lôi (Torpedo). Theo sự bố trí thì trước mũi tàu có từ 12 đến 24 ngư lôi. Mỗi ngư lôi chứa trên 100kg chất nổ. Khu vực này có độ 60 người. Có lẽ vì kỹ thuật kém nên khi phóng ngư lôi thoát khỏi dàn phóng bị sức ép của nước sâu (trên 100 thước) làm nổ tung trái ngư lôi (tiếng nổ thủ nhất), sức nổ dây chuyền làm nổ tung luôn những trái ngư lôi còn lại, làm mũi tàu bị nổ tan tành ! (tiếng nổ thủ hai).

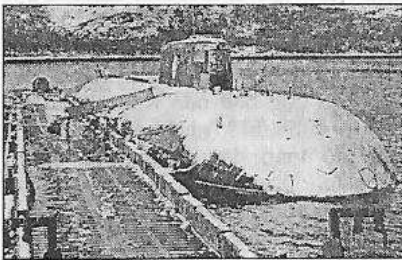
Vi sự nổ quá to gây ra sức ép quá lớn làm cho các cửa cấp cứu đều bị kẹt, các máy truyền tin đều bị hư nên không liên lạc được với Bộ Chỉ Huy, những thủy thủ bị hoặc bể phổi chết liền tại chỗ, hoặc bị chết ngộp vì không thoát qua được các cửa cấp cứu, mặc dù đã kịp thời mặc được các áo cấp cứu.



Chính quyền Nga đã chính thức cử hành lễ quốc tang cho những nạn nhân và Tổng Thống Putin đã chính thức nhận lãnh trách nhiệm về tai nạn này.

Hiện giờ toán đặc nhiệm Na-uy phối hợp với Nga nghiên cứu việc đem 118 thi hài từ trong lòng tàu Kursk nằm sâu dưới đáy biển lên đất liền để trao lại cho thân nhân. Sớm lắm là ngày 28.9.2000 mới bắt đầu. Mỗi toán cứu vớt gồm có 2 người Nga và một người Na-uy. Theo lời của Phó Thủ Tướng, ông Ilya Klebanow, thì toán đặc nhiệm sẽ khoan 6 lỗ lớn chung quanh thành tàu. Công việc này kéo dài 3 tuần lễ, phí tổn lên đến 15 triệu Đức Mã.

Hy vọng là hai máy nguyên tử được tắt kịp thời và không bị hư hại để tránh phóng xạ, để cho 118 thi hài được đưa lên đất liền chôn cất tử tế.



Tàu ngầm nguyên tử KURSK đang chuẩn bị trước khi lặn ra khỏi thao dượt.

### **Tháp truyền hình Moskva bị cháy**

Tháp được xây dựng khoảng 40 năm trong thời kỳ cực thịnh của Cộng Hòa Liên Bang Sô Viết để biểu dương uy quyền tối cao của CHXHCN. Tháp cao 537 thước bị cháy, có lẽ vì bị chạm điện. Ba thang máy bị rớt từ trên cao xuống đất, có 4 người mất tích. Lửa bốc cháy từ tầng cao 260 thước. Những người đang ở trong một nhà hàng quay (Drehrestaurant) cao 330 thước, phải chạy bộ xuống dọc theo cầu thang để thoát thân. Cứu hỏa đến từ dưới đất nhìn lên chỉ lắc đầu, họ phải vất vả chạy bộ ngược lên từng bậc thang những không thể nào kéo ống nước lên được, nên cũng đành nhìn lửa cháy mà thôi ! Máy bay trực thăng bay lượn chung quanh những cũng chỉ xem coi lửa cháy tới đâu để báo cáo !

Nhiều chương trình truyền hình và truyền thanh bị đình chỉ. Ngay sau đó, thành phần Hồi Giáo ở Tschetschenien loan báo là chính họ đã gây ra vụ cháy này. Họ nói là họ đã mua chuộc được một nhân viên kỹ thuật trông coi tháp với giá 25.000 Đức Mã để gây ra hỏa hoạn. Đồng thời họ cũng nói chính là người Hồi Giáo đã bí mật phá hoại chiếc tàu ngầm Kursk. Họ nói trong thủy thủ đoàn 118 người, có hai người Hồi Giáo dân Nga gốc Kasachstan, 2

người này đã hy sinh tính mạng để phá nổ chiếc tàu. Hư thực ra sao, hiện còn đang trong vòng điều tra



Tháp cao 537 thước đang bị cháy, được xây dựng từ năm 1960 đến 1967 mới xong, nặng 55 ngàn tấn. Tháp cao nhất hiện giờ là CN Tower ở Toronto (Canada) 553 thước. Khánh thành năm 1976. Còn cái tháp ở Berlin bên Đông Đức chỉ cao có 368 thước.

### **● THẾ VẬN HỘI TẠI ÚC (15.9 đến 15.10.2000)**

Trong những kỳ Thế Vận Hội trước, có vài Vận Động Viên đã dùng thuốc kích thích (Doping) thi đấu. Sau khi đoạt được huy chương, lãnh thưởng xong rồi mới bị phát giác. Mặc dù huy chương bị thu hồi, bị phạt treo giò v.v... những đã muộn. Như trường hợp của anh Ben Johnson, người Canada, vô địch thế giới về môn chạy 100 thước cách đây 8 năm.

Lấy kinh nghiệm, lần này Ủy Ban Kiểm Soát Doping quyết định kiểm tra tất cả Vận Động Viên khi vừa đến phi trường. Kết quả trong phái đoàn Trung Quốc có 27 người đã dùng Doping, do đó họ bị trả về nước. Thật là xấu hổ. Chơi trò ma giáo. Nhưng ở đời hễ vô quít dày thì có móng tay nhọn ! Khi tờ báo này đến tay quý vị chắc chắn sẽ còn những người khác bị đuổi về nước như trường hợp của Trung Quốc.

### **● VIỆT NAM**

**Xây dựng dân chủ trên sự độc tài đảng trị!**

Trong một cuộc phỏng vấn dành cho tờ báo "Saigòn Giải Phóng", Lê Khả Phiêu, Tổng Bí Thư Đảng CSVN, tuyên bố huyếch toại rằng Việt Nam đang tiến bước trên con đường xây dựng dân chủ nhưng vẫn áp dụng theo nguyên tắc xã hội chủ nghĩa, có nghĩa là vẫn ôm giữ chế độ độc tài đảng trị.

Phiêu đổ lỗi cho nền kinh tế chưa phát triển, đời sống dân chúng còn thấp là do hậu quả chiến tranh để lại, thêm vào sự sụp đổ của Khối Cộng Sản Đông Âu. Một điều mà Phiêu quên, hay làm bộ quên là không đã động gì đến sự tham nhũng, thối nát, chà đạp nhân quyền, đàn áp Tôn Giáo và dân chúng của nhà cầm quyền CSVN. Tuy nhiên Phiêu cũng đã nhận là việc ngăn chặn tham nhũng, cửa quyền, cá nhân chủ nghĩa, trong giới lãnh đạo vẫn chưa có hiệu quả.

Vẫn thái độ ngoan cố, Phiêu huyênh hoang cho rằng chỉ có con đường tiến lên XHCN mà Đảng CS và Nhân dân Việt Nam (sợ!) chọn lựa mới là phương cách đúng đắn để xây dựng đất nước.

**Lời người viết:** Đảng CS đã thống trị toàn đất nước trên 25 năm, hơn 1/4 thế kỷ! Đến bây giờ vẫn còn đổ thừa là do hậu quả chiến tranh. Vậy các em sanh ra và lớn lên trong khoảng thời gian này, dưới cái ô che của XHCN, hiện giờ trở thành những tên trộm cắp, cướp giết, xi-ke ma-túy, mại dâm v.v... cũng đổ thừa là do hậu quả chiến tranh hay do sự lãnh đạo sai lầm của Đảng ?

Còn việc ông Phiêu cho rằng con đường tiến lên XHCN do Đảng CS và Nhân dân chọn lựa. Việc này xin hỏi lại nhân dân coi có đúng không ? Hay ông và đảng ông tự chọn lấy rồi dùng súng đạn bắt nhân dân phải theo. Để chứng minh lời nói của ông là đúng, ông hãy cho thực hiện một cuộc bầu cử tự do 100% (chỗ không phải đảng chọn bắt dân bầu) thì sẽ được biết kết quả ngay !

### **Chống tham nhũng chỉ có nhân dân hóa**

Tướng Trần Độ, một đảng viên kỳ cựu từ thời kháng Pháp, chống Mỹ, là nhân vật bất đồng chính kiến với cấp lãnh đạo hiện nay, đã bị khai trừ khỏi đảng vào đầu năm ngoái sau khi đề nghị đảng CS phải cải cách hệ thống chính trị, chấp nhận dân chủ hóa và vĩnh biệt con đường XHCN cho đất nước sớm được phú cường, tiến bộ. Mặc dù ông hiện bị nhà cầm quyền CS theo dõi, nhưng vừa rồi đây ông đã đưa ra một chiến lược là "Chống tham nhũng phải dân chủ hóa". Trong một bài tham luận rất dài, ông nhận xét rằng nạn tham nhũng xuất phát từ một đảng độc tôn, độc quyền chuyên chế. Hệ

thống chính trị không dân chủ môi nuôi dưỡng tệ nạn tham nhũng; ông đề nghị là nếu nhà cầm quyền CS thực sự muốn chống tham nhũng thì hãy thực thi điều ông gọi là "**Chiến lược dân chủ hóa**".

**Lời người viết:** Còn lâu nhà cầm quyền CS mới thực hiện Tự Do Dân Chủ. Bằng chứng là chính Tổng Bí Thư Đảng, ông Lê Khả Phiêu, đã tuyên bố thẳng thừng là đảng ông đang từng bước trên con đường xây dựng dân chủ nhưng vẫn áp dụng theo nguyên tắc XHCN, có nghĩa là vẫn giữ chế độ độc tài đảng trị! Thừa ông Phiêu, Dân Chủ là Dân Chủ. Còn Độc tài Đảng trị là Độc tài Đảng trị, hai chế độ này không thể dẫm chân lên nhau được. Xin ông đừng nhập nhằng đánh lộn người dân đen. Do đó muốn có Tự Do Dân Chủ không phải bằng những bài tham luận hay đề nghị suông mà phải đấu tranh xuống đường long trời lở đất như dân Đông Đức đã làm ở Leipzig cách nay 10 năm.

### **Hiệp ước Mậu dịch**

Sau 4 năm theo đuổi với 7 lần đàm phán gây gò, ngày 13.7.2000 tại Hoa Thịnh Đốn, Bộ Trưởng Thương Mại, Vũ Khoan, và Đại Sứ VC tại Mỹ, Lê Văn Bằng, đại diện phía CSVN; Bà Charlene Barshefsky, Trưởng Phòng Thương Mại Mỹ và Đại Sứ Mỹ tại Việt Nam, Peterson, đại diện phía Mỹ đã cùng ký kết Hiệp Ước Mậu Dịch. Sau khi ký xong, Tổng Thống Mỹ, ông Clinton, đã tiếp Vũ Khoan tại Tòa Bạch Ốc với hứa hẹn là sẽ vận động Quốc Hội Mỹ sớm biểu quyết thông qua Hiệp Định. Tuy còn chờ Quốc Hội của hai phía biểu quyết chính thức trước khi mang ra thi hành. Việc ký kết Hiệp Ước Mậu Dịch phải được coi là một bước tiến mới trong quan hệ Việt-Mỹ kể từ khi Mỹ bãi bỏ cấm vận và chính thức bang giao với CSVN vào tháng 7 năm 1995.

### **Nội dung tóm lược của bản Hiệp Ước**

Gồm có 7 chương quy định một số nguyên tắc giao thương giữa Việt Nam và Mỹ.

#### **-Chương I. Đề cập về hàng hóa (Trades Goods)**

Là chương dài nhất với những quy định các mặt hàng mà hai bên CSVN và Mỹ có thể trao đổi và những thuế suất đánh trên các món hàng. Mở đầu của chương này là phần định nghĩa về **Tối Huệ Quốc**, ngày nay gọi là **Quan Hệ Mậu Dịch Bình Thường** (Normal

Trade Relations). Sau đó phần lớn là phụ lục về những mặt hàng mà phía Mỹ lẫn phía CSVN sẽ có thẩm quyền giải quyết vấn đề nhập cảng và phân phối đúng thời hạn quy định mà hai bên đồng ý.

#### **-Chương II. Đề cập về việc bảo vệ tác quyền (Intellectual Property Rights)**

Được định nghĩa khá chi tiết với những ràng buộc mà hai phía phải áp dụng nghiêm chỉnh để bảo vệ quyền sở hữu những kỹ thuật của sản phẩm của nước này bày bán trên thị trường của nước liên hệ.

#### **-Chương III. Đề cập về dịch vụ (Trade in Service)**

Liệt kê một số điều khoản ấn định nguyên tắc và thể thức mà các cơ cấu chính quyền hay phi chính quyền phải phục vụ hữu hiệu về các lãnh vực trao đổi thương mại của những công ty, tổ hợp của mỗi nước. Đặc biệt trong chương này có bổ túc một phụ lục F khá quan trọng về vấn đề cung ứng dịch vụ tài chính, viễn thông dựa theo tiêu chuẩn WTO.

#### **-Chương IV. Đề cập về phát triển quan hệ đầu tư (Development of Investment Relation)**

Với một số điều khoản quy định về vấn đề đầu tư của các công ty, tổ hợp vào mỗi nước, bao gồm những bảo đảm khi rủi ro xảy ra, những nguyên tắc về chuyển giao kỹ thuật v.v...

#### **-Chương V. Đề cập về việc tạo bối cảnh làm ăn thuận lợi giữa hai bên (Business Facilitation)**

Trong đó là những nguyên tắc về sự cấp phát các giấy phép cho các Công ty, Tổ hợp, bao gồm những luật lệ về di trú, mở văn phòng, thuê mướn nhân viên v.v...

#### **-Chương VI và VII. Đề cập những điều khoản tổng quát liên hệ đến việc giải quyết các khiếu nại, tranh biện liên quan đến Hiệp Ước, cũng như các vấn đề an ninh quốc gia, giảm thuế hoặc trường hợp đặc thù xảy ra không nằm trong các dự kiện của hiệp ước.**

Ngoài nội dung gồm 7 chương của hiệp ước nói trên, lá thư của Vũ Khoan gửi cho bà Charlene Barshefsky cũng được coi là một phần của hiệp ước. Trên tổng thể, bản hiệp ước đã vạch ra một số nguyên tắc giao thương giữa hai quốc gia. Nó là một lộ trình từng

bước tạo nền tảng cho sự làm ăn lâu dài của các Công ty Mỹ tại Việt Nam và đưa CSVN vào dòng sinh hoạt kinh tế, thuộc mạng chính thống của thế giới mà bước sau cùng là hội nhập vào WTO. Bình thường, đây là bản văn tiêu chuẩn chuẩn định một số nội dung cần thiết cho vấn đề giao thương giữa hai quốc gia, nhưng nó lại trở thành một sự kiện không bình thường hay nói đúng hơn là vượt ngoài khả năng hiểu biết của lãnh đạo Hà Nội trong cách thức làm ăn quốc tế. Chính vì vậy mà các cuộc đàm phán kéo dài đến 4 năm với nhiều thảo luận gay gắt và có lúc tưởng như bị đình độn hoàn toàn. Tại sao ?

\* **Thứ nhất:** Các điều khoản ghi trong hiệp ước quá chi tiết. Phần phụ lục của hiệp ước còn ghi rõ từng mặt hàng trao đổi, thời gian thi hành và số phần trăm thuế suất khiến cho Hà Nội không thể "**lập lờ đánh lộn con đen**" lúc thi hành. Bởi vì nếu Hà Nội tìm cách cản trở, gây khó khăn cho việc thi hành hiệp ước, Mỹ sẽ dùng quyền duyệt xét quy chế **tối huệ quốc** (quy chế quan hệ mậu dịch bình thường) hàng năm để đối phó. Trong nhiều năm qua, CSVN đã ký kết nhiều văn kiện quốc tế nhưng đôi khi không thi hành (như bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền). Nhưng có lẽ bản Hiệp Ước Mậu Dịch lần này là một thử thách khó nuốt nhất cho Hà Nội.

\* **Thứ hai:** Yếu tố thông tin giữ vị trí quan trọng trong tiến trình trao đổi mậu dịch giữa hai nước. Tuy không có một điều khoản nào ghi rõ vấn đề này trong hiệp ước, nhưng nó đã bàn bạc trong toàn bộ các chương và là nền tảng của một xã hội mở của với sự lưu thông tự do của hàng hóa, con người, tài chánh và dữ kiện theo đúng nhu cầu của kinh tế thị trường mà Mỹ muốn CSVN phải thực thi theo quy định chung của WTO. Nói cách khác, Hiệp Ước Mậu Dịch là biểu đồ mà Mỹ muốn Hà Nội thực thi đúng mức chính sách mở cửa hội nhập.

\* **Thứ ba:** Trong số những giấy phép cấp cho các Công ty đầu tư vào Việt Nam, Hà Nội sẽ không thể tiếp tục núp sau chủ trương độc quyền truyền thông để khước từ; trái lại Hà Nội phải công nhận những Công ty muốn đầu tư vào các ngành truyền thanh, truyền hình, viễn thông, du lịch, bảo hiểm v.v... Những lãnh vực kinh doanh này còn rất mới đối với CSVN, nay lại phải chấp nhận quy luật cạnh tranh của những Công ty từ bên ngoài, chắc chắn sẽ làm soi mòn những ảnh hưởng của Hà Nội lên các ngành dịch vụ. Đây là lãnh vực mà Hà Nội chịu nhiều thách đố nhất.

Nói tóm lại, toàn bộ nội dung của Hiệp Ước Mậu Dịch sẽ mang lại nhiều sự thay đổi cho Việt Nam hơn là cho Mỹ. Từ cung cách làm ăn buôn bán, dịch vụ trao đổi cho đến những lợi nhuận thu được qua xuất cảng, Việt Nam sẽ có nhiều cơ hội vươn lên trong bối cảnh mới của sự tiếp cận một cường quốc số một về kinh tế của thế giới. Nhưng đây cũng chính là lúc mà CSVN sống trong lo sợ của những bất trắc do chính sự ngu dốt và tham nhũng của mình gây ra.

Nói cách khác, Hiệp Ước Mậu Dịch đã mở toan cánh cửa bùng nổ và đang đẩy Hà Nội rơi vào một trong hai thế chọn lựa:

- **Một:** là áp dụng nghiêm chỉnh Hiệp Ước Mậu Dịch và thực thi dân chủ hóa xã hội và chính trị để đảng có thể sống còn trong bối cảnh chính trị đa nguyên.

- **Hai:** là khư khư ôn giữ độc tài đảng trị và khước từ mọi cải tổ dân chủ hóa để thích ứng với chiều hướng toàn cầu hóa và hội nhập toàn cầu, CSVN sẽ bị lật đổ bởi sức bật của toàn dân qua một cuộc cách mạng Dân Tộc Dân Chủ.

Cả hai chọn lựa đều bắt buộc Hà Nội phải trả qua những thách đố vô cùng cam go.  
(Viết theo tin tức báo Việt Nam Dân Chủ)

### EXPO - Tự Do Dân Chủ cho Việt Nam

Trong báo Viên Giác số 118 có đăng bài "Việt Nam tại EXPO" của cô Trần Kim Lan. Sau khi đọc xong quý vị cũng hình dung được một phần nào sự thảm hại, nghèo nàn của căn nhà triển lãm Việt Nam.

Lần này người viết xin trình bày sơ lược về ngày 2.9.2000 được gọi là ngày Quốc Khánh của Đảng CSVN tổ chức tại EXPO.

Theo sự sắp xếp của Ban Tổ Chức, thì bất cứ quốc gia nào có tham dự EXPO đến ngày Quốc Khánh trong khoảng thời gian từ 1.6 đến 31.10.2000 đều được Ban Tổ Chức mời vị lãnh tụ hay đại diện của quốc gia đó đến làm lễ Quốc Khánh tại khán đài chánh Plaza (Plaza - Bühne) trong EXPO. Do đó Việt Nam được mời đến tham dự lễ Quốc Khánh ngày 2.9.2000 do EXPO tổ chức.

Biết được việc này, nên đại diện các Tôn Giáo, Liên Minh, Hội Đoàn, Đảng Phái, Tổ Chức v.v... tại Đức họp tại Chùa Viên Giác để thảo luận hầu đưa ra một chương trình hành động như sau:

#### Ngày 1.9.2000

- 17 giờ 00 - Lễ Cầu Siêu theo nghi thức Phật Giáo, Thiên Chúa Giáo, Tin Lành tại Chùa Viên Giác (Hannover) cho tất cả binh sĩ của hai miền Nam-Bắc, không phân biệt người lính Cộng Hòa hay anh Bộ Đội và tất cả thường dân đã chết trong chiến cuộc Việt Nam, những người trên đường trốn chạy CS để tìm Tự Do v.v..

- 20 giờ 00 - Hội thảo trong một đêm không ngủ "Hưởng Về Quê Hương" với đề tài Tôn Giáo, Nhân Quyền và Tuổi Trẻ Việt Nam.

#### Ngày 2.9.2000

- 08 giờ 00 - Một đoàn vào trong EXPO để đòi hỏi nhà cầm quyền CSVN trước dư luận quốc tế là phải từ bỏ chế độ độc tài đảng trị, tôn trọng nhân quyền, tự do ngôn luận v.v...

- Một đoàn khác ở ngoài để phát truyền đơn.

- 14 giờ 00 - Họp để kiểm điểm thành quả.

Được biết phái đoàn CS Việt Nam gồm có trên 150 người kể cả các đoàn múa, hát v.v... do Phó Thủ Tướng Nguyễn Mạnh Cẩm hướng dẫn.

Chương trình ngày Quốc Khánh 2.9.2000 của CSVN như sau:

- 09 giờ - Bắt đầu múa hát để lôi cuốn khán giả

- 10g30 - Thượng cờ đỏ sao vàng

- 10g35 - Diễn văn của Chủ Tịch EXPO, bà Brigit Breutel.

- 10g40 - Diễn văn của Phó Thủ Tướng Nguyễn Mạnh Cẩm.

- 10g45 - Chấm dứt phần lễ. Tiếp tục phần múa hát

- 14g00 - Múa, hát v.v... tại căn nhà triển lãm Việt Nam trong Halle 26.

Nắm được chương trình này, Ban Tổ Chức phân chia công tác như sau:

Từ 09g00 một đoàn gồm có độ 30 người, mặc áo thun trắng trước ngực có vòng tròn, bên trong in bản đồ VN với lá cờ vàng ba sọc đỏ; phía trên in hàng chữ EXPO 2000 HANNOVER; phía dưới in hàng chữ GERMANY - VIETNAM. Phía sau lưng in hàng chữ to "FREEDOM FOR VIETNAM" (Tự Do cho Việt Nam). Bên ngoài mặc cái áo Dấu-Kết (Jacke). Tất cả đều mua vé vào cửa (69DM/vé). Khi vào trong EXPO, đoàn chia ra từng toán nhỏ đứng rải rác trước khán đài, trước là để xem múa hát, sau chờ đại diện nhà cầm quyền Cộng Sản ra để dàn chào! Từ từ các anh chị cởi áo Dấu-Kết ở ngoài ra, quần chung quanh bụng, để lộ cái áo thun với các hàng chữ như vừa trình bày ở trên. Các anh chị đi đi lại lại trước khán đài để lôi cuốn sự chú ý của nhiều khán giả Đức đang đứng xem múa hát và ngay đến những diễn viên trên sân khấu nhìn xuống cũng thấy. Cảnh sát giữ an ninh cũng nhìn thấy nhưng họ không có hành động gì

cả, vì ở một xứ tự do, ai muốn làm gì thì làm; nhưng đừng có bạo động hay làm mất trật tự công cộng thì không ai có quyền can thiệp.

Nhưng khi Nguyễn Mạnh Cẩm ra đứng trước bục để đọc diễn văn, trong khi đang đọc thì bất thình lình có người từ dưới đất liệng lên ba cái trứng. Cái thứ nhất không trúng ai, nhân viên an ninh liền bung cây dù ra nhảy đến che ông Cẩm, nên cái trứng thứ hai trúng cây dù bể văng tung tóe, còn cái trứng thứ ba thì rớt xuống sàn. Tiếp theo đó có tiếng hô to: **Freiheit für Việt Nam** (Tự Do cho Việt Nam). Cảnh sát an ninh liền mời toán này đi ra khỏi khán đài và áp giải họ về bốt cảnh sát. Trong khi ông Cẩm tiếp tục đọc diễn văn (đọc bằng tiếng Việt, có người thông dịch ra tiếng Đức), thì lại có tiếng hô to: **Nieder mit dem Kommunismus!** (Đào chủ nghĩa Cộng Sản). Toán này cũng bị cảnh sát mời về bốt. Các anh chị vừa đi giữa hai hàng cảnh sát hộ tống vừa hô to: **"Menschenrecht für Vietnam"** (Nhân Quyền cho Việt Nam); **"Religionsfreiheit für Vietnam"** (Tự Do Tôn Giáo cho Việt Nam) gây sự chú ý và thân phục của hàng ngàn người Đức và ngoại quốc đi xem EXPO.

Khi các anh chị về bốt, cảnh sát hỏi thẻ căn cước và ghi tên từng người xong họ nói là trong 4 ngày các anh chị không được phép vào trong EXPO và họ còn dọa là sẽ truy tố ra tòa, xong họ dẫn ra cửa và thả cho về. Riêng anh Nguyễn Trung Liệt, không có giấy tờ hợp pháp, nhưng anh đã quyết tâm đứng trong hàng ngũ cộng đồng để đấu tranh cho một nước Việt Nam thật sự Tự Do Dân Chủ dù anh phải trả một cái giá đắt. Thật vậy, anh bị cảnh sát bắt giam để chờ ngày đưa về nước.

Trong cuộc họp kiểm điểm công việc lúc 14 giờ, khi được biết anh Liệt bị cảnh sát bắt giam, ai cũng buồn và rưng rưng nước mắt.

Nhưng trong cái rủi có cái may (cái may này chỉ dành cho những người dám dấn thân, dám hy sinh như anh Liệt vậy). Bắt đầu ngày 4.9.2000, anh Liệt gọi điện thoại cho biết là cảnh sát đưa ngay anh ra tòa, anh được tòa tha bổng và chuyển sang cơ quan trông coi người ngoại quốc để anh làm đơn xin tỵ nạn chính trị vì anh có hành động nổi bật trong việc chống chế độ CSVN mà đại diện là Nguyễn Mạnh Cẩm. Hy vọng anh sẽ được chính quyền Đức chấp nhận cho anh tỵ nạn. Nếu anh bị đuổi về nước chắc chắn anh sẽ bị đi tù cải tạo mức mùa.

#### **\* Những người tham dự biểu tình tại khán đài chánh Plaza, EXPO 2000 :**

Nguyễn, Thị Toan (Bahnsdorf); Dương, Văn Thường; Vũ, Chí Trung - Nguyễn,

Chinh Nghĩa (Streufdorf), Nguyễn, Việt Đức (Salzgitter); Nguyễn, Văn Hậu (Soltau); Trần, Văn Chiến (Althenburg); Đoàn, Thanh Tùng (Calberlah); Trần, Hà Nhân; Đoàn, Thanh Bình (Dessau); Nguyễn, Song Hào - Nguyễn, Ngôn Toàn - Nguyễn, Huệ Nhật (Berlin); Nguyễn, Bảo Cường - Phạm, Trọng Cang - Trần, Thọ Tuấn - Nguyễn, Văn Còn - Phạm, Tuấn Hùng - Vũống, Thiên Mạnh - Nguyễn, Anh Dũng (Salzgitter); Phạm, Công Niên (Kahla); Trần, Văn Các (Bremen); Lý, Thanh Trúc - Nguyễn, Ngọc Khôi - Nguyễn, Trung Việt v.v...



Ông Cầm đang đọc diễn văn, trong khi nhân viên an ninh dùng dù che ông, để ông khỏi bị ảnh hưởng từ người biểu tình ném lên.

**Kết quả xổ số  
Tombola  
lễ Vu Lan năm 2000  
tại chùa Viên Giác -  
Hannover**

**Lô độc đắc :** 0019  
**Lô hạng nhất :** 0155  
**Lô hạng nhì :** 0925  
**Lô hạng ba :** 1217

**Lô hạng tư :**

**0159 - 0700 - 0362 - 0888 -  
0120 - 1425 - 1398 - 0499 -  
0219 - 0777 - 1330 - 0536 -  
1445 - 0397 - 1847 - 0982 -  
0497 - 0254 - 0930**

**Bài Tham Luận**

**Đảng Cộng Sản Việt Nam  
không xứng đáng và không  
có lý do để tồn tại**

**Đ**ất nước Việt Nam của chúng ta đã phải trải qua tròn 55 năm dưới sự cai trị của chế độ Cộng Sản bằng bạo lực theo kiểu Stalin.

Nữ phóng viên người Đức Jutta Lietsch với bài báo "Việt Nam giấc mộng không thành" đăng trên nhật báo Berliner Zeitung số ra ngày 28.4.2000 đã nhận xét: "Sự cởi mở về kinh tế của đất nước Việt Nam từ những năm 80 đã không đi đôi với những thay đổi về chính trị.

Những người phê bình chỉ trích chế độ đều bị theo dõi, các nhà báo thì bị đe dọa, ức chế. Về kinh tế thì hầu như không có tiến triển gì.

Với thu nhập bình quân 360 US đô-la theo đầu người trong một năm thì Việt Nam ngày nay vẫn thuộc vào một trong những nước nghèo khổ nhất thế giới".

Đó là nhận định khách quan của một người nước ngoài về tình hình tồi tệ của Việt Nam gần đây nhất.

Trong hơn nửa thế kỷ qua Đảng Cộng Sản Việt Nam đã lợi dụng lòng yêu nước của dân tộc để tiến hành các cuộc chiến tranh giành lại độc lập. Nhưng độc lập mà không có tự do, quyền con người bị tước đoạt khiến thế giới phải lên án thì đó chỉ là độc lập giả hiệu, là lừa dối để mưu cầu quyền lợi riêng cho một nhóm người lãnh đạo trong Đảng mà thôi.

Xuất phát từ yếu tố Đảng trị mà những người đứng đầu Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay vẫn không chịu chấp nhận sự phân quyền minh bạch giữa Hành pháp, Lập pháp và Tư pháp.

Chế độ cộng sản độc tài hiện vẫn đang ngoan cố tiếp tục đi ngược lại quyền lợi và nguyện vọng của dân tộc Việt Nam, kìm hãm sự tiến bộ xã hội để giữ vị trí độc tôn quyền lực và quyền lợi của thiểu số lãnh đạo là nguyên nhân chủ yếu đưa đất nước Việt Nam và dân tộc Việt Nam đến tình trạng thảm hại như hiện nay.

Chính vì vậy mà chế độ CSVN hoàn toàn không có khả năng giải quyết những khó khăn về kinh tế xã hội hiện đang đưa Việt Nam xuống dốc.

Tuyệt đại đa số dân chúng trong nước vẫn còn rất nghèo khổ mà đáng lý ra họ đã phải được hưởng sự sung sướng cả về vật chất lẫn tinh thần từ lâu rồi.

Gần đây, để giải quyết tương lai vận mệnh của đất nước, Lê Khả Phiêu, nhân vật số 1 trong guồng máy lãnh đạo của Việt Nam đã công khai tuyên bố "Việt Nam đi theo mô hình cải cách của Trung Quốc và nếu Trung Quốc thành công thì Việt Nam cũng thành công và nếu Trung Quốc thất bại thì Việt Nam cũng chịu chung số phận".

Thật không thể tưởng tượng nổi một nhân vật lãnh đạo tối quan trọng của một đất nước lại có thể có những lời tuyên bố ngu xuẩn đến như vậy.

Vừa qua, được Trung Quốc bật đèn xanh nên hiệp ước thương mại Mỹ-Việt cuối cùng cũng đã được ký kết vào ngày 13.7.2000 tại Hoa Thịnh Đốn, mà lẽ ra đã phải ký vào tháng 9 năm 1999.

Thật ra Đảng CSVN chỉ muốn lợi dụng những ưu đãi về mậu dịch của Hoa Kỳ để cứu vãn tình trạng suy thoái về kinh tế nhằm duy trì chế độ độc tài đảng trị và đặc quyền đặc lợi của tập đoàn lãnh đạo.

Nhưng họ đã làm. Kinh tế là quy luật mang tính khách quan tuyệt đối nhất. Nó sẽ nghiền nát và nhanh chóng thẳng tay loại ra khỏi vòng tất cả những đối tác nào kém cỏi, lặt lọng không theo đúng luật kinh tế thị trường bất chấp đối tác đó là ai.

- Bản sửa đổi của Bộ luật Hình sự được Quốc Hội Việt Nam thông qua vào tháng 12.1999 theo điều 78, 79, 88 và 91 thuộc chương IX đã đe dọa trừng phạt nặng nề từ 3 đến 12 năm tù tất cả những ai tuyên truyền chống lại chế độ CSVN kể cả những người hiện đang sống ở hải ngoại. Điều đó đã khẳng định rằng Nhà nước Việt Nam đã lộ nguyên hình là con đẻ của chủ nghĩa khủng bố tàn bạo theo kiểu Stalin của quốc tế CS - chủ trương tiêu diệt tất cả những tư tưởng và lực lượng đối lập bằng bạo lực nhằm duy trì quyền lực độc tài.

- Cái gọi là xây dựng Chủ Nghĩa Xã Hội, tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh mà Đảng hiện rêu rao cổ tình duy trì và tô son trát phấn chỉ là một thứ bình phong, chỉ là treo đầu dê, bán thịt chó của tập đoàn Mafia đồ hồng duy trì đặc quyền đặc lợi, vơ vét, đầu cơ phòng khi thất thế, chủ có phải vì dân vì nước gì đâu.

Một chính quyền thối nát như thế không xứng đáng với dân tộc Việt Nam và không có lý do gì để tiếp tục tồn tại.

Hannover 2.9.2000

● Dr. Nguyễn Bảo Cường

## Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế

Kính gửi chư Tôn Đức lãnh đạo các Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Hải ngoại

Pl. 2544 - Paris, ngày 28.9.2000

Kính bạch chư Tôn Đức,  
Thừa lệnh Hòa Thượng Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế xin kính chuyển sau đây 2 trang Thông Bạch cứu trợ nạn dân lũ lụt đồng bằng sông Cửu Long, cùng những khó khăn mà Giáo Hội trong nước gặp phải để kính mong chư Tôn Đức lãnh đạo tìm phương hậu thuẫn.

Kính bái  
**Võ Văn Ái** (ký tên)

### GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT Viện Hóa Đạo

Phật lịch 2544

Số: 02/VHĐ/VT-TB

### THÔNG BẠCH CỨU TRỢ

Kính gửi Văn Phòng II Viện Hóa Đạo và quý GHPGVNTNHN tại Hoa Kỳ, Gia Nã Đại, Âu Châu, Úc Châu, Tân Tân Lan và Nhật Bản

#### Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư Tôn Đức,  
Thiên tai lũ lụt lại quét qua vùng đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt tại các tỉnh An Giang, Đồng Tháp và Long An. So với trận lũ năm 1994, kỳ này dữ dội hơn nhiều. Mực nước hôm thứ tư 20.9 lên tới 5 thước, và mỗi ngày lên cao từ 5 đến 15 phân. Xem như tình trạng hiện nay, lũ lụt có thể kéo dài đến cuối tháng 10 dương lịch, nơi 16 triệu dân cư ngụ. Hai tỉnh An Giang và Đồng Tháp ngập nước, phương tiện di chuyển duy nhất là xuồng và ghe. Theo thống kê sơ bộ, 61 người chết chủ yếu là thiếu nhi và phụ nữ; trong bảy tỉnh trên mười hai tỉnh đã có 2 triệu người sống không nhà, lênh đênh trên mặt nước. Nước lũ ô nhiễm sẽ làm thiệt hại trầm trọng vùng vựa lúa của miền Nam trong một tương lai xa. Tình cảnh khốn cùng, đói rách, lạnh cảm của đồng bào ta, đặc biệt các cháu thiếu nhi và phụ nữ, thật nói không sao xiết!

Hội Đồng Viện Hóa Đạo đã họp khẩn vạch kế hoạch cứu trợ, xuất quỹ đợt đầu 310.000.000 đồng VN (ba trăm mười triệu đồng VN) làm ba nghìn phần quà, giao cho Ban Tử Thiện Xã Hội của Viện tức tốc thành lập ba phái đoàn cứu trợ lên đường về 3 tỉnh nói trên trong các ngày 20, 21 và 22.9.2000. Ba phái đoàn đã trở về Sài Gòn chiều 22.9.2000. Mặc dù Nhà nước XHCN lên tiếng báo động, kêu gọi các cơ quan từ thiện, Hồng Thập Tự và quốc tế cứu trợ, nhưng lại ngăn cản Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất chúng ta thực hiện công tác cứu người lâm nạn. Sau đây là hoàn cảnh khó khăn mà ba phái đoàn cứu trợ của chúng ta gặp phải:

1. Phái đoàn cứu trợ tỉnh Đồng Tháp do Thượng Tọa Thích Long Trình hướng dẫn cùng với Ni sư Thích Nữ Như Như và 10 Phật tử phụ trách, đã phát được 1000 phần quà, mỗi phần 100.000 đồng VN cùng một ít mì gói và đường;
2. Phái đoàn cứu trợ tỉnh Long An do Thượng Tọa Thích Quảng Huệ hướng dẫn cùng với TT. Thích Nguyên Như và 10 Phật tử phụ trách, dùng thuyền đi phát được 200 phần quà, mỗi phần 100.000 đồng VN. Vì toàn bộ nhà cửa ngập nước lại ở rải rác quá xa, đêm nước dâng mạnh, thuyền cứu trợ quá nhỏ nên phải ra về;
3. Phái đoàn cứu trợ tỉnh An Giang do Thượng Tọa Thích Nguyên Lý hướng dẫn cùng với Sư Cô Thích Nữ Như Tín và 15

Phật tử phụ trách, vừa phát được 84 phần quà, mỗi phần 100.000 đồng VN, thì bị Công an ngăn cấm lấy cớ là trong giấy phát quà có ghi danh xưng "Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, mà Nhà nước cấm các phái đoàn thiện nguyện từ nhân đi cứu trợ" (!). Tối 21.9.2000, Phái đoàn về Chùa Quảng Đức ở đường Tôn Đức Thắng, thành phố Long Xuyên, nghỉ qua đêm nhưng Công an không cho phép. Phái đoàn phải ra thuê khách sạn Thoại Châu ở đường Trần Hưng Đạo, thì Công an ra lệnh cho khách sạn từ chối, nên nửa khuya đành phải tìm đường về Sài Gòn.

4. Ba phái đoàn trên đây chỉ là đợt đầu thăm dò, hầu tiến hành những đợt cứu trợ quy mô kế tiếp, nhưng đã vấp phải sự cấm cản của nhà cầm quyền địa phương. Tôi chuẩn bị lên đường cứu trợ vào đầu tuần tới, nhưng hai ngày qua Công an lên đến canh gác cẩn mật Thanh Minh Thiền Viện. Như vậy là không hy vọng gì được đi cứu trợ đồng bào đang lâm cảnh màn trời chiếu đất. Thượng Tọa Thích Không Tánh, Trưởng Ban Tử Thiện Xã Hội, cũng dự trù lên đường cứu trợ hôm 21.9.2000. Nhưng vừa đến bờ đò Thủ Thiêm thì bị Công an đón chặn, bắt phải trở về chùa Liên Trì không được đi đâu khác, đồng lúc nhận được "Giấy mời" của Công an Phường An Khánh bắt đến trụ sở Công an để "làm việc về hoạt động từ thiện xã hội".

Trước tình trạng nhân dân vùng đồng bằng sông Cửu Long lâm cảnh đói rét, làm than bi đát, mà Nhà nước CHXH lại nhẫn tâm ngăn cản Giáo Hội ta cứu trợ, nên tôi gửi Thông Bạch này đến chư Tôn Đức lãnh đạo các GHPGVNTN tại hải ngoại, thỉnh cầu chư Tôn Đức tùy duyên hóa độ các việc sau đây:

1. Vận động tại các chùa ở hải ngoại tổ chức lễ Cầu Siêu cho những nạn nhân vong thân vì nước lũ, Cầu An cho những người còn sống sót nhưng lâm cảnh tang thương khốn khổ;
2. Gửi thư đến Nhà cầm quyền Hà Nội yêu sách cho GHPGVNTN được tự do cứu trợ nhân dân lâm khổ ở 7 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long; báo động hiện trạng này cho dư luận quốc tế được biết sự kỳ thị đối với Giáo Hội ta, không riêng trên lĩnh vực tôn giáo và tín ngưỡng, mà còn cấm cản cứu trợ hàng triệu người dân đói rách, vô gia cư, dù Nhà nước XHCN không ngừng kêu gọi thế giới ra tay cứu trợ. Ngay ngày hôm nay, tôi đã có văn thư gửi các vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước CHXHCNVN, khiếu kiện các sự việc công an địa phương ngăn cản Giáo Hội ta cứu trợ đồng bào;
3. Kêu gọi Phật tử và đồng bào ở hải ngoại ý thức nỗi khổ đau khốn thiết của đồng bào do thảm nạn lũ lụt gây ra, để tùy khả năng tham gia đóng góp tình tài cứu trợ. Những tiền quyên góp tạm chờ tình hình được khai thông và khi Viện yêu cầu mới gửi về.

Nay thông bạch

Thanh Minh Thiền Viện, ngày 24.9.2000  
Viện Trưởng Viện Hóa Đạo  
**Sa môn Thích Quảng Độ**  
(Ký tên và đóng dấu)

## Thông Báo

Cư Sĩ CHÍNH TRỰC (Toronto-Canada) đã phát hành tập sách **CÚ TRẦN LẠC ĐẠO** (Tập 2), dày 200 trang, gồm các bài viết đơn giản về Phật Pháp Tại Thế Gian, Cốt Tủy Của Đạo Phật, Vô Thượng Thâm Thâm Vi Diệu Pháp, những điều cụ thể, thiết thực, có thể thực sự áp dụng để tu tâm dưỡng tánh trong mọi hoàn cảnh của đời sống hằng ngày của người Phật Tử, với niềm hy vọng đem lại An Lạc Hạnh Phúc và Giải Ngộ Giải Thoát.

Nội dung của tập sách gồm các bài viết sau đây:  
1) Ăn Mặn Ăn Chay, 2) Ăn Oán Côi Đồi, 3) Bát Nhã Tâm Kinh, 4) Cầu Trời Có Được Gì Không?, 5) Chánh Ngữ, 6) Dọn Kho Ăn Tết, 7) Giác Ngộ và Giải Thoát, 8) Làm Sao Gặp Phật, 9) Lương Tâm và Phật Tâm, 10) Pháp Môn Chấn Trâu, 11) Thập Mục Ngưu Đò, và 12) Qua Cơn Mê.

Chư Đạo Hữu và Độc Giả bốn phương muốn nhận tập sách này **hoàn toàn miễn phí**, hoặc muốn góp phần phần vào việc ấn tống và chi phí bưu điện phát hành, xin hoan hỷ gửi thư và tịnh tài, trên chi phiếu đề: CƯ-SĨ CHÍNH-TRỰC, về địa chỉ sau đây, từ nay cho đến cuối tháng 10 năm 2000 :

**CƯ-SĨ CHÍNH-TRỰC**

**302 - 2 DORADO CT., TORONTO - ON, M3M 2E8**

**CANADA. TEL: 416-633-7302**

**E-mail: chinh-truc@hotmail.com**

## CÁO PHÓ & CẢM Ạ

Gia đình chúng tôi vô cùng đau đớn báo tin đến quyến thuộc, bằng hữu xa gần: Mẹ, Bà Ngoại của chúng tôi

**Bà TRẦN THỊ TÂM**  
Pháp danh: Diệu Tử An

tử trần ngày 29.08.2000 nhằm ngày mồng 1 tháng Tám năm Canh Thìn tại Kiel, Đức Quốc.  
Thượng thọ 83 tuổi.

Tang lễ cử hành tại Bischoff Bestattungshaus Kiel Dietrichsdorf 24149 Poggendorfer weg 1a, lúc 11 giờ ngày 06.09.2000.

Gia đình chúng con, chúng tôi xin đề đầu dành lễ tri ân chư Tôn Đức Tăng Ni.

- Đại Đức Thích Hạnh Tấn, chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc

- Đại Đức Thích Minh Tánh, chùa Khuông Việt, Na-Uy

- Đại Đức Thích Hoàng Tất, chùa Hộ Quốc, Pháp Quốc

- Đại Đức Thích Đức Thắng và Sư Cô Thích Đàm Tường, chùa Pháp Vương, Pháp Quốc.

- Sư Bà Thích Nữ Diệu Tâm, Sư Cô Thích Nữ Diệu Nghi, Sư Cô Thích Nữ Minh Hiếu, Ni Cô Thích Nữ Tuệ Đàm Nghiêm, Ni Cô Thích Nữ Tuệ Đàm Giác, chùa Bảo Quang Hamburg, Đức Quốc

- Ni Sư Thích Nữ Diệu Phước, chùa Linh Thủ, Berlin, Đức Quốc.

## PHÂN ƯU

Được tin thân mẫu của Đạo Hữu Đặng Thị Soan tức Cụ Bà

**TRẦN THỊ TÂM**

Pháp danh Diệu Tử An

đã tử trần ngày 29.8.2000 (mồng 1 tháng Tám năm Canh Thìn) tại Kiel. Thượng thọ 83 tuổi.

Chúng tôi xin chân thành chia buồn cùng đại gia đình họ Đặng và kính nguyện cầu hưởng linh Cụ Bà được Tiêu Diêu Lạc Cảnh.

- Tỷ Kheo Ni Thích Nữ Diệu Tâm

và Ni Chúng chùa Bảo Quang Hamburg

- Ban Hộ Niệm chùa Bảo Quang Hamburg

- Chi Hội Phật Tử VNTN tại Hamburg.

## PHÂN ƯU

Vô cùng thương tiếc khi nghe tin em

**LÊ MẠNH HÙNG**

sanh ngày 30 tháng 8 năm 1961, đã mất ngày 28 tháng 9 năm 2000 nhằm ngày mùng Một tháng Chín năm Canh Thìn, tại Regensburg.

Chúng tôi thành thật phân ưu cùng em Vũ Thị Thường và hai cháu Hồng Anh, Tuấn Anh cùng tang quyến, đồng thời xin cầu nguyện cho Hưởng Linh em Hùng sớm được siêu thoát.

-Gđ. Anh Chị Châu-Bào-Chường

-Cùng tất các bạn hữu, đồng hương tại Bayreuth.



# Hộp thư Viên Giác

Trong thời gian qua VIÊN GIÁC đã nhận được những thư từ, tin tức, tài liệu, bài vở, kinh sách, báo chí của các Tổ Chức, Hội Đoàn, Tôn Giáo và Văn Thi Hữu khắp nơi gửi đến.

### \* THƯ TÍN

Nguyễn Hữu Nhật; Huệ Thu; Trần Trọng Khoái (Mỹ), Diệu Nguyên (Việt Nam), Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế (Pháp), Đoàn Văn Thông (Mỹ), Nhất-Uyên Phạm-Trọng-Chánh (Pháp), Phan Ngọc (Đức), Đan Hà (Đức), Huy Giang (Đức), Nguyễn Việt Nữ (Mỹ) Dr. Nguyễn Bảo Cường (Đức), Vũ Kỳ (Bi), Minh Đạt (Đức), Uyên-Hàng (Thụy Sĩ), Nguyễn Văn Cường (Na-Uy), Hà Thượng Nhân (Mỹ), Trần Kim Lan (Đức), Bùi Đăng Khuê; Hải Vân (Mỹ), Hoài Vọng (Đức), Hà Huyền Chi (Mỹ), Bác sĩ Trưởng Ngọc Thanh & Dược Sĩ Trưởng Thị Mỹ-Hà (Đức), Người Quan Sát (Đức), Hòa Thượng Thích Huyền Quang (Việt Nam), Hòa Thượng Thích Quảng Độ (Việt Nam), Hòa Thượng Thích Đức Nhuận (Việt Nam), Thượng Tọa Thích Bảo Lạc (Úc), Hồng Châu (Ý), Hoàng-Phi Lưu Hoàng-Nguyên (Úc), TS. Lâm Như Tạng (Úc), Phù Vân (Đức), Nguyễn Tiến Cường (Đức), Thích Nguyên Siêu; Lý Thiếu Cáo; Thích Hạnh Nguyên (Ấn Độ), Pháp Nguyên (Pháp), Diệu Trí (Đức), Thiện-Căn Phạm-Hồng-Sáu & Hồng Nhiên (Đức), Quỳnh Hoa (Đức), Cư sĩ Phúc Minh (Đức), Cư sĩ Chính Trực (Canada).

### \* KINH SÁCH & BÁO CHÍ

- **Đức:** Die Würde des Menschen; Cảnh Ân số 103, 104; Sinh Hoạt Cộng Đồng 7, 8, 9/2000; Der Ingenieur Eid - Dr. Meihorst; Tập San Thi Ca số 20; VÔ ƯU kỷ niệm 9 năm Liên Chi Hội Reutlingen-Tuttlingen und Rottweil-Stuttgart; Die Mittlere Weg Nr.3; Migration Religion Integration - Dr. Martin Baumann; Das Herz aller Religionen Da Lai Lama ist eins; Dân Chúa số 215; Bản Tin Tâm Giác số 5; Development and Cooperation Nr.5/00; Entwicklung und Zusammenarbeit 9/00; Bản Tin Đức Quốc số 171; Việt Nam Dân Chủ số 48; Betrifft Nr.3/00; Diễn Đàn Việt Nam số 109; Buddhistische Monatsblätter Nr.4; Sinh Hoạt Cộng Đồng số 137.

- **Pháp:** Nhân Bàn số 42, 43; Việt Nam Dân Chủ số 47; Hoàng Pháp số 89; Định Hưởng số 24.

- **Bi:** Tuệ Giác số Vu Lan Báo Hiếu.

- **Na-Uy:** Pháp Âm số Vu Lan 2000.

- **Hoa Kỳ:** Kinh Phạm Vọng + Kinh Phạm Vọng lược giảng - HT. Thích Trí Tịnh; Chân Trời Mới 7 & 8/00; Giao Điểm số 37; Buddha's Light Newsletter Nr.59; Đặc San Quảng Đà số Canh Thìn 2000; Tự Do Dân Bản số 80; Bồ Đề Hải số 49; Tin Lành số 54, 55; Phật Giáo tại Nga & Phật Giáo tại Mỹ I + II - Giáo sư Trần Quang Thuận; Đạo làm đời sống nở hoa - ĐH Đặng Văn Phú; Phật Giáo của Nhi Đồng - HT Thích Chánh Lạc; Đặc San Phật Báo số 10 Ch'an Magazine Sommer 2000; Nguồn Đạo số 51; Bông Cassette: "Vòng hoa cho người trở lại - Lý Tống; "Thổ Ó Đen Lý Tống"; "Thổ & Nhạc Lý Tống; "Huyền thoại Lý Tống; "Trường kịch Rượu tiền Ó Đen".

- **Canada:** Đi Tỏi số 36; Pháp Âm số 68; Tử Ân số Vu Lan 2000; Cũ Trần Lạc Đại 1 & 2 - Cư sĩ Chính Trực.

- **Đài Loan:** Thiên Phật Sơn số 136, 137.

- **Úc Đại Lợi:** Pháp Báo số 57; Phước Huệ số 16.

## Thông cáo báo chí làm tại Seattle

ngày 4.9.2000

**Đào tạo Tăng Ni, đào luyện thế hệ chuyển tiếp cho Việt Nam, lên tiếng cho Nhân quyền và Sinh quyền, yêu sách bỏ Nghị định 31/CP, Nghị định 26 kèm kẹp tôn giáo. Và điều 4 Hiến pháp là Quyết Nghị của Đại Hội Khoáng Đại Kỳ II GHPGVNTNHN tại Hoa Kỳ - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo**

Mỗi 4 năm lại có một lần Khoáng Đại để vạch kế hoạch hoạt động thích nghi theo hoàn cảnh trong nước cũng như thế giới và bầu cử nhân sự. Đại Hội Khoáng Đại kỳ II Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo đã khai diễn trong các ngày 30.8, 1, 2 và 3.9.2000 tại ngôi chùa Cổ Lâm ở thành phố Seattle, bang Washington, Hoa Kỳ. Đây cũng là dịp khánh thành ngôi chùa vừa xây cất xong, trang nghiêm, hùng vĩ trên đồi thông, do Thượng Tọa Thích Nguyên An làm Viện Chủ và cũng là Trưởng Ban Tổ Chức Đại Hội.

Đại Hội khánh thành chùa Cổ Lâm cùng dịp với lễ Truy tôn Cổ Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu lên ngôi vị Đệ Tam Tăng Thống theo Giáo Chỉ của Viện Tăng Thống trong nước gửi ra. 70 chư Tôn đức Tăng Ni, 321 đại biểu thuộc 101 phái đoàn phó hội, và trên 2000 Phật tử tham dự lễ Truy tôn. Dưới những ngọn thông xanh trong nắng muốt, tất cả đã tự động quỳ xuống trong cực kỳ hân hoan khi nghe Giáo Chỉ của Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Xử Lý Thường Vụ Viện Tăng Thống từ trong nước gửi sang, và cực kỳ xúc động khi nghe tiếng của Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, phát ra từ cuốn băng từ thu tại Sài Gòn.

Sau khi Đức Đệ Nhị Tăng Thống Thích Giác Nhiên viên tịch năm 1979, Cổ Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu, Chánh Thủ Ký Viện Tăng Thống được công cử Xử Lý Thường Vụ. Nhưng Giáo Hội trong nước bị đàn áp, không thể tổ chức Đại Hội để suy tôn Ngài lên ngôi vị Đệ Tam Tăng Thống. Do đó, nhân Đại Hội Khoáng Đại kỳ II, Viện Tăng Thống phó thác cho Đại Hội làm lễ Truy tôn.

Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang nhấn mạnh trong Giáo Chỉ: "Thế giới không có hai mặt trời, thì nước Việt với 2000 năm Phật Giáo chỉ có một Giáo Hội Dân Lập duy nhất, là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất". Hòa Thượng vẽ tả bức tranh quốc nội ngày nay: "Xã hội nước ta ngày càng suy đồi vì đủ thứ tệ nạn, nhân tâm ly tán, dân tình thống khổ, đạo lý suy vong, pháp nạn chưa thể giải trừ. Bối cảnh đen tối ấy là mối đe dọa suy tàn cho Chánh Pháp và Dân Tộc. Bậc Trưởng tử của Như Lai và người hữu tâm không thể xem thường, ngoài mặt làm ngơ. Ở hải ngoại, quý Liệt vị được sống tại các nước văn minh, dân chủ, tự do. Nhưng không phải là không có vấn đề. Không gian ly cách giữa các Châu, cộng với biết bao chủ trương ly gián, mê

hoặc, làm phân hóa các đoàn thể và xói mòn Tăng thể lục hòa". Nên Hòa Thượng kêu gọi: "Do đó, để hóa giải các nghịch cảnh, cần có một Tăng đoàn hòa hiệp, một Giáo thể hợp nhất để hoàng dương Đạo Phật Việt sang phương Tây, và vận động lương tri nhân loại hậu thuẫn cho việc phục hồi quyền sinh hoạt tôn giáo của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Việt Nam".

Ngoài những chỉ thị cần thiết cho Đại Hội về vấn đề kế hoạch, nhân sự trong nhiệm vụ mới, Hòa Thượng Thích Huyền Quang nhấn mạnh một trong những công tác hàng đầu là vận động cho Nhân quyền: "Xu thế của thế giới vào thế kỷ XXI của Tây lịch lấy nhân quyền làm tiêu đích bảo vệ con người. Nhiều đại học mở khoa nhân quyền, nhiều chính phủ tại các nước dân chủ tiên tiến có Bộ Nhân Quyền. Giáo Hội ta rất nên chú trọng phương diện này để bắt kịp trào lưu của thế kỷ, đồng lúc gia tăng hiệu quả cuộc vận động quốc tế cho các quyền căn bản mà người dân trong nước chưa có. Nếu khả thể, Đại Hội nên thiết lập một Vụ Nhân Quyền để phát huy giáo lý tôn trọng và bảo vệ Con Người mà Đức Phật đã tuyên dương từ 2544 năm trước, trước xa các Tuyên Ngôn Nhân Quyền của phương Tây".

Hiện tình quân thù và sức khỏe được Hòa Thượng cho biết như sau: "Phần tôi, nay tuổi đã cao, ngày càng sức yếu, lại thêm bệnh hoạn, bị cô lập nơi chốn lưu đày. Nhưng chí nguyện phục vụ Đạo Pháp và Dân Tộc của tôi vẫn như bất động. Tôi nguyện noi gương Đức Phật, chú Bồ Tát, chú lịch đại Tổ Sư, đem từng hơi thở và thân tôi trang trải cho đạo Phật trường tồn trên đất nước này. Nguyên ước của tôi thành tựu hay không, cũng tùy thuộc rất nhiều vào sự tiếp tay, tiếp lòng của quý Liệt vị Giáo phẩm cao cấp, trung cấp, các vị Cư sĩ Thiện tri thức, Tăng Ni và Phật tử các giới ở hải ngoại".

Đạo Từ của Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, được thu băng gửi sang, thì nhắc đến vai trò vô tiền khoáng hậu của Giáo đoàn Phật giáo ở hải ngoại: "Hai mươi thế kỷ qua, có nhiều lần các Đại Tăng nước ta sang Thiên Trúc hay Trung Quốc cầu học, tham cứu hoặc truyền pháp. Nhưng chưa bao giờ có một Giáo Đoàn hùng hậu, một lực lượng Phật tử lớn lao hiện diện trong 70 quốc gia ở khắp năm châu như ngày nay. Hẳn nhiên do hoàn cảnh thế sự bất ngờ đẩy tôi, thế mà lại hóa thành tăng thượng duyên cho cuộc hoằng pháp lợi sinh, đồng lúc giống lên trên thế giới tiếng trống chiêng oai hùng của nền Phật giáo Việt khởi phát từ Luy Lâu. Kể từ các đoàn truyền giáo của Vua A-Dục ở thế kỷ thứ 3 trước Tây lịch gửi sang phương Tây đến Hy Lạp, Phi Châu, và tỏa khắp vùng Nam Á cùng Đông Nam Á Châu, nay Tăng Đoàn Phật Giáo Việt Nam đang kế thừa cuộc hoằng pháp vô tiền khoáng hậu ấy. Thật là một trọng trách hy hữu và cao cả".

Về nhân sự điều hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo, và nói thay cho tuyệt đại quần chúng thầm lặng không tiếng nói ở trong nước, cũng như tác phong đối đầu với nghịch cảnh là "gió chiều nào che chiều ấy, chủ không là gió chiều nào theo chiều đó", Hòa Thượng Thích Quảng Độ chỉ thị: "Một Tăng Đoàn hòa hiệp là nền tảng vững mạnh cho Giáo Hội. Gặp đủ thuận duyên thì "đa đa ích thiện". Duyên lành chưa kết thì áp dụng "quí hồ tinh". Xin Đại Hội Khoáng Đại kỳ II hết sức quan tâm đến vấn đề nhân sự. Nói đến nhân sự là

nói đến khả năng và tài đức, nói đến sự tuân hành đường lối của Hội Đồng Luồng Viên. Có như vậy mới đứng được đầu sóng để chèo chống trước phong ba bão táp, để gió chiều nào che chiều ấy, chủ không là gió chiều nào theo chiều đó. Làm sao cho Tiếng Nói của Chánh Pháp và Dân Tộc phát huy chí nguyện của tông tổ, thu nhiếp được cảm tình và hậu thuẫn của thế giới. Một Tiếng Nói đại biểu cho tuyệt đại quần chúng thâm lặng không tiếng nói, thay vì xu phụ theo các luận điệu tử kỳ, mị dân nhất thời".

Hòa Thượng phân tích cho Đại Hội thấu rõ căn nguyên của thảm trạng Việt Nam, là cuộc khủng hoảng văn hóa và chính trị suốt ba thế kỷ vừa qua. Đánh giá sự đóng góp của Phật Giáo Việt Nam, Hòa Thượng nêu rõ sự nổi dài của nền văn hóa "Kim thạch di văn" chuyển hóa thành nền văn hóa "Nhân dưng di văn". "Ba thế kỷ vừa qua, cuộc khủng hoảng văn hóa và chính trị trên đất nước ta còn hằn vết tuổi. Nhưng sự thịnh suy của thế cuộc không làm cản bước người con Phật. Đạo Phật đứng ngoài lẽ thịnh suy, đứng trên cơn thăng trầm của lịch sử, để dẫn dắt quần sinh về nơi an lạc và giải thoát. Nền văn hóa, tôn trọng và bảo vệ con người của Phật Giáo, rang rỡ từ trung tâm Luy Lâu vào thế kỷ thứ II sau Tây lịch, qua thời lập quốc Đinh, Lê và thời vàng son Lý, Trần, còn khắc ghi trên bia ký, cột kinh, làm nên một đặc thù văn hiến của "Kim thạch di văn" cho nước ta. Rồi từ đầu thế kỷ XX vừa chấm dứt, sự có mặt và dấn thân của người Phật Tử Việt Nam trong hành động tuyên dương Chánh Pháp, bảo tồn văn hóa và độc lập dân tộc, đã chuyển hóa nền "Kim thạch di văn" kia thành "Nhân dưng di văn", một nền văn hóa cứu người và giải phóng con người khỏi mọi ràng buộc của nô lệ, vô minh và khổ đau".

Cũng như Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Hòa Thượng Thích Quảng Độ phó thác hai vai trò lịch sử cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Hải Ngoại qua tiêu ngôn "Ngoại tuyên Chánh pháp, nội tranh Nhân quyền". "Đại Hội Khoáng Đại kỳ II cần kết thúc nhanh chóng giai đoạn chấn chỉnh và kiện toàn cơ sở, để đảm trách hai vai trò lịch sử: Ngoại tuyên Chánh pháp, nội tranh Nhân quyền. Kể từ giây phút Đại Hội Khoáng Đại kỳ II được khai mạc, kính xin chư Liệt vị tâm niệm rằng: Ngôi Chùa Cổ Lâm không chỉ là nơi khai diễn Đại Hội, mà là chốn Pháp tòa nơi hằng triệu con mắt của Phật tử trong nước tin cậy nhìn sang và trông chờ; những lời chư Liệt vị phát biểu, những cử chỉ, tâm ý và dự án chư Liệt vị sắp sửa công khai sẽ được lịch sử ghi chép và đánh giá".

Theo Giáo Chỉ của Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang lưu nhiệm toàn bộ 4 Hội Đồng Đại Diện, Hội Đồng Giám Luật, Hội Đồng Giám Sát và Hội Đồng Điều Hành, tuy có bổ sung một số nhân sự mới đáp ứng với các công tác và tình hình. Các nhân sự mới hoặc bổ sung vào Hội Đồng Điều Hành gồm có: Giáo sư Huỳnh Kim Quang, Phó Tổng Thư Ký; Thượng Tọa Thích Giác Đăng, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Truyền Thông; các Giáo sư Trần Quang Thuận, Bùi Ngọc Đường, Vinh Hào, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Nghiên Cứu Kế Hoạch và Phát Triển; Giáo sư Võ Văn Ái, Tổng Vụ Trưởng Ngoại Vụ (đặc trách quan hệ Đối Ngoại và Nhân Quyền); Thượng Tọa Thích Huyền Việt, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Thanh Niên; Thượng Tọa Thích Tín Nghĩa, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Cư Sĩ; Thượng Tọa Thích Đồng Chánh, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Nghi Lễ; Thượng Tọa

Thích Nguyên Siêu, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Văn Hóa; Thượng Tọa Thích Vân Đàm, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Giáo Dục; Ni Sư Thích Nữ Giác Hương, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Ni Bộ.

Sau 4 ngày hội họp, thảo bàn, vạch kế hoạch và bầu cử tân ban Hội Đồng Điều Hành, Đại Hội đã ra một Tuyên Ngôn 3 điểm và Quyết Nghị 7 điểm, mà chúng tôi xin đăng tải nguyên văn dưới đây:

## **TUYÊN NGÔN VÀ QUYẾT NGHỊ**

### **của Đại Hội Khoáng Đại kỳ II Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo**

Sau bốn ngày Đại Hội tại Chùa Cổ Lâm, thành phố Seattle, bang Washington, Hoa Kỳ, từ 31.8, ngày 1, 2 và 3.9.2000, trên 70 chư Tôn đức Tăng Ni lãnh đạo và Cư sĩ trực thuộc các Hội Đồng Đại Diện, Hội Đồng Giám Luật, Hội Đồng Giám Sát, Hội Đồng Điều Hành, cùng 321 đại biểu thuộc 101 Phái đoàn Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo, đại diện 5 miền của 45 Gia Đình Phật Tử, và chư Tôn đức Đại biểu các Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu, Úc Châu - Tân Tân Lan, Canada, Nhật Bản, đồng thanh tuyên bố:

1. Khâm thừa Giáo Chỉ của Đức Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Xử Lý Thường Vụ Viện Tăng Thống, truy tôn Cổ Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu lên ngôi Đệ Tam Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất;

2. Khâm thừa lời chỉ đạo của Hòa Thượng Thích Đức Nhuận, Cố Vấn chỉ đạo Viện Hóa Đạo, hòa nhập theo bước đi chuyển hóa của Hội Đồng Luồng Viên Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, thể hiện sự nhất quán trong đường lối lãnh đạo để hóa giải mọi tranh chấp, phân hóa, suy thoái do thời cuộc và các thế lực vô minh vây bủa suốt 37 năm qua.

3. Khâm thừa Đạo Từ của Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, hùng-lực-hóa Giáo Đoàn hải ngoại, đoàn-ngũ-hóa giới Cư sĩ nam nữ Phật tử trên khắp năm châu, để hoằng dương đạo Phật Việt và kết tinh thành lực lượng phụng sự hòa bình, an lạc và hạnh phúc. Lấy giác ngộ giải thoát làm cứu cánh, lấy bản nguyện độ sanh cho nhân dân đau khổ, bị ức chế làm sự nghiệp, nên quyết tâm thực hiện hòa hiệp Tăng làm nền tảng dựng xây Giáo thể để hóa giải các nghịch cảnh, hoằng dương đạo Phật Việt sang phương Tây, và vận động lương tri nhân loại hậu thuẫn cho cuộc phục hồi quyền sinh hoạt của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Việt Nam.

Truyền thừa các chí nguyện ấy để chung vai đầu cột đảm trách hai vai trò lịch sử mà Viện Hóa Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất phó thác: Ngoại tuyên Chánh pháp, nội tranh Nhân quyền; có nghĩa là trên thế giới thì làm sống lại Đạo Hòa Bình, Đạo Từ Bi của Phật Giáo Việt Nam;



tại quốc nội thì vận động thực thi Quyền làm Người Việt Nam trong tự do, no ấm, dân chủ, thái hòa.

### Đại Hội đồng thanh Quyết Nghị :

**Thứ nhất:** Gấp rút đào tạo Tăng, Ni để truyền thừa Phật bảo, Pháp bảo trong cộng đồng người Việt hải ngoại, và hiển danh vai trò Sư giả của Chánh Pháp ở phương Tây, tạo mối giao lưu huynh đệ, xây dựng hòa bình, bảo vệ con người và sinh thái toàn cầu;

**Thứ hai:** Tập hợp vào đào luyện thế hệ trẻ chuyển tiếp, mà các thế lực bạo động, căm thù, chiến tranh và đàn áp, làm hủy diệt hai thế hệ thanh niên trên Đất Tổ, để thiết lập một xã hội công dân đóng góp vào công cuộc giải trừ Quốc nạn, Pháp nạn và tái thiết quê hương;

**Thứ ba:** Mở rộng những sinh hoạt văn hóa, giáo dục, thành lập Đại Học Phật Giáo tại hải ngoại để phát triển kiến thức, và các chuyên ngành cho giới thanh thiếu niên, sinh viên Phật Tử Việt Nam;

**Thứ tư:** Phát huy truyền thống Nhân quyền, Sinh quyền cho mọi giới, mọi xã hội, mọi sinh thái trên hành tinh theo giáo lý cộng sinh của đạo Phật;

**Thứ năm:** Vận động các trung tâm quyền lực, các tổ chức nhân quyền quốc tế, các tôn giáo bạn, các tổ chức nghiệp đoàn, các cơ quan tài trợ, Ngân hàng thế giới, các đại công ty kinh doanh và đầu tư, các nhân sĩ, trí thức và nhân dân ở mọi quốc gia, làm áp lực cho sự hình thành một xã hội công dân, tự do, đa nguyên và dân chủ;

**Thứ sáu:** Yêu cầu nhà cầm quyền CHXHCNVN hủy bỏ Nghị Định 31/CP tháo lúng việc quản chế hành chính từ 6 tháng đến 2 năm, bất cứ công dân nào, mà không thông qua sự xét xử của một tòa án được luật sư bảo vệ do bị can chọn lựa; thu hồi Nghị Định 26 về các hoạt động tôn giáo hiện đang pháp lý hóa sự kiểm soát, hạn chế và kềm kẹp các sinh hoạt tôn giáo tại Việt Nam; và hủy bỏ điều 4 trên Hiến Pháp hiện hành để tạo điều kiện cho cuộc đại HÓA GIẢI giữa mọi thành phần dân tộc;

**Thứ bảy:** Yêu cầu nhà cầm quyền CHXHCNVN trả tự do cho tất cả các tù nhân chính trị, tù nhân vi lương thức, vi chính kiến, thuộc mọi khuynh hướng tôn giáo hay đảng phái. Đặc biệt, trả tự do cho Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Xử Lý Thường Vụ Viện Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, bị giam giữ và quản chế tại quận Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, từ 18 năm qua không lý do, không xét xử; chấm dứt sự phong tỏa chùa chiền, quản thúc, sách nhiễu nhệ vị Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Thích Đức Nhuận, nhệ vị Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ, Thích Không Tánh, các cán bộ của Giáo Hội cũng như các Huỳnh Trường Gia Đình Phật Tử Việt Nam. Và hoàn trả tất cả cơ sở văn hóa, giáo dục, xã hội, chùa viện, tài sản của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất bị Nhà Nước chiếm dụng sau năm 1975.

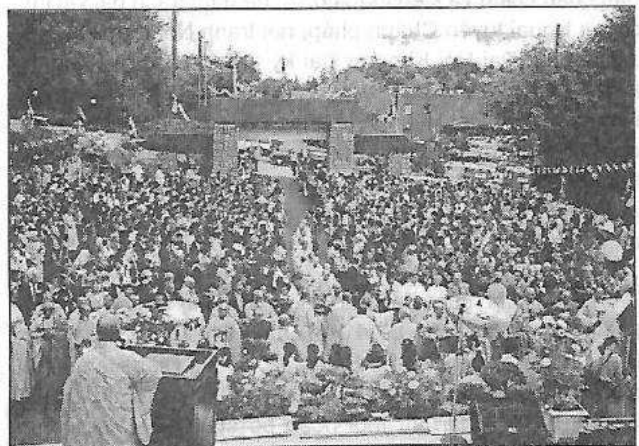
Làm tại chùa Cổ Lâm, Seattle, Phật lịch 2544  
ngày 3 tháng 9 năm 2000



Chư tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni và Phật Tử niệm Phật cầu gia hộ cho Đại Hội



Lễ truy tôn Đức Đệ Tam Tăng Thống cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu



Chư Tôn Đức Tăng Ni và đồng bào Phật Tử tham gia lễ an vị chùa Cổ Lâm



# Sinh hoạt cộng đồng

## EXPO 2000, VÀ CUỘC ĐẤU TRANH TUYỆT VỜI CỦA NGƯỜI VIỆT NAM TẠI ĐỨC

Trên những xa lộ đầy nghẹt xe cộ hướng về Hannover, có những người Việt Nam bình dị, vui vẻ đang trên đường về chùa Viên Giác, ngôi Chùa che chở hồn dân tộc, nơi cửa luôn rộng mở đón những người con nước Việt, với lòng bao dung và độ lượng, trong sự gắn bó giữa Đạo Pháp và Dân Tộc.

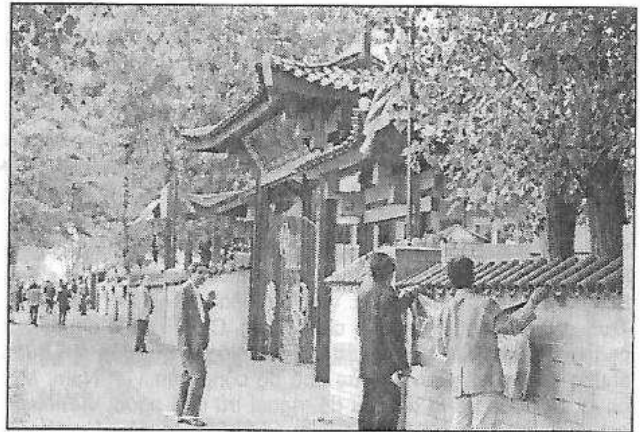
17 giờ chiều thứ sáu, 1.9, mọi người có mặt, Phật Giáo có, Tin Lành có, Công Giáo có, kính cẩn, trang nghiêm, thành tâm tham dự lễ Cầu Siêu cho tất cả những người Việt ở hai miền Nam Bắc đã chết trên chiến trường, trong các lao tù cải tạo, trong các cuộc đấu tranh cho dân chủ tự do hoặc trên đường đi tìm tự do. Trước chánh điện trang nghiêm, hoa quả tươi đẹp, trầm hương nhẹ nhàng tỏa khắp, lời kính tụng niệm, tiếng mõ tiếng chuông đều đặn âm vang của chú Tăng Ni và Phật Tử, để cầu xin cho vong linh những người đã nằm xuống được tiếp độ về nơi thanh tịnh hết oan khiên. Lời khẩn nguyện chân thành của những đứa con trung hiếu với quê hương dân tộc chắc chắn sẽ được chú Phật, chú Bồ Tát tiếp độ.

Tiếp đó là buổi mạn đàm Hướng Về Quê Hương, nơi nhân quyền còn bị chà đạp, nơi Tôn Giáo đang còn bị chèn ép, dằn dũa, nơi tuổi trẻ đang bị tha hóa, nơi tập đoàn cai trị đang vờ vét sinh lực của đất nước... Khởi đầu buổi mạn đàm là lời kinh, tiếng hát của anh chị em Công Giáo, khẩn cầu Thiên Chúa và Đức Mẹ Maria đoái thương đến nước Việt Nam. Tiếp đó là lời cầu xin Đức Chúa Trời của anh em Tin Lành soi sáng mọi người Việt hãy làm việc thiện tránh việc ác đặc biệt là những người Việt đang đắm chìm trong việc ác ở quê nhà hãy tỉnh thức, sám hối... Mọi người có mặt không phân biệt tôn giáo đều cùng nhau hiệp thông trong lời cầu nguyện các Đấng Thiêng Liêng. Đêm đã về khuya mà lòng người còn trĩu nặng với những vấn nạn của đất nước. Bạo ngược, đối trá, tham nhũng... vẫn còn ngự trị trên quê hương và đồng bào trong nước vẫn còn bị tước đoạt mọi quyền căn bản bình thường của mọi con người bình thường trên thế giới. Phải làm gì đây cho thế giới biết những khổ nạn của đồng bào mình ?

Những khối óc, những con tim của những người Việt trần trụi tối hôm 1.9 đã tìm được câu trả lời sáng hôm sau, bằng hành động. Từ sáng sớm mùng 2.9, cờ Vàng Ba Sọc Đỏ và cờ Phật Giáo đã được treo lên ở cổng Chùa Viên Giác và các biểu ngữ bằng ngoại ngữ cho biết là **"tự do tôn giáo, tự do báo chí, tự do hội họp... là quyền của con người. Nhưng ở Việt Nam thì không"**, chẳng hạn như biểu ngữ sau đây về tự do tôn giáo, xin ghi nguyên văn bằng Đức ngữ để bạn đọc biết **"Religionsfreiheit ist ein menschenrecht, aber nicht in Viet Nam !"** đã được treo dọc theo tường rào trước mặt chùa dọc theo đường Karlsruher dẫn đến khu Hội Chợ EXPO 2000 cách đó vài trăm thước, đã gây sự chú ý cho nhiều người qua lại. Người đi bộ dừng lại đọc đã đành, mà xe hơi, xe ca chở khách đi đến Hội Chợ cũng chạy chậm lại để đọc hoặc để chụp hình... Cảnh chùa thanh tịnh, những tiềm tàng hùng lực của nguyện vọng chính đáng, hợp lòng người, hợp lòng trời, và hợp với tiến bộ của thời đại của nhân dân Việt Nam...

Trời lạnh, mây phủ bầu trời, nhưng đã có những người Việt, nam nữ, già trẻ, lên đường đến những địa điểm mà hàng vạn du khách đi ngang qua để vào khu Hội Chợ, mang theo những tài liệu bằng ngoại ngữ để giúp du khách biết thêm về thực trạng Việt Nam, để họ đừng bị mê hoặc bởi những thủ đoạn tuyên truyền của chế độ. Những tài liệu ngắn gọn bằng ba thứ tiếng Anh, Đức, Pháp về "Việt Nam Ngày Nay", với những dữ kiện, hình ảnh tiêu biểu cho tình trạng đen tối mà người dân lương thiện phải gánh chịu như nhân quyền bị chà đạp, người

đòi dân chủ thì bị tù đầy, chính quyền thì đối trá, nhùng nhàm, độc đoán độc tài... kèm theo lời nhắn nhủ **"Đừng tin những gì chính quyền cộng sản Việt Nam nói, Hãy nhìn những gì họ đã làm đối với nhân dân Việt Nam, với hình ảnh người dân è cổ kéo cổ xe cho cán bộ cộng sản chễm chệ ngồi trên xe, ôm chân các lãnh tụ cộng sản HCM, Stalin, Marx !", hoặc "Xin thấp một ngọn nến cho những người bị đàn áp được Tự Do, cho Việt Nam có Dân Chủ, cho Việt Nam có Nhân Quyền..."** đã được trao tận tay lớp lớp người vào khu Hội Chợ và đã được họ chú ý. Có người sau khi ngừng lại để đọc, đã biểu lộ cảm tình với những người Việt Nam vừa mới trao cho họ tờ tài liệu đó. Những chiếc dù màu vàng ba sọc đỏ lộng lộng giữa đám đông, hoặc vũng vàng trong sáng che chở những người Việt đi phát tài liệu dưới những cơn mưa nặng hạt, mà lòng vẫn thấy hân hoan.



Anh em đang treo cờ và biểu ngữ dọc theo bờ tường chùa Viên Giác

Trong khi đó thì một số anh chị em đã đến dự lễ khai mạc "Ngày Việt Nam" mặc dầu không được mời. Mua vé vào Hội Chợ thì ai muốn đến gian hàng nào thì cứ đến. Những ai đã đến gian hàng Việt Nam đều thở dài ngao ngán. Nghèo nàn, què mùa và tẻ tẻ hết chỗ nói. Tượng hình HCM để chinh phục một cách vô duyên kỳ quái, chỉ làm cho người Việt đi ngang qua đó có cớ để nguyền rủa mà thôi. Cán bộ coi gian hàng thì lủ lủ khô khan, đón khách với tác phong của cán bộ cơ quan đôn dân ở trong nước; hết thuốc chữa... Hàng hóa nghèo nàn trông bày như con nít, kiến trúc như trò chơi, nên gian hàng coi như không đáp ứng được lòng mong đợi của Ban Tổ Chức Hội Chợ, mặc dù nghe đâu họ đã giúp Một Triệu Đức Mã (1.000.000 DM) để xây cất. Chắc là cán bộ ta đã ăn chia quá nhiều lại lo giành giật cho con cháu đi qua xứ người ăn chơi, buôn lậu, nên chuyện xây cất trang hoàng, quản lý gian hàng Việt Nam chỉ là thứ yếu. Nhìn gian hàng Việt nam mà cảm thấy nhục cho Đất Nước. Họ thực sự đã làm nhục dân tộc Việt Nam !

Những tiết mục văn nghệ được họ trình diễn ở khu khai mạc Ngày Việt Nam cũng vậy. Chẳng có gì là quốc hồn quốc túy. Múa may hồ hang, điệu vũ pha trộn, lai căng, làm cho có. Người Việt nhìn những màn văn nghệ đó mà đau lòng. Để thu hút khách Tây phương, họ không ngần ngại sử dụng người nữ nghệ sĩ Việt Nam dưới dạng hồ hang sexy hơn là dưới dạng nghệ thuật, và đó là một điều mà những người Việt chân chính đều đau lòng, phẫn nộ. Người phụ nữ Việt Nam phải được chế độ kính trọng và không thể là một món hàng mà chế độ đem đi chào hàng ! Rõ ràng chế độ này sẵn sàng sử dụng mọi phương tiện kể cả những phương tiện bi ôi nhất để có tiền, để nắm quyền. Đạo lý dân tộc không cho phép làm như vậy. Dù ở hai ranh giới chính trị khác nhau nhưng người viết cũng đau với nỗi đau tinh thần của người nghệ sĩ bị buộc phải làm công cụ cho Đảng.

Nhìn cách thiên hạ tổ chức lễ khai mạc Ngày Việt Nam, với sự hiện diện của Phó Thủ Tướng chính quyền Hà Nội kiêm Bộ Trưởng Ngoại Giao, thế mà phía chủ nhà chỉ có Thủ Trưởng Ngoại Giao là nhân vật cao cấp nhất đại diện. Thời gian buổi lễ

chưa tới nửa giờ, mà diễn văn thì tầm thường đến độ buồn ngủ, nhân viên an ninh chìm nổi nhan nhản, trong khi số người có mặt chẳng lấy gì làm đông. Loáng thoáng có một số người Việt Nam mặc T-Shirt trước ngực có in nửa vòng trên, chữ đỏ "Expo 2000 Hannover", nửa vòng dưới chữ xanh "Germany-Vietnam" và ở giữa là "hình nước Việt Nam với lá Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ bay phất phới"; sau lưng in chữ màu xanh "Freedom for Vietnam". Việt Nam Tự Do đã có mặt, bình thản nhưng chấp chứa hùng lực của những người Việt Nam tha thiết với Quê Hương Dân Tộc.

Hội Trường Bühne Plaza đang im lìm vì bài diễn văn buồn tẻ của Nguyễn Mạnh Cầm bỗng nhiên giao động. Vài quả trứng từ phía người xem bỗng nhiên vùn vụt bay lên khán đài, đập vào tường tung tóe, làm người đọc diễn văn sùng sốt, chới với, nhân viên an ninh lăng xăng bảo vệ, nhân viên an ninh lập tức dẫn độ những người mặc áo T-Shirt về bốt kiểm tra căn cước trong tiếng hô to "Freiheit für Viet Nam" (Tự Do cho Việt Nam) làm vang động hội trường. Bài diễn văn của Nguyễn Mạnh Cầm chìm đắm trong tẻ nhạt. *Hãng Thông Tấn của Đức DPA đã từ Hannover đánh đi bản tin cho biết là buổi lễ khai mạc "Ngày Việt Nam" tại Hội Chợ 2000 Hannover đã bị quấy rầy, một nhóm người Việt Nam đòi hỏi Tự Do cho Việt Nam và đã có những quả trứng bay lên sân khấu".* Sau khi nhóm người mặc T-Shirt đòi Tự Do Dân Chủ cho Việt Nam đã bị dẫn ra khỏi Bühne Plaza, thì một chị phụ nữ Việt Nam lại hét lớn "Đà đảo Cộng Sản Việt Nam" bằng tiếng Việt và bằng tiếng Đức làm Hội Trường thêm một lần nữa bị chấn động. Chị kể lại là chị đã nói cho Cảnh sát Đức biết là chị chỉ biểu lộ tâm tư của chị trước những dối trá và gian ác của chế độ cộng sản Việt Nam. Mọi người đã được trả tự do sau đó, ngoại trừ một người Việt Nam, anh Nguyễn Trung Việt, bị giữ lại, vì không có đầy đủ giấy tờ. Nghe nói anh này có vợ đang bị bệnh, và bản thân chưa có thể tự nạn, có thể bị trục xuất về Việt Nam. Dù không quen biết anh, nhưng mọi người Việt Nam được tin đều xúc động và quyết tâm vận động với các cơ quan chức năng và các tổ chức nhân quyền để yêu cầu nhà cầm quyền Đức dừng trục xuất anh về Việt Nam vì có thể nguy hại đến an ninh thể xác và tinh thần của anh ấy. Anh Việt không có hành động bạo động nào cả, mà chỉ mặc cái T-Shirt đòi Tự Do Dân Chủ cho Việt Nam, thì không có lý gì mà nhà cầm quyền một nước dân chủ như Đức Quốc, nói mà đấu tranh bảo vệ Dân Chủ được coi như nghĩa vụ của mọi công dân, lại nỗ lực bắt giữ anh ấy chỉ vì đón xin tự nạn chưa được chấp thuận. Một số tiền đã được mọi người tự động đóng góp để giúp đỡ chị vợ đang bệnh có phương tiện lo lắng cho chồng. Đã đấu tranh thì có tổn thất. Anh Việt bị bắt cũng là một tổn thất. Mọi người dù không quen biết anh, dù là ở phía Đông hay phía Tây, đều có cùng một xúc động. Những giọt nước mắt mặn nồng đã xóa đi lẫn ranh Đông Tây giữa những người Việt Nam cùng đấu tranh cho dân chủ tự do ở quê nhà. Đây là một thành quả vô cùng quý giá. Cùng khóc vì thương một người gặp nạn, những cùng cùng cười, cùng vỗ tay hoan hô khi tất cả những người làm công tác vận động cho Tự Do, Dân Chủ, Nhân Quyền lần lượt trở về đầy đủ, dưới cơn mưa tầm tã.

Điều gì đã thúc đẩy những người Việt Nam đó, có người ở xa hàng năm sáu trăm cây số, hội tụ về đây, ăn chay nằm đất, bắt chấp mưa gió, để cầu nguyện, để nói cho thế giới biết những ước mơ dân chủ tự do nhân quyền của đồng bào trong nước hiện không có quyền nói, phải chăng đó là lòng yêu nước, là nghĩa đồng bào, đã được lưu truyền trong máu huyết của người Việt, và bộc phát thành hành động khi họ tỉnh thức. Phải chăng đó cũng là một yếu tố liên hệ đến bản sắc của dân tộc. Trong khi đó, nghe đâu chế độ đã đưa qua Đức hàng ngàn thân nhân của họ, lấy cớ tham gia Hội Chợ, nhưng mục đích là lo mua bán, chuyển tiền, ăn diện nham nhở, khoe khoang vàng bạc châu báu một cách dị hợm, tác phong ăn nói thô lỗ. Gặp họ mà buồn. Cũng là người Việt Nam, nhưng sao họ xa lạ quá, như thể họ đến từ một thế giới khác và lạc loài vào thế giới văn minh dân chủ, tự do này.

**Vì ai mà quê hương Việt Nam trở thành một nước bị người đời chê bai? Vì ai mà Việt Nam bị thua kém thiên hạ đến thế?** Nếu là một nước Việt Nam dân chủ tự do, thì tại Hội Chợ này, gian hàng Việt Nam đã là một gian hàng được mọi người ngưỡng mộ, và người Việt khắp nơi đã đổ về đây, hân hoan, vui mừng hành điện đón chào Ngày Việt Nam, hành điện về nước Việt Nam của mình, hân diện mình là người Việt Nam. Khổ thay, Việt Nam ngày nay, dưới sự thống trị của Đảng Cộng Sản Việt Nam, chỉ là một nước rách nát, chỉ là một nhà tù vĩ đại giam hãm mọi người Việt chân chính, biết tự trọng, và muốn sống bình thường như một người có nhân cách. Chỉ có thể mà phải chịu tù đầy, giam hãm, bị cho là phản động ác ôn!

**Bao lâu còn Đảng Cộng Sản thống trị quê hương, thì cuộc đấu tranh thiên hình vạn trạng vẫn tiếp tục cho đến ngày có tự do dân chủ nhân quyền. Bởi vì luôn luôn có những người Việt tỉnh thức tiếp nối đấu tranh. Vì đó là truyền thống của dân tộc. Và đó cũng là hành động báo hiệu đối với đất nước.**

Diệu Tri  
(3.9.2000)

**Tin giở chót :** Tòa Án Hannover đã ra lệnh cảnh sát trả tự do cho anh Việt vì xét rằng anh vô tội và đòi hỏi tự do dân chủ nhân quyền là chính đáng. Thấy nền dân chủ của nước người lại càng đau lòng cho nước mình (10 giờ đêm 4-9-2000)

---

**THÔNG BÁO : 10.12.1948 - 10.12.2000 :  
52 năm Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền**

---

Các Tổ Chức, Đoàn Thể, Tôn Giáo đã quyết định tổ chức Ngày Quốc Tế Nhân Quyền tại thủ đô Berlin. Từ 10 giờ sáng 09.12.2000 đến chiều 10.12.2000 trước Sở quán Cộng Sản Việt Nam tại Berlin. Tuyệt thực và biểu tình để: Tố cáo trước dư luận quốc tế về hành động chà đạp nhân quyền của nhà cầm quyền CSVN, cũng như để đấu tranh cho quyền tự do báo chí, ngôn luận, tôn giáo... của người Việt Nam.

Để tiện cho quý vị và các bạn muốn tham gia 2 ngày biểu tình tại Berlin. Chúng tôi có tổ chức xe Bus đi từ München và Nürnberg, nếu tiện sẽ đón thêm ở dọc đường đi Berlin. Giá tiền xe mỗi người khoảng 85 Đức Mã. Xin quý vị và các bạn nếu muốn đi bằng xe Bus, liên lạc ghi danh và đóng tiền cho Ban Tổ Chức trước 15.11.2000.

C/o Bùi Văn Tân, Herzogstandstraße 8 - 90471 Nürnberg.  
Tel. 09 11 / 8 14 87 54 .E-mail: Buitan.aol.com

**Lời Tòa Soạn:** Nhằm làm sáng tỏ vấn đề, chúng tôi xin đăng tải lá thư đính chính đề ngày 01.9.2000 của ông Nguyễn Tiến Cường ở Frankfurt gửi ông Nguyễn Thông để xác minh lại những điều ông đã viết trong thư ngỏ đăng trên VG 118 là không đúng sự thật.

Bằng lá thư đính chính nói trên, chúng tôi xin kết thúc nội vụ. Do đó, chúng tôi xin cảm ơn và không đăng tải những lá thư nhận định về sự kiện và bày tỏ quan điểm của độc giả gửi về Tòa Soạn. **Viên Giác.**

Kính gửi Ban Biên Tập báo Viên Giác  
Xin Ban Biên Tập cho đăng vào báo VG 119 lời đính chính của tôi sau đây liên hệ đến lá thư ngỏ tôi viết đăng trên báo Viên Giác số 118.  
Thành thật cảm ơn.

**Lời đính chính về thư ngỏ gửi anh Nguyễn Thông làm việc tại Hãng Continental Teves đăng trên Viên Giác số 118**

Đồng kính gửi:  
- Chùa Viên Giác, Hannover.

- Hội Phật Tử Việt Nam Ty Nạn tại CHLB Đức.
- Chi Hội Phật Tử Việt Nam Ty Nạn tại Frankfurt/ Main.
- Các Chi Hội Phật Tử trên toàn nước Đức.

Frankfurt, ngày 01.9.2000

Kính thưa Thầy Thích Như Điển trụ trì chùa Viên Giác,  
Kính thưa quý Đạo Hữu,  
Kính thưa độc giả báo Viên Giác.

Trong báo Viên Giác số 118 có đăng một lá thư ngỏ của tôi gửi anh Nguyễn Thông, nói về việc anh đem 2 tấm hình chụp trên Hannover ở Pavillon Việt Nam, gặp hai anh Quách Kim Tài ở Bad Kreuznach và Nguyễn Thanh Sinh nói rằng chùa Viên Giác treo cờ cộng sản và hình Hồ Chí Minh với lời kết luận rằng anh Nguyễn Thông có ý bôi nhọ, gây chia rẽ tôn giáo và phá hoại cộng đồng.

Lúc tôi viết lá thư ngỏ là đầu tháng bảy, sau nghe kể lại câu chuyện trên qua một người thứ ba, lúc đó có mặt anh Tài, anh xác nhận anh Thông có nói đến chữ chùa, nhưng anh không biết là chùa nào. Người thứ ba kể lại chuyện, cho biết anh Sinh cũng nói với anh ta rằng anh Thông chụp hình ở chùa trên Hannover. Lúc nghe chuyện tôi rất giận dữ vì nói đến chùa trên Hannover tức là nói đến chùa Viên Giác, tôi cố gắng tìm gặp anh Sinh nhiều lần để kiểm chứng lời người kể nhưng không được vì đang trong thời gian nghỉ hè. Tin tưởng vào sự trung thực của người kể, cũng như nghĩ rằng anh Nguyễn Thanh Sinh còn đó, việc kiểm chứng lại cũng dễ dàng, nên tôi quyết định viết lá thư ngỏ nói trên cho kịp đăng vào số báo 118.

Sau đó tôi cũng quên không nghĩ đến lá thư nữa, đến khi báo đến tay độc giả, anh Nguyễn Thanh Sinh đến gặp tôi cho biết rằng anh Nguyễn Thông có cho anh xem mấy tấm hình, trong số đó có một tấm bề mặt trông giống như một ngôi chùa, nói rằng chụp ở trên hội chợ Expo 2000 chủ không đề cập gì đến chữ chùa hay chữ Viên Giác cả. Việc anh Nguyễn Thông nói rằng chùa Viên Giác treo cờ cộng sản và hình Hồ Chí Minh là hoàn toàn không có. Phần anh Quách Kim Tài thì xác nhận lại trong lúc xem hình và nói chuyện anh có nghe chữ chùa nhưng không có chữ Viên Giác. Ngoài ra trong lá thư ngỏ tôi cũng viết theo sự nghe lại rằng cha vợ anh Thông là một cán bộ cộng sản, việc này khó thể xác minh được.

Căn cứ vào những sự việc kể trên, tôi thấy rằng mình đã viết lá thư ngỏ trong một lúc nóng nảy, thiếu bằng chứng và không chịu suy luận, gây thiệt hại đến danh dự và nhân cách anh Nguyễn Thông cũng như cho gia đình bên vợ anh.

Tôi viết những lời này chân thành xin lỗi anh Nguyễn Thông và anh Nguyễn Thanh Sinh, cũng đính chính lại những sự việc nêu trong lá thư ngỏ đăng trên báo Viên Giác số 118 là không đúng sự thật. Tôi cũng chịu hoàn toàn trách nhiệm về những gì mình đã viết, không có một cá nhân hay đoàn thể hoặc tôn giáo... nào có liên đới trách nhiệm.

Nguyễn Tiến Cường

### TÌM THÂN NHÂN

• Hai em **NGUYỄN TẤN HOÀNG** và **NGUYỄN TẤN PHONG**, trước năm 1989 ở trại ty nạn Singapore. Sau năm 1990 hai em được định cư tại Anh quốc. Nay hai em ở đâu ? Khi nhận được tin này các em liên lạc với anh chị, địa chỉ như sau:

Hàng Nhịn hoặc Phạm Thị Minh  
Kennedy Str.28 - 82178 PHUCHHEM. Tel. 089 80 60 24.

• **NGUYỄN VĂN HIẾU**, sinh ngày 21.01.1966, trước ngụ tại Khu phố Bình Thuận, Đà Nẵng. Sang Đông Đức vào ngày 19.11.1989, khoảng một tháng sau qua Tây Đức xin ty nạn và cư ngụ tại Kanal Str.71 - 10G - 6700 Ludwigshafen. Đã nhiều năm mất liên lạc với gia đình. Nay mẹ đau nặng. Có ai biết được anh Nguyễn Văn Hiếu làm ơn thông báo về Việt Nam địa chỉ:

Phạm Thị Xuân Dung, 216/2 Dương Bá Trạc, F2, Quận 8, TP Hồ Chí Minh, hoặc với Trần Thị Thanh (bei Cao-Giang)  
Hansa Str.76 - 81373 München. Tel. 089 / 54 07 51 46.

Tôi xin chân thành cảm ơn đến tất cả quý đồng hương đã giúp đỡ.

• Tim em là **LÂM HỒNG PHÚC**, trước kia ở Alter Postweg 44 - 38518 Gifhorn.

Xin thư về Lưu Quang, Bat. D, 8 rue Jean Mermoz - F-94349 Joinville le Pont - Frankreich. Tél. 01 39 30 90 52.

Quang tức Tấn là con của Cựu Tử ở Giồng Ông Tố. Hoặc thư về: Quế Hương Luft, Pallasweg 24 - D-23562 Lübeck. Tél. 0451 - 50 11 71.

• **Hoàng Trung Liên**, khóa 13 Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt, muốn tìm người quen là Bà **NGUYỄN THỊ MINH**, có thời gian làm việc tại cơ quan xã hội ty nạn tại Đan Mạch từ năm 1975, nay ở đâu (hoặc nếu có đồng hương nào quen biết) xin liên lạc với:

Ông Phạm Ngọc Ninh, Irenestr.26 - 5431 TH Cuijk - Nederland. Tel. 31.485 32 02 35.

• **Anh Nguyễn Văn Thùy**, trước ở đường Hai Bà Trưng, gần nghĩa trang Mạc Đình Chi, Sài Gòn, có tật một bên cánh tay, năm nay độ 60 tuổi, chuyên bán đồ đồng, nhôm, sắt.

Sau khi miền Nam bị cưỡng chiếm, nghe tin anh đã vượt biên sang Mỹ.

Hiện nay anh ở đâu hoặc ai biết anh xin liên lạc cho em theo địa chỉ: Marie Noelle Kunde (Hồng Yến) - Allée 5 - 31547 Rehburg Loccum. Tel. 05037 - 1768

• **Hà Thị Mai Đức**, sanh ngày 21.3.1974 tại Sài Gòn. Tháng 4.1975, hội "The Vietnamese American Children's Fund Inc" đường Kỳ Đồng Sài Gòn đã di chuyển em sang Mỹ Quốc. Trong chuyến bay này có ông Hoàng Văn Long, nghe nói hiện giờ là Bác Sĩ làm việc tại bệnh viện Indianapolis Methodist. Kể từ đó gia đình không có tin tức gì về Hà Thị Mai Đức.

Xin quý vị nào biết, nhất là ông Hoàng Văn Long biết được cháu Hà Thị Mai Đức ở đâu xin vui lòng liên lạc về chị ruột là Hà Thị Mai Oanh: Am Heerweg 3 - 49134 Wallenhorst - GERMANY. Tel + Fax 05407 / 39119

• **Lý Tích Bình** trước ở Erich Ziegel Ring 80 - 2000 Hamburg, hiện nay ở đâu ? hoặc quý vị nào biết xin vui lòng liên lạc về Lữ Quốc Phong - Via Asolana 21/L 31030 San Vito Di - Altivole - ITALY. ĐT. 0423 - 564 392. Thành thật cảm ơn.

• **Anh Lê Triệu em của anh Lê Kiểm**, đi Liên Xô khoảng 92-93. Nay ở đâu, xin liên lạc với em là Lạc con của cô Nữ, theo địa chỉ:

Nguyễn Đăng Lạc - Breiter Weg 20 - 38640 Goslar - GERMANY. Tel. 05321-304746.

Ai biết xin báo dùm. Cảm ơn.

### CHÚC MỪNG

\* Nhận được hồng thiệp của anh chị Nguyễn Tấn Hùng và Hồng Loan, cộng sự viên của Tạp chí Viên Giác, tổ chức lễ thành hôn cho thú nam là:

**Nguyễn Quốc Trọng** *sánh duyên cùng cô An Hồng Lan*  
thứ nữ của Ông Bà An Hùng Lâm.

Hôn lễ được cử hành vào ngày 02.9.2000 tại Illinois, Hoa Kỳ. Chúng tôi chân thành chúc hai họ **NGUYỄN - AN** được rê hiền đầu thảo, đồng thời cầu chúc cho hai cháu **Quốc Trọng & Hồng Lan** được Trăm Năm Hạnh Phúc.

-Phụ Văn, Chủ Bút và Ban Biên Tập, Kỹ Thuật, Ấn Loát Tạp chí Viên Giác.

\* Được tin mừng, Ái nữ của cố kỹ giả Vũ Ngọc Long và bà Nguyễn Thị Trinh Phương là:

**Vũ Thị Như Phượng** *đẹp duyên cùng cậu Trưởng Mộc Hùng*  
thứ nam của Bà Quả Phụ Trần Thị Ten.

Hôn lễ cử hành ngày 09.9.2000 tại Stuttgart, Đức Quốc.

Chúng tôi chân thành chúc mừng hai họ **VŨ & TRƯỜNG** có đầu hiền rể thảo và cầu chúc hai cháu **Như Phương & Mộc Hùng** Trăm Năm Hạnh Phúc.  
 - Ban Biên Tập báo Viên Giác  
 - Phú Văn, Đan Hà, Vũ Nam.

### CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Chúng tôi đau buồn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc và bạn hữu xa gần, Con, Rể, Chồng, Cha chúng tôi chúng con là :

#### PHÙNG ĐÌNH TÍN

đã mệnh chung ngày 24.7.2000 nhằm ngày 23 tháng 6 Canh Thìn, tại Mỹ Quốc. Linh cữu được chuyển về Việt Nam và tang lễ được cử hành ngày 13.8.2000.

#### Tang gia đồng tri ân và cảm tạ

- HT. Thích Mẫn Giác, Hội Chủ Tổng Hội PHVNTN tại Hoa Kỳ cùng chư vị Đại Đức Tăng Ni chùa Di Đà (L.A)
  - Ni Sư Thích Nữ Như Liên - Thích Nữ Như Trang chùa Tam Bảo Tiểu Bang Utah.
  - TT. Thích Đồng Châu - Đại Đức Thích Như Trúc - Thích Giác Quảng chùa Phổ Quang, Phú Nhuận - Việt Nam.
  - TT. Thích Như Điền cùng chư Đại Đức Tăng Ni chùa Viên Giác, Đức Quốc.
  - Cùng quý bằng hữu, quyến thuộc nội ngoại xa gần đã tụng kinh hộ niệm, cầu nguyện, phúng điệu, gửi thiệp, điện thoại chia buồn và tiễn đưa linh cữu con, rể, chồng, cha chúng tôi, chúng con đến nơi an nghỉ cuối cùng.
- Trong lúc tang gia bối rối, có điều chi sơ sót xin quý chư liệt vị niệm tình tha thứ.

#### Tang gia đồng kính bái

- Gđ. Cha mẹ ruột: Phùng Văn Tâm (Mỹ)
- Gđ. Cha mẹ vợ: Ngô Văn Phát (Đức)
- Vợ: Ngô Ngọc Yến và các con Phùng Đình Ngọc Thảo - Phùng Đình Ngọc Tâm (Việt Nam).

### PHÂN ƯU

Được tin trẻ, Thân Mẫu của văn hữu Lâm Hoài Vũ Nguyễn Thành Hưng, Hội Viên Trung Tâm Âu Châu / VBVN Hải Ngoại, là

#### Bà Quả Phụ NGUYỄN ĐỨC TRUNG Nhũ danh PHAN THỊ SẮC Pháp danh DIỆU HƯƠNG

đã từ trần ngày 26.6.2000 tại Sài Gòn. Thượng thọ 80 tuổi. Chúng tôi xin chân thành phân ưu cùng Văn hữu Nguyễn Thành Hưng và tang quyến, đồng thời xin thành kính cầu nguyện cho hương linh Cụ Bà sớm được siêu thoát Miền Cực Lạc.

- Phú Văn, TTK và Ban Chấp Hành Trung Tâm Âu Châu / VBVN HN.

### Thơ chia buồn

*Thân mẫu nhà thơ Tuy Anh đã tạ thế ngày 05.7.2000*

Thân thương đã mất đi rồi !  
 Bao nhiêu kỷ niệm tuyệt vời ngày xưa  
 Sầu thương biết mấy cho vừa ?  
 Sinh sinh, hóa hóa nắng mưa vô thường !  
 Cuộc đời sao lắm bi thương !  
 Buồn nhiều, vui ít vẫn vương kiếp trần  
 Suy đi xét lại chẳng làm  
 Đời người, giấc mộng mười phần rõ sao !  
 Luân hồi sinh tử đổi trao !!

● Pháp Nguyên

## THÔNG CÁO BÁO CHÍ LÀM TẠI PARIS

NGÀY 10.8.2000

**Công an Thành phố Hồ Chí Minh vẫn tiếp tục luận điệu vu khống và mạ lỵ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất qua hai cuộc thẩm vấn Thượng Tọa Thích Tâm Định và Thượng Tọa Thích Quảng Huệ**

Đại Hội VIII của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tổ chức thành công rực rỡ vào tháng 5 năm ngoài đã gây sự phấn khích và tin tưởng cho toàn thể Tăng tín đồ trong nước.

Dù bị bó buộc phải trưng bày hiệu Giáo Hội Phật Giáo Nhà Nước trước chùa viện, có sở Phật Giáo, nhưng trong thâm tâm ai ai cũng hướng về Viện Hóa Đạo, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Từ một năm qua, Tăng tín đồ đã chuyển từ thềm lặng sang công khai tham gia vào các công tác Phật sự, Cứu trợ lũ lụt và Từ thiện xã hội của Viện Hóa Đạo. Không riêng gì ở miền Nam cũ, mà ngay cả Tăng tín đồ miền Bắc cũng thế. Nội vụ Chùa Một Cột ở Hà Nội vừa qua là một tín hiệu cho thấy sự thống nhất thật sự đã tái hiện trong thực tại, dù pháp lý cộng sản không công nhận.

Sự thống nhất của nền Phật Giáo dân tộc khởi từ cuộc vận động chấn hưng vào những năm 20 đầu thế kỷ 20 chống lại chính sách chia rẽ của thực dân Pháp, chính sách thuộc địa xem Phật Giáo như một Hội Đoàn chủ không là một Giáo Hội có truyền thống 20 thế kỷ. Cuộc vận động này đã thực sự thống nhất nhân tâm Phật Giáo giữa ba miền Nam Trung Bắc vào năm 1951, và hoàn tất dưới danh xưng Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất vào đầu năm 1964 tại thủ đô Sài Gòn, mà hệ thống chỉ đạo và điều hành xuyên qua hai cơ cấu Viện Tăng Thống và Viện Hóa Đạo.

Đại Hội VIII năm ngoài nhằm bổ sung nhân sự vào Hội Đồng Lưỡng Viện (Viện Tăng Thống và Viện Hóa Đạo) và kiện toàn các cơ sở từ trong nước ra đến hải ngoại. Sự kiện nóng bỏng và lịch sử ấy làm cho nhà cầm quyền cộng sản lo sợ. Vì vậy, từ một năm qua các cơ quan Công an không ngừng sách nhiễu hàng Giáo Phẩm trung ương cũng như Tăng Ni khắp các tỉnh thành toàn quốc tò lòng công khai trở về với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Trong mọi cuộc thẩm vấn, vấn đề Đại Hội VIII được đem ra để vu khống và mạ lỵ. Như Công an tỉnh Quảng Ngãi "làm việc" với Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Xứ Lý Thường Vụ Viện Tăng Thống, hôm 5 tháng 7 vừa qua.

Ngoài ra, một số vị chức sắc trong hệ thống Phật Giáo Nhà Nước (mà quần chúng bình dân trong nước gọi là Phật Giáo Quốc Doanh) viết bài hay cho phỏng vấn trên các báo chương Phật Giáo Nhà Nước và báo Đảng vu cáo Đại Hội VIII, bóp méo lịch sử khi giải thích về Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Lập trường các bài viết hay phỏng vấn này không dựa vào thực tế lịch sử, mà nhào nặn sao cho phù hợp với "duy vật sử quan" ngoại lai theo chỉ thị của Đảng cầm quyền. Mặt khác, năm ngoài đại diện Mặt Trận, Ban Tôn Giáo, Công an và các Sở thuộc Giáo Hội Nhà Nước mở chiến dịch rộng lớn, đột nhập vào các Trường Hạ (khóa an cư tu học mùa hè thường năm của Tăng Ni) tại các chùa ở Sài Gòn và các tỉnh thành để mạ lỵ Đại Hội VIII, phá rối sự yên tĩnh tu học của người tu hành, với mục đích chặn đứng ngọn hải triều Chánh Pháp đang trào dâng trong tâm tu Tăng tín đồ Phật Giáo quốc nội.

Suốt hai tuần lễ đầu tháng 7 vừa qua, Công an bao vây và canh gác cẩn mật các chùa Thanh Minh Thiền Viện, Giác Minh, Liên Trì, Già Lam v.v... là nơi trú ngụ của hàng Giáo Phẩm Viện Hóa Đạo. Huỳnh trưởng Trưởng Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Tử Việt Nam bị thẩm vấn liên tiếp 3 ngày đầu tháng 6 tại Đà Lạt, không bố tinh thần căng thẳng đến độ gia đình phải chở Huỳnh trưởng Nguyễn Châu vào bệnh viện nằm ở phòng cấp cứu suốt 5 ngày. Các Huỳnh trưởng tại các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi cũng bị khủng bố tương tự và hăm dọa tử nhiệm khỏi phong trào Gia Đình Phật Tử Việt Nam vì có liên hệ đến Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Tại Quận 4 ở Sài Gòn, hôm 4.8.2000, Thượng Tọa Thích Tâm Định, trụ trì chùa Thanh Tuyền, Thượng Tọa Thích Quảng Huệ, trụ trì chùa Linh Sơn, bị Công an triệu đòi đi "làm việc".

Thượng Tọa Thích Quảng Huệ, Chánh Thư Ký Ban Từ Thiện Xã Hội của Viện Hóa Đạo, bị thẩm vấn về các chuyến đi cứu trợ ở miền Trung và cảnh cáo không được tiếp tục.

Thượng Tọa Thích Tâm Định, Đại diện Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất quận 4, Sài Gòn, thì bị thẩm vấn về việc ly khai Giáo Hội Phật Giáo Nhà Nước, trở về với Viện Hóa Đạo.

Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế xin ghi lại dưới đây một số câu hỏi đáp tiêu biểu giữa Công an và Thượng Tọa Thích Tâm Định, rút từ Bản Tường Trình mà Thượng Tọa gửi lên Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo. Các câu hỏi đáp này toát ra từ chính sách vi phạm tự do tôn giáo nói chung, đánh phá không khoan nhượng Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất nói riêng. Tuy nhiên, với hoàn cảnh suy kiệt của Đảng và Nhà Nước hiện nay, chính sách khủng bố trắng trước kia, thể hiện bằng tra tấn, bằng giam nhốt, thủ tiêu công khai; nay chuyển qua khủng bố tinh thần, và vu cáo, mạ lỵ uy tín Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, hồng lung lạc đối phương. Bào vàng là đồng, thì chỉ có kẻ cầm quyền tự mề loạc lẩy, chủ người bị thẩm vấn làm sao nghe lọt tai? Các trích đoạn rút từ Bản Tường Trình một cuộc "làm việc" với Công an dưới đây, vô hình chung nói lên ý thức tự tại và bất khuất của Phật Giáo Việt Nam.

Vào lúc 8 giờ 15 sáng ngày 4.8.2000, theo trát đòi, Thượng Tọa Thích Tâm Định đến trụ sở Công an quận 4. Phía Công an gồm có Thiếu tá Xuân, Công an Thành phố, và 3 Thiếu tá thuộc Công an quận 4, trong số có các ông Tín, Cường. Mở đầu bằng câu hỏi chính yếu:

**Thiếu Tá Xuân hỏi:** Sao Thầy bỏ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam qua Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất? ("*Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam*" là *Giáo Hội Nhà Nước* hay *Quốc Doanh* như người bình dân gọi, còn *Ban Tôn Giáo Chính Phủ* thì chỉ gọi trống là "*Hội Phật Giáo Việt Nam*" (*Hội chứ không là Giáo Hội*) khi phát biểu trước các diễn đàn quốc tế, như tại Genève hoặc khi cung cấp tài liệu cho *Đặc Sứ Liên Hiệp Quốc Abdelfattah Amor*, lúc *Đặc Sứ* đến Việt Nam điều tra tình hình đàn áp tôn giáo vào tháng 10 năm 1998, PTTPGQT chủ).

**TT. Thích Tâm Định trả lời:** Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam là tay sai của Nhà Nước, là công cụ của Đảng Cộng Sản. Trong hàng lãnh đạo của Giáo Hội này có rất nhiều tu sĩ biến chất, hút xách, rượu thịt, quan hệ bất chính với phụ nữ, vì họ không là người tu hành chân chính mà chỉ là công an chỉ điểm trà trộn vào làm công tác phân hóa, phá đạo. Gây nên cảnh thời nạt chốn Phật đường trang nghiêm, sinh ra hiện trạng tu sĩ bóc lột tu sĩ rất đở bẩn. Cho nên tôi phải lánh xa thủ Giáo Hội tà đạo ấy, đi tìm Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất là Giáo Hội có truyền thống chân tu tốt đẹp để tôi có thể phục vụ dân tộc và đạo pháp ở thời nguy hiểm ngữa, tham nhũng, của quyền, đầy tệ nạn xã hội hôm nay.

**Thiếu Tá Xuân:** Hòa Thượng Thích Quảng Độ đâu có tốt đẹp gì? Hòa Thượng cấu kết với các tôn giáo khác công kích Nhà Nước. Hòa Thượng còn đòi bỏ điều 4 trên Hiến Pháp của nước ta, đòi dẹp Cộng sản. Tu hành mà như thế à? Tu hành mà âm mưu lật đổ Nhà Nước à? Thầy có thấy Thầy sai làm chưa?

**TT. Thích Tâm Định:** Hòa Thượng Thích Quảng Độ mà xấu như ông nói, thì tại sao có hàng trăm nhân sĩ, trí thức trên thế giới đề cử Ngài lãnh Giải Nobel Hòa Bình năm 2000 này? Nếu chính quyền cộng sản mà thường dân, xây dựng, kiến thiết đất nước sau thời chiến tranh, thì 25 năm qua, nước ta đã nở mặt nở mày chẳng thua gì các nước láng giềng ở Đông Nam Á? Đâu có nghèo đói rệp mạt như bây giờ! Các ông hãy đi vào đồng ruộng miệt Hậu Giang, về các tỉnh miền Trung nhìn thủ coi dân sống như thế nào? Dân không đủ ăn, không đủ mặc, kẻ chết sống, người chết đuối, chết bở, chết bụi, lang thang không nhà, không cửa. Có của cải thì bị cán bộ cướp giật. Thủ hỏi có chế đạo nào, từ cổ chí kim, biến trần gian thành địa ngục như thế không, làm cho hàng triệu người phải bỏ nước ra đi tìm tự do?

**Thiếu Tá Xuân:** Sở dĩ đất nước còn khó khăn, nguyên do vì chiến tranh kéo dài quá lâu. Sự phục hồi còn khó lắm, phải từ từ mới được ...

**TT. Thích Tâm Định:** Tôi nói thiệt các ông nghe. Giả dụ như sau thời chiến tranh kết thúc, mà Đảng chịu thành tâm hợp tác với mọi đảng phái, tôn giáo của dân tộc, có chính sách hiếu hòa, giao lưu với các nước tư bản Âu Mỹ, thì Việt Nam bây giờ đâu có thua gì các nước trên thế giới về kinh tế và xã hội? Trại lại, bị liệt vào hàng các nước nghèo nhất thế giới?

**Thiếu Tá Xuân** (Không nói tiếp mà bắt sang chuyện khác): Tại sao Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất mở Đại Hội VIII tại Mỹ?

**TT. Thích Tâm Định:** Sao Thiếu Tá không hỏi nhà cầm quyền Cộng sản ở Hà Nội mà lại hỏi tôi?! Một Giáo Hội Dân Lập có thể thống, có Hiến Chương từ bao đời, mỗi hai năm mở Đại Hội một lần. Nay các ông ở trên rừng trở về, đàn áp người ta suốt 25 năm ròng, hàng Giáo Phẩm bị thủ tiêu, bị bắt tù, bị quản thúc, không cho hoạt động tôn giáo, chiếm dụng hết cơ sở của người ta, làm sao có thể tổ chức Đại Hội VIII ngay tại Việt Nam này? Nếu các ông để cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất được tự do hoạt động, thì tôi nói thiệt với các ông, Đại Hội IX sang năm sẽ tổ chức ngay tại Sài Gòn này chứ không tổ chức đâu xa...

**Thiếu Tá Xuân:** Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tổ chức Đại Hội VIII bên Mỹ, mà lại còn treo cờ Mỹ, treo cờ ba que là nghĩa làm sao? Rõ ràng là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất có tư tưởng chống Cộng.

**TT. Thích Tâm Định:** Các ông phải nhìn trong thực chất qua các văn kiện của Đại Hội VIII nêu ra, thì mới rõ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất muốn gì. Nó không ngoài hai chủ Dân Tộc và Tổ Quốc. Chuyện cờ xí là chuyện bên ngoài. Treo cờ Mỹ là cử chỉ văn hiến lịch sử của một dân tộc đối với dân tộc, khi nước người ta dang tay đón tiếp hàng triệu người tỵ nạn Việt Nam. Các ông đã không từng treo cờ Liên Xô, treo cờ Trung Cộng bên cạnh cờ đỏ sao vàng tại thủ đô Hà Nội đó sao? Tuy miền Nam cũ không còn, nhưng là cờ vàng ba sọc đỏ hiện nay tượng trưng cho sự đau thương của tổ quốc, nó là mảnh linh hồn của người dân bị áp bức, tha hương. Treo hay không treo lên, cái sự đau thương và bị áp bức, tha hương, không làm sao che giấu được. Cho nên người Việt ở hải ngoại phải treo lên để tự nhắc nhở đừng quên Tổ Quốc và đồng bào còn thống khổ trong nước.

**TT. Thích Tâm Định** (ngừng một lúc rồi nói tiếp): Nếu nhà cầm quyền cộng sản đem tình thương và hòa hợp ra mà đối đãi với dân tộc, với các tôn giáo, thì sự đau thương, uất ức, lưu vong kia mới lặn đi. Cụ thể, các ông trả tự do cho Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Xử Lý Thường Vụ Viện Tăng Thống, bị giam cầm không lý do từ 18 năm qua tại Quảng Ngãi, thì dân chúng mới thay đổi thái độ. Các ông cử xưa sao nay vậy, thì đừng hòng lấy lại uy tín trên trường quốc tế.

**Thiếu Tá Xuân:** Hòa Thượng Thích Huyền Quang vẫn còn âm mưu lật đổ chính quyền và có nhiều âm mưu riêng tư khác.

**TT. Thích Tâm Định:** Tôi hỏi ông, Hòa Thượng Huyền Quang có vũ khí không? Có bao giờ các ông khám xét ra vũ khí không? Tay không một tấc sắt làm sao lật đổ chính quyền? Các ông nhận hàng nghìn tấn vũ khí của Liên Xô, Đông Âu, Trung Cộng, chưa kể tiền bạc, mà phải đánh giặc tới 30 năm mới thành công. Làm sao một vị Cao Tăng như Hòa Thượng Thích Huyền Quang lại đi vào con đường của các ông? Còn nói Hòa Thượng có âm mưu riêng tư khác? Tại sao nhà cầm quyền không đem ra tòa công khai xét xử, trưng bằng cờ cho mọi người đều biết, mà cử âm thầm giam hãm người ta gần 20 năm trời? Như vậy là Cộng sản nói một đường làm một ngả. Biểu làm sao người ta tin vào Cộng sản...

**Thiếu Tá Xuân** (vội cắt lời và chấm dứt): Thôi, kết thúc buổi làm việc hôm nay. Đọc lại biên bản hôm nay cho Thầy Tâm Định ký.

**TT. Thích Tâm Định:** Tôi yêu cầu phải ghi hết mọi lời tôi phát biểu vào biên bản, đánh làm 2 bản, mỗi bên giữ một tấm, thì tôi mới chịu ký.

**Thiếu Tá Xuân** (chấp tay trước ngực xá như Phật tử, rồi nói): Thầy thông cảm cho ...

Làm tại Paris, ngày 10.8.2000  
Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế

# Giấc mơ thành tựu

**T**hời gian như bóng câu qua cửa sổ, thắm thoát đã gần hết mùa hạ. Giờ ngồi đây điểm lại công tác từ thiện trong mùa khô, tuy chưa được hoàn tất, nhưng tôi cảm thấy lòng mình thanh thản an vui.

Không còn bao lâu nữa là đến ngày tựu trường. Thảo nào tiếng ve sầu gọi hè thừa thốt dần, hàng phượng vĩ nơi sân trường không còn khoe sắc thắm như trước, trong vòm lá xanh biếc còn sót lại lác đác những chùm hoa đỏ lè loi báo hiệu mùa hè sắp chấm dứt, chuẩn bị mở đầu cho một năm học mới.

Tôi suy nghĩ miên man, nghĩ đến những gương mặt hân hoan của các cháu, vai mang cặp sách, tung tăng đến trường, trong số đó có gần 400 cháu ngồi dưới mái trường mới xây do Phật Tử tại Đức Quốc tài trợ. Niềm vui của các cháu nhân ngày khai trường gặp lại Thầy Cô, bè bạn còn có một niềm vui khác được nâng lên gấp bội, vì năm học này các cháu được học dưới mái trường đẹp nhất, bàn ghế còn thơm mùi gỗ mới, có cộng trình phụ sẽ giúp cho các cháu giữ gìn vệ sinh tốt hơn. Bù lại những năm học trước, các cháu phải chịu nhiều thiếu thốn, thiệt thòi trong học tập như: Tủng Tỏ thay nhau đứng viết bài vì thiếu ghế, nền đất ẩm thấp loang lổ, mái bị dột, trang vở của các cháu nhòe đi vì nước mưa... Thầy Cô giáo dạy dưới mái trường mới này sẽ vui hơn, dạy tốt hơn, lớp học trật tự hơn, không còn cháu nào lên ra hè ngồi chơi mà cô giáo không biết bởi lớp học cũ trống rỗng không có tường, nên các cháu ra vào hưởng nào tùy thích.

Tôi cảm thấy vui lây trong niềm vui nho nhỏ của các cháu, dù có muộn màng đi nữa. Nhiều lúc tôi tự trách mình tại sao không biết không làm những việc này sớm hơn nữa để cho tuổi thơ những vùng xa xôi hẻo lánh này, bị thiệt thòi quá nhiều. Sự chênh lệch quá xa giữa nông thôn và thành phố, cả vật chất lẫn tinh thần, nhưng suy cho cùng một vùng nông thôn đất đai cằn cỗi như ở đây: Vùng Bình Triều, Bình Đào, Bình Giang, Chợ Đước quanh năm chỉ có khoai, ngoài ra chẳng có cây gì thích hợp với đất này. Nhờ lại hồi tháng hai, tôi cùng Ni Sư Huệ Diệu, Sư Cô Huệ Giác, Cô Hạnh Mẫn đến cứu đói vùng này, dưới cái nắng gay gắt chẳng tìm đâu ra một bóng cây để nghỉ chân, khát cháy cổ mà đường thì xa. Trên nắng dưới cát phản chiếu làm mắt chúng tôi nhòa đi. Thương cho Ni Sư Huệ Diệu, Cô Hạnh Mẫn tuổi cao sức yếu cố bước những bước nhanh nhẹn, gập gáp để khỏi bồng chân và cũng để cho kịp giờ chẵn phát kẹo bả con chờ đợi lâu.

Chúng tôi trở lại Đại Sơn để xây dựng Trường Mẫu Giáo Bãi Quà. Đây là ngôi trường cuối cùng trong số chín ngôi trường được Phật Tử tại Đức Quốc ủng hộ. Hôm nhận kinh phí xây dựng trường, đoàn chúng tôi đã quyết định xây dựng nơi đây trước tiên, nhưng rồi không được thuận duyên như tôi đã trình bày lần trước, chúng tôi đành gác lại. Nay chúng tôi chọn ngày 19 tháng sáu âm lịch, ngày vía Đức Quán Thế Âm đặt viên gạch đầu tiên xây dựng ngôi trường này. Hôm

đó chúng tôi khởi hành rất sớm, riêng tôi vì lý do đặc biệt (Sau phẫu thuật sức khỏe chưa ổn, không đi được). Tôi cho hai cô Tuệ Trung và Tuệ Phát đi cùng đoàn để có hình bóng tu sĩ. Tháp tùng đoàn còn có một số Phật tử chùa Hương Sơn, cũng để biểu dương lực lượng, để địa phương thấy được mình không quản ngại khó khăn vất vả, mà ủng hộ tích cực để công trình được sớm hoàn thành. Vì là miền núi xa, bệnh viện, chợ búa thiếu thốn mọi thứ nên chúng tôi chuẩn bị cho nhóm thợ đủ các thủ thông thường như: Thuốc phòng chống sốt rét, cảm, đau bụng, dầu xoa, mì ăn liền, cà-phê, đường, sữa, dầu thắp sáng (vì nơi đây không có điện)... Tính đến nay đã hai tuần rồi mà kết quả xây dựng chưa là bao. Thật không biết nói sao! Một vùng đất không được thiên nhiên ưu đãi, có được chút thuận duyên xây dựng một ngôi trường, thì gặp không biết bao nhiêu trở ngại. Không phải chính quyền không ủng hộ, nhóm thợ thì làm việc hết mình, nhưng trời đã không chiều lòng người, ngày nào cũng đổ mưa lớn từ hai giờ chiều. Đường miền núi thì phải biết, chỉ cần một cơn mưa là nhão thành sinh, mà vật liệu cách nơi xây dựng hơn 15 cây số, xe lớn không vào được, phải chuyển bằng xe nhỏ, nhưng cũng bị kẹt lại vì sinh, sau đó dùng sức người chuyển đến chân công trình. Đường thì đất đá lồi ch่อม, phải qua ba chiếc cầu khi thật vất vả. Tôi lo lắng quá, cứ như thế này không khéo giá thành công trình vượt quá dự toán, biết làm sao đây. Thấy tôi băng khuâng mãi việc này, mấy cô đệ tử của tôi nói: "*Bạch Thầy, Thầy vừa khỏi bệnh, còn yếu lắm, Thầy lo lắng quá ảnh hưởng đến sức khỏe. Chúng con mong Thầy vui khỏe, chúng con mừng*".

Tôi mong sao thời tiết thuận tiện để việc xây dựng sớm hoàn thành, nhóm thợ khởi nản lòng, bắt đầ đi trú lại nơi đây quá lâu. Vùng này cách Đà Nẵng hơn 140 cây số, đi về mất một ngày đường và 50.000 đồng tiền xe. Tôi đã đi và đến nhiều nơi, các vất vả và người dân miền xuôi, miền ngược không sao kể xiết. Nơi đây phong cảnh thật đẹp, có con sông nhỏ chạy dọc ven làng (sông Vu Gia đầu nguồn), sau lưng là dãy núi sừng sững. Người dân ở đây có bao giờ thấy được các cảnh đẹp ở quê mình, bởi họ quá lam lũ cố cực. Công việc hàng ngày là lên núi lấy củi, làm nương, trồng toàn dứa thơm và một ít chuối. Hôm dự lễ đặt đá, các cô mang về cả bao dứa cúng Phật, còn chiêu đãi cả chùa, các cô bàn tán ăn thì ngon mà rất lười quá.

Tuệ Trung lên tiếng: "*Bạch Thầy, chúng con đi lần này thấy mình lớn hẳn lên. Thương Thầy và cô Huệ Giác nữa. Đường xa xa xôi, vất vả, Thầy và Cô đã lên xuống nói dấy bao nhiêu lần để cứu trợ, khảo sát làm trường. Chúng con quanh quẩn quanh đây nào hay biết. Thật là "Đoạn trường ai có qua cầu mới hay"*".

Tôi nghe Tuệ Pháp kể lại: Hôm đó, đến nơi gần 11 giờ trưa. Cả đoàn khát nước dữ lắm. Nước đem theo đã hết mà phải đi bộ qua một đoạn đường dài qua 3 cây cầu khi lác lác, định vào nhà dân xin nước uống, nhưng nhìn vào nhà nào cũng chứa nước trong cái lu nhỏ xíu. Chợt nhìn thấy một cái giếng mới xây, cả đoàn mừng quá. Nhưng nước đục ngầu như nước lú uống không được, đành chịu khát vậy. May thay gặp được người gánh thớt từ trong rẫy ra, cả đoàn cười ồ: "*Nước cam lồ đây rồi!*". Các cô mua nguyên cả một gánh có năm ngàn đồng và ăn liền tại chỗ cho đỡ khát. Vừa ăn, cô Phật tử Đồng Cận hỏi:

- Sao cô bán rẻ dữ vậy?

Nhìn ánh mắt dăm chiêu, mục đích đáng về mặt đời của chị, nghe chị kể còn buồn hơn:

- Bán cho người mua ăn còn được hai ngàn một chục (12 quả), chở bán cho người buôn thì khoảng một ngàn một

chục, nhiều hôm trời mưa liên tiếp, xe không lên được, chúng tôi trông người đến mua thơm như hồi nhỏ mong mẹ đi chợ về.

Chú Châu trong đoàn gợi chuyện:

- Ở đây dứa nhiều quá, cả một rừng bạt ngàn, có man nào là dứa. Lúc nãy ngồi trên xe chạy ngang qua làng Hội Khánh thấy nhà nào cũng chất đầy dứa, hèn chi đặt tên là Bãi Quả. Chú pha trò tiếp:

- Những đường đi vất vả quá, lên đến đây chúng tôi đổi lại là Bãi Hoài mới đúng.

Mọi người cùng cười. Chị bán thơm lắc đầu:

- Không phải vậy đâu. Bãi Quả là vì nơi đây từ bao đời nay con đất này vốn không ai đủ vợ đủ chồng mà ở được. Đủ đôi đủ cặp thì không có mà ăn.

Tôi nghe mà chua xót, có nơi nào chịu cảnh cô cực, bất hạnh như nơi đây.

Mảnh đất cuối cùng của Tổ Quốc, nơi đây là vùng biên địa, đi tắt đường rừng khoảng 10 cây số là đến đất Lào. Thường cho người dân nơi đây. Mấy ngày nay trời lại mưa liên tiếp, hẳn họ ngồi bó gối nhìn trời đổ mưa mà khóc vì dứa thối phải gánh đi đổ, không có tiền đóng gạo, mặc dù giá dứa rẻ mạt. Một chục quả dứa chưa mua được nửa cân gạo hoặc nửa lít dầu hòa, thật chẳng công bằng, nơi thì thừa thãi, nơi thì khan hiếm. Hôm chúng tôi đi cứu đói ở Thăng Bình, dưới cái nắng chói chang của vùng cát mà có được vài quả dứa thơm như ở đây cho qua cơn khát! Nhỏ hôm đó, Ni Sư Huệ Diệu và cô Hạnh Mẫn nhìn thấy nhà nào cũng chất đầy khoai lang củ, ngoài sân thì phơi khoai măng, khoai chà, bánh khoai... Sư nói: Đang khát nước mà nhìn mấy thứ này càng khát hơn.

Chỉ còn hai tuần nữa là mãn hạ. Sư Cô Huệ Giác sẽ ra và cùng tôi thăm lại các trường một lần nữa. Chắc hẳn Sư Cô ngạc nhiên và vui lắm khi tận mắt nhìn thấy những ngôi trường mới khang trang này. Mặc dù chúng tôi đã nhiều lần nói chuyện qua điện thoại. Riêng tôi không có niềm vui nào lớn hơn. Một hoài bão ôm ấp từ lâu nay được thực hiện nhờ sự tạo duyên của chư Phật Tử tại Đức Quốc và sự tin nhiệm của quý Sư.

Tôi và Sư Cô Huệ Giác đi lần này sẽ quay Camera lại toàn bộ chín ngôi trường vì lúc khởi công không cùng một lúc, làm xong trường này đến trường khác. Hơn nữa, giữa Hạ, Sư Cô Huệ Giác không ra được, còn tôi thì cũng vừa qua một ca phẫu thuật nên không quay phim kịp. Không biết thời gian và năm tháng có làm giảm bớt nét đẹp tinh khôi của những ngôi trường mới. Nếu có, tôi mong chư Phật tử cảm thông cho chúng tôi đã không kịp thời quay Camera vì lý do như đã trình bày ở trên.

Riêng Trường Mẫu Giáo Bãi Quả, không thể xử dụng giếng bơm vì nơi đây chưa có điện. Có được một cái giếng mới xây những nước đục ngầu và phen không dùng được. Tôi dự định sẽ điện, bàn bạc với cô Huệ Giác, xây cho Trường này một bể lọc.

Công việc xây Trường này nay đến đây đã kết thúc. Còn bao nhiêu ngôi trường khác cũng cần được lưu ý như Đào Le, Tiên Phước, Tam Kỳ, Điện Ngọc, Cẩm Hà, Xóm Hố... Những đó là chuyện mà những năm tháng sau này nếu đủ duyên.

Qua bài viết này tôi thay mặt bà con vùng Bình Đào, Bình Triều, Chợ Đước (Thăng Bình), Duy Thu, Duy An (Duy Xuyên), Đại Sơn (Đại Lộc), Đông Trà (Ngũ Hành Sơn) và các cháu học sinh dưới những mái trường này gửi đến quý vị lời cảm tạ chân thành nhất. •

# Thông báo

## Xây dựng và tu bổ trường học sau cơn lụt năm 1999 vừa qua tại miền Trung

**Lời Tòan Soan:** *Hưởng ứng lời kêu gọi cứu trợ của GHPGVNTN, Chi Bộ Đức Quốc, các Tổ Chức, các Hội Đoàn, các cá nhân Phật Tử cũng như không Phật Tử tại Đức đã đóng góp số tiền không nhỏ cho việc cứu trợ miền Trung. Sau đó Chi Bộ tại Đức, qua sự điều hợp về xã hội từ thiện của Sư Bà Thích Nữ Diệu Tâm, Chi Bộ Phó Nội Vụ và Trụ trì Bảo Quang Ni Tự tại Hamburg đã liên hệ với quý Sư Cô tại Việt Nam, lo tổ chức xây dựng lại cơ sở mới và tu bổ cho tất cả 10 trường mẫu giáo tại miền Trung. Tổng cộng số tiền gọi về là 30.000 Đức Mã. Đổi ra thành tiền Việt Nam là 200.230.000 đồng VN. Đã chi 181.630.750 đồng VN; hiện còn lại 18.599,250 đồng VN. Đây là công đức rất lớn mà Sư Cô Huệ Giác và Sư Cô Diệu Nguyên đã thực hiện. Xin chân thành đa tạ nhựt vị. (Viên Giác)*

**Khởi công 15.02.2000 → 16.08.2000 hoàn tất**

**1. Trường Mẫu Giáo Đông Trà 1**, thuộc phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, Non Nước. Trường cất đã lâu, ngói mục, cây mọc khiến cô giáo không dám dạy, bỏ hoang từ năm 1996 đến nay, có diện tích 78 thước vuông, gồm một phòng học và một nhà kho. Nay sửa lại thành một lớp, bỏ toàn bộ ngói và thay những cây mọc trên mái, lợp lại tôn mới. Chi phí là 8.000.000 đồng VN. Sau khi được sửa chữa, lớp học đã được khai giảng ngày 05.09.2000, với sĩ số 40 em.

**2. Trường Mẫu Giáo Đông Trà 2**, thuộc phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, Non Nước, bỏ hoang từ năm 1981, có 2 phòng học (lớp 1 và Mẫu Giáo), diện tích 84 thước vuông, trường hư hỏng khá nhiều. Phần sửa chữa gồm có: Đổ xối thủng và tôn giàn kèo, gia cố cột, đóng 60 bộ bàn ghế, sửa 2 bộ cửa chính, 6 bộ cửa sổ, tráng sân có diện tích 124 thước vuông. Chi phí cả thảy là 15.000.000 đồng VN.

**3. Trường Mẫu Giáo Phú Đa**, xã Duy Thu, huyện Duy Xuyên. Cách đây 5 năm, Trường bị bão lũ làm sập một phần và bay hết phần mái. Nay xây dựng hoàn toàn mới, thành 2 lớp học, có diện tích 16 x 6, hiên ra 2 thước. Trường ở vùng bão lũ nên được đổ bê-tông móng và cột, kiên cố hơn các nơi khác. Chi phí cả thảy là 46.388.750 đồng VN. Sau khi xây dựng lại, Trường đã khai giảng vào ngày 05.09.2000, với sĩ số 70 em.

**4. Trường Mẫu Giáo Bình Triều**, ở Chợ Đước, huyện Thăng Bình. Trường ở ngay khu dân cư khá đông, có một phòng học diện tích 6mx5m, hàng ngày dạy hai lớp sáng chiều, mỗi lớp có gần 40 em học sinh. Mái ngói trường đã mục, mùa mưa thường dột ướt. Hai bên trường là chuồng nuôi heo nhà dân, phía sau là sân vận động. Trường không



có tường rào, thường bị dân địa phương phóng uế sát chân tường, nên nơi này rất ô nhiễm. Tình trạng này xảy ra nhiều năm mà xã không có biện pháp giải quyết. Sau khi hội ý, chúng con đã được xã chọn một địa điểm thoáng mát, yên tĩnh để xây một trường mới có 2 phòng học, diện tích là 14m x 5m, hiện ra 2 thước, trảng sân, xây công trình phụ. Chi phí cả là 33.708.000 đồng VN. Sau khi được xây dựng, Trường đã khai giảng vào ngày 05.09.2000, sử dụng thành 4 lớp (học 2 buổi sáng chiều) cho gần 120 em.

**5. Lớp Mẫu Giáo Phước Châu**, Bình Triều thuộc huyện Thăng Bình, có 35 em học sinh. Phần sửa lại gồm có lợp lại phần ngói mái hiên, đổ xối thượng, sửa lại 2 cửa lớn và 3 cửa sổ đã hủ, xây một nhà vệ sinh, đóng một giếng nước. Chi phí sửa chữa là 4.002.000 đồng VN.

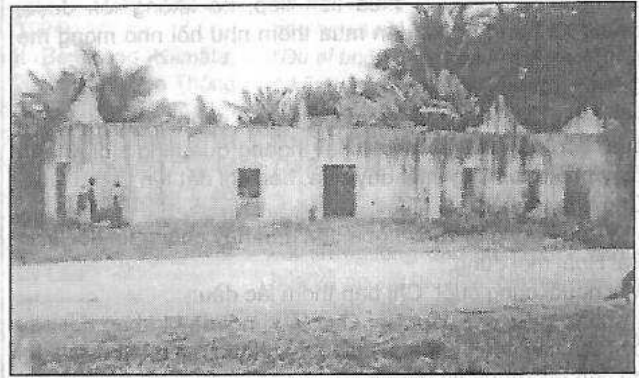
**6. Lớp Mẫu Giáo Hưng Mỹ**, Bình Triều thuộc huyện Thăng Bình, có 37 em học sinh. Phần sửa lại gồm có: 1 cánh cửa lớn và 4 cánh cửa sổ đã hủ, đóng một giếng nước, xây một nhà vệ sinh. Chi phí sửa chữa là 3.486.000 đồng VN.

**7. Lớp Mầm Non 2**, thôn Tiệm Rượu, thị xã Nam Phước, có 32 em học sinh, diện tích lớp là 6,60 x 7,80 (kể cả hiên). Phần sửa gồm thay toàn bộ ngói mục bằng tole, đổ lại 3 cột trụ trước hiên đã mục, đổ xối thượng, trảng sân, đóng một giếng nước. Chi phí là 9.220.000 đồng VN.

**8. Trường Mẫu Giáo Đội 9**, Duy An, thôn Mỹ Hạt, thị xã Nam Phước, có 2 phòng học. 76 em học sinh. Trường có diện tích 14,30 x 5,30, hiện ra 2 thước. Phần sửa gồm thay toàn bộ ngói mục bằng tole, đổ xối thượng, thay 3 bộ cửa lớn đã hủ. Nâng cao tường từ 0,20 đến 0,80m, đóng một giếng nước, sửa nhà vệ sinh, tân trang toàn bộ tường trước và sau. Chi phí cả thầy là 17.775.000 đồng VN.

**9. Trường Mẫu Giáo Bãi Quả**, thuộc xã Đại Sơn, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Trường thuộc vùng miền núi, có 2 lớp, đã nhiều năm qua xã chỉ cố gắng dựng được ngôi trường Mẫu Giáo bằng mái tranh vách cốt. Vừa qua có một đoàn từ thiện đến lợp cho trường phần mái tôn. Thực hiện việc xây dựng ngôi trường mới ở đây gặp khá nhiều vất vả, vì thời tiết và vận chuyển vật liệu. Nhưng đoàn chúng con đã cố gắng thi công trong 32 ngày để xây dựng một ngôi trường có diện tích 14 x 5, hiện ra 2 m. Chi phí cả thầy là 31.642.000 đồng VN. Trường đã khai giảng ngày 05.09.2000. Chúng con có quay đoạn phim xây dựng Trường này.

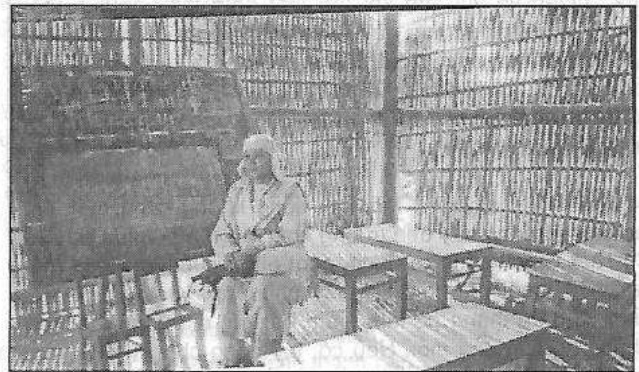
**10. Trường Mẫu Giáo Tân Trà**, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, có 3 lớp học trên 100 em học sinh. Trường xây cất đã lâu, nhưng không có nhà vệ sinh. Nay xây công trình phụ này với chi phí là 3.399.000 đồng VN.



*Trường Mẫu Giáo Duy Thu trước khi sửa*



*Trường Mẫu Giáo Duy Thu sau khi sửa*



*Trường Mẫu Giáo Bãi Quả - Đại Sơn trước khi sửa*



*Trường Mẫu Giáo Bãi Quả - Đại Sơn sau khi sửa*

# Mười ngày học đạo tại Pháp Quốc

● Hồng Châu

**C**húng tôi mang danh là Phật tử, nhưng chưa hiểu đạo và ít có dịp được nghe Phật Pháp. Từ giữa năm 1999 nhờ Thầy Viện chủ chùa Viên Giác qua giảng pháp và thành lập được Niệm Phật Đường.

Từ đó đến nay Thầy qua hoàng đường Chánh Pháp được 3 lần, Thầy còn ủy thác cho Thầy Tử Trí qua làm lễ An vị Phật, Thầy Hạnh Tấn làm chủ lễ năm mới Canh Thìn. Niệm Phật Đường Viên-Ý sinh sau đề muện nên được quý Thầy thường, chiếu cố giúp đỡ tận tình. Nghe lời Phật đã từng nói: "*Không hiểu ta mà lay ta thì cũng như hủy báng ta vậy*". Nên 3 anh em chúng tôi quyết định dự khóa học Giáo Lý Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 12 tại Amiens, Pháp Quốc.

Vì là lần đầu tiên, chúng tôi không khỏi bồn bõ, lẩn lo lắng trong việc tìm địa điểm tập hợp tại chùa Khánh Anh. Sau khi đánh lễ Sư Ông, Hòa Thượng Thích Minh Tâm, chúng tôi cùng toàn thể học viên được quý quý Sư Cô cho dùng cơm tối.

Sáng 24.7 sau thời kinh công phu khuya chúng tôi dùng điểm tâm, ăn trưa tại chùa Khánh Anh và đến 14g30 tất cả học viên được xe Bus đưa về Amiens, tại trường La Providence để lập thủ tục ghi danh, chọn cấp học Phật Pháp: Cấp 1, cấp 2 cho các học viên Cử sĩ, cấp 3 dành cho Tăng sĩ và cấp đặc biệt "Đại học Oanh-Vũ" dành cho con em của các học viên. Chúng tôi chọn cấp 1, vì nghĩ cần học bước đầu căn bản. Trong khi chờ đợi nhận phòng, gặp lại được 3 người bạn trong chuyến Hành Hương Trung Quốc năm rồi và kết bạn với vài Đạo hữu ở Thụy Sĩ và Đức Quốc.

Ngày 25.7.2000, lúc 10 giờ, khai giảng khóa học. Biết nơi làm sao cho hết những cảm xúc dạt dào khi được nhìn ngắm quang cảnh trang nghiêm hài hòa nơi Chánh điện rộng lớn. Đúng là một Đạo Tràng thanh tịnh rất đẹp với hình các Đức Phật thật oai nghiêm và cách trang trí thật là công phu mỹ thuật. Chương trình gồm có:

- Cung nghinh chư Tôn Đức
- Niệm Phật - Giới thiệu thành phần tham dự (chư Tăng, Ni và Quan khách)
- Diễn văn khai mạc của Thượng Tọa Trưởng Ban Tổ Chức.
- Huấn tử của Hòa Thượng Trưởng Ban Điều Hành khóa tu học.
- Lời Huấn thị của các Thượng Tọa giảng sư và Thượng Tọa Giám Luật.

- Lời phát biểu của quý Quan khách.

Cảm động nhất là lời phát biểu của Đạo hữu Thiện Xuân IRINA, người Nga, đại diện Hội Thào Đường ở Nga. Chị nói tiếng Việt rất lưu loát và rất chân thành tha thiết. Sau cùng là hồi hưởng và thỉnh chú Tôn Đức hồi đáp Tăng phòng.

Đến 16g30, Hòa Thượng Thích Minh Tâm, Trưởng Ban Điều Hành GHPGVNTN AC khai thị. Khai thị là mở ra sự chuyên bảo chung cho tất cả học viên.

Thầy giảng câu bên trái của hội trường là câu Phật dạy: "Trường dưỡng trí tuệ là thừa kế sự nghiệp của chư Phật". Muốn thừa kế sự nghiệp của Như Lai thì phải phát huy trí tuệ của mình để hiểu biết thông suốt tư tưởng của Phật, vì Ngài là một bậc đại trí tuệ, một bậc đại giác ngộ. Do đó mới có câu: "Duy tuệ sự nghiệp."

Về phía bên phải có một câu: "Không hạnh phúc nào sánh bằng sự an tịnh tâm hồn". Đức Phật dạy ở đời có 4 thứ hạnh phúc:

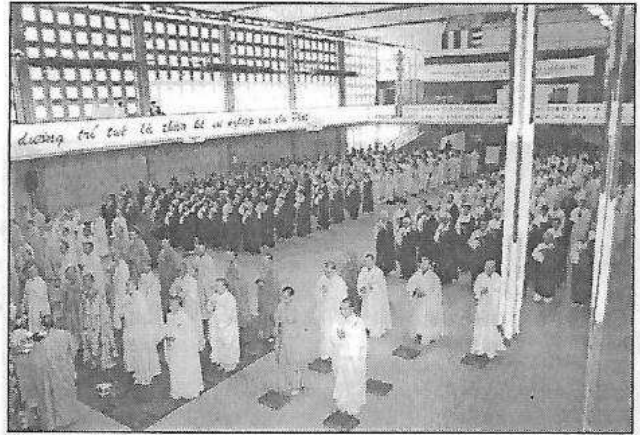
a/ Hạnh phúc thay chư Phật giảng sinh (chư Phật ra đời)

b/ Hạnh phúc thay Giáo Pháp cao minh.

c /Hạnh phúc thay chư Tăng hòa hợp.

d/ Hạnh phúc thay tứ chúng đồng tu.

Câu a và câu b: Ngài nói Đức Phật Thích Ca chỉ là một trong muôn ngàn chư Phật ở quá khứ, hiện tại và vị lai vì Đức Phật vẫn thường nói: "Ta là Phật đã thành. Chúng sinh là Phật sẽ thành".



Chư Tăng Ni và Phật Tử tham dự Khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 12 tại Amiens - Pháp quốc

Đức Phật nói Ngài chỉ ngộ giáo pháp của tất cả chư Phật trong quá khứ mà thôi. Trong những phút giây đau khổ, chúng ta phải nương theo gương Đức Phật để được vững niềm tin. Áp dụng hạnh nguyện của chư Phật cũng như của chư Tổ vào cuộc đời để thấy cái khổ của mình chẳng thấm vào đâu so với cái khổ của chư Phật. Nhờ vậy chúng sinh mới biết khổ như nhìn thấy ở cuối đường hầm có ánh sáng.

Câu c và d: Trường hợp Tăng Già không hòa hợp thì Phật Pháp suy đồi, không còn phước báu gì nữa, do đó Ngài mới dạy nguyên tắc lục hòa. Tứ chúng gồm có Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, nghĩa là bao gồm giới xuất gia và giới tại gia. Giới nào theo giới đó, nếu không cùng nghiêm túc tu hành thì sẽ không có hạnh phúc. Vì thấy chư Tăng có tiến tu trong mùa an cư kiết hạ để tạo phước báu cho mọi giới và thấy tứ chúng đồng tu nên Phật rất hoan hỉ.

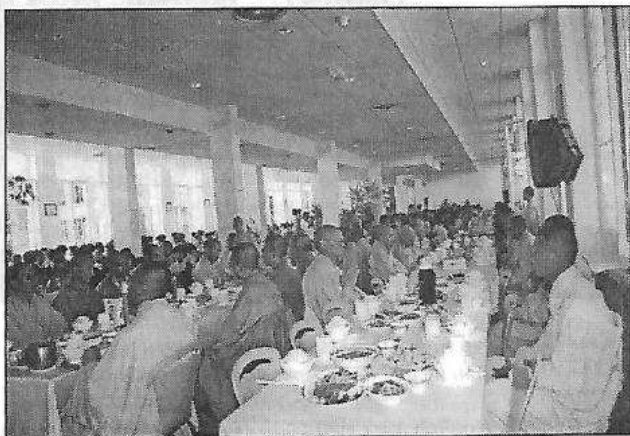
Tối, lúc 21 giờ, thì có bài học của Thầy Trí Minh. Thầy giảng về Niệm Tin Nói Phật. Chúng ta phải có tin chánh mỗi hiểu được Phật Pháp. Đức Phật dạy: "Tin vì công đức mầu, nhân vô tin bất lậu". Tin là mẹ các công đức, người không có niềm tin trở thành vô dụng. Người có niềm tin ví như người đứng 2 chân trên đồng châu báu, có thể thâm nhập được. Người không niềm tin giống như người cưỡi đứng trước đồng châu báu, không thể lấy được. Thầy giảng hạnh phúc ở hiện tại là đầu mối của khổ đau ở tương lai, vì người đời cứ mãi mê say đắm trong bể ái dục hiện tại mà không chịu tu hành thì sẽ rơi vào bể khổ ở kiếp sau. Còn người đau khổ ở hiện tại, sẽ có đời sống tinh thức cố gắng vươn lên để tu hành và sẽ kết tụ hạnh phúc ở kiếp vị lai. Vì người đời có biết đâu oan gia tướng báo, trả đến lúc nào cho hết nợ trần đây. "*Cá trong lò đỏ hoe con mắt. Cá ngoài lò ngúc ngoác muốn vỡ*"

Thầy còn nói: "*Không sinh, không oản, không sầu. Không già, không chết, có đâu úu phiền*".

Mục tiêu của Phật là muốn cho chúng ta thoát ra khỏi cảnh phiền não để đạt đến hạnh phúc an lạc thật sự. Muốn được như

thể thì chúng ta phải phát tâm tu hành tinh tấn theo 6 pháp Ba La Mật. Nghĩa là: Bố thí, Trì giới, Nhãn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Trí huệ. Người nào từ khổ nạn, cố gắng vươn lên thì mới thành công, còn kẻ sung sướng quá chỉ lo hưởng phúc báu hữu lậu mà trở thành thoái hóa, lạc hậu, vì "tọa thực sơn băng". Hưởng hết phúc mà không chịu tu nữa thì sẽ dọa địa ngục. Phải tin đúng vào Phật, Pháp, Tăng. Tin xong phải hướng về, tức là quy y, nương tựa nơi Tam Bảo.

Những ngày kế tiếp gồm có Thầy Như Điển chỉ dạy 30 phút, vì Thầy nhường cho Đạo hữu Thiện Xuân nói về văn hóa nước Nga và 2 giờ khác Thầy hoán đổi với Thầy Trí Minh. Thầy nói tất cả đều phải học, phải tu. Sự học vô cùng, siêng là bền. Và tất cả đều do tâm mà ra, nhất thiết duy tâm tạo. Minh muốn làm Phật, làm Tiên, làm Người hay làm ngựa quý súc sanh... đều do tâm của mình cả.



Chú Tăng Ni và Phật Tử tham gia lễ quá đường

Kế tiếp là Thầy Tâm Huệ dạy về phát Bồ Đề tâm. Phát Bồ Đề tâm khi:

- 1/ Nghĩ về chư Phật mà phát Bồ Đề tâm.
- 2/ Quán thân mình tội lỗi mà phát Bồ Đề tâm.
- 3/ Vì thường xót chúng sinh mà phát Bồ Đề tâm.
- 4/ Cầu phúc quả rất thù thắng mà phát Bồ Đề tâm.

Đức Thế Tôn phát tâm Bồ Đề khi Ngài bị dọa dọa địa ngục A-Tỳ. Khi Ngài thấy bạn mình bị dọa địa ngục quá đau khổ, Ngài dấy lên lời nguyện để chịu khổ thay cho bạn, tức thì Ngài cũng thoát khỏi cảnh địa ngục.

Thầy An Chí dạy về giới pháp, lỗi quấy hay tội ác. Một người bình thường không thọ giới pháp mà chỉ lo làm phúc thiện thì khi mất cũng chỉ sinh về cõi dục. Muốn sinh về cõi sắc thì chỉ tu Thiền. Muốn sinh về cõi vô sắc thì tu Định. Một người muốn tu đạo giải thoát để ra khỏi 3 cõi (dục giới, sắc giới và vô sắc giới) tức thoát ra khỏi nhà lửa để đạt đến Niết Bàn tịch tịnh thì phải thọ 5 loại giới pháp như sau: Tam quy, 5 giới, 8 giới, Sa di và Tỷ kheo giới.

Thầy Quảng Hiền dạy về Tam Quy, Ngũ giới, Nguyên thọ giới và Tứ ý nghiệp.

Thầy Nhất Chón giảng về thọ Bồ Tát giới. Khi thọ giới thể tức là khi giới tử thọ nạp giới pháp vào tâm. Thọ Bồ Tát giới tức là phải phát tâm hoằng thế nguyện. Bồ Tát giới gồm có 6 giới trọng và 28 giới khinh. Trước khi phát Bồ Đề tâm phải Sám Hối, Quy y Tam Bảo.

Thầy Giác Thanh nói về giới pháp có tính dung thông về giới tướng và giới thể. Công năng của 8 giới thì đạt được 4 quả thánh. Tội nặng nhất không được thọ giới là lấy trộm đồ vật của Tăng.

Thầy Viên Lý có dạy, nhưng chúng tôi không được học vì bận họp trên Tổng Vụ Cứ Sĩ. Nghe các bạn kể lại Thầy giảng rất hay và rất cảm động. Tôi rất tiếc là không được nghe pháp của Thầy và tối đó được nghỉ học để đi xem văn nghệ, nhưng tôi không đi dự và trong người cảm thấy không được khỏe.

Các Thầy giảng bài rất kỹ, nhưng vì học viên hơi mệt và thiếu ngủ, vì lâu ngày gặp lại bạn bè hàn huyên tâm sự, phần lạ chỗ lạ giường nên có một số học viên đầu thập được ít. Nhưng nhìn chung thì mọi người từ lớn tuổi đến giới trẻ đều trong tinh thần học hỏi nghiêm chỉnh và tham gia vào các Ban như: Trai Soạn, Hành Đường và Vệ Sinh đều rất đặc lực.

Cuối khóa vào ngày 2.8.2000 có kỳ thi để trắc nghiệm sự hiểu biết Phật Pháp của các học viên. Riêng tôi rất xúc động và bồi hồi nhớ lại thời thơ ấu, thời cắp sách đến trường với tâm hồn thật là hồn nhiên không lo âu sầu muộn. Chuông reng, các Thầy giám thị chỉ cho học viên ngồi cách xa nhau, không được nói chuyện, không được đem tài liệu vào lớp. Có gì không hiểu thì hỏi các Thầy ở 10 phút đầu, sau đó là phải im lặng làm bài, thí sinh phải giữ đúng nội quy của trường đưa ra. Thời gian để làm bài là 1 giờ 30 phút (90 phút), nhưng ai cũng lo làm cho nhanh để ra sớm, tôi cũng không qua thông lệ đó. Lắc đầu đã có người đem bài nộp, tôi cũng vội vàng đem nộp, mặc dầu chưa tới 30 phút đã làm xong 14 câu hỏi.

Đến chiều làm lễ bế giảng, chúng tôi nhận bài trở lại. Phải thành thật mà nói, chúng tôi, những người lớn tuổi, ít người hiểu bài bằng các em thanh niên của Gia Đình Phật Tử. Từ cấp 1 đến cấp 2, các em đều đậu điểm cao. Điều này chứng tỏ các em hiểu đạo rất sâu sắc và cũng nói lên sự quan tâm dạy dỗ nghiêm túc của quý Thầy và sự sẵn sàng tận tình những mầm non của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Ái Châu. Được dịp tiếp xúc với các em trẻ, chúng tôi biết có nhiều em rất muốn đi tu. Đó là một thuận duyên cho sự phát triển Giáo Pháp của Đấng Từ Phụ chúng ta.

Ban Tổ Chức cũng báo cáo tổng quát số hiện diện là 564 người trong đó có 70 Tăng Ni, 494 học viên. Số người làm công quả gồm 54 người và 42 em Oanh Vũ.

Đến tối ngày 2.8.2000 lúc 20 giờ 30 tất cả học viên được tham dự một chương trình văn nghệ đặc sắc gồm có: ngâm thơ, ca nhạc, hát bội, cải lương, thổi sáo, vũ và kịch do sự đóng góp của các học viên có khả năng, của quý Thầy cũng như các em trong GĐPT và Oanh Vũ. Chúng tôi xin thuật lại những nét nổi bật nhất của quý Thầy.

Mở màn, Thầy Lệ Nguyễn, Trưởng Ban Tổ Chức đem văn nghệ, mời

- Sư Ông, Hòa Thượng Thích Minh Tâm lên sân khấu cho đôi lời nhắn nhủ khích lệ khán giả hiện diện.

- Thượng Tọa Thích Trí Minh lên sân khấu hát một câu hát bội giọng Bình Định cùng với điệu bộ diễn xuất rất hòa hợp rất hay. Thầy có thuật lại chuyện Thầy Thích Tánh Thiệt, Trưởng Ban Tổ Chức khóa học nhờ Cô Diệu Trạm đánh máy bảng tổng kết Khóa Tu Học:

-Thầy Khánh Anh nhờ mi cái chi thì mi cũng làm hết, Thầy mi thì mi không quên, còn tau nhờ thì mi nói mi quên.

-Cô Diệu Trạm: Mô Phật, dạ con đâu có phân biệt như rửa: "Thầy nào con cũng đánh hết".

- Thầy Lệ Nguyễn, Trưởng Ban Tổ Chức đem văn nghệ, ông bầu Show. Giọng giới thiệu quảng cáo chương trình của Thầy rất xôm tụ đặc sắc, mỗi khi Thầy cất tiếng lên là cả hội trường đều im phăng phắc, nín thở để theo dõi. Và Thầy góp vui về một màn cải lương giọng miền Nam, nói về hạnh nguyện của Đức Quan Thế Âm rất hay.

- Thầy Như Điển thì nhái giọng Quảng Nam: "Đà Nẵng, em (ăn) không em tết (tất) đèn đi ngủ kèn rên tao đánh chết chóa". Thật ra Đà Nẵng đâu có cái cục mịch để thưởng như thế và sau cùng

Thầy ngâm thơ 3 bài tượng trưng cho 3 miền đất nước để tặng quý khán giả.

Ngày chót 3.8.2000. Chúng tôi đang rành rang, hỏi thăm và tư giã bạn bè thì được gặp lại Thầy Tịnh Phước, vị Thầy rất trẻ nhưng tính Thầy rất điềm đạm, hiền từ, tế nhị và toát ra vẻ đạo hạnh rất cao. Lần đầu tiên chúng tôi gặp Thầy là đêm đầu ở chùa Khánh Anh. Mỗi đến chùa, chưa biết nghỉ qua đêm thế nào. Thầy xuất hiện đúng lúc, chỉ cho chúng tôi chỗ nằm cùng với 2 em Phật tử ở Pháp, rồi cho mượn 2 cái mền. Đêm kế tiếp tại Amiens, trời cũng mưa rả rích như ở Paris, chúng tôi đều bị cảm lạnh, Thầy cho mượn 2 tấm drap để đắp tạm. Và sáng nay được Thầy giảng cho một thời pháp thật là chí lý, chúng tôi thật hân hoan được gặp lại Thầy và chúng tôi cũng hơi bạo gan xin được hỏi Thầy nguyên nhân nào Thầy đi tu trẻ như vậy. Thầy trả lời rằng sau 3 ngày học khóa Giáo Lý ở Chùa Khánh Anh do Thượng Tọa Thích Minh Tâm tổ chức năm 1986. Thầy trở về lại Na-Uy, Thầy rất buồn và cảm thấy như mình mất mát một cái gì và Thầy cảm nhận rằng như kiếp quá khứ Thầy đã đi tu. Và năm sau Thầy đi học khóa Giáo Lý 10 ngày, khi trở về nhà Thầy quyết định xin phép anh chị cho đi tu vì Ba Má Thầy lúc đó còn ở Việt Nam. Thầy xuất gia năm 18 tuổi và năm nay Thầy 32 tuổi. Hiện đang hoằng dương chánh pháp của Đấng Thế Tôn ở Thụy Điển cùng với Thầy Thích Tâm Huệ, nơi mà được GHPGVNTN Âu Châu chấp thuận cho tổ chức Khóa Học Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 13 trong năm tới. Chúng con tha thiết ước mong được mười phương chư Phật hộ trì gặp được thuận duyên để tiếp tục tham dự Khóa Học Phật Pháp kỳ thứ 13 tại Thụy Điển. Đúng là có đi mới chứng kiến được tận mắt những buổi lễ trang nghiêm thanh tịnh, tiếng hô canh với bao nhiêu thần lực của quý Thầy. Hồi chuông trống bát nhã đã khuấy động tâm hồn của chúng con, tâm con đã cảm nhận được một cái gì thật sâu xa huyền diệu mà không bút mực nào tả được.

Trên đường về lại Paris, đi ngang qua phi trường Charles De Gaulle, chúng tôi được nghe cậu Long làm hướng dẫn viên nói: Quý vị hãy nhìn về bên tay trái của mình, quý vị sẽ thấy một khách sạn gần phi trường bị một chiếc máy bay Concorde "té" trên nóc nhà. Còn cô hướng dẫn viên tên Hồng vội sửa là là chiếc máy bay bị "sập" làm cả xe ai cũng cười.

Nhìn chùa Khánh Anh rộng bao la, diện tích 4.000 thước vuông, các phòng ốc, chánh điện đang xây, chúng tôi trộm nghĩ phải cần nhiều thời gian và cần rất nhiều công sức của các tín hữu mới giúp được Sư Ông hoàn thành ngôi chùa to lớn như vậy. Thị xã này đã được ông Thị Trưởng cho phép xây một nhà thờ Thiên Chúa to đẹp, một nhà thờ đạo Hồi và nay một ngôi chùa Khánh Anh to lớn. Đùng là nhiều bông đẹp đang trở trong một vườn hoa đầy hương sắc. Ban Tổ Chức đã kêu gọi mua cổ phần công đức cúng dường Tam Bảo để xây chùa Khánh Anh mới ở Evry.

Và từ 14 giờ, xe đưa chúng tôi đi thăm Tháp Eiffel. Có được nửa giờ để cho các đồng hương chụp hình. Trên đường về xe đưa đến Concorde de Place để cho quý vị học viên xem phong cảnh Paris, xe đi trên đại lộ chín Champs Elysées, con đường này thẳng tắp với cây cao bóng mát, là nơi thường tổ chức ngày lễ Quốc Khánh của Pháp 14.7. Con đường này rất đẹp về mùa lễ Giáng Sinh, theo người hướng dẫn viên giới thiệu. Xe ngừng lại vài phút ở Khải Hoàn Môn Arc de Triomphe, ở đây cũng còn được gọi là Place de l'Étoile vì nó nằm ngay điểm gặp nhau của nhiều đại lộ rộng và thẳng giống hình ngôi sao. Điểm cuối cùng mà bà con nao nức muốn mau chóng đến, đó là quận 13. Chiều nay giữa lòng Paris tháng 8, trời giăng giăng mây phủ âm đạm và đã lất phất từng hạt mưa rơi đều đều trong không gian u tịch. Nhìn những con đường đông nghẹt người và những ngôi phố cổ kính; cùng quang cảnh giống hệt Đại lộ Lê Lợi, Tự Do vào những chiều cuối tuần thuở trước. Tôi chạnh nhớ đến Sài Gòn yêu dấu, hòn ngọc viễn đông của chúng ta. Sài Gòn ơi! biết đến bao giờ ta trở lại thăm được; hỏi quê hương nghìn trùng xa cách.

Từ góc phố hè đường, từ khu vườn hoa, đầu đầu cũng gọi nhỏ trong ta khôn nguôi. Chúng tôi, những người đồng đạo, đồng hướng, cùng chung hưởng một nền văn hóa, cùng đã tắm gội thấm nhuần qua 10 ngày pháp vũ. Sức hút nào đã gom chúng tôi từ khắp 16 nước trên thế giới về lại tụ điểm này. Đó phải chăng là thú hạnh phúc an lạc còn sót lại của những đứa con đã trải qua bao nhiêu nỗi đắng cay của cuộc đời tha hương. Chúng con tự tìm đến điểm sáng, điểm sáng đã soi đường, dẫn lối cho chúng con. Điểm sáng ấy là trí tuệ của Đấng Cha lành, là hương thơm giải thoát của đạo Từ Bi. Cùng trong dịp đi học Khóa Giáo Lý, chúng con được biết tin đau buồn của Thầy Thượng Tọa Thích Thiện Thông, vừa viên tịch hôm 30.6.2000. Cử ngũ mình nghe lầm vì chúng con vừa mới rước Thầy cùng với Thầy Như Điển hôm 16.6.2000 ở phi trường Milano để đưa các Thầy về Niệm Phật Đường Viên-Ý giảng pháp, và đưa hai Thầy về lại Hannover ngày 18.6.2000. Sự kiện đau buồn quá đột ngột đã làm cho chúng con xúc động đến mấy ngày liền. Thầy đã cho chúng con những Phật tử tại Ý được nếm hưởng vị đạo nhiệm mầu của Đấng Thế Tôn. Riêng Thầy đã để lại trong con với bao niềm thương tiếc, Thầy đã cho con những Pháp bảo vô giá như những cuốn băng Thầy giảng và kính sách Thầy dịch với dòng chữ thân thương "Quý tặng 2 Phật tử Thiện Chánh và Huệ Ân, lưu niệm Pháp bảo tu học" Ý Đại Lợi ngày 16.6.2000. Dịch giả Thích Thiện Thông. Giờ đây con xin thành tâm đốt nén hương quý lạy Thầy 3 lạy, ngưỡng mong Thầy được về Niết Bàn Cực Lạc, xử tịch tịnh của Đức Phật A Di Đà.

Để diễn tả sự vô thường của kiếp người, nhiều sách vở, kinh điển cũng đã viết:

*"Đép dưỡi giường lên giường vội biệt  
Sống ngày nay chẳng biết ngày mai  
Mạng người hô hấp kinh thay  
Nghĩ cơn vĩnh biệt tuyên dài mà đau".*

Mạng người chỉ còn qua hơi thở, hơi thở ngừng là ta vĩnh viễn xa lìa trần thế.

Qua hai sự kiện: Chiếc máy bay Concorde bị nổ cháy và Thầy Thiện Thông mất đã chứng minh hùng hồn sự giả tạm của thân người và chúng ta không thể nào biết trước được là ngày nào chúng ta phải ra đi vĩnh viễn. Vậy chúng ta phải tự nhắc nhở rằng chúng ta phải cố gắng tinh tấn hơn nữa trong vấn đề trau dồi tâm linh vì khi ta mất chắc chắn ta không mang theo được gì, ngoài cái nghiệp mà chúng ta đã vô tình tạo ra. Trong kinh Phật cũng đã ân cần dạy bảo chúng ta:

*"Chỗ để tuổi già mỗi học đạo*

*Mồ hoang lấm kể tuổi xuân xanh"*

Chúng ta cũng đã được biết rằng ta sinh ra đời vốn hai bàn tay trắng và khi nhắm mắt cũng với hai bàn tay buông xuôi. Vậy chúng ta hãy nghe bài kệ sau đây:

*"Đến đây hai tay trắng*

*Giã tử không vấn vuồng*

*Vui gởi lại tất cả*

*Trên đường về thênh thang"*

Chúng con vẫn biết thân người khó gặp, Phật Pháp khó nghe, nhưng chúng con xin nguyện cố gắng hơn nữa để không phụ lòng công ơn khó nhọc của mười phương chư Phật và của quý chú Tôn Đức đã ngày đêm lo cho chúng con từ vật chất cho đến tinh thần, nhất là trong khóa học này. Chúng con nguyện chăm sóc tưới bón cây đạo Bồ Đề được tưới nở hưởng hoa giải thoát trên vạt nẻo đường đời.

*"Phật như mặt trời sáng*

*Giáo pháp đức soi đường*

*Tăng thân tự vắng lặng*

*A Di Đà niệm cần chuyên"*

Bergamo 29.8.2000  
Hồng Châu, kính ghi

# Tin Phật Sự

## • Giới Đàn, Tu Gioe Duyên và An Cư Kiết Hạ

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu mỗi năm tổ chức nhiều khóa tu cho Phật Tử tại gia cũng như giới xuất gia. Năm nay Giáo Hội tổ chức 2 tuần lễ an cư kiết hạ và khóa tu gieo duyên tại chùa Viên Giác Hannover, Đức quốc. Có 72 vị xuất gia và 100 cư sĩ Phật Tử tại gia học hạnh của người xuất gia đã từng chúng tu học trong suốt thời gian 2 tuần lễ này.



Tam sư thất chúng bên chú Tăng tại Tổ Đường chùa Viên Giác

Ngoài những giờ học giáo lý, kinh hành quá đường, các giới tử còn lễ bái kinh Đại Bát Niết Bàn và làm công quả trong các ban trai soạn, hành đường cũng như vệ sinh để lo cho gần 200 người như thế trong 2 tuần lễ.



Tam sư thất chúng bên chú Ni và các giới tử Ni tại Tổ Đường chùa Viên Giác

Hòa Thượng Thích Minh Tâm, Thượng Tọa Thích Tánh Thiệt, Sư Bà Diệu Tâm và hầu hết chư tôn đức trong Giáo Hội đều hiện diện trong thời gian này. Nhân mùa an cư năm nay Giáo Hội cũng đã tổ chức một giới đàn Sa Di, Sa Di Ni,

Thức Xoa và Bồ Tát tại gia trong 2 ngày 1 và 2 tháng 7 năm 2000. Có 22 giới tử xuất gia thọ giới pháp và gần 30 giới tử thọ Bồ Tát giới tại gia. Đây là một lực lượng rất cần thiết để hộ trì và kiến đường Phật Pháp tại Âu Châu này trong mai hậu.



Chú giới sư và chú giới tử tại chánh điện chùa Viên Giác

## • Khóa tu học Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 12

Năm nay khóa tu học Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 12 được tổ chức tại Amiens, Pháp quốc, từ ngày 24 tháng 7 đến 3 tháng 8 năm 2000. Có hơn 70 chú tôn đức Tăng Ni và hơn 500 đồng bào Phật Tử gồm 16 nước tại Âu Châu cũng như Mỹ Châu tham dự.

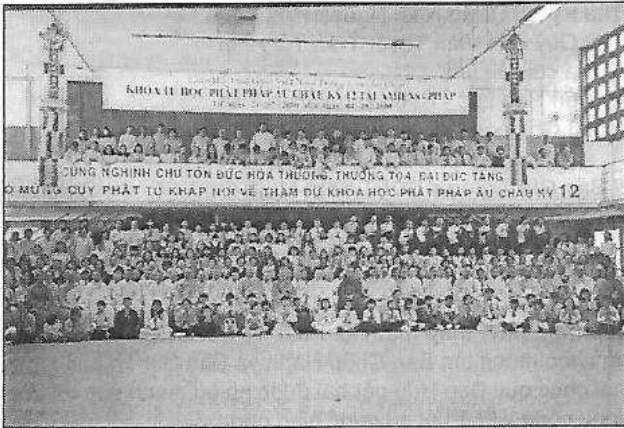
Mỗi ngày các học viên có 3 khóa học, 3 thời công phu bái Sám và 3 thời làm việc. Khóa học được chia làm 3 cấp. Cấp 1 cho những vị mới bắt đầu tìm hiểu Đạo Phật. Cấp 2 là cấp chuyên khoa. Cấp 3 là cấp cho Tăng Ni. Ngoài ra có một lớp đặc biệt cho các em Oanh Vũ do các anh chị em trong Gia Đình Phật Tử phụ trách.



Chú Tôn Đức Tăng Ni trong ngày khai giảng khóa tu học Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 12 tại Amiens - Pháp

Thành phần giảng sư của các khóa học chủ yếu vẫn là quý Thầy trong Giáo Hội Âu Châu. Năm nay Giáo Hội có cung thỉnh Thượng Tọa Thích Viên Lý là Tổng Thư Ký của GHPGVNTN, Văn Phòng II Viện Hóa Đạo tại Hoa Kỳ sang diễn giảng. Thượng Tọa đã giảng về kinh Hoa Nghiêm cho cả 2 lớp II và III và cứ mỗi năm như thế, Giáo Hội lại cung thỉnh nhiều Thầy Cô khác nhau về khóa tu học Phật Pháp Âu Châu để phụ trách một đề tài nhất định cho các lớp.

Đã 12 khóa Âu Châu cộng với 5 khóa ở chùa Khánh Anh là 17 khóa trong 17 năm liên tục không gián đoạn một năm nào và mỗi năm một quốc gia tại Âu Châu sẽ đứng ra gánh vác vấn đề tổ chức. Năm 2001 Giáo Hội tại Thụy Điển đã nhận lãnh việc tổ chức và năm 2002 Giáo Hội đã đề cử quý Phật Tử bên Anh quốc đứng ra lo liệu vấn đề này.



Chư Tôn Đức Tăng Ni và toàn thể học viên khóa tu học Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 12

Lồng vào giữa khóa học, Giáo Hội có họp thường niên để kiện toàn về những chức năng của mọi thành viên trong Giáo Hội và hoạch định một số công việc Phật sự trong thời gian tới. Ngoài ra Tổng Vụ Cư Sĩ cũng đã được Thượng Tọa Thích Trí Minh cho triệu tập một phiên họp đặc biệt để thảo luận về bản Nội Quy của Tổng Vụ cũng như những đề án cho năm tới. Ví dụ sang năm 2001 Giáo Hội sẽ tổ chức một Đại Học hè lồng trong khóa học do Tổng Vụ Cư Sĩ đặc trách tổ chức. Phần Gia Đình Phật Tử, Giáo Hội đã chính thức thành lập ngành Sinh Viên Phật Tử để hỗ trợ cho các anh chị em Sinh Viên đang theo học tại các Đại Học có một kiến thức căn bản về Phật Giáo. Phần vụ này do Tổng Vụ Thanh Niên GDPT và Ban Hướng Dẫn Âu Châu lo liệu.

• Đại Hội khoáng đại kỳ II của GHPGVNTN tại Hoa Kỳ

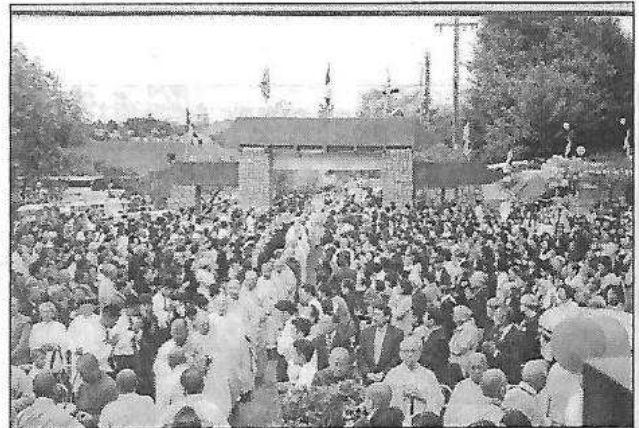


Các em trong Gia Đình Phật Tử chùa Cổ Lâm- Seattle WA chuẩn bị cung đón chư Tôn Đức đến khai mạc đại hội.

Từ ngày 31 tháng 8 đến ngày 1, 2 và 3 tháng 9 năm 2000 tại chùa Cổ Lâm ở Seattle thuộc Tiểu Bang Washington đã cử hành trọng thể Đại Hội này. Có độ 70 chư tôn đức, hơn 300 đại biểu của 101 phái đoàn từ khắp nơi Hoa Kỳ cũng như các Châu về tham dự Đại Hội. Đại Hội có 3 mục tiêu

chính là: Suy tôn Đức Đệ Tam Tăng Thống Thích Đôn Hậu; Đại Hội để bầu lại thành phần Ban Chấp Hành của Giáo Hội nhiệm kỳ mới và khánh thành chùa Cổ Lâm.

Từ Nhật đến có Thượng Tọa Thích Chơn Lễ. Từ Úc đến có Thượng Tọa Thích Bảo Lạc, Thượng Tọa Thích Quảng Ba và Đại Đức Thích Phổ Huân. Từ Âu Châu đến có Hòa Thượng Thích Minh Tâm, Thượng Tọa Thích Như Điển, Thượng Tọa Thích Quảng Bình và Sư chú Hạnh Định đi phó hội.



Khung cảnh Tăng Ni, Tín Đồ tham gia lễ khai mạc đại hội.

Đại Hội đã lưu nhiệm toàn ban lãnh đạo do Giáo Chỉ của Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Xử Lý Viện Tăng Thống ban hành. Một số nhân sự được hoán đổi và đồng thời để tổ chức có hiệu năng, một Ban Thường Vụ của Giáo Hội Hải Ngoại được thành lập. Hòa Thượng Thích Hộ Giác là Phó Viện Trưởng, Thượng Tọa Thích Viên Lý (Hoa Kỳ) Phó Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo và mỗi Châu có một vị Đại Diện. Như Châu Âu có Hòa Thượng Thích Minh Tâm, Châu Úc có Hòa Thượng Thích Như Huệ, Nhật Bản có Thượng Tọa Thích Chơn Lễ, Canada có Thượng Tọa Thích Thiện Tâm. Ngoài ra Thượng Tọa Thích Như Điển, Tổng Thư Ký GHPGVNTN Âu Châu và Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Thanh Niên & GDPT đảm nhận chức vụ đặc trách cho GDPTVN tại Năm Châu. Đây là 7 vị trong Ban Thường Vụ của Giáo Hội.

Sau khi bế mạc Đại Hội, Thượng Tọa Thích Như Điển đã gặp gỡ thân mật các anh chị em Huynh Trưởng trong Ban Hướng Dẫn GDPTVN Hải Ngoại và các anh chị em Huynh Trưởng trong Ban Hướng Dẫn GDPTVN Hoa Kỳ tại chùa Liên Hoa của Hòa Thượng Thích Chơn Thành ở Westminster trong 2 tối 4 và 5 tháng 9 năm 2000. Đây là bước sơ khởi để trong 6 tháng tới Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Hải Ngoại có được một bước đi nhịp nhàng hơn.

• Ngày Tôn Giáo Thế giới tại Expo Hannover

Triển lãm thế giới tại Hannover khởi đi từ ngày 1 tháng 6 và đến 31 tháng 10 năm 2000 là chấm dứt. Với chủ đề là: Con Người, Thiên Nhiên và Kỹ Thuật. Đây cũng là lần đầu tiên nước Đức tổ chức. Theo dự tính của Ban Tổ Chức Expo thì trong 5 tháng này có 45 triệu người đến tham dự, có nghĩa là mỗi tháng có 9 triệu người, mỗi ngày có 300 ngàn người. Nhưng trên thực tế thì mỗi ngày chỉ có từ 50.000 người đến 150.000 người. Như vậy số thu sẽ giảm và nghe đâu Ủy Ban của Expo cho biết cho đến nay đã lỗ khoảng 2 tỷ rưỡi Đức Mã.

Riêng các Tôn Giáo lớn sắp theo thứ tự thời gian là: Ấn Độ Giáo, Phật Giáo, Do Thái Giáo, Thiên Chúa Giáo và Hồi

Giáo đã có một ngày cầu nguyện chung cho hòa bình của Thế Giới tại Plaza của Expo từ lúc 17 giờ 30 phút đến 19 giờ ngày 12 tháng 9 năm 2000 vừa qua. Đầu tiên Đức Tổng Giám Mục Homeyer của Thiên Chúa Giáo đọc một bài diễn văn ngắn chào mừng ngày lễ trọng đại này. Sau đó bà Kässermann, Tổng Giám Mục, đại diện cho Tin Lành, cũng lên diễn đàn đọc một bài diễn văn rất súc tích nói về con người và tôn giáo ở thế kỷ thứ 21 này. Kế đến một vị Giám Mục đại diện cho La Mã cũng đã đọc một bài diễn văn về nội dung hòa bình và mong rằng các tôn giáo sẽ có trách nhiệm chung trong vấn đề bảo vệ luân lý cũng như đạo đức của con người.



*Đại diện các tôn giáo trong phần lễ nhạc tại khán đài*

Cuối cùng là phần lễ nhạc của Ấn Độ Giáo, Phật Giáo và các tôn giáo khác. Mọi người đã chăm chú lắng nghe cũng như lắng đọng tâm tư của mình vào những tiếng nhạc trầm hùng ấy như để hưởng lòng mình vào một điểm chung mà con người của thế kỷ thứ 21 cần thể hiện đến.

Tất cả quý Thầy tại chùa Viên Giác đều hiện diện tại lễ cầu nguyện này và đã làm lễ cầu nguyện chung với đại diện của Phật Giáo Nam Tông cũng như Bắc Tông, Nhật Bản và Kim Cang Thừa tại chùa Bhutan trong vòng một tiếng đồng hồ trước khi đi đến điểm tập hợp chung tại Plaza để hiệp lực cầu nguyện cho thế giới với các tôn giáo khác.



*Khoảng hơn 3.000 tín đồ các tôn giáo tham dự ngày Tôn Giáo Thế Giới.*

• Tân BCH Chi Hội PTVNTN tại Hannover & VPC - Bác Gia Trưởng GĐPTVNTN Tâm Minh  
Ngày 10.9.2000 dưới sự chứng minh của Thượng Tọa Chi Bộ Trưởng Chi Bộ PGVNTN Đức Quốc, Phật Tử tại

Hannover và VPC họp để bầu lại tân Ban Chấp Hành Chi Hội và Bác Gia Trưởng Gia Đình Phật Tử VNTN Tâm Minh

**1/ Thành phần tân Ban Chấp Hành:**

- Chi Hội Trưởng :ĐH Thị Hiền Nguyễn Hữu Lộc
- Chi Hội Phó Nội Vụ: ĐH Thiện Hạnh Lê Quang Liêm
- Chi Hội Phó Ngoại Vụ: ĐH Nguyễn Quế Hoàng Thị Giồng
- Thư Ký: ĐH Diệu Hiền Nguyễn Thị Kiêm
- Thủ Quỹ: ĐH Viên Tuyết Trần Thị Hiền

Địa chỉ liên lạc:  
Nguyễn Hữu Lộc - Baumschulenweg 14  
37083 Göttingen - Tel. 0511-5173872

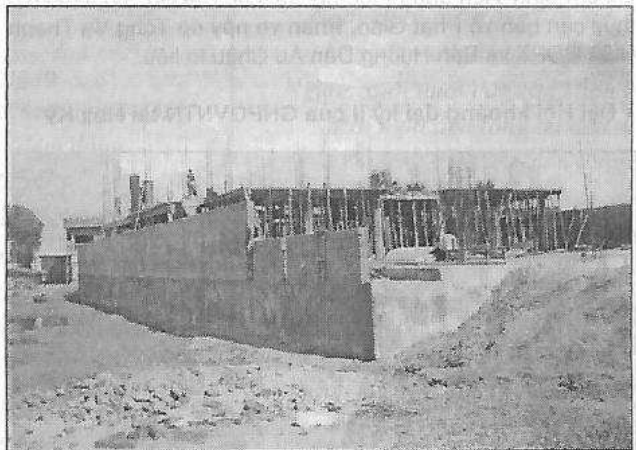
**2/ Bác Gia Trưởng GĐPT Tâm Minh**

ĐH Thị Chón Ngô Ngọc Diệp  
Địa chỉ liên lạc:  
Am Mittelfelde 65.C - 30519 Hannover  
Tel. 0511-8790707 (sau 20 giờ)

Nhân dịp này, thay mặt Hội Phật Tử VNTN/Đức, chúng tôi xin chào mừng tân Ban Chấp Hành và Bác Gia Trưởng đồng thời chúc quý Đạo Hữu gặt hái được nhiều thành quả tốt đẹp trong công việc Phật sự được giao phó.

• Thông báo của Trung Tâm Tu Học Viên Giác tại Bồ Đề Đạo Tràng

Công trình xây dựng Trung Tâm Tu Học Viên Giác tại Bồ Đề Đạo Tràng diễn tiến khả quan sau một thời gian bị ngưng trệ vì thiếu hụt tài chánh và phải chờ đợi các thủ tục giấy tờ và bản vẽ. Nay sau chuyến đi vận động của tôi đến các nước trên thế giới và qua sự ủng hộ hỷ cúng của các Phật tử, số ngân khoản hiện có (160.000 US\$) chi đủ để trang trải các chi phí trang trí cho tầng hầm và tầng trệt hiện đang xúc tiến. Do đó việc vận động vẫn đang tiến hành để có đủ ngân khoản chi ra trong việc xây dựng một cách liên tục trong thời gian tới.



*Góc nhìn bên trái của Trung tâm tu học Viên Giác đang xây cất.*

Một tin khác cho biết là một điều luật vừa được ban hành liên quan đến việc xây cất các dự án chùa chiền và cơ sở thương mại chung quanh khu vực Bồ Đề Đạo Tràng. Theo đó thì chiều cao của các dự án sẽ không quá 35 feet. Khi nghe tin này thì chúng tôi vừa lo và vừa mừng. Lo là vì theo như họa đồ hiện tại, chiều cao của Trung tâm Viên Giác sẽ là 44 feet cho ba tầng lầu và tầng trệt, nay theo luật định mới thì chúng ta phải giảm bớt một tầng để còn lại 33 feet, và như vậy số phòng trước đây vốn dự tính là 42 nay phải

giảm và còn lại là 28. Với số phòng như vậy cũng khó đủ chỗ cho các phái đoàn hành hương lớn đến nghỉ lại hoặc nhiều phái đoàn các nước có thể nghỉ lại ở đây. Tuy nhiên điều mừng của tôi là số ngân khoản chi phí cần có thêm (350.000 US\$) để xây dựng cho đến khi hoàn tất nay do đó cũng giảm bớt khoảng 100.000 US\$, gánh nặng phải đi quyền góp vận động cũng được trừ bớt một phần.



Phần sàn ở ô cuối đang được lắp ráp

Như vậy chương trình xây cất hiện nay sẽ gồm hai tầng lầu, tầng trệt, tầng hầm và Chùa Một Cột. Chúng ta hiện nay đã xây dựng xong tầng hầm, tầng trệt và sắp sửa xong tầng trệt trong vòng 3 tuần tới. Tầng hai là tầng chánh điện cũng là tầng cuối chắc chắn sẽ xong trong vòng hai tháng tới. Song song với việc xây dựng căn bản, một công ty đấu thầu tại thủ đô New Delhi đã được chọn để trang trí nội thất. Công ty này sẽ bắt đầu làm việc trong vòng 3 tuần tới sau khi hoàn tất các bản vẽ về điện, ống nước về hệ thống máy điều hòa.

Tóm lại nếu trong thời gian sắp tới chúng ta có thể vận động tích cực hơn nữa để có được số tiền 250.000 US\$ thì chắc chắn viễn ảnh hoàn tất công trình vào năm tới và lễ khánh thành được tổ chức tháng 11 năm 2001 sẽ không còn là một điều xa vời khó tưởng. Kính mong quý vị Phật tử khắp nơi trên thế giới lưu tâm và ủng hộ. Cầu hồng ân tam bảo thường gia hộ cho quý vị và gia đình.

Nay kính tin.

**Thích Hạnh Nguyên**

Thông báo tử Bồ đề đạo tràng, Ấn Độ.  
Ngày 10 tháng 9 năm 2000.

## Thông Báo

### Tin Lụt, Tin Lụt, Tin Lụt !!!

Miền Nam gồm các Tỉnh Long An, Đồng Tháp và An Giang đã bị nước dâng lên nhiều thước. Có ít nhất là 75 người chết. Khoảng 150.000 người đang chạy trốn lụt. Nước có thể dâng cao hơn và kéo dài cho đến tháng 11 hoặc tháng 12 mới rút. Nhiều tổ chức nhân đạo đang sợ rằng nạn đói và thổ tả bị đe dọa; nên đã tìm cách cứu trợ khẩn cấp.

Không những tại Việt Nam mà Ấn Độ, Thái Lan và Cao Miên cũng bị nhiều cơn mưa lớn và làm cho nước dâng liên tục như vậy.

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Chi Bộ Đức Quốc đã cứu trợ tức tức 5.000 Đức Mã (quỹ còn lại của việc cứu lụt miền Trung vừa qua) và sẽ có nhiều đợt vận động bà con đồng hương hỗ trợ trong thời gian tới. Vậy xin kêu gọi quý Tổ Chức, quý Hội Đoàn, các cá nhân v.v... nếu có đóng góp ủng hộ cho nạn lụt, thì xin gửi về Chùa Viên Giác hoặc **Konto Nr. 870 1633 - BLZ 250 700 24. Deutsche Bank Hannover. Người nhận là: Congr.d. Verein. Vietn. Buddh. Kirche e.V. Xin ghi chú: Giúp nạn lụt Đồng Bằng Sông Cửu Long.** Xin chân thành cảm ơn quý vị.



## LỊCH TÂN TỶ NĂM 2001

Giá phát hành tại chùa Viên Giác như sau:

Lịch Tử Vi: 27,-DM

Lịch Treo Tường : 22,-DM

Nếu Chùa nhận được tiền trước, gửi lịch đi thì giá thành + tiền cước + bao bì, như sau:

Lịch Tử Vi: 30,-DM

Lịch Treo Tường: 28,-DM

Còn gửi theo cách Chuyển Hóa Giao Ngân (Nachnahme) thì:

Lịch Tử Vi: 38,40,-DM

Lịch Treo Tường : 33,40,-DM

Ban Phát Hành chúng tôi nhận thấy gửi theo cách Chuyển Hóa Giao Ngân (Nachnahme) thì tiền cước quá đắt. Do đó, đề nghị quý vị nên gửi tiền trước về cho chúng tôi bằng ngân phiếu (Check) hoặc tiền mặt gói kỹ bỏ trong bao thư hoặc chuyển vào Konto như sau:

**Congr. d. Verein. Vietn. Buddh. Kirche**  
**Konto Nr. 109594-307 - BLZ 250 100 30 - Postbank Hannover**

Trong thư, hoặc trên phiếu chuyển tiền xin ghi rõ loại lịch và số lượng để khỏi bị nhầm lẫn và địa chỉ rõ ràng để gửi lịch. Khi nhận được tiền chúng tôi sẽ gửi lịch ngay đến quý vị.

- Lịch Treo Tường hiện có tại chùa  
- Lịch Tử Vi sẽ có vào đầu tháng 11.2000

Kính mong quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần ủng hộ cho.



## Giới Thiệu Sách Mới

**1- Tinh Tự Dân Tộc** qua thơ văn truyền khẩu và chữ Nôm biên khảo của Võ Thu Tịnh do Xuân Thu xuất bản năm 1999, 363 trang, giá 14 Mỹ kim, gồm 30 bài nghiên cứu ca dao và truyện cổ về các chủ đề như *Duyên nợ và Tình yêu, Tinh nghĩa vợ chồng, Ca nhạc trong tình yêu, nhận thức quan của người Việt, Tôn giáo...*

Ngoài ra còn có những bài chuyên biệt về ngôn ngữ thi ca, về những quy luật và cách sử dụng ngôn ngữ trong nền văn chương truyền khẩu.

Thêm vào đó còn có những bài khảo luận về văn nôm của Nguyễn Công trứ, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến...

Tác giả Võ Thu Tịnh, với nhiều kiến thức văn học, đã phân tích lại sắc thái của nguồn gốc văn hóa dân tộc, bộc lộ được vẻ đẹp và đặc tính văn chương truyền khẩu của nước ta và ông ta hy vọng khi đọc tác phẩm này, chúng ta sẽ tìm thấy được "tinh tự dân tộc" và "... bắt gặp hồn ta, sống thực với lòng mình, thông cảm được sự đa đoan của con người Việt đang tàn mạt khắp nơi, cũng như những uẩn khúc trầm lắng của ông cha ta thời trước..."

Liên lạc: Nhà Xuất Bản Xuân Thu, PO.Box 97 Los Alamitos, CA 90720, USA Tel: (714) 828-9222.

**2- Khúc Hát Tiêu Dao:** thi tập của Tùy Anh, Bìa và phụ bản của nhiếp ảnh gia Phạm Thượng. Lời giới thiệu của thi sĩ Huyền Thanh Lữ, Bạt của Nữ sĩ Văn Nường Lê Ngọc Chấn và thi sĩ Nguyễn Song Anh. Trình bày Phù Vân và Ban Kỹ Thuật Viên Giác. Viên Giác ấn hành, năm 2000. Sách dày 312 trang, giá 20 Đúc Mã, gồm 65 bài thơ và phần phụ lục: Tùy Anh và Bằng hữu với Văn Nường, Tuệ Nga, Cao Tịnh Nguyên (Thơ); Vũ Hồi (Thư họa); Huyền Thanh Lữ, Nguyễn Thủy, Từ Nguyên, Vũ Kỳ, Nguyễn Song Anh, Sắc Không (Nguyễn Hữu Nhật), Nguyễn Việt Nga, Đoàn Văn (Vi Khuê), Hồ Trường An, Hà Vinh Phương (Văn); Võ Tá Hân, Nguyễn Tuấn, Lê Thành Tín, Phạm Minh Châu, Cao Tịnh Nguyên, Mạnh Bích, Phạm Phú Minh (Nhạc).

Đây là thi phẩm thứ ba của Tùy Anh, nhà thơ quen thuộc của độc giả Viên Giác, cộng tác với các báo ở Đức, Âu châu, Hoa Kỳ và Canada.

Liên lạc: Chùa Viên Giác, Karlsruher Str.6, 30519 Hannover, Germany. Tel.: 0511/ 87 96 30.

**3- Quê Hương Ngày Em Lớn:** thi tập của nữ sĩ Dư Thị Diễm Buồn, Xuân Vũ giới thiệu, tranh bìa Vũ Thái Hòa, phụ bản của La Toàn Vinh và Hồ Ý, Bùi Bảo Tuyết trình bày. Sách do Báo Linh xuất bản năm 2000, dày 120 trang, gồm 33 bài thơ về tình tự dân tộc và những kỷ niệm không quên về quê hương, mà theo như nhà văn Xuân Vũ viết trong lời giới thiệu: "... Cái điệu tâm hồn của chị Diễm là cái điệu nhà quê rất thơ không giống ai, mà ai muốn giống cũng khó chứ không dễ đâu, vì nó ở trong máu. Rất hiếm và rất quý. Tôi rất mừng khi thấy trên văn, trên thi đàn xuất hiện một ngôi sao. Xin tiếp tục chị nhà quê dài dài... Mãi mãi..."

Đất Hậu Giang, Tiền Giang đã cho đời một thi sĩ. Đời cùng vui mừng đón nhận những bức tranh diễm sắc từ ngọn cọ Dư Thị Diễm Buồn mà mỗi nét đều lấp lánh vì đã chắm vào dòng mực phù sa diễm diễm của Cửu Long Giang."

Liên lạc: Dư Thị Diễm Buồn, 1250 Army Trail Rd, Addison, IL 60101, USA, Tel.: (630) 628-8167. Ở Âu châu xin liên lạc với Chùa Viên Giác, giá 15 Đúc Mã.

## SÁCH MỚI ... SÁCH MỚI ... SÁCH CHÂM CỨU... LẦN ĐẦU TIÊN ĐƯỢC VIẾT Ở HẢI NGOẠI BẰNG VIỆT NGỮ.

**1. Hải Ngoại Châm Cứu Học 2000**  
(Lý thuyết và 198 bệnh chứng thực hành. Sách dày 527 trang) . Giá 60 Đúc mã (chưa kể cước gửi)

**2. Huyết Thương Người Phụ Nữ**  
(Phụ sản khoa. Sách dày 213 trang)  
Giá 30 Đúc mã (chưa kể cước gửi)  
- Sách được trình bày dễ hiểu.  
Từng đường Kinh huyết có bài khẩu quyết riêng, dễ đọc, dễ nhớ.

- Đề nghị Liệu án chữa trị bệnh chứng bằng hình ảnh rõ ràng.  
- Huyết vị được tuyển chọn công phu để điều trị cho từng bệnh.

Đặc biệt : Có phần chỉ dẫn Tuyệt Pháp Châm :

- Phép châm Thiêu Sơn Hỏa, Thấu Thiên Lương . Thường được các Châm gia xưa và nay ứng dụng... có kết quả trị liệu rất cao.

Sách được Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại Đức quốc ấn hành.

Liên lạc : Chùa Viên Giác  
Karlsruher Str.6 - 30519  
Hannover - Đức quốc. Tel. 0511 - 879630 .  
Fax. 0511 - 8790963

## 10 TÌNH KHÚC CỦA PHẠM PHÚ MINH

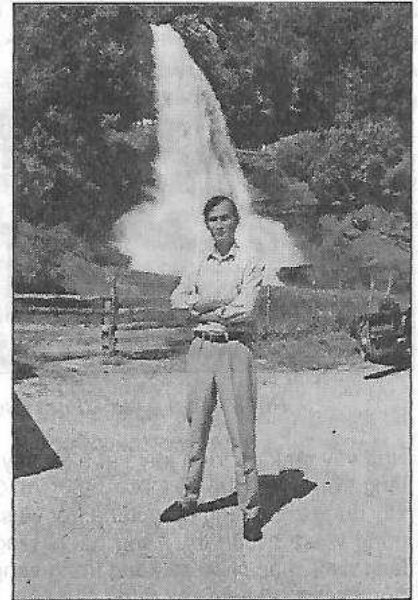
### CHỈ DÀNH CHO EM THÔI \*

\* Phù Vân (giới thiệu)

Tháng 8 năm 1999, trong dịp Đại Lễ Lạc Thành Chùa Khuông Việt tại Oslo / Na Uy, tôi được một người bạn giới thiệu với anh Phạm Phú Minh \*\* ở cố đô Bergen, cách Oslo khoảng 500 cây số. Xong lễ, gia đình anh trở về cố thổ, riêng tôi vẫn còn rong chơi với nhiều bạn cũ và mới tại Oslo. Qua một cuộc tiếp xúc ngắn, tôi có cảm nghĩ, anh là một nghệ sĩ hay ít ra anh cũng là một người ham chuộng nghệ thuật. Cái dáng dấp dong dỏng cao, nuôi cưỡi bằng mắt cả bằng môi của anh, hồi đó có lẽ chưa phải là hình ảnh bắt mắt hay ghi đậm trong tâm trí tôi.

Một năm sau, tháng 8 năm 2000, tôi nhận được chiếc CD "10 Tình Khúc Phạm Phú Minh" do anh gửi tặng. Tôi đã dành một buổi chiều tĩnh lặng để nghe những lời ca, dòng nhạc quyện vào nhịp đập của trái tim

minh. Tôi rất tiếc là CD của anh không có phần lời mở đầu để giới thiệu về nhạc sĩ sáng tác. Từ đó tôi chợt có ý nghĩ là viết một bài giới thiệu CD đầu tay của một người bạn mới- điều mà tôi biết mình không mấy sở trường. Cũng chính vì lý do này, từ nhiều năm nay, tôi nhận được hầu hết những CD của nhạc sĩ Võ Tá Hân tại Singapore mà tôi không viết một lời giới thiệu nào cho Võ Tá Hân cả, vì tôi nghĩ rằng anh là một nhạc sĩ đã thành danh từ lâu.



Tôi điện thoại qua Bergen để cảm ơn anh đã tặng CD với những lời chúc mừng nồng nhiệt, đồng thời phỏng vấn anh dưới hình thức những câu thăm hỏi. Anh cho biết, tâm hồn âm nhạc và nguồn hứng khởi anh có được là do:

"Thuở nhỏ, sống ở quê ngoại Mỹ Tho là một trong những vùng tràn ngập âm thanh ca nhạc tài tử, cải lương. Có một tâm hồn lạc lõng trong không gian ấy; mẹ tôi. Bà thích âm nhạc cải cách hơn là cải lương. Có lẽ nhờ một thời gian sống ở Sài Gòn, cho nên sở thích của bà khác hơn những người dân trong làng. Khi tôi còn nhỏ, tôi đã được nghe bà hát (và còn nhỏ được) những bài *Suối Mỏ, Trăng Mỏ Bên Suối...* và một số bài hát khác mà tôi cố tìm từ những văn chưa biết tựa của bản nhạc là gì.

Khi đến tuổi đi học, không khi ca nhạc tài tử lại ảnh hưởng đến tâm hồn non nớt của tôi. Cùng với bạn bè trang lứa, chúng tôi tụ tập ca hát bất chước đào kép cải lương đóng tuồng khiến mẹ tôi không hài lòng. Bà tung những "chiếu thức" ảnh hưởng mãi đến đời tôi sau này. Năm tôi học lớp đệ thất, mẹ tôi tặng tôi cây đàn Mandoline. Sau đó bà còn tìm nhiều dịp để tặng quà mới cho tôi (như khi tôi có tên trong bảng danh dự hàng tháng, hay chỉ là dịp trúng mùa trái cây) để tặng quà mới cho tôi như trống Bongo, Temporine. Cho đến năm tôi học lớp đệ ngũ, mẹ tôi làm cho tôi say mê tân nhạc hơn cải lương bằng món quà bất ngờ là cây đàn Guitar. Tuy nhiên tôi chỉ bắt chước và đọc sách tự học sử dụng nhạc cụ. Với quá nhiều nhạc cụ trong tay, tôi không điều luyện được môn nào..."

Như vậy, anh Phạm Phú Minh được một bà mẹ hiền không những chỉ có công sinh thành dưỡng dục mà còn gây dựng cho anh một tâm hồn văn nghệ. Thế nhưng tại sao mãi đến nay người ta mới biết được anh là một nhạc sĩ sau khi anh cho phát hành tác phẩm đầu tay? Và anh bắt đầu sáng tác từ lúc nào? Những ưu tú của tôi được anh Phạm Phú Minh giải thích thêm:

"... Đang học nửa năm lớp đệ ngũ, ba tôi đưa tôi về thăm bà con ở Đà Nẵng và giữ hẳn tôi tại thành phố này. Họ nội tôi rất lớn và rất... quan liêu. Đa số quan niệm rằng con người sinh ra đời chỉ để đi học đồ đạt để ra làm quan. Nếu không làm quan cũng phải làm thầy giáo. Có lần tôi mượn được cây đàn mang về nhà, chưa kịp biểu diễn thì bà nội tôi đã gắt gỏng: "Cái đồ mà phát... xuống ca vô loài!". Kể từ đó tôi bị bắt buộc phải tuyệt giao với các loại nhạc cụ. Trong năm học lớp đệ tam, thấy nhiều đứa bạn tôi đàn hay hát giỏi như tài tử nên được nhiều bạn gái mê như điên đảo. Từ đó tôi quyết định mua sách nhạc về tự học, hy vọng sẽ bắt kịp đám bạn tài giỏi của mình. Từ nhạc sử, nhạc pháp cho đến sách hòa âm tôi đều mua về học để... trả thù!

Ca khúc đầu tay tôi sáng tác vào cuối năm đệ tam. Tôi lặng bản nhạc do tôi khổ công nắn nót kê trên giấy ca-rô cho cô bạn vừa xinh xắn vừa kiêu kỳ thường gặt đầu chào nhau ngoài hành lang lớp học, mà tôi nghĩ rằng cô ta có cảm tình với tôi. Cô ta đàn piano rất hay do giáo sư âm nhạc đến tận nhà hướng dẫn. Tôi nuôi hy vọng cô ta sẽ... mê tôi, yêu tôi vì cảm động và cảm phục tài năng của tôi. Tối hôm đó, tôi đi qua đi lại trước ngôi biệt thự của nàng mà hằng đêm thường vang tiếng đàn piano thánh thót, ước mong được nghe nàng say mê đàn dạo piano ca khúc đầu tay của tôi. Nhưng lạ thay đêm đó ngôi biệt thự lại im lìm một cách quái dị. Tôi mòn mỏi đứng tựa thân cây bên kia đường cho mãi đến khuya khi ngôi biệt thự tắt hẳn đèn, tôi mới lê bước về nhà như người trong cơn mộng du.

Sáng hôm sau, tôi đến trường hy vọng sẽ gặp cô bạn còn cười yên. Vì nếu nàng có điều gì xảy ra, tôi sẽ vô cùng đau khổ. Tôi sợ sau khi đọc xong bản nhạc của tôi, nàng cảm động quá sinh ra bạo bệnh, rồi chết vì tuồng tử, thì tôi sẽ vô cùng ân hận. Khi đó thì còn ai biết được... thiên tài của tôi nữa! Nào ngờ khi vừa mới đến cổng trường, tôi đã thấy nàng đứng đó trước tôi. Mặt nàng lạnh như tiền, không còn nụ cười mím như thường lệ khi gặp nhau. Tôi len lén tấp vô bên này lẽ đường, vừa dứa mắt thăm dò thái độ của nàng. Khi thấy nàng băng ngang đường tiến về phía tôi, tôi muốn xiú ví... mừng. Tôi đồ lười, chưa kịp chào xã giao thì nàng đã lịch sự lần nghiêm trọng khuyến bảo tôi nên học thêm về âm nhạc... Thế là tuyệt giao! Cách trả thù duy nhất của tôi là tìm mua sách nhạc tiếp tục tự học..."

Ca khúc đầu tay, tình yêu tuổi dại, cái ước mơ dang hiển chỉ mong được một lời ngọt ngào khen tặng. Anh Phạm Phú Minh cũng như bao nhiêu nghệ sĩ khác đều đã đắm trên một quãng đời tuổi trẻ, trang trải những tình cảm đại khổ mà ước mộng thì cao xa vô tận. Anh đã thất tình như bao nhiêu người thất tình. Có thất tình mới đem được cái xót đau tẽ dại vào lời ca tiếng hát. Có thất tình mới thấy được tự đáy sâu con tim quan quai nuôi tiếc, mới đem được những rung cảm vào nhạc vào thơ. Anh có một đời

tuyệt vời để thất tình. Anh Minh ơi, tôi thêm được thất tình như anh để hôm nay mình còn có những xót xa nuôi tiếc khi nghĩ về người xưa vẫn tươi trẻ mượt mà kiêu sa nhưng lại thờ ơ lạnh nhạt với mình! Viết về người xưa để gọi nhỏ. Vâng gọi nhỏ như anh viết ca khúc "Gọi nhỏ... tà áo đỏ":

*"Gọi nhỏ giây phút ban đầu. Bàn tay tìm kiếm bàn tay. Đường vắng mái tóc bay. Ngát hương cho tình thêm say... thêm say! Đường phố như thiếu ánh đèn. Tình ta đắm ướt sống đềm. Chìm đắm trên phiên môi em. Ta quên cuộc đời đáng quên, đáng quên!"*

Lời nhạc chỗ đây chất thơ, nhưng nếu được nghe thêm giọng hát của Khắc Dũng ta mới thấy cuộc tình si mê ngày xưa trong tuổi thanh xuân vẫn còn nhiều ray rứt khôn nguôi. Cho nên lời vẫn cứ tiếp lời:

*"... Cuộc tình đẹp như thơ, nhưng trong đời ta chẳng như mơ! Dù trọn đời dâng trao, những sao tình ta mãi lao đao. Nước mắt rơi thật nhiều, mỗi lúc thêm muện phiền, lòng vướng tiếc nuối, sầu đắng đời moi!..."*

Tháng năm dần trôi, cuộc tình tưởng đã phai phôi. Một lần tình cờ được nghe tiếng hát thân quen, lòng bồi hồi biết rằng trên đời vẫn còn có em:

*"...Tình cũ ngỡ đã xa đời. Nhiều năm xa vắng mù khơi. Chợt nhỏ qua tiếng hát quen, ngỡ như đời còn có em, có em..."*

Anh viết khúc ca này vào năm 1972, sau hai năm lính với nhiều cuộc hành quân trên bốn vùng chiến thuật. Hồi dĩ người thương, người em gái hậu phương có thể nào làm kiếp vọng phu để chờ người lính chiến chưa biết khi nào trở về? Tại sao anh sắp ca khúc này mở đầu cho CD của anh? Phải chăng, những yêu thương lưu luyến đầu đời anh "chỉ dành cho em thôi", chỉ dành cho người trong mộng tưởng? Và khúc ca "Tình ơi, Em ơi" anh chọn làm bài kết thúc để vẫn mãi réo gọi người tình, vẫn mãi mãi gọi nhỏ?

"Tình ơi là tình ơi, tưởng tình là mật ngọt, trên từng nụ hôn môi. Mà sao tình chua xót, trên từng giọt lệ rơi... Em ơi là em ơi, Em vô tình nào thấy, Tình anh còn tình khôi, Nồng nàn như lửa hạ, Chỉ dành cho em thôi".

Rồi tôi lại thắc mắc tại sao khúc ca lại mang tên "Gọi nhỏ... tà áo đỏ"? Cái ưu tú của tôi được anh cho biết:

"... Mãi đến khi định cư tại Na Uy từ năm 1991, tôi viết lại theo trí nhớ những khúc ca tôi đã sáng tác trong khoảng thời gian từ năm 1972 đến 1974, mà tất cả những bản thảo đều bị mất hết vì thời cuộc và trong những chuyến vượt biên không thành. Bài "Gọi nhỏ... tà áo đỏ" gom lại từ hai bài "Gọi Nhỏ" và "Tà áo đỏ" thành một bởi vì sau 20 năm tôi không còn nhớ trọn vẹn. Hai khúc ca này tôi đã sáng tác từ năm 1972 khi bị thất tình, nhưng đến nay xót đau vẫn còn ngậm ngùi chưa tan!"

Tôi lại nương theo cảm xúc của anh, vướng vấn theo lời ca thể thiết, nức nở theo giọng hát của nữ ca sĩ Bảo Yến trong ca khúc "Tỏ trời mong manh":

*"Ôi tâm hồn bỗng trống vắng lúc hay tin em lia bỏ nhân gian. Tim chai lì đã lâu, vẫn bồi hồi đập thêm nhịp cay đắng. Thương tiếc.*

Ta tiếc cho đời em, chỉ nếm những khổ đau, sao nỡ phải lia xa đời! Bất hạnh!

Nhạc điệu của đoạn mở đầu như những tiếng khóc thảm thương khi anh nghe hung tin người em gái mất vì bạo bệnh ở Việt Nam. Rồi đoạn kể tiếp nhạc trầm xuống giọng ngậm ngùi thương tiếc:

Em sinh ra làm người, hạnh phúc chưa được vui đã nhắm mắt xuôi tay! Và dòng đời vẫn cứ hồ hững trôi. Mặc vì sao trời đã lịm tắt... đời ngói! Lòng ngậm ngùi thương nhớ bóng hình em..."

Tôi cảm thông nỗi đau của anh bởi từ đầu tháng bảy vừa qua tôi trở thành người con mất mẹ. Anh vừa viết nhạc vừa khóc. Tôi vừa làm thơ vừa rơi nước mắt. Ôi đột biến âm thanh của hai phần này làm quận thất lòng tôi. Phải chăng người nghệ sĩ đã đặt trọn vẹn lòng mình vào lời ca để diễn đạt được những rung cảm dạt dào của tác giả? Nghe "Tỏ trời mong manh" của Phạm Phú Minh tôi lại muốn tưởng đến ca khúc "You see" do nữ ca sĩ lừng danh Madonna trình diễn. Tiếng ca pha tiếng khóc. Tiếng ca ướt sũng nước mắt. Phải chăng cái thành công của nhạc sĩ hẳn cũng phải nhờ đến tài ba của người ca sĩ trình diễn và kỹ thuật hòa âm của dàn nhạc!

Rồi một lần nữa, Bảo Yến trong điệu Slow lại mang cho tôi những rung cảm ngọt ngào đến tận trái tim. Chưa có lúc nào tôi có cảm giác lâng lâng nằm trong bóng đêm nghe những dòng nhạc nâng lên phiêu diêu. Tôi đã quên mình trong hiện tại với những phiên muện giảng mắc, với những hệ lụy đây vơi. Tôi lịm về dòng sông tuổi dại để thấy lại những dấu chân song đỏ trên phố sa sông Kiên, hay những khuya ủ bàn tay nhau bên bờ biển Rạch Giá để đón những chuyến ghe chài về bến, hay những lần đón đưa trước cổng trường Trung học Nguyễn Trung Trực Kiên Giang để chung những bước chân trở về. Tôi muốn tưởng như đã cùng ai dạo quanh hồ Chung Thủy ở Trúc Giang vào những chiều hạ nắng. Tôi cũng đã hẹn hò đón ai trước cổng nhà thờ Bào Lộc để rong chơi cuối tuần trên những đồi trà mù mịt sương thu. Và Sài Gòn trong những năm Đại Học, tôi đã cùng ai - với bao nhiêu người con gái, đi nhau dưới những cơn đờng vàng lá me bay của Nguyễn Du, của Lê Thánh Tôn hay quanh công viên trường Luật, Dược Khoa... Dù những cuộc tình của tôi ngày xưa không đi vào cuối đời nhau, nhưng đó là những kỷ niệm dấu yêu. Cảm ơn Phạm Phú Minh, dù anh viết ca khúc "Bên giòng sông" để tưởng tượng hình tượng Vũ Thị Ngọc Tuyền, là người bạn đời chung thủy; là dòng suối mát cho đời anh thêm tươi, cho hồn anh bay bổng...:

"Bên này sông, gió nhẹ đưa hương áo. Có đời ta ngây ngất vì yêu nhau. Mặc nhân gian say mê vòng danh lợi. Ta thả hồn trong tiếng lá lao xao... Bên này sông rặng chiều vương có úa. Có đời ta say đắm bởi môi hôn. Bên kia sông sương lạnh mờ lan tỏa. Bóng trời đêm hờ hững ánh sao hôm..."

Nhạc được chuyển qua những dập dồn mình chứng cho một tình yêu thanh cao, trọn vẹn thủy chung dù đời có nhiều những phiên muện, mình vẫn cứ yêu nhau:

"... Dù cho đời lao đao, nhiều muện phiên thường đau. Tình yêu vững diễm tuyệt.

Minh tìm về bên nhau, bên nhau. Ngọt ngào ta trao nhau. Nụ hôn đầu thanh cao. Vòng tay nào níu chặt. Dịu dàng mình yêu nhau..."

Anh rất dè dặt khi viết nhạc phổ thơ. Trước tiên anh chỉ dám sử dụng thơ của Ngọc Tuyên- hình tượng của anh để viết ca khúc "Liêu Trai". Liêu Trai vốn là một kỷ niệm của hai người. Qua đó, anh tâm tình:

"... Thuở mỗi yêu nhau (và có lẽ cả sau này), bà xã tôi rất thích được hôn dưới ánh trăng. Một đêm, Sài Gòn cúp điện trong khi chúng tôi đang đi dạo trong khuôn viên Viên Hóa Đạo (lúc đó rạp hát Hòa Bình chưa xây). Ánh trăng rực rỡ chiếu xuống chân tháp đang xây dở dang làm tăng thêm vẻ huyền ảo ma quái. Trong bảo ảnh của một phế tích ngàn năm, chúng tôi trao nhau nụ hôn- nụ hôn ngọt lịm tình yêu. Thai nghén hình ảnh của kỷ niệm đó trong tâm khảm, mãi đến bây giờ, bà xã tôi mới viết thành bài thơ Liêu Trai. Riêng tôi phải thức trắng hai đêm mới phổ được bài thơ này thành ca khúc..."

Sau đó anh chọn hai bài thơ của hai thi sĩ ngụ chung thành phố: của thi sĩ Nguyễn Văn Cường với bài "*Nhỡ Vê Bàn Nhỡ*" khi phổ nhạc được đổi thành "*Thuở Nhỡ Rừng Xưa*"; và phỏng theo ý thơ "*Tưởng Bầy Giò Là Bao Giò*" của thi sĩ Dương Kiên để phổ nhạc thành "*Giọt Sắc Không*"- tựa một bài thơ khác được in chung trong tập thơ với bài thơ trên cho hợp với ý chính của bài hát. Đó là những trao đổi của anh với tôi. Ngoài ra, anh còn cho biết, sở dĩ anh dè dặt khi chọn thơ để phổ nhạc, vì:

- "Tôi quan niệm, muốn nhập được hồn thơ của tác giả vào mình là điều khó khăn. Phải đặt mình vào chung tâm trạng của thi nhân lúc đó mới có thể nhập vào hồn nhau".

- "Phải bắt được nhạc tính trong bài thơ để tiết tấu không bị trùng lặp với những nhạc sĩ đàn anh cũng là một vấn đề nan giải, vì thơ Việt Nam đa số gieo vần trong những khổ thơ tương tự nhau".

- "Sau năm 1975, hết là lính, tôi mới có thi giờ đọc nhiều thơ. Thời kỳ này thơ tình lãng mạn hợp với mình rất hiếm..."

Đến hôm nay những ca khúc được phổ từ thơ mà tôi đặc ý nhất là các bài *Chiếc Nhẫn Ngày Xưa* (thơ Nguyễn Văn Cường), *Tình Ổi, Em Ổi* (thơ Tuy Anh..."

Tôi chỉ dẫn chứng một vài ca khúc gây cho riêng tôi những cảm xúc tuyệt vời. Trong CD này còn có những tình khúc khác do những giọng ca trẻ dễ thương như *Khúc Tụng Ca Tình Yêu* với giọng ca Hạnh Nguyên; *Có Một Mùa Xuân* (nhạc tuổi trẻ) qua giọng ca Thanh Thanh; *Chiếc Nhẫn Ngày Xưa* qua giọng ca Hoài Nam; *Tình Thơ* qua giọng ca Thanh Long và ca sĩ Khắc Dũng trình diễn những ca khúc *Liêu Trai, Giọt Sắc Không* và *Tình Ổi, Em Ổi*.

Nhìn chung, những ca khúc của Phạm Phú Minh trong CD đầu tay này rất tròn đầy-tròn đầy như hạnh phúc tình yêu của anh bấy giờ theo như lời anh viết: "... và đến nay, tôi nghĩ mình là kẻ viết ca khúc trong lạc thú, trong đam mê được tiếp nối từ tiền kiếp". Tôi kỳ vọng nơi anh một bước tiến xa hơn, vì trong những ca khúc có một vài tiết tấu biến ảo fantasia, một vài đột biến âm thanh muông tượng như tiếng sáo diều cao

vút lên tận trời mây, rồi đột nhiên đổ xuống lưng đôi chấp chôn theo gió nhẹ lay. Âm thanh có khi như ngọn sóng thân gào thét ngoài khơi, ồ ạt cuốn vào bờ rồi vỡ thành những bọt sóng li ti trắng xóa. Âm thanh có khi như dòng thác lũ âm âm đổ xuống vực sâu, rồi trườn mình qua những ghềnh đá cheo leo để cuối cùng lặng lẽ chảy ra biển cả. Âm thanh có khi trầm lặng như những vòng sóng của một viên sỏi liệng xuống dòng sông, loang xa tâm điểm và cuối cùng lặng lẽ tan biến vào trong hư ảo...

Tôi ước mong một ngày nào đó, vài ca khúc của anh Phạm Phú Minh được giới nghệ sĩ mến mộ và được phổ cập trong dân gian. Que sera, sera...!

\* **Phù Vân**  
(Thất Sơn, tháng 9.2000)

Ghi chú:

\* Tựa một bài thơ của Tuy Anh được phổ nhạc thành "Tình ối, Em ối" trong CD này.

\*\* Tên giấy tờ là Phạm Phú Minh, tên thật là Phạm Phú Thao, sinh tại Sài Gòn năm 1950. Quê nội ở Đông Bàn, Điện Bàn, Quảng Nam. Quê ngoại ở Mỹ Tho. Từ năm 1970-1975: đi lính. Sau năm 1975: làm thính! Phạm Phú Minh, nhạc sĩ, ở Na Uy khác với Phạm Phú Minh, văn sĩ có bút hiệu Phạm Xuân Đài, chủ nhiệm tạp chí Thế Kỷ 21 tại Hoa Kỳ.

CD này do tác giả thực hiện, Quốc Dũng hòa âm, Phạm Phú Đăng Khoa trình bày, dành để tặng, không bán. Mọi sự cần thiết xin liên lạc đến: Phạm Phú Minh, Rothaugsgaten 5A, 5035 Bergen - Norway. Tel.: 55 55 87 42.

**ĐẾN VỚI TÌNH NGƯỜI  
TRONG ĐẠI NHẠC HỘI TÌNH THƯƠNG  
ĐÊM SÀI GÒN  
VÀO NGÀY 28.10.2000 TẠI  
MEHRZWECK HALLE AARWANGEN /  
THỤY SĨ**

Lần đọc quyển *Đi Gặp Mùa Xuân* của một vị Thiền Sư, đoạn thứ của các cô giáo ở miền Trung tả về những ngôi trường nghèo xơ xác ở đây, tôi đã ứa nước mắt. Lần ấy tôi đã tự nhủ lòng sẽ tìm cách đóng góp, giúp đỡ cho các em học sinh ở những ngôi trường mà: "... *Lớp không có cửa, mỗi khi trời nắng thì cô giáo mượn chiếu che cho các cháu khỏi chói, còn trời mưa thì cô giáo lấy áo mưa treo lên che không cho mưa tạt ướt và ngăn gió cho các cháu bớt lạnh. Lớp học rất đông nhưng không có bàn mà chỉ có ghế cho các cháu ngồi. Phần đông các cháu chỉ có chiếc quần ngắn và vài nhiều đồ, áo thì không tay, phong phanh giữa mùa đông thật tội...*"

Đến cuối năm 1999 những tin tức nào lòng của đồng bào miền Trung vì bão lụt đọc được trên những tờ báo Việt Nam làm quận lòng tôi. Tôi thấy tôi có bốn phận phải đóng góp để xoa dịu một phần nào những đau

khó mà đồng bào tôi đã phải chịu. Tôi không còn có thể ngồi im mà chờ đợi được nữa. Tôi vừa hít mũi, vừa quệt nước mắt, vừa nghẹn ngào nói với chồng tôi: "... Hãy cho em được đóng góp! Hãy cho em làm một cái gì cho đồng bào của em!"

Và rồi chồng tôi, không hiểu đã xúc động vì những giọt nước mắt của tôi, mà anh xiết chặt tay tôi khe gặt đầu và hình như tôi cũng thấy những giọt lệ long lanh trong mắt anh...

Ngay tối hôm đó tôi bắt đầu soạn chương trình cho Đại Nhạc Hội Tình Thương Đêm Sài Gòn. Trọn ngày chủ nhật hôm sau tôi loay hoay viết thư gửi các bạn hữu và điện thoại khắp nơi để kêu gọi. Tôi vốn mê văn nghệ từ nhỏ. Dù chỉ là nghiệp dư nhưng những năm đầu cũng có tập tành làm văn nghệ, vẫn gung vỏi các em. Từ những vở kịch nho nhỏ: Ông Táo Bà Táo, Bánh Chưng Bánh Dầy, rồi đến Sơn Tinh Thủy Tinh, Hòn Vọng Phu v.v...

Nhưng đã 6 năm nay tôi tuyệt tích giang hồ. Chẳng là lần tổ chức Tết năm 1994 tôi bày vẽ quá nên chồng tôi phát sợ. Tôi đã biến nhà tôi thành sân khấu, hậu trường, xưởng may, xưởng vẽ, chỗ tập kịch v.v... và v.v...

Này nhé, khi cần soạn nhạc cho các màn kịch thì tôi tuôn hết mấy cái băng cassette tôi có ra. Rồi thì máy trong phòng khách thâu những đoạn nhạc tôi đã chọn; máy trong phòng ngủ thì tôi để chạy tìm thêm những tiếng đàn, tiếng sáo tôi cần. Và rồi trên các bậc thang đầy những cassette và cassette. Bạc này là cassette cho kịch; bạc kia là cassette cho màn trình diễn thời trang v.v... Khi ông xã tôi loay hoay làm thì tôi dịu dàng yêu cầu: "Xin anh đừng làm mất trật tự trong cái vô trật tự của em. Anh ráng nhắm mắt lại, coi như không có gì hết. Để em làm xong rồi em dọn".

Hôm khác thì nhà tôi là xưởng may màn sân khấu. Ông anh tôi mới qua đoàn tụ gia đình được vài ngày cũng bị tôi trưng dụng ngồi tử sáng đến chiều may may, nối nối mấy tấm drap trắng tôi xin được để làm cánh gà sân khấu. Và rồi bữa sau nhà tôi thành xưởng vẽ với anh Huy họa sĩ trở tài mùa cọ để biến mấy tấm màn trắng ấy thành những tấm màn sân khấu có cảnh cung đình hay những bức họa đồng quê tuyệt đẹp. Và chị Lan thì biến những khúc vải tôi mua những lần bán đại hạ giá thành những bộ y phục lông lấy cho Ngọc Hoàng, cho ông Táo Bà Táo hay bộ áo Tử Thân cho Chinh Phụ màu tím dịu dàng làm tím cả hồn người khi Chinh Phụ hóa đá ôm con đứng trên chóp núi chờ đợi mối mơn...

Và rồi những lần tập vũ tập kịch, những lần làm đầu bếp lo ăn lo uống cho mấy chú kếp mấy cô đào tí hon của tôi...

Lần Văn Nghệ Tết đó chúng tôi bán được gần 600 vé vô cửa. Và được bà con khen là chương trình văn nghệ phong phú, tổ chức đáng hoàng. Thế nhưng sau khi cùng bạn hữu lau chùi Hội Trường, chỗ bán thức ăn, chẳng khác nào bài chiến trường...

Chồng tôi đang chờ tôi trên đường về nhà, lúc đó đầu khoảng 5 giờ sáng, thì tự nhiên

anh bật khóc... Tôi hoảng quá vừa lo cầm phụ tay lái, vừa trấn an anh, vừa hỏi han thì anh nghẹn ngào bảo tôi: Anh mừng cho tôi vì buổi trình diễn đã thành công tốt đẹp. Nhưng những gì anh phải chịu đựng từ khi tôi bày ra làm Văn Nghệ Tết thì thật quá sức chịu đựng của anh!  
Đêm đó trên xe hơi, lúc 5 giờ sáng, tôi long trọng hứa với anh tôi sẽ giải nghệ làm... bầu! Và tôi đã giữ lời hứa của mình 6 năm trời nay...

Trở lại việc tổ chức Đại Nhạc Hội Tinh Thượng, sau khi được ông xã bật đèn xanh, tôi sung sướng quá và chuẩn bị ra quân... Những như đã nói, 6 năm nay tôi ẩn dật không đi tiểu ngạo giang hồ nên chưa biết rằng trời đất đã có nhiều thay đổi. Máy cô đào nhí, mấy chú kếp con của tôi đã trở thành những người cha, người mẹ đã con đùm con đê hết lòng đả nào nghĩ tới nhạc tôi kịch. Tôi có trong đầu cả một chương trình Ca Vũ Nhạc Kịch phong phú những tìm kếp, tìm đào, tìm ca sĩ khó quá. Nhiều buổi chiều sau một ngày làm việc mệt mỏi ở sở; tôi gọi điện thoại như không như điên khắp các nơi mà chẳng tìm được ai. Tôi buồn quá, cứ ước phách chỉ mình có phép thần thông như Tôn Ngộ Không, bắt 100 sợi lông chân thổi phủ một cái là ra trăm người. Khi ấy thì tôi tha hồ mà lựa đào hát, kếp hát, ca sĩ, vũ công, người chơi nhạc, người kéo đàn, người bán thức ăn, người dọn dẹp v.v... và v.v...

Lần thứ ba đến Zürich để họp mặt với một nhóm bạn hữu, tôi đã nhủ lòng: lần này nếu mình cũng gặp toàn lời từ chối hoặc hứa hẹn suông thì mình dẹp tiệm, mình sẽ giải nghệ làm... bầu. Mình sẽ bớt ăn xài để dành tiền giúp đỡ cho những nạn nhân ở Việt Nam trong khả năng của mình. Nhưng lạ chưa kia, khi tôi là người đề xướng, là đầu tàu đang sẵn sàng chạy... lui thì các bạn tôi hăng hái bán tính: nào là Thủy thì lo liên lạc với Tân một cây văn nghệ xanh dòn ở St. Gallen để làm một vở hài kịch; Hùng ở Basel nhận lời hát máy bàn nhạc quê hương. Vợ chồng Tiến-Bảnh vừa lãnh phần kêu gọi thêm các bạn hữu đóng góp văn nghệ vừa lãnh phần lo việc ẩm thực. Philipp nhận làm Chef Koch. Loan hôm nay bạn không đến được nhưng nhận lời tập cho các em một màn múa dù và đặc biệt nhất là sự đóng góp của Thủy và Chiến một đôi vợ chồng trẻ nhưng đầy nhiệt tình nhận lời đóng góp với ban nhạc và phụ trách màn trình diễn áo dài thời trang.

Tôi sung sướng nghe các bạn bán tính. Phải rồi các bạn ạ! Mình phải làm một cái gì để đóng góp và để duy trì văn hóa của mình tại hải ngoại. Lần này chúng ta phải... ra quân! Và thế là đứa con tinh thần của chúng tôi đã được thai nghén. Nó có tên là Đại Nhạc Hội Tinh Thượng Đêm Sài Gòn sẽ được ra đời vào ngày 28.10.2000 tại Mehrzweck Halle Aarwangen/Thụy Sĩ, một địa điểm nên thơ vẫn thường được tổ chức những buổi Đại Nhạc Hội trước đây. Từ Basel, Bern, Zürich đến Aarwangen mất độ 45 phút lái xe.

Chúng tôi đã tập dượt ráo riết từ ba tháng nay và chương trình càng ngày càng phong phú với sự đóng góp của bạn hữu khắp nơi. Nào là Hội Người Việt Lausanne với màn Văn Lang Dị Sử đầy tình tiết éo le và những màn vũ điệu luyến; màn Vũ Lâm Công Phu của anh Hậu với các võ sinh Thụy Sĩ tại Biel; anh Huy đang trở tài lo cho sân khấu với những đạo cụ hấp dẫn đầy hứa hẹn một sân khấu đầy màu sắc mới lạ về hình thức, bên cạnh đó anh còn đảm nhiệm phần ảo thuật hấp dẫn; màn trình diễn áo dài thời trang Việt Nam trong tôi với các cô thiếu nữ Việt Nam xinh đẹp duyên dáng. Nhóm Văn Hóa Việt Nam Về Nguồn đóng góp màn vũ nón với áo dài ba tà tha thướt; màn nhạc cảnh Sukijaki với 5 cô gái Nhật khả ái; màn nhạc cảnh Tinh Nhật Phai với giọng hát truyền cảm của Sĩ của Thủy và nhóm múa dù. Và đặc biệt nhất, lần đầu tiên tại Thụy Sĩ có sự đóng góp của 15 cây đàn tranh của nhóm Phượng Ca và nhóm Đàn Tranh tại Lausanne cộng với tiếng đàn bầu nức nở của miền Nam... Và các bạn thích nhảy sẽ được thưởng thức một chương trình dạ vũ độc đáo được khai mạc với nhiều màn khiêu vũ biểu diễn của 2 cặp vũ sư tài danh đã chiếm nhiều giải khiêu vũ quốc tế.

Bật mí sơ sơ cho các bạn biết chút chút thôi. Từ đây đến ngày trình diễn chắc chắn sẽ còn nhiều tiết mục độc đáo mới lạ khác nữa. Để cho bầu trời Thu tại Thụy Sĩ được một lần tràn ngập màu rùng áo dài Việt Nam tha thướt, xin đề nghị các bà các cô mặc áo dài trong đêm đó. Riêng các ông nếu ai chịu mặc áo dài khăn đóng đến tham dự sẽ được tặng... hoa.

Hiện tại các bạn trẻ đang lo tập dượt ráo riết. Còn tôi thì nhìn đâu cũng thấy những cái tôi có thể làm cho đêm Đại Nhạc Hội được phong phú thêm. Chẳng hạn như đi ăn ở nhà hàng thấy 4 cái nón treo trên tường để trang trí tôi cũng bật la lên: À, 4 cái nón này dành cho mấy cô đi trình diễn thời trang thì thật là tuyệt. Rồi tôi vô năn nỉ chủ tiệm cho tôi mượn 4 cái nón này trong ngày 28 tháng 10 tới đây. Hoặc khi đi ăn đây tháng ở nhà cháu thấy mấy cái hoa hồng đỏ bằng lụa cắm trên bàn tôi cũng thì thầm hỏi cô cháu dâu cho tôi mượn.

Và một ngày đẹp trời nào đó, nếu bạn đi dự đám cưới hay dạ hội trong chiếc áo dài Việt Nam tha thướt mà có một người đến khều vai hỏi... mượn thì người ấy chắc chắn là tôi...

Ba Má tôi từ Việt Nam qua thăm muốn đem quà cho mấy con thì tôi hùng dũng tuyên bố: "Má đừng đem khô bò, khô mực, quả cáp gì cả. Con chỉ cần áo dài Việt Nam để các em trình diễn thời trang. Còn Ba nhớ mua cho con hoa đào, hoa hướng dương, giống gánh để con làm cảnh".

Các anh em tôi đang lo sợ tôi bị tẩu hỏa nhập ma vì trong đầu óc tôi bây giờ chỉ có chương trình cho Đại Nhạc Hội Tinh Thượng Đêm Sài Gòn ngày 28.10 này.

Tôi đã... quây tùm lum tùm trong nhà, ngoài ở; từ Thụy Sĩ đến Việt Nam. Ban ngày đang

làm việc mà có ý tưởng nào chợt đến cho đêm văn nghệ thì tôi hỷ hoáy viết vào một mảnh giấy để chiều về thực hiện. Ban đêm đang ngủ tôi bỗng choàng dậy. Chết rồi! mấy cái áo dài mình nhờ Tuyết may cho màn múa màu sắc coi bộ không đẹp. Phải chọn màu khác lên sân khấu mới nổi. Thế là tôi tức tốc gọi điện thoại về Việt Nam bảo Tuyết, em tôi, kiếm vài màu khác, phải làm sao vừa đẹp vừa rẻ. Dung, cô bạn chí thân của tôi cũng không được tôi tha. Bữa trước tôi nhờ Dung tìm hàng thun để may mấy áo thun chỉ có một tay cho tân thời một chút cho nhạc cảnh "Con Gái Bảy Giờ". Thi sáng hôm sau tôi đã Fax về đổi ý! Không được Dung à! May áo một tay thì giới trẻ sẽ chịu nhưng chắc là mình sẽ bị cha mẹ mầy cô đào nhí quở trách. Thôi thì Dung đổi lại áo 2 tay dáng hoàng nghe. Dung và Tuyết bị tôi đánh thức dậy lúc 12 giờ khuya hay 5, 6 giờ sáng là chuyện thường. Cũng may hôm trước ở Migros có bán thẻ gọi điện thoại giá rẻ. Gọi về Việt Nam chỉ có 0,50 Sfr một phút. Nên chị em tôi có thể yên tâm bàn tính y trang cho đêm văn nghệ. Bật mí cho các bạn biết nhé: Chúng tôi đã chuẩn bị được những y phục lộng lẫy, tân kỳ cho Đại Nhạc Hội. Không tin, các bạn thử đến xem.

Các anh em, bạn hữu của tôi ơi! Tôi đã... quây, đã kêu gọi, đã quây rầy các bạn qua bao nhiêu cú phôn rồi. Nhưng nếu có thì giờ vào một chủ nhật đẹp trời nào đó các bạn đến chỗ chúng tôi tập dượt, các bạn sẽ hiểu được động cơ đã thúc đẩy chúng tôi làm bầu, làm văn nghệ ngang xướng như vậy. Có nghe được những tiếng đàn tranh thành thót những âm điệu Việt Nam hay những tiếng hát khi thì nức nở lúc lại hùng hồn. Có thấy được nỗi đam mê của các em với những điệu hò câu hát dân tộc. Có cùng thưởng thức món bánh mì xá xíu và chè đậu đỏ bánh lọt chúng tôi dẫn bụng buổi trưa. Có nghe những chuyện tán dóc hay pha trò của các em thì các bạn sẽ hiểu tại sao chúng tôi tổ chức Đại Nhạc Hội. **Và rồi tiền lời thu được trong buổi trình diễn sẽ được dành trọn cho những ngôi trường nghèo ở Việt Nam.** Nghĩ tới lúc các em học sinh có thể ngồi trong những lớp học khang trang có đầy đủ bàn ghế, có phấn trắng bảng đen. Và biết đâu sẽ có một phòng đọc sách nho nhỏ hay có cả nhà cầu sạch sẽ cho các em...

Nhưng điều ấy chúng tôi chỉ có thể thực hiện được với sự giúp sức của các bạn. Xin hãy đến với Đại Nhạc Hội Tinh Thượng Đêm Sài Gòn ngày 28.10.2000 ở Aarwangen. Xin hãy quảng cáo với bà con, bạn bè cùng đến tham dự. Và để kết thúc bài viết này chúng tôi xin được lặp lại một câu trong bản nhạc Bên Em Đang Có Ta: ... *Khi con tìm Thế Nhân chưa thờ ở chưa lạnh lòng thì cùng nhau đêm nay hát lên lời hát chung...!* Cho em tôi héo hơn đang ngửa tay xin Tinh Người. Dòng lệ rơi trên má khô trong lệ loi...".

(UYÊN HẰNG)



## VIÊN GIÁC

TẠP CHÍ CỦA KIỆU BẢO VÀ  
PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NAN TẠI  
CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

*Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnam-  
Flüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland*

### CHỦ TRƯỞNG (HERAUSGEBER & DRUCK)

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V  
Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover - Deutschland

### CHỦ BÚT

Đạo hữu Nguyễn Trí

### QUẢN LÝ TỌA SOẠN

Đạo Hữu Thị Tâm

### BAN BIÊN TẬP & CỘNG SỰ VIÊN

Thượng Tọa Thích Nhu Điền - Huy Giang - Đan Hà - Quỳnh  
Hoa - Tú Hùng Trần Phong Lưu - Thiện Nghĩa - Phan Ngọc -  
Hồng Nhiên - Thiện Căn Phạm Hồng Sáu - Thị Tâm - Phú  
Vân - Trương Ngọc Thanh.

Hồ Trường An (Pháp) - Túy Anh (Đức) - Thanh Bình (Thụy  
Sĩ) - Người Giám Biên (Đức) - Đông Phương Mai Lý Càng  
(Pháp) - Hà Huyền Chi (Hoa Kỳ) - S.H. Hà Đâu Đồng (Đức) -  
Phượng Hà (Bi) - Thái Tú Hạp (Hoa Kỳ) - Nguyễn Tấn Hưng  
(Mỹ) - Dr. Thái Văn Kiêm (Pháp) - G.S. Vũ Kỳ (Bi) - Huyền  
Thanh Lữ (Đức) - Thiện Mẫn (Nga) - Thiện Xuân -Inna  
Malkhanova (Nga) - Vũ Nam (Đức) - Lê Thị Bạch Nga  
(Canada) - Tuệ Nga (Hoa Kỳ) - Phong Hưng Lưu Nhơn Nghĩa  
(Úc) - Hạnh Nguyễn (Ấn Độ) - Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn  
(Úc) - Phan Hưng Nhơn (Đức) - Nguyễn Việt Nữ (Hoa Kỳ) -  
Vân Vương LNC (Pháp) - Giang Phúc Đông Sơn (Đức) - T.S.  
Lâm Nhu Tạng (Úc) - Đoàn Văn Thông (Hoa Kỳ) - Nguyễn  
Thùy (Pháp) - Võ Thúc (Đức) - Hoài Việt (Pháp) - Yên Tu Cu  
Sĩ Trần Đại Sỹ (Pháp) - Võ Thu Tịnh (Pháp).

### KỸ THUẬT AN LOẠT (Layout)

Trung Tâm V.H.X.H. P.G Việt Nam tại Đức Quốc

### CỘNG SỰ CỘNG TÁC CỦA :

Mitwirkung von :  
Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nan tại Cộng Hòa Liên bang Đức  
Vereinigung der Buddhistische-Vietnamflüchtlinge i. d. BRD

### TỌA SOẠN & AN QUẢN

Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại Đức  
Vietnamesisch-Buddhistisches  
Sozio-Kulturzentrum i. d. BRD  
c/o Chùa Viên Giác

Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover  
Tel. 0511 - 87 96 30 . Fax : 0511 - 87 90 963  
E-mail: baovg@t-online.de  
Homepage: http://www.viengiac.de  
E-mail : viengiactu@t-online.de

### VIEN GIAC erscheint 6 mal jährlich

- Viên Giác phát hành mỗi 2 tháng vào những tháng chẵn. Nhằm mục đích phục vụ lợi ích cộng đồng người Việt tỵ nạn tại Đức Quốc trên mọi mặt.
- Viên Giác bảo tồn và phát huy truyền thống Văn Hóa Phật Giáo và Dân Tộc Việt bên cạnh những sinh hoạt Tôn Giáo. Xã Hội hoàn toàn không có tính cách thương mại, tuy nhiên mọi ủng hộ qua hình thức cúng dường. Viên Giác xin chân thành cảm tạ.
- Ủng hộ hiện kim cho Viên Giác. Quý vị sẽ nhận được biên nhận theo sự yêu cầu để làm đơn xin quân bình thuế lương bổng hoặc lợi tức hằng năm.
- Những tư tưởng của tác giả không nhất thiết phản ánh quan điểm của tờ báo.

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V  
Konto Nr. 870 16 33 - BLZ 250 700 24  
Deutsche Bank Hannover

## MỤC LỤC

Trang

Thu tòa soạn	1
<b>● TÔN GIÁO</b>	
Giáo Chi - Đạo Tử - Tâm Thư (Viện Hóa Đạo - Viện Tăng Thống)	2-5
Tâm cảnh (Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn)	6-8
Những bí ẩn sau cõi chết (Đoàn Văn Thông)	9-11
Phật giáo từ Ấn Độ trực tiếp truyền vào VN như thế nào ? (Lâm Nhu Tạng)	12-16

## ● AUF DEUTSCH

Der Buddhismus und die Menschen - (Thích Nhu Dien)	17-20
--	-------

## - Trang Hoa Phượng :

	21-25
--	-------

Duyên nợ tái sinh (Hồng Nhiên). Vẽ dấu mòn thành thơ (Thơ Nguyễn Văn Cường. Tháng tám trời mùa (Thơ Huy Giang). Gia đình Phật Tử (Thiện Căn Phạm Hồng Sáu). Từ Hữu (Phạm Hồng Sáu s.t). Tin tức GDPTVN tại Đức Quốc (Phạm Hồng Sáu).

## ● SÁNG TÁC - VĂN NGHỆ - BIÊN KHẢO - THAM LUẬN CHÍNH TRỊ

Vui miền Thiểu Thất (Trần Phong Lưu)	26-29
Thọ Xương hay Thọ Cường (Thái Văn Kiêm)	30-31
Mùa Thu trong thi ca (Tân Mạn Thái Tú Hạp)	32-35
Biên khảo về Thừa Thiên-Huế (Trần Trọng Khoái)	36-38
Bài tham luận của T.T. Thích Bảo Lạc -	39-40
Trích bài thuyết trình về : Giáo dục Tăng Ni và Phật tử ... (Thích Nhu Điền)	40-43
Những bài thơ tình mùa Thu Hồ Xuân Hương ... (Phạm Trọng Chánh)	44-46
Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ, Trí Siêu ... (Thích Nguyên Siêu)	47-51
Câu Chuyện Y Học : BS. Trương Ngọc Thanh & DS. Trương Thị Mỹ Hà	52-54
Trang Y Học : Quỳnh Hoa sưu tầm	54
Cảm nhận về một bài thơ Hán Văn (Huyền Thanh Lữ Lê Hòa)	55-57
Chuyện con voi (Nguyễn Việt Nữ)	58-61
Nhân cái chết của một trùm mật vụ (Trần Văn Tích)	62-63
Thủ ngữ gửi ông Lê Khả Phiêu (Nguyễn Hùng Gy)	64-65
Vấn đề nhân quyền (Phan Ngọc)	66-67

Tin thế giới (Người Quan sát)	68-75
Kết quả xổ số lễ Vu Lan năm 2000	75
Bài tham luận : Đảng CSVN không xứng đáng (Dr. Nguyễn Bảo Cường)	75
Thông Báo - Phần Ưu - Cáo Phó - Cảm Tạ - Thông Cáo Báo Chí - Sinh hoạt cộng đồng - Nhân tin - Tim thân nhân - Thông Cáo báo chí ...	76-85
Giác mơ thành tựu (Thích Nữ Diệu Nguyên) - Thông báo xây dựng và tu bổ trường học sau cơn lụt năm 1999 vừa qua tại miền Trung	86-88
Mười ngày học đạo tại Pháp (Hồng Châu)	89-91
Tin Phật sự - Giới thiệu sách mới - Thông báo	92-99

## THƠ :

8. *Vọng Vu Lan (Hoài Vọng) - 35. Buồn tàn thu (Hoàng Ngọc Quỳnh Giao). 46. Vàng bay thu chớm (Đan Hà). 65. Có một điều (Bùi Đăng Khuê). Lay Phật (Phúc Minh Cư Sĩ). 67 Qua chùa 1 (Huệ Thu)*

**CÁO LỖI :** Vì số trang báo có giới hạn nên các bài của quý văn thi hữu gửi đến, không thể đăng hết trong số báo này được. Chúng tôi sẽ lần lượt tiếp tục đăng trong các kỳ báo tới. Xin thành thật cáo lỗi cùng quý vị.  
Ngoài ra Phần Phương Danh Cúng Đường từ ngày 18.6.2000 đến ngày 4.10.2000 chúng tôi sẽ đăng trong Báo Viên Giác số 120 phát hành vào tháng 12 năm 2000

● Ban Biên Tập Viên Giác

Hình bìa : Họa sĩ Nguyễn Thị Hợp

## Đại lý bán Sách & Sơn Mài

# Hồng Phúc

BÁN SĨ VÀ LÊ ĐẦY ĐỦ CÁC LOẠI SÁCH KHOA HỌC, KỸ THUẬT, TRUYỆN TIỂU LÂM, TRUYỆN CỔ TÍCH, SÁCH HỌC LÀM NGƯỜI, SÁCH CỔ TƯỢNG, VÕ THUẬT, YOGA, DƯỠNG SINH, TỬ VI, TỰ ĐIỂN V.V...

- Đặc biệt sách mới: Tự điển : Đức Việt / Việt Đức (150.000 từ & 80000 từ).
  - Sách thuốc Đông Y : Thần phương diệu dược, những bài thuốc tráng dương, đặc biệt có bản thang thuốc Bắc toa thuốc lưu truyền của Minh Mạng (trị liệu đau nhức và bồi bổ cơ thể sinh lực tráng kiện) do lương y Lê Hữu Thuật bốc.
  - Sách mới : Thầy Lê Mạnh Thát (T.T. Thiện Siêu) :  
- Nghiên cứu về Thiền uyển tập anh.  
- Lịch sử Phật Giáo VN tập 1
  - Sơn mài : Đầy đủ các loại tranh sơn mài cần ốc xa cừ, hàng xuất khẩu đặc biệt, dùng làm quà tặng, nhà mới, sinh nhật, cưới hỏi, năm mới và giáng sinh.
- Giảm % cho người mua bán lại, hoặc hợp tác với người có cơ sở rộng - gọi tận nhà.

Xin liên lạc Tel. & Fax : 04421 28279  
hoặc Handy 0174 6873199

### Tin Mới Nhất Thẩm Mỹ Viện Mùa Xuân

Phát triển thành bệnh viện tư nhân Riefenbach Institut (với sự cộng tác của giáo sư y học sửa sang về sắc đẹp, bác sĩ phẫu thuật người Đức, thợ cạo xoa bóp, nữ thợ xăm lành nghề người Việt)

- ♥ Hút mỡ bụng, đùi, cằm, làm cho thân hình cân đối.
- ♥ Cắt mí mắt chữa sụp mí. Cắt mí mắt một mí thành hai mí
- ♥ Làm hết các nếp nhăn trên mặt, vết xạm do tuổi già.
- ♥ Xóa các vết sẹo trên da.
- ♥ Làm căng da mặt bị nhăn bằng phẫu thuật.
- ♥ Làm bay hết các loại nốt ruồi bằng tia hồng ngoại (Laser)
- ♥ Xoa bóp y học, châm cứu chữa bệnh đau lưng, khớp mãn tính.
- ♥ Phục hồi sức khỏe sau khi sanh đẻ, ốm đau lâu ngày bằng máy điều Oxy.
- ♥ Xâm mí mắt, môi, lông mày không đau, có đảm bảo.
- ♥ Xâm trên người với nhiều hình đẹp nghệ thuật
- ♥ Xóa các vết xăm bị hỏng

#### ĐẶC ĐIỂM CỦA VIỆN :

Làm không đau. Phục vụ tận tình.

Đối với những người ở xa hoặc có con nhỏ, viện có phòng khách sạn với bể bơi, phòng tắm hơi phục vụ.

Xin mời liên lạc : Tel. : 05322 - 70 95 (buổi sáng và buổi tối)  
05321 - 18708 (buổi chiều).

Địa chỉ : Kurhaus Strasse 18 - 38667 Bad Harzburg

## THI - HIỀN

HAUPTSTR.32A - 79591 EIMELDINGEN.W. GERMANY

TEL. 07621 / 65178 HOẶC 07621 / 44105

HOẶC 0171 / 2674737

NHẬN ĐẶT NẤU : Tiệc cưới - Sinh Nhật - Hợp Bận

ĐẶC BIỆT : Bánh Đám Hối, Bánh Cốm, Bánh Phu Thê, Bánh Bàn, Trầu Cau Tươi

Đầy đủ tiện nghi chén đĩa, bếp ga.

Hơn 500 món ăn để chọn lựa

Hạp khẩu vị vừa túi tiền

Được sự khen ngợi và tín nhiệm của

cộng đồng người Việt tại Đức, Pháp,

Thụy Sĩ, Hòa Lan và Đan Mạch



VIENGIAC, KARLSRUHER STRASSE 6. 30519 HANNOVER

PSdg, Deutsche Post AG, Entgelt bezahlt **H 46298**

## SANG NHÀ HÀNG TÀU

- Có 90 chỗ ngồi
- Có 2 phòng ở bên trong và bãi đậu xe riêng cho khách
- Muốn biết thêm chi tiết xin liên lạc với Long qua số Điện thoại : 04931 - 76 486 (Tiệm giờ mở cửa)  
04931 97 43 81 (Nhà ngoài giờ)

## Video VÂN

Cho thuê phim bộ Hồng Kông và Đài Loan

- \* Nói tiếng Hoa và Việt \* Hình ảnh rõ ràng
  - \* Âm thanh trung thực \* Luôn luôn có phim mới
- Quý khách chỉ cần gọi điện thoại chúng tôi sẽ gửi phim đến tận nhà, không tính thêm cước phí bưu điện.

Có giá đặc biệt cho quý khách trong dịp khai trương.

NGOÀI RA CHÚNG TÔI CÓ BÁN PHONE CARD :

- |         |        |           |             |
|---------|--------|-----------|-------------|
| * Unity | gọi về | China     | 0,20 / phút |
|         |        | Hồng Kông | 0,15 / phút |
|         |        | Malaysia  | 0,20 / phút |
|         |        | USA       | 0,12 / phút |



- \* X,Cess gọi về Việt Nam 0,99 / phút

Chúng tôi sẽ bớt % cho mỗi Card trong dịp khai trương.

Mọi chi tiết xin liên lạc với chúng tôi :

**Video Vân**

Altstadt 75 - 84028 Landhut

Tel & Fax : 0871 / 27 62 688

